

SUSAN COOPER
*trên biển khơi,
dưới đá thẳm*



HÔNG TỚI TRỜI DÀY

Trên Biển Khơi Dưới Đá Thẳm

Susan Cooper

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

[CHƯƠNG 1](#)
[CHƯƠNG 2](#)
[CHƯƠNG 3](#)
[CHƯƠNG 4](#)
[CHƯƠNG 5](#)
[CHƯƠNG 6](#)
[CHƯƠNG 7](#)
[CHƯƠNG 8](#)
[CHƯƠNG 9](#)
[CHƯƠNG 10](#)
[CHƯƠNG 11](#)
[CHƯƠNG 12](#)
[CHƯƠNG 13](#)
[CHƯƠNG 14](#)
[PHẦN KẾT](#)

[\[1\]](#)
[\[2\]](#)
[\[3\]](#)
[\[4\]](#)
[\[5\]](#)
[\[6\]](#)
[\[7\]](#)
[\[8\]](#)
[\[9\]](#)
[\[10\]](#)
[\[11\]](#)
[\[12\]](#)
[\[13\]](#)
[\[14\]](#)
[\[15\]](#)
[\[16\]](#)
[\[17\]](#)
[\[18\]](#)
[\[19\]](#)
[\[20\]](#)
[\[21\]](#)
[\[22\]](#)
[\[23\]](#)

Giới thiệu

Bởi một tấm bản đồ cũ nát giấu trong căn phòng bí mật của ngôi nhà cổ, Simon, Jane và Barney đã bất ngờ bị cuốn vào một cuộc phiêu lưu vừa đáng sợ vừa hứng thú. Bọn trẻ không ngờ có những kẻ xấu xa cũng đang thèm muốn chiếm lĩnh vật báu mà tấm bản đồ dẫn tới. Bởi cái ác trong hình vóc của Bóng tối đã trỗi dậy, và những đứa con nhà Drew vô tình đặt cuộc sống của chúng vào vòng nguy hiểm. Chén thánh thiêng liêng của vua Arthur huyền thoại chính là chiếc chìa khóa của cuộc truy tìm bí hiểm đó.

Trên biển khơi, dưới đá thẳm - tập truyện đầu tiên trong bộ truyện kỳ ảo cuốn hút Bóng tối

trỗi dậy của Susan Cooper, một tượng đài trong nền văn học thiếu nhi thế giới thế kỷ XX.

“Susan Cooper là một trong số ít những nhà văn đương đại có một trí tưởng tượng mãnh liệt, khả năng kể chuyện và cái nhìn đạo lý cho phép bà sáng tạo ra một cuộc đối đầu lớn lao giữa cái thiện và cái ác, mô típ tâm điểm của mọi tác phẩm văn học kỳ ảo vĩ đại. Tolkien có điều đó, C.S.Lewis cũng vậy. Và Cooper là người tiếp bước họ.” - *Psychology Today*

“Một câu chuyện dẫn ta tới đỉnh điểm hưng phấn, ngập tràn những huyền thoại, bí ẩn và hàm ý ngụ ngôn.” - *Horn Book*

Tác giả

Susan Cooper được biết đến nhiều nhất với bộ tiểu thuyết kỳ ảo nổi tiếng *Bóng tối trời đêm* gồm năm tập: *Trên biển khơi, dưới đá ngầm*; *Bóng tối trời đêm* (sách đoạt Huy chương Newbery 1974); *Phù thủy Xanh*; *Vua Xám* (sách đoạt Giải Newbery 1976); và *Bạc trên cây*, ra mắt bạn đọc từ những năm 1960 và 1970, miêu tả cuộc giằng co giữa hai thế lực Thiên và Ác, hay Ánh sáng và Bóng tối. Bộ tiểu thuyết này dựa trên truyền thuyết về vua Arthur, được viết chủ yếu cho độc giả trẻ. Các tiểu thuyết khác dành cho độc giả trẻ của bà: *Seaward* (Về phía biển) và *Dawn of Fear* (Bình minh của sợ hãi). Bà cũng viết ba cuốn dành cho thiếu nhi: *Thím bò Bạc*, *Cô gái Selkie* và *Tam Lin*; cả ba đều do Warwick Hutton minh họa. Cộng tác với diễn viên Hume Cronyn, bà soạn vở kịch *Foxfire* (Lửa Cáo) cho sân khấu Broadway và - dành tặng Jane Fonda - bộ phim truyền hình *Dollmaker* (*Người làm búp bê*), cả hai đều giành được giải Humanitas 1985. Sinh ra tại Buckinghamshire, nước Anh, Susan Cooper đã chuyển sang Mỹ từ năm 1963 và hiện sống tại Cambridge, Massachusetts.

CHƯƠNG 1

“Ông ấy đâu nhỉ?”

Xuống khỏi tàu, Barney nhảy tung tung lo lắng, nhìn quanh đám đông những khuôn mặt trắng bệch đang lũ lượt đổ về phía thanh chắn soát vé của ga St. Austell. “Em chẳng thấy ông ấy đâu cả. Ông ấy có chờ ở đó không nhỉ?”

“Tất nhiên là ông ấy phải chờ ở đó chứ”, Simon nói, cố giữ chặt lấy cái bọc vải dài đựng cần câu cá của bố. “Ông ấy đã hứa sẽ đón nhà mình mà. Bằng ô-tô hẳn hoi.”

Đằng sau họ, đầu tàu chạy bằng diesel rúc lên như một con cú khổng lồ, và cả đoàn tàu bắt đầu chuyển bánh.

“Các con ở nguyên tại chỗ một phút đi,” bố nói, tay khệ nệ xách một đồng vali. “Ông Merry không biến mất đâu. Để mọi người đi bớt đã.”

Jane khịt khịt mũi vẻ sung sướng. “Em ngửi thấy mùi biển đấy!”

“Chúng ta còn cách biển cả tỉ dặm mà,” Simon nói vẻ trịch thượng.

“Em không biết. Rõ ràng em có ngửi thấy mùi biển.”

“Ông Merry đã nói là làng Trewissick cách sân ga St Austell năm dặm [\[1\]](#) cơ mà.”

“Ôi, ông ấy đâu?” Barney vẫn suốt ruột nhảy lò cò trên sân ga xám xịt đầy bụi, chăm chú nhìn vào những tấm lưng dần khuất đi cứ chần mất tầm mắt nó. Rồi đột nhiên, nó đứng im, nhìn chằm chằm xuống dưới. “Ê - nhìn kia.”

Chúng nhìn theo. Thằng bé đang tròn mắt ngó một cái vali lớn màu đen nằm giữa một rừng chân bước vội vã.

“Có gì hay ho đâu?” Jane hỏi.

Nhưng rồi chúng thấy chiếc vali có hai cái tai màu nâu vênh lên và một cái đuôi nâu dài đang ve vẩy. Người chủ xách cái vali lên và đi khỏi, còn con chó đứng đằng sau vali bị bỏ lại chơ vơ một mình, nhìn quanh quẩn trên sân ga. Đó là một con chó mình dài, gầy nhẳng như chó hoang và ở những chỗ ánh nắng chiếu vào, bộ lông của nó ánh lên màu đỏ sẫm.

Barney huýt sáo và chìa tay ra.

“Không được đâu con,” mẹ nhắc, tay nắm chặt mấy cây chổi vẽ đang đâm tua tủa ra ngoài túi như túm cần tây.

Nhưng trước cả khi Barney huýt sáo, con chó đã bắt đầu lon ton chạy lại phía cả nhà, mau lẹ và cả quyết, cứ như thể nhận ra bạn cũ. Nó nhảy cẫng lên một vòng xung quanh họ, hếch cái mõm dài đỏ đỏ lên từng người, rồi dừng lại bên cạnh Jane và liếm tay cô bé.

“Nó đẹp đấy chứ?” Jane cúi xuống cạnh con chó và vuốt ve bộ lông dài mượt như nhung ở cổ nó.

“Con yêu, cẩn thận đấy,” mẹ nói. “Chúng ta sẽ phải để nó lại thôi. Có lẽ nó là của ai đó ở đằng kia.”

“Con ước gì nó là của nhà mình.”

“Nó cũng muốn thế đấy ạ,” Barney nói. “Nhìn này.”

Nó gãi gãi cái đầu màu đỏ hoe và con vật gừ gừ trong cổ họng vẻ thích thú.

“*Không được*,” bố nói.

Đám đông giờ đã thưa hơn, và qua thanh chắn, họ có thể nhìn thấy bầu trời xanh quang đãng phía trên sân ga.

“Tên nó ghi trên vòng cổ đây này,” Jane nói, em vẫn ngồi bên con chó. Em loay hoay mân mê miếng bạc trên cái đai nặng trĩu. “Trên này ghi Rufus. À, còn nữa... Trewissick. Đây, nó đến từ khu làng đấy!”

Nhưng khi em ngẩng đầu lên thì mọi người bỗng đã biến đâu mất hết. Em đứng bật dậy, chạy theo cả nhà vào khoảng nắng chan hòa, và trong chốc lát em nhìn thấy những gì mà cả nhà cũng vừa thấy: cái dáng cao cao quen thuộc của Ông Merry đang đứng ngoài sân ga đợi họ.

Họ ùa lại vây quanh ông, tranh nhau ríu rít như bầy sóc dưới gốc cây. “A, cả nhà đây rồi,” ông nói không chút khách sáo, nhìn họ từ dưới cặp lông mày bạc rậm rạp và nhoẻn miệng cười.

“Cornwall thật là tuyệt,” Barney nói, mừng quỳnh cả lên.

“Cháu còn chưa được thấy đâu,” Ông Merry nói.

“Cháu có khỏe không, Ellen?” Ông cúi xuống và hôn nhẹ vào má mẹ. Luôn luôn là như vậy, ông đối với mẹ như thể ông quên mất mẹ đã là người lớn. Mặc dù ông không phải là chú ruột của mẹ mà chỉ là bạn của ông ngoại nhưng ông đã gần gũi với gia đình từ nhiều năm nay đến mức bây giờ họ cũng không còn nghĩ xem ban đầu ông từ đâu đến nữa.

Chẳng ai hiểu rõ về Ông Merry và cũng không ai dám hỏi bao giờ. Trông ông chẳng giống chút gì với tên gọi [\[2\]](#). Dáng ông cao, thẳng, mái tóc dày, bạc phơ và bù xù. Trên khuôn mặt nâu nghiêm nghị là cái mũi khoằm hằn xuống như cây cung bị bẻ cong và đôi mắt đen, sâu thẳm.

Chẳng ai biết ông bao nhiêu tuổi. Bố nói, “Ông già bằng núi đồi ấy,” và trong thâm tâm, mấy đứa nhỏ đều cảm thấy đúng. Ở Ông Merry có một cái gì đó, như những quả đồi, như biển hay bầu trời, cái gì đó rất cổ xưa, nhưng không hề có tuổi và bất tận.

Luôn luôn, hễ ông có mặt ở đâu thì những điều kỳ lạ xuất hiện ở đó. Ông thường biến mất một thời gian dài rồi đột nhiên bước qua ngưỡng cửa nhà Drew như thể ông chưa bao giờ đi xa, và thông báo rằng ông vừa mới tìm thấy một thung lũng bị lãng quên ở Nam Mỹ, một pháo đài La Mã ở Pháp hay một con tàu từ thời Viking bị cháy và đắm ở vùng biển nước Anh. Báo chí thường đăng nhiều câu chuyện hấp dẫn về những việc ông đã làm. Nhưng mỗi khi các phóng viên đến gõ cửa thì ông đã lại biến mất, quay về với sự yên bình ở ngôi trường đại học tỉnh mịch nơi ông dạy học. Cả nhà sẽ thức dậy vào một buổi sáng nào đó, gọi ông xuống ăn sáng và thấy ông đã không còn ở đó nữa. Và sau hàng mấy tháng trời họ chẳng nghe được tin tức gì về ông, thì lại thấy ông xuất hiện ở cửa. Thật khó mà tin được mùa hè này, trong ngôi nhà mà ông

đã thuê cho họ ở Trewissick, cả nhà lại ở cùng với ông cả bốn tuần liền.

Với ánh nắng chiếu lấp lánh trên mái tóc bạc phơ, Ông Merry xách hai cái vali to nhất lên, mỗi tay một chiếc và rảo bước băng qua sân ga về phía một cái ô tô.

“Các cháu thấy thế nào?” Ông hỏi đầy vẻ tự hào.

Theo sau ông, họ nhìn chăm chú. Đó là một chiếc xe to, chần bùn đã gỉ, lớp sơn bong tróc và bùn đóng thành bánh trên trục xe. Một làn hơi nước đang cuộn lên từ bộ phận tản nhiệt.

“Hết sảy!” Simon nói.

“Hừm,” mẹ ậm ừ.

“Ơ, Chú Merry,” bố vui vẻ nói đùa, “cháu hy vọng chú đã mua bảo hiểm rồi.”

Ông Merry phì một tiếng. “Vớ vẩn. Chiếc xe tuyệt vời đấy. Chú thuê của một người nông dân. Dù sao thì nó cũng chở được tất cả chúng ta. Các cháu lên đi.”

Jane ngoái nhìn lại lối vào ga về nỗi tiếc khi leo lên xe theo sau cả nhà. Con chó lông đỏ đang đứng trên vỉa hè nhìn họ, cái lưỡi đỏ dài ngoẵng đung đưa giữa hai hàm răng trắng.

Ông Merry gọi: “Lại đây, Rufus.”

“Ôi!” Barney reo lên sung sướng khi bốn cái chân dài và cái mõm ướt sượt phóng vọt qua cửa xe, đâm xình vào sườn nó. “Con chó của ông ạ?”

“Lạy trời không phải vậy,” Ông Merry nói. “Nhưng ông tin nó sẽ là của các cháu trong tháng tới. Ông thuyền trưởng không mang nó đi nước ngoài được, vì thế Rufus ở lại trong Ngôi nhà Xám.” Nói rồi ông cúi người ngồi vào ghế lái xe.

“Ngôi nhà Xám ư?” Simon hỏi. “Gọi như thế à, ông? Tại sao vậy ạ?”

“Cứ đến rồi biết.”

Động cơ xe nắc một tiếng rồi gầm lên, và thế là họ lên đường. Xuyên qua các phố và ra khỏi thành phố, họ cười nói ồn ào trong chiếc xe lắc lư, cho đến khi những hàng rào thế chỗ cho các ngôi nhà, những hàng rào cây hoang dại, rậm rịt, mọc cao ngút và xanh rì dọc theo con đường uốn lượn quanh co trên sườn đồi, và đằng sau họ, cỏ trải dài tít tắp đến tận chân trời. Trên nền trời, họ chẳng thấy gì ngoài những thân cây trơ trọi, còi cọc, bị làn gió thổi từ biển bẻ cong, và những vĩa đá màu vàng xám.

“Kia kìa,” Ông Merry hét to, át cả tiếng ồn ào. Ông quay đầu lại, phẩy một tay khỏi vô lăng làm bố phải khẽ kêu lên và lấy tay che mắt. “Bây giờ cả nhà đã đến Cornwall rồi đấy. Cornwall thật sự. Lorges ở trước mặt các cháu kìa.”

Tiếng ồn ào quá to khiến không ai hỏi lại được.

“Ông nói Lorges nghĩa là gì nhỉ?” Jane gặng hỏi.

Simon lắc đầu, và con chó liếm tai nó.

“Ông định nói là Vùng Đất phía Tây,” Barney bất ngờ nói, vừa gạt mớ tóc vàng lúc nào cũng xõa vào mắt nó. “Đó là tên cũ của Cornwall. Tên của vua Arthur.”

Simon rên lên. “Lẽ ra tao phải đoán trước được mới phải.”

Từ khi biết đọc, những người anh hùng vĩ đại nhất của Barney luôn là vua Arthur và các hiệp sĩ của ngài. Trong mơ, nó thấy mình là một hiệp sĩ trong Hội Bàn Tròn, tham gia những cuộc chiến tưởng tượng để cứu các quý cô xinh đẹp và trừng phạt những hiệp sĩ phản trắc. Nó đã mong chờ được đến Vùng Đất phía Tây từ lâu rồi; mảnh đất này đem đến cho nó một cảm giác kỳ lạ, như thể đang được về nhà. Nó bực tức nói: “Anh cứ chờ xem. Ông Merry biết mà.”

Thế rồi, sau một lúc khá lâu, đồi núi đã dần nhường chỗ cho vệt xanh dài của biển, và ngôi làng hiện ra trước mặt họ.

Trewissick dường như vẫn đang ngủ yên dưới những mái nhà lợp ngói acđoa màu xám đen, nằm dọc theo những con phố hẹp quanh co dưới sườn đồi. Lặng lẽ sau những ô cửa sổ có treo rèm bằng ren, những ngôi nhà vuông nhỏ xinh mặc cho tiếng gầm của động cơ ô tô dội lại những bức tường vôi trắng. Thế rồi, Ông Merry đánh tay lái một vòng và họ bỗng thấy mình đang đi trên con đường dọc theo rìa cảng, qua mặt nước đang gợn sóng vàng rực dưới ánh nắng chiều. Những chiếc xuồng bập bênh buông neo dọc theo bến cảng, và cả một dãy thuyền đánh cá xứ Cornwall mà đám trẻ con mới chỉ nhìn thấy trong những bức tranh mẹ chúng vẽ vài năm trước: những con thuyền chắc chắn, đóng khéo léo, mỗi chiếc có một cột buồm thấp bè và một khoang máy vuông nhỏ về phía đuôi.

Lưới treo dày làm tối cả mấy bức tường cảng, một vài ngư dân, những người đàn ông dáng vạm vỡ, khuôn mặt nâu sạm nắng gió, chân đi ủng cao đến đùi, uể oải liếc nhìn chiếc xe đi qua. Hai hay ba người trong số họ toét miệng cười với Ông Merry và vẫy tay chào.

“Họ biết ông ạ?” Simon tò mò hỏi.

Nhưng Ông Merry vốn vẫn hay trở nên rất ngễnh ngãng mỗi khi không muốn trả lời một câu hỏi nào đó, chỉ nhẩn ga trên con đường uốn lượn hướng lên ngọn đồi trông sang phía bên kia bến cảng rồi bất thành lình phanh lại. “Chúng ta tới nơi rồi.” Ông nói.

Trong sự yên lặng đột ngột ấy, tai vẫn đang tê dai đi vì tiếng động cơ ô tô rầm rĩ ban nãy, tất cả đều rời mắt khỏi mặt biển và quay nhìn sang phía bên kia con đường.

Họ nhìn thấy một dãy nhà chênh vênh dọc sườn dốc, và ngay chính giữa, nổi bật lên như một tòa tháp là một ngôi nhà cao, hẹp với ba hàng cửa sổ và một mái đầu hồi. Một ngôi nhà u ám, sơn màu xám sẫm, nhưng khung cửa ra vào và cửa sổ lại sáng trắng lên. Mái nhà lợp ngói acđoa, một khung cửa tò vò tít trên cao màu xanh xám hướng ra bến cảng về phía biển.

“Ngôi nhà Xám đây,” Ông Merry giới thiệu.

Họ ngửi thấy trong ngọn gió yếu ớt thổi qua mặt xuống dưới chân đồi một mùi gì là lạ: mùi của muối, tảo biển và sự hấp dẫn như đang mời gọi.

Khi họ dỡ hành lý xuống khỏi xe và Rufus đang thích thú chạy loanh quanh chui qua chân mọi người thì Simon bỗng giật giật cánh tay Jane: “Ôi trời... *nhìn kia!*”

Simon đang nhìn ra ngoài biển, xa phía cửa cảng. Theo tay nó chỉ, Jane thấy cái dáng hình tam giác thanh mảnh, duyên dáng của một chiếc du thuyền đang căng hết buồm lái, biểng nhác trôi về phía Trewissick.

“Đẹp nhỉ,” Jane nói, không lấy gì làm thích thú lắm. Em không có cùng lòng say mê những con thuyền như Simon.

“Đẹp tuyệt. Không biết ai là chủ nhân của nó nhỉ?” Simon đứng nhìn, mê mẩn. Chiếc du thuyền đã lướt lại gần hơn, nghe rõ cả tiếng những cánh buồm phàn phật; rồi cánh buồm chính xếp lại và hạ xuống. Chúng nghe thấy tiếng kéo kệt của đám dây chèo thoảng trên mặt nước, và tiếng khùng khục của động cơ.

“Mẹ bảo bọn mình có thể xuống xem bên cảng trước bữa tối được đấy,” Barney nói vọng phía sau hai đứa. “Anh chị đi không?”

“Dĩ nhiên rồi. Thế Ông Merry có đi cùng không?”

“Ông đi cất xe rồi.”

Cả bọn đi xuống con đường dẫn ra kè đá, bên cạnh là một bức tường xám thâm thấp với những bụi cỏ chen lẫn hoa nữ lang [3] hồng mọc lên giữa những khe đá xây tường. Đi được vài bước Jane sức nhớ ra em để quên chiếc khăn tay nên chạy vội về xe ô tô lấy. Tay quờ quạng trên sàn xe cạnh ghế sau, em ngược lên và sững người khi nhìn qua kính chắn gió.

Ông Merry đang đi từ Ngôi nhà Xám về phía cái xe, bỗng đứng sững lại giữa đường. Ông nhìn chăm chăm xuống biển; em nhận ra ông đã nhìn thấy chiếc du thuyền. Điều làm em sững sốt là vẻ mặt của ông. Đứng đó như một bức tượng cao ngất, ông cau mày, vẻ dữ tợn và căng thẳng như thể đang nghe và nhìn bằng mọi giác quan chứ không chỉ bằng tai và mắt. Ông không thể tỏ ra sợ hãi được, em nghĩ, nhưng với những gì mà em vừa nhìn thấy thì không có từ nào diễn tả đúng vẻ mặt ông lúc này hơn thế. Cảnh giác, hoảng hốt, lo sợ... Ông làm sao thế nhỉ? Chiếc du thuyền kia có gì lạ chứ?

Ông Merry quay người và vội vã trở vào trong nhà, còn Jane trầm ngâm ra khỏi xe, đi theo hai anh em trai đi xuống dưới đồi.

Bến cảng gần như vắng tanh. Mặt trời nóng bức chiếu vào mặt bọn trẻ và qua để xăng đan chúng vẫn cảm thấy hơi nóng của lớp đá trên kè. Ngay chính giữa, trước những cánh cửa kho cao bằng gỗ, kè đá nhô ra mé nước thành một góc vuông, và trên đó là một đồng khổng lồ những thùng rỗng chất cao quá đầu bọn trẻ. Ba chú mòng biển khoan thai bước về phía mép kè đá, tránh đường cho chúng. Phía trước là một rừng những cột neo và dây thùng đang đu đưa, thủy triều mới lên cao một nửa và chưa thể nhìn thấy sàn những con tàu đang neo đậu vì chúng vẫn còn thấp khuất phía dưới mặt kè.

“Này,” Simon gọi, chỉ ra phía đường vào cảng. “Chiếc du thuyền đang đi vào kìa. Trông tuyệt chưa?”

Chiếc du thuyền trắng thanh mảnh thả neo ngoài tường cảng, tránh những con sóng ngoài biển khơi nhờ mũi đất nơi Ngôi nhà Xám đang an tọa.

Jane buột miệng: “Anh có thấy con thuyền có gì hơi lạ không?”

“Lạ ư? Sao lại phải có gì lạ?”

“Ôi - em cũng chẳng biết nữa.”

“Có lẽ đó là du thuyền của ông trưởng bến cảng này,” Barney nói.

“Bến cảng nhỏ như thế này làm gì có ông trưởng cảng, hả cu nó ngốc nghếch, chỉ có những bến

cảng như bố đã từng đến hồi ở hải quân thôi.”

“Ồ, có chứ, anh biết tuốt à, phía góc phố kia có một cánh cửa đen nhỏ, trên đó ghi Văn phòng Trưởng Cảng,” Barney đắc thắng nhảy chân sáo, làm một chú mòng biển hoảng hồn. Chú mòng biển chạy vài bước rồi bay lên, vỗ cánh sát mặt nước và kêu những tiếng phàn nàn xa dần.

“À, ừ,” Simon nói cầu hòa, đút tay vào túi quần và đứng giăng chân ra hai bên, đu đưa trên gót chân trong tư thế viên-thuyền-trưởng-trên-cầu-tàu của mình. “Thì một - không vậy. Dĩ nhiên chiếc du thuyền ấy là của nhà giàu rồi. Mà còn có thể đi qua biển Măngso, thậm chí qua cả Đại Tây Dương bằng con thuyền đó ấy chứ.”

“Eo ơi,” Jane nói. Cô bé bơi giỏi chẳng kém ai, nhưng em là người duy nhất trong gia đình nhà Drew không thích biển. “Thử tưởng tượng phải vượt qua Đại Tây Dương trên con thuyền tí xít ấy xem.”

Simon nhe răng cười ranh mãnh. “Còn phải nói. Những con sóng lớn trời lên rồi sụt xuống vút một cái, mọi thứ quay cuồng, nôi niêu xoong chảo rơi loảng xoảng trong khoang bếp, và boong tàu thì cứ lên, xuống, lên xuống...”

“Anh sẽ làm chị ấy buồn nôn đấy,” Barney bình thản nói.

“Vớ vẩn. Say sóng ở trên đất liền, ngay dưới ánh nắng như thế này á?”

“Thật đấy, trông mặt chị ấy đã xanh xám lại rồi kìa. Nhìn mà xem.”

“Chị không say.”

“Mày say thật rồi. Tao không thể tưởng tượng được tại sao mày lại không bị say trên tàu như mọi khi nhỉ. Chỉ cần nghĩ đến những con sóng ngoài Đại Tây Dương, mọi vật đánh văng đu đưa là chẳng ai còn cảm thấy bữa sáng ngon miệng ngoại trừ tao...”

“Thôi anh im đi, em không thèm nghe nữa đâu” - và Jane tội nghiệp quay ngoắt đi rồi chạy vòng ra phía bên kia đồng hộp cao ngất ngư đang bốc mùi cá tanh lờm, những thứ có lẽ tác động vào trí tưởng tượng của em còn nhiều hơn cả khi em nghĩ về những cơn say sóng biển.

“Đúng là đồ con gái!” Simon khoái chí nói.

Đột nhiên từ bên kia đồng hộp có tiếng rầm chói tai, một tiếng kêu thất thanh và tiếng kim loại loảng xoảng trên nền bê tông. Simon và Barney sợ hãi nhìn nhau trong giây lát, rồi chạy vòng sang phía bên kia.

Jane đang nằm trên đất, gọn lỏn bên dưới một chiếc xe đạp, bánh trước vẫn còn đang quay. Cách đó không xa, một thằng nhóc cao, tóc sẫm màu ngã sóng soài trên kè đá. Một hộp đồ lon với mấy gói thức ăn đã văng khỏi giỏ xe và sữa đang chảy thành vũng từ một chai sữa vỡ tan tành, những mảnh thủy tinh ánh lên trong nắng.

Thằng nhóc lồm cồm bò dậy và nhìn Jane trừng trừng. Nó mặc một bộ thủy thủ quân màu xanh da trời, ống quần đút trong đôi ủng cao su, bên trên cái cổ tó bạnh và ngắn tũn của nó là khuôn mặt dẹt đến kỳ lạ đang méo xệch đi vì tức giận.

“Mày đang bước đường *lào* đấy, không *dòm* à?” nó hằm hè, giọng xứ Cornwall khi tức giận càng trở nên khó nghe. “Xéo ra *chotau* đi.”

Nó giật cái xe dựng đứng lên, không chút mảy may để ý đến Jane; bàn đạp của xe thúc vào mắt

cá chân cô bé khiến em nhăn mặt lại vì đau.

“Không phải lỗi của tôi,” em nói, hơi lấy lại can đảm. “Cậu phóng xe mà chẳng chịu nhìn đường gì cả.”

Barney lặng lẽ đi đến gần Jane và đỡ cô chị đứng dậy. Thằng nhóc mặt mày sùng sĩa bắt đầu thu dọn những cái lon bị rơi và ném chúng vào trong hộp. Jane giúp nó nhặt một lon lên. Nhưng khi cô bé chìa tay về phía cái hộp thì thằng nhóc hất tay cô ra, làm cái lon quay vòng tròn bay ra kè đá.

“Để *yiêm* đó,” nó gầm gừ.

“Này,” Simon phẫn nộ, “đâu cần phải làm thế.”

“Câm mồm,” thằng nhóc gằn giọng, thậm chí nó chẳng buồn nhìn lên.

“Mày câm mồm mày lại ấy,” Simon đáp trả, sẵn sàng nghênh chiến.

“Anh Simon, thôi đừng,” Jane khổ sở nói. “Nếu nó muốn thô lỗ như vậy thì mặc kệ nó.” Chân cô bé đang nhức nhối ghê gớm, máu chảy thành giọt từ vết xước trên đầu gối. Simon nhìn mặt em gái đang đỏ bừng lên, nghe thấy giọng cô bé lặc đi vì đau. Nó cắn chặt môi.

Thằng nhóc đẩy cái xe đạp dựa vào đồng hồ, quắc mắt nhìn Barney làm chú bé hơi hoảng nhảy tránh ra xa; rồi bất chợt cơn thịnh nộ của nó lại bật ra thành giọng nói cằn cỗi “*xéo... đi, tất cả lũ chúng mày,*” bọn trẻ không nghe rõ nó nói từ gì nhưng cái giọng điệu ấy thì không thể nhầm lẫn được, vậy nên tức giận bùng bùng, Simon siết chặt năm nắm đấm, sẵn sàng lao tới. Nhưng Jane kéo giắt anh trai lại, thằng nhóc kia bước nhanh đến mép kè, trèo xuống, quay mặt lại phía bọn trẻ, tay bẻ cái hộp đựng đồng hồ linh kính. Bọn trẻ nghe thấy tiếng lạch cách rất to và nhìn qua mép kè, chúng thấy nó lác lư trên một chiếc xuồng cao su. Nó gỡ dây chèo buộc xuồng ra khỏi một cái vòng trên tường và bắt đầu len lỏi qua đám thuyền hướng ra ngoài cảng, đứng đẩy mạnh mái chèo về phía đằng đuôi. Vội vã và giận dữ, nó va cả xuồng vào sườn một trong những con tàu đánh cá lớn, mà cũng chẳng thêm để tâm. Chỉ một thoáng sau, nó đã thoát ra được đến vùng nước trống, hối hả chèo bằng một tay và đưa mắt lườm bọn trẻ đầy khinh bỉ.

Ngay lúc đó, bọn trẻ nghe thấy tiếng bước chân lạch cách trên sàn gỗ rỗng, đi ra từ phía trong chiếc tàu đánh cá bị đắm. Một dáng người nhỏ thó, khô xác bất ngờ hiện ra chỗ cửa hầm trên boong tàu, cái tay vung vẩy đầy bực tức, một tiếng gào khàn đục chưa từng thấy lướt qua mặt nước về phía thằng nhóc.

Thằng nhóc cố tình quay lưng lại, tay vẫn khua mái chèo và chiếc xuồng biến mất ngoài cửa cảng, khuất sau bức tường nhô ra.

Ông già nhỏ bé dứ dứ nắm đấm rồi quay về phía kè đá, nhảy thoăn thoắt từ sàn thuyền này sang sàn thuyền khác cho đến chỗ cái thang leo trên tường và trèo lên đến sát chân bọn trẻ. Ông ta mặc chiếc áo nịt len, quần màu xanh nước biển không lẫn vào đâu được và đi bốt cao lên đến cẳng chân.

“Đồ vụng thối vụng tha, thằng Bill ‘Oover kia,” ông ta quát lên. “Đợi đấy rồi tao sẽ bắt được *mày*, thế đấy, đợi rồi xem.”

Rồi dường như lúc đó ông mới chợt nhận ra bọn trẻ không chỉ là vật vô tri vô giác như cái kè đá kia. Ông cầu nhàu, liếc xéo vào khuôn mặt vẫn đang căng thẳng của chúng và cái đầu gối còn đang chảy máu của Jane. “Hèn chi từ dưới kia bác đã nghe thấy tiếng *lói*,” ông nói, giọng dịu dàng hơn. “Các cháu lại có chuyện gì với *ló* phỏng?” Ông hất đầu về phía biển.

“Nó đâm xe làm em cháu ngã,” Simon phẫn nộ nói. “Thật ra cháu cũng có lỗi, cháu dọa làm em ấy chạy xô vào nó, nhưng nó thật là một thằng thô lỗ, nó còn đánh rất mạnh vào tay Jane và—và rồi nó đã chạy mất trước khi cháu kịp cho nó một trận,” Simon kết thúc bằng một câu ỉu xiu.

Ông già đánh cá cười. “Ờ thôi, đừng để ý đến *ló* làm gì. *Ló* xấu tính lắm, cái thằng lỏi con, tính khí *lóng lẩy* như con quỳ, xấu tính xấu *lết*. Tốt nhất là các cháu *lên* tránh xa *ló* ra.”

“Chúng cháu sẽ tránh,” giọng Jane vẫn còn run run, tay cô bé thận trọng xoa cái chân đau.

Ông đánh cá tắc lưỡi. “Vết thương tệ đấy, cháu gái, cháu phải đi rửa cho sạch đi. Các cháu tới đây nghỉ hè phỏng?”

“Chúng cháu ở Ngôi nhà Xám,” Simon nói, “ở trên đồi kia kìa.”

Ông đánh cá liếc trộm nó thật nhanh, một ánh tò mò thoáng qua khuôn mặt sạm nắng nhăn nhúm dừng dừng. “Thật thế hở? Không biết có phải là...” - nhưng ông dừng phắt ngay lại, như thể vừa chợt quyết định thay đổi những gì sắp nói. Simon bối rối, cố chờ xem ông định nói gì tiếp. Nhưng Barney này giờ chẳng nghe hết câu chuyện, đang nhìn qua mép kè đá, liền quay lại hỏi.

“Thuyền của bác kia phải không ạ?”

Ông đánh cá nhìn nó, nửa ngạc nhiên, nửa thích thú cứ như ông đang nhìn thấy một sinh vật bé nhỏ lạ kỳ tự dưng sủa lên vậy. “Đúng vậy, chú chàng bánh chọe ạ. Chiếc thuyền mà bác vừa đứng đó.”

“Thế những ngư dân khác không khó chịu khi bác nhảy qua thuyền của họ à?”

Ông già vui vẻ cười khùng khục. “Bác chẳng có cách *lào* khác để đi lên bờ cả. Không ai quan tâm đến việc có ai nhảy qua thuyền mình đâu, miễn có đừng phá phách là được.”

“Thế bác có ra khơi đánh cá không?”

“Giờ thì không, bé nó ạ,” ông già thân mật nói, lôi từ trong túi quần ra một miếng giẻ bẩn thỉu và lau những vết dầu dính trên tay. “Bọn bác ra khơi từ chập tối và quay về lúc bình minh lên.”

Mặt Barney rạng rỡ. “Cháu sẽ dậy sớm và đứng đón xem khi bác ở ngoài khơi về.”

“Bác sẽ tin là thế khi *lào* bác nhìn thấy cháu,” ông già nói, ánh mắt lấp lánh. “*Lào*, bây giờ thì đưa cô bé *lày* về nhà rửa cái chân kia đi, không biết là những rác rưởi, bẩn thỉu gì đã kịp bám vào đây *lữa*.” Ông mài mài chiếc boots bóng loáng trên nền kè đá.

“Nào Jane, đi thôi,” Simon nói. Nó đưa mắt nhìn lại dãy tàu thuyền đang nằm im lìm trên mặt nước, rồi đưa tay lên che mắt để nhìn về hướng mặt trời. “Kìa, cái thằng cục mịch đi xe đạp đang lên chiếc du thuyền kìa!”

Jane và Barney nhìn theo.

Phía xa, qua bức tường chắn cảng, một bóng đen đang nhún nhảy leo lên cái thân trắng dài của chiếc du thuyền lạng lẽ. Bọn trẻ chỉ kịp nhìn thấy thằng nhóc leo lên thành tàu và hai người đón nó trên boong. Rồi cả ba cái bóng biến mất, con tàu trở lại vắng lặng.

“À,” ông già kêu lên. “Ra thế. Hôm qua thằng Bill đi mua hàng dự trữ, xăng và mọi thứ khác, đủ

dùng cho cả một ham đội, nhưng chẳng ai biết *lô* mua cho ai. Một chiếc thuyền khố đấy. Chẳng hiểu việc gì mà *lô* phải làm ra vẻ bí mật thế.”

Ông bước đi dọc theo kè đá, dáng vóc nhỏ bé nghiêng ngả, cái cổ bẻ gập ra ngoài của đôi ủng đập đập vào chân theo mỗi bước đi. Barney lóc cóc đi bên cạnh, sốt sắng bắt chuyện và chỉ khi ông già vẫy tay chào để rẽ về phía làng thì nó mới chạy lại phía hai đứa kia, lúc đó đã đi đến góc phố.

“Bác ấy tên là Penhallow, còn thuyền của bác ấy tên là *Thạch Nam Trắng*. Bác ấy bảo họ đánh được hàng vạn tấn cá mỗi tối hôm qua, ngày mai họ sẽ còn bắt được nhiều hơn thế nhiều vì trời sắp mưa.”

“Rồi em sẽ càng ngày càng tọc mạch hơn cho mà xem,” Jane nói.

“Mưa ấy à?” Simon nghi ngờ hỏi lại và nhìn lên bầu trời xanh trong.

“Thì bác ấy nói thế mà.”

“Đúng là vớ vẩn. Ông ta chắc cũng hơi dở người.”

“Em cá là bác ấy nói đúng đấy. Dân đánh cá luôn biết mọi việc, đặc biệt là dân xứ Cornwall. Anh cứ thử hỏi Ông Merry mà xem.”

Nhưng khi bọn trẻ ăn tối trong Ngôi nhà Xám thì Ông Merry không có ở đó; chỉ có bố mẹ và bà Palk, một bà người làng má đỏ hồng, mặt mày tươi tỉnh, hàng ngày vẫn đến giúp nấu ăn và dọn dẹp. Ông Merry đã đi đâu mất.

“Ông chắc phải nhẩn lại *cái gì đó* chứ,” Jane nói.

Bố nhún vai. “Cũng không hẳn. Ông chỉ lăm bắm rằng ông phải đi và tìm kiếm cái gì đó rồi lên xe phóng vụt đi như tia chớp.”

“Nhưng mình vừa mới đến đây xong,” Simon tự ái nói.

“Đừng để ý như thế con ạ,” mẹ an ủi. “Con biết ông rồi còn gì. Ông sẽ quay lại ngay khi cần thôi mà.”

Barney đang đắm đuối nhìn đĩa bánh khoai tây nhồi thịt mà bà Palk làm cho bữa tối. “Ông Merry đang tham gia vào một cuộc thám hiểm. Có thể sẽ mất hàng năm, hàng năm trời. Trong một cuộc thám hiểm thì ta có thể đi tìm, tìm mãi, mà cuối cùng thì có lẽ vẫn chẳng bao giờ đến được nơi cần đến.”

“Thám hiểm cái đầu mày,” Simon sừng cồ. “Ông lại chỉ đi tìm một ngôi mộ cổ ngớ ngẩn nào đó trong nhà thờ hoặc vật gì đấy thôi. Không thì tại sao ông chẳng thèm nói gì với bọn mình cả?”

“Em nghĩ sáng mai ông sẽ về,” Jane nói. Em nhìn qua cửa sổ, qua bức tường thấp màu xám dọc theo con đường. Ánh sáng đang nhạt dần và mặt trời lặn xuống phía sau mũi đất đang chuyển sang màu xanh xám sẫm, một làn sương mù nhẹ nhàng lan vào cảng. Qua màn sương đang nặng dần, em nhìn thấy một hình bóng mờ ảo đang chuyển động trên mặt biển, phía trên cái bóng có ánh sáng nhấp nháy; đầu tiên là một chấm đỏ mờ, rồi chấm màu xanh, và những chấm trắng sáng phía trên cùng. Bỗng em ngồi bật dậy khi nhận ra cái bóng mà em nhìn thấy chính là chiếc du thuyền bí ẩn đang đi ra khỏi cảng Trewissick, vẫn lặng lẽ và lạ lùng như khi nó đi vào.

CHƯƠNG 2

Hôm sau, khi cả nhà đang ngồi ăn sáng thì Ông Merry về. Bóng ông hiện ra che khuất cả lối vào, cao lớn sừng sững, đôi mắt trũng sâu dưới mái tóc trắng bờm xờm, và ông nở nụ cười rạng rỡ trước con mắt ngạc nhiên của mọi người.

“Chào cả nhà,” ông vui vẻ. “Còn tí cà phê nào không?” Mấy thứ đồ trang trí trên bệ lò sưởi dường như rung lên lạnh canh khi ông nói; Ông Merry luôn gây ra ấn tượng rằng ông quá to lớn cho bất kỳ căn phòng nào ông bước vào.

Bố từ tốn với tay kéo thêm một chiếc ghế. “Sáng nay ở ngoài kia thế nào, chú Merry? Cháu thấy có vẻ không tốt lắm.”

Ông Merry ngồi xuống, lấy một miếng bánh mì nướng, để miếng bánh trong lòng bàn tay to lớn và phết bơ lên bằng con dao ăn của bố. “Ầy mây. Mù mịt, mây từ biển vào. Sắp có mưa rồi.”

Barney nhấp nhồm vì tò mò. Đột nhiên, nó bật hỏi, quên mất cái quy tắc trong gia đình là không bao giờ được hỏi người ông bí ẩn của chúng về việc riêng của ông: “Ông Gumerry, ông vừa ở đâu về vậy?” Trong lúc quá kích động, nó đã gọi ông bằng biệt danh mà nó tự đặt cho ông khi còn nhỏ. Tất cả mọi người đôi khi vẫn dùng tên đó nhưng không thường xuyên lắm.

Jane suyt khẽ qua kẽ răng còn Simon thì trợn mắt nhìn nó từ phía bên kia bàn. Nhưng có vẻ như là Ông Merry không nghe thấy. “Chắc là không lâu đâu,” ông tiếp tục câu chuyện với bố, miệng đầy bánh mì. “Nhưng chú nghĩ là hôm nay sẽ mưa gần hết ngày đấy.”

“Liệu có sấm không ông?” Jane hỏi.

Simon tiếp lời giọng đầy hy vọng, “Liệu có bão biển không ạ?”

Barney ngồi im lặng giữa những giọng nói xôn xao quanh bàn. Thời tiết, nó bực tức tự nhủ, tất cả bọn họ đều chỉ nói đến thời tiết, trong khi Ông Merry thì vừa mới trở về từ một cuộc thám hiểm.

Một tiếng sấm ầm ì vọng đến át đi tiếng nói của họ, rồi đến tiếng lộp độp của những hạt mưa đầu tiên. Mọi người chạy ào đến bên cửa sổ để nhìn ra bầu trời xám xịt nặng nề, không để ý thấy Barney đi qua phòng về phía Ông Merry và đút bàn tay vào tay ông một lúc.

“Ông Gumerry ơi,” nó khẽ hỏi, “ông đã tìm thấy chưa, cái ông đang tìm ấy ạ?”

Nó ngỡ rằng Ông Merry sẽ nhìn xuyên qua nó với cái vẻ nửa buồn bã nửa hồn hậu quen thuộc mỗi khi nhận được một câu hỏi. Nhưng ông già cao lớn chỉ cúi xuống nó gần như lơ đãng. Cặp lông mày nhíu lại trông thật đáng sợ trên khuôn mặt khắc khổ đầy bí ẩn mà vẻ già nua dữ dằn đã hằn sâu trên hai hõm má và nơi những nếp nhăn. Ông nhẹ nhàng nói, “Không, Barnabas ạ, lần này ông không tìm thấy.” Rồi dường như lại có một tấm màn che phủ lên khuôn mặt ông. Ông gọi bố: “Chú phải đi cất ô tô bây giờ đây,” rồi đi ra ngoài.

Tiếng sấm nhỏ dần, chỉ còn vẳng lại xa xa từ ngoài khơi, nhưng mưa vẫn rơi đều đều buồn bã, những dòng nước mưa chảy xuống làm mờ khung cửa sổ. Bọn trẻ đi loay quanh trong nhà. Trước bữa trưa, mặc dù mưa, chúng vẫn cố đi dạo, nhưng rồi đành trở về nhà người ướm như chuột lột, mặt mày ủ rũ.

Khoảng giữa chiều, mẹ thò đầu vào cửa nói: “Mẹ sẽ đi lên gác làm việc cho đến bữa tối. Bây giờ nghe này - ba đưa các con có thể đi bất kỳ chỗ nào mà các con thích trong nhà, nhưng phải hứa với mẹ là không được động vào những cái gì rõ ràng là đã được cất đi đấy nhé. Tất cả những thứ giá trị đều đã bỏ tủ khóa lại rồi, nhưng mẹ không muốn các con lục lọi bất kỳ giấy tờ hay đồ dùng riêng của ai hết. Được không nào?”

“Chúng con hứa ạ.” Jane nói, còn Simon thì gật đầu.

Một lát sau, bố chui vào bộ quần áo bằng vải dầu màu đen to thùng và đi ra ngoài mưa để tìm gặp ông trưởng cảng. Jane đi quanh mấy giá sách, nhưng những quyển sách nằm trong tầm với đều có những tiêu đề như Xung quanh Mỏm Vịnh, hay Nhật kí con tàu Đức Hạnh, 1886, và em nghĩ những quyển sách đó đều chán phèo.

Simon, từ nãy tới giờ vẫn ngồi làm phi tiêu bằng những tờ báo buổi sáng, đột nhiên vò hết đồng phi tiêu với vẻ bức bối. “Tao ngấy lên tận cổ rồi. Bọn mình làm gì bây giờ?”

Barney rầu rĩ nhìn ra ngoài cửa sổ. “Trời đang mưa to quá. Mặt biển chỗ bến cảng thì lặng tờ chẳng có tí sóng nào. Mà đây lại là ngày đầu tiên. Ôi, mình ghét mưa quá, ghét quá, ghét quá, mình ghét mưa quá...” Nó bắt đầu ủ ê lẩm bẩm như tụng kinh.

Simon vợ vẫn đi qua đi lại trong phòng vẽ bôn chồn, vừa nhìn những bức tranh trên nền giấy dán tường xám xịt. “Hễ bị buộc phải ở trong nhà thì ngôi nhà sẽ trở nên thật tẻ nhạt. Hình như ông thuyền trưởng này chẳng quan tâm tới điều gì khác ngoài biển cả?”

“Bằng giờ này năm ngoái anh cũng định trở thành thủy thủ còn gì.”

“Ừ, nhưng tao đổi ý rồi. Mà tao cũng không biết nữa. Kiểu gì tao cũng phải đi trên một chiếc tàu khu trục [4], chứ không phải một chiếc thuyền buồm bé tí tầm thường thế này đâu. Cái gì đây nhỉ?” Simon nhìn lên dòng chữ khắc bên dưới một hình chạm trổ “Con Hươu Vàng.”

“Đó là con tàu của Drake. Từ hồi ông ấy vượt biển tới châu Mỹ và tìm ra khoai tây.”

“Đó là Raleigh chứ.”

“À, vâng,” Barney nói, nhưng thực ra nó cũng chẳng để tâm mấy.

“Khám phá gì toàn những thứ vô vị cả,” Simon mĩa mai. “Nếu tao là bọn họ, tao sẽ chẳng quan tâm gì đến mấy thứ rau củ ấy, tao sẽ mang về toàn tiền vàng, kim cương và ngọc trai.”

“Và cả vượn cùng chim công,” Jane nói, em đang loáng thoáng nhớ lại một bài thơ học ở trường.

“Và tao sẽ khám phá sâu bên trong đất liền, rồi bọn thổ dân mọi rợ sẽ coi tao là thánh sống và hiến dâng vợ cho tao.”

“Tại sao cứ thổ dân là lại mọi rợ nhỉ?” Barney hỏi.

“Không phải là nghĩa mọi rợ ấy đâu, đồ ngốc, mà nó có nghĩa là - nghĩa là - ờ, ờ, thì thổ dân người ta như vậy. Đó là từ mà những nhà thám hiểm hay gọi bọn họ.”

“Hay mình làm những nhà thám hiểm đi,” Jane bật lên một ý. “Mình có thể khám phá ngôi nhà này. Mình vẫn chưa biết hết về nó mà. Cũng giống như một vùng đất lạ. Mình có thể thám hiểm từ tầng trệt cho đến nóc nhà.”

“Và mình cần phải mang theo dự trữ đồ ăn để khi lên tới đó mình có thể làm một chuyến picnic,” Barney nói, mặt mày rạng rỡ hẳn lên.

“Mình chẳng có cái gì cả.”

“Mình có thể hỏi bà Palk,” Jane nói. “Bà ấy đang làm bánh cho mẹ ở trong bếp ấy. Đi thôi.”

Bà Palk đang ở trong bếp. Bà nở nụ cười hết cỡ trên khuôn mặt đỏ lựng và nói, “Không biết rồi các cô cậu còn nghĩ ra trò gì nữa đây?” Nhưng bà vẫn cẩn thận gói và đưa cho bọn trẻ một chồng bánh vừa mới nướng, được cắt ra, phết đầy bơ ở giữa rồi lại up lại với nhau, một bọc bánh quy nho khô, ba quả táo và một miếng bánh ngọt màu vàng cam to tướng, dày và đầy nhân hoa quả.

“Cái gì đó để uống nữa,” Simon nói như ra lệnh, tự cho mình là đội trưởng của đoàn thám hiểm. Thế là bà Palk liền vui vẻ đưa cho bọn trẻ thêm một chai nước chanh to của nhà tự làm lấy “để cho đầy đủ.”

“Bằng ấy thứ,” bà nói, “tôi đoán là phải đủ cho cô cậu đi đến St Ives và về đấy.”

“Balô của anh để trên gác,” Simon kêu lên. “Anh đi lấy đây.”

“Lại còn thế nữa,” Jane nói, em đã bắt đầu cảm thấy hơi ngớ ngẩn. “Mình thậm chí còn chẳng ra ngoài cơ mà.”

“Tất cả những nhà thám hiểm đều cần phải có balô,” Simon nghiêm trang nói và chạy về phía cửa. “Không đến một phút đâu.”

Barney nhặt mấy mẫu bánh vàng trên bàn lên nhấm nháp. “Chà, ngon tuyệt.”

“Bánh nghệ đấy,” bà Palk giọng đầy tự hào. “Các cô cậu không thể tìm được loại bánh này ở London đâu.”

“Bà Palk ơi, Rufus đâu ạ?”

“Đi rồi, may mắn làm sao, nhưng chỉ sợ là lát nữa chúng ta sẽ thấy đầy những vết chân ướt sũng của nó khắp sàn nhà cho mà xem. Ông Giáo Sư đã dẫn nó đi dạo. Lão, thôi không bầu cái bánh nữa cung, không thì cậu sẽ làm hỏng chuyến picnic mất thôi.”

Simon mang theo balô quay trở lại. Bọn trẻ nhét tất cả thức ăn vào balô, ra khỏi bếp theo một lối đi hẹp và tối, bà Palk vẫy tay chào chúng rất trang trọng, cứ như chúng sắp đi lên Bắc Cực vậy.

“Bà ấy nói là ai đã dẫn con Rufus đi chơi đấy?” Jane hỏi.

“Ông Merry,” Barney trả lời. “Mọi người toàn gọi ông ấy là Giáo Sư, chị không biết à? Ông Penhallow cũng gọi thế. Họ nói chuyện cứ như họ đã biết ông ấy lâu lắm rồi không bằng.”

Bọn trẻ đang ở chiếu nghỉ tầng hai vừa dài vừa tối, chỉ có chút ánh sáng chiếu vào từ một ô cửa sổ nhỏ. Jane vẫy tay chỉ một cái hòm gỗ bị che khuất một nửa trong góc tường. “Cái gì kia?”

“Nó bị khóa rồi.” Simon cố mở nắp ra. “Chắc là một trong những thứ mà chúng ta không được động vào. Thực ra trong đó chứa đầy vàng và đồ trang sức, chúng ta sẽ lấy nó trên đường trở về và xếp xuống hầm tàu.”

“Ai sẽ vác bây giờ?” Barney hỏi rất thực tế.

“Để ợt, chúng ta sẽ có một đoàn những tên thổ dân chuyên mang vác. Tất cả bọn chúng sẽ xếp thành hàng đằng sau và gọi tao là Ông Chủ.”

“Bắt em gọi anh là Ông Chủ á.”

“Mày thì sẽ là bồi tàu và phải gọi tao là Ngài. Dạ, dạ, thưa Ngài!” Simon đột nhiên hét tướng lên.

“Im đi,” Jane nói. “Mẹ đang làm việc ở ngay phòng đằng kia đấy, anh làm mẹ vẽ hồng bây giờ.”

“Cái gì ở đây ấy nhỉ?” Barney nói. Có một cánh cửa sẫm màu khuất trong bóng tối tít góc trong cùng của chiếu nghỉ. “Sao từ trước đến giờ em không phát hiện ra cánh cửa này nhỉ.” Nó vịn tay nắm cửa, cánh cửa khẽ kêu cọt kẹt và mở ra. “Em đoán là đi xuống dưới vài bậc cầu thang sẽ có một hành lang nhỏ và cuối hành lang đó sẽ lại có cửa đấy. Đi thôi.”

Bọn trẻ bước xuống một tấm thảm đã sờn rách, đi dưới một dãy bản đồ cũ treo trên tường.

Cũng giống như toàn bộ ngôi nhà, dãy hành lang này có mùi của dầu đánh bóng, mùi năm tháng và mùi biển cả; thế nhưng cũng không có gì giống hẳn với những thứ ấy, mà chỉ là một mùi kỳ lạ và bí ẩn.

“Này,” Simon nói khi Barney tiến về phía cửa. “Tao là đội trưởng, để tao đi trước. Có thể có bọn ăn thịt người đấy.”

“Bọn ăn thịt người á,” Barney nói vẻ khinh thường, nhưng nó vẫn nhường cho Simon mở cửa.

Đó là một căn phòng kì cục, nhỏ và trống rỗng, chỉ có một ô cửa sổ tròn khung bọc chì nhìn về đất liền qua những mái nhà lợp ngói acđoa xám và những cánh đồng. Một chiếc giường phủ ga kẻ ô đỏ trắng, một ghế gỗ, một tủ quần áo và một giá rửa mặt [5] trên đó có một cái bát to vẽ men xanh và một bình đựng nước. Tất cả chỉ có vậy.

“Ôi, chẳng có gì thú vị cả,” Jane thất vọng. Em nhìn xung quanh, cảm thấy như còn thiếu một cái gì đó. “Nhìn xem này, thậm chí phòng này còn chẳng có cả thảm nữa, chỉ có mỗi sàn nhà không.”

Barney lon ton chạy đến bên cửa sổ. “Cái gì đây?” Nó nhặt một cái gì đó trên bệ cửa sổ lên, một vật dài, màu sẫm và lấp lánh ánh đồng. “Một loại ống gì đó thì phải.”

Simon cầm vật lạ từ tay Barney, tò mò lật lên lật xuống. “Một cái hộp đựng kính viễn vọng,” Simon xoáy mở cái hộp ra thành hai nửa. “Khổng, không phải, chán quá, chỉ có vỏ thôi chứ không có ruột.”

“Bây giờ thì em biết là căn phòng làm em nhớ tới cái gì rồi,” Jane đột nhiên nói. “Nó giống như một cabin trên tàu. Cái cửa sổ này trông giống như cửa sổ ở thành tàu. Em đoán chắc đây là phòng ngủ của ông thuyền trưởng.”

“Bọn mình phải mang theo cái kính viễn vọng này đề phòng bị lạc đường,” Simon nói. Nó tự cảm thấy mình quan trọng hơn hẳn khi cầm cái hộp kính viễn vọng trong tay.

“Anh đừng có ngốc nghếch thế chứ, đó chỉ là cái vỏ rỗng thôi mà,” Jane nói. “Dù sao nó cũng không phải là của chúng ta, để lại vào chỗ cũ đi.”

Simon quắc mắt nhìn em gái.

“Ý em là,” Jane vội nói, “mình đang ở trong rừng, chứ không phải ở ngoài biển, vì thế đã có các mốc định vị rồi.”

“Ờ, thôi được.” Simon miễn cưỡng đặt cái ống xuống.

Bọn trẻ ra khỏi dãy hành lang nhỏ tối om, cánh cửa mà chúng vừa khép lại sau lưng đã lại chìm ngay vào trong bóng tối đến nỗi chúng cũng khó có thể nhận ra nó ở đâu nữa.

“Ở đây chẳng còn gì nữa đâu. Kia là phòng ngủ của Ông Merry, phía bên này là nhà tắm còn phía kia là phòng vẽ của mẹ.”

“Ngôi nhà này xây kiểu gì mà kỳ quặc,” Simon nói khi chúng rẽ vào một hành lang hẹp khác dẫn tới cầu thang đi lên tầng tiếp theo. “Toàn những khu nhỏ xíu nối với nhau bằng các lối đi bé tí tẹo nực cười. Cứ như là để giữ bí mật giữa các khu với nhau ấy.”

Barney nhìn quanh trong ánh sáng lờ mờ, tay gõ nhẹ vào bức tường ốp ván gỗ lên đến nửa chừng. “Tất cả đều đặc hết. Chắc là phải có những tấm ván rỗng và các thứ bí mật nữa chứ, lối đi bí mật vào khu hang động cất giấu kho báu của thổ dân chẳng hạn.”

“Mình vẫn chưa kết thúc mà.” Simon dẫn đường lên chiếu nghỉ quen thuộc, ngay cạnh phòng ngủ của bọn chúng. “Trời đã tối rồi à? Chắc là do mây mù.”

Barney ngồi xổm trên bậc thang trên cùng. “Mình phải có đuốc, phải đốt đuốc lên thì mới thấy đường và đuổi bọn thú rừng đi được. Mỗi tội không được vì xung quanh đây có đầy bọn thổ dân hiếu chiến, chúng có thể phát hiện ra mình mất.”

Simon tiếp lời ngay. Dường như trong không khí tĩnh mịch của Ngôi nhà Xám, trí tưởng tượng dễ thăng hoa hơn thì phải. “Thực ra thì bọn chúng vẫn đang theo mình, lần theo dấu của bọn mình lên tận đồi rồi. Mình sắp nghe thấy tiếng bước chân của bọn chúng ngay bây giờ đấy.”

“Mình phải nấp đi thôi.”

“Cắm trại ở đâu đó mà bọn chúng không thể đến được ấy.”

“Cắm trại trong một phòng ngủ nào đó ý, à quên hang động ấy mà.”

“Em nghe thấy tiếng bọn chúng thở rồi,” Barney nói, nhìn trân trân xuống phía dưới chân cầu thang tối om. Nó đã bắt đầu hơi có cảm giác như đang đi vào rừng thật.

“Những cái hang lộ quá là không được,” Simon nói, vẫn luôn nhớ đến vai trò chỉ huy của mình. “Bọn chúng sẽ lùng sục ở những hang động đó đầu tiên.” Nó đi dọc theo chiếu nghỉ, hết mở rồi đóng cửa từng phòng vẽ mặt đây lo âu. “Phòng bố và phòng mẹ không được, hang động quá bình thường. Phòng Jane - cũng thế. Phòng tắm, phòng của hai anh em mình, không có đường thoát. Rồi tất cả chúng ta sẽ trở thành vật hiến tế và bị ăn thịt mất thôi.”

“Hoặc bị luộc như trong những cái nồi lớn,” Barney tiếp lời vẻ tang tóc.

“Có thể vẫn còn cánh cửa nào đó nữa, ý quên, cái hang nào đó nữa mà mình chưa phát hiện ra. Như cái ở dưới cầu thang ấy.” Jane nhìn vào chỗ tối nhất ở cuối chiếu nghỉ bên cạnh phòng hai thằng con trai. Nhưng đường đến đó là cụt, bức tường chạy liền quanh suốt cả ba phía, không một vết ghép. “Nhất định là phải có một cánh cửa khác. Dù sao thì ngôi nhà này cũng xây thẳng đứng lên phải không, và có một cái cửa nằm ngay bên dưới kia” - em chỉ tay vào bức tường trống trơn - “và một căn phòng đằng sau đó. Như vậy, chắc chắn phải có một căn phòng rộng

bằng thể đăng sau bức tường này.”

Simon chú ý ngay. “Mày nói đúng đấy. Nhưng chẳng thấy cánh cửa nào cả.”

“Có thể có tấm ván bí mật nào đó,” Barney nói đầy vẻ hy vọng.

“Mày đọc nhiều sách quá đấy. Mày đã bao giờ thấy một tấm ván bí mật nào đó trong một ngôi nhà thật bao giờ chưa? Mà chẳng có ván việc nào trên bức tường này cả, chỉ toàn giấy dán tường thôi.”

“Phòng của anh ở phía bên kia,” Jane nói. “Có cánh cửa nào trong đó không?”

Simon lắc đầu.

Barney mở cánh cửa phòng ngủ của hai anh em, đi vào, đá chiếc dép vào gầm giường lúc đi ngang qua. Rồi đột nhiên nó khựng lại.

“Này, lại đây đi.”

“Cái gì thế?”

“Cái góc ở giữa hai giường, chỗ hốc tường đặt tủ quần áo ấy. Phía bên kia là gì ấy nhỉ?”

“Tất nhiên là chiếu nghỉ đầu cầu thang rồi.”

“Không phải. Nếu thế thì tường ở đây quá dài. Anh đứng ở cửa ra vào và nhìn cả bên trong, bên ngoài mà xem - chiếu nghỉ không chạy dài đến thế đâu.”

“Em sẽ gõ vào tường ở cuối chiếu nghỉ và hai người ở bên trong nghe nhé.” Em đi ra ngoài, đóng cửa lại và rồi hai anh em nghe thấy tiếng gõ rất khẽ trong tường ngay trên đầu giường của Barney.

“Đây rồi!” Barney nói, nhảy lên vì sung sướng. “Chiếu nghỉ chỉ đến đây là hết, thế mà bức tường bên trong còn chạy dài thêm bao nhiêu yard [\[6\]](#) nữa, suốt từ giường của anh cho đến tận cửa sổ. Như thế chắc chắn phải có một căn phòng khác ở phía bên kia rồi.”

Jane quay trở vào phòng. “Bức tường ngoài kia trông không dài như bức tường trong này.”

“Đúng vậy.” Simon chậm rãi nói. “Và anh nghĩ điều đó có nghĩa là có một cánh cửa đằng sau tủ quần áo.”

“Ôi, thế thì thôi rồi,” Jane thất vọng nói. “Cái tủ to thế kia thì mình sẽ không bao giờ kéo ra được đâu.”

“Tại sao lại không chứ.” Simon nhìn cái tủ, suy nghĩ. “Mình sẽ phải kéo ở dưới chân tủ để phía trên không bị mất thăng bằng. Nếu cả ba người cùng kéo về một phía thì sẽ xoay được nó thôi.”

“Thế thì làm ngay đi,” Jane nói. “Anh và em sẽ kéo, còn Barney thì giữ phía trên, nếu thấy mất thăng bằng thì phải kêu lên nhé.”

Hai đứa cùng cúi xuống và kéo mạnh cái chân tủ ngay cạnh nhưng cái tủ không hề suy chuyển.

“Em nghĩ cái của nợ này bị đóng đinh xuống sàn nhà rồi.” Jane bực mình kêu lên.

“Không, không phải đâu. Cố lên nào, thử lần nữa nhé. Một, hai, ba - kéo!”

Cái tủ gỗ cao ngất ngưỡng kêu cọt kẹt và chỉ nhích ra được vài inch [7].

“Cố lên, cố lên nào, nó nhích nhích rồi đấy!” Barney không thể đứng yên được nữa.

Simon và Jane vừa kéo vừa thở hổn hển, giày của hai đứa trượt trên lớp vải trải nền; cái tủ dần dần được kéo ra cách tường một góc. Barney nhìn vào khoảng lờ mờ đằng sau tủ và đột ngột ré lên.

“A, đây rồi! Đúng là có một cánh cửa! Ui...” Barney loạng choạng lùi lại, thở hắt ra rồi hắt xì hơi. “Toàn bụi và mạng nhện, chắc hàng chục năm rồi chẳng có ai mở nó ra cả.”

“Nào, tới đi, vào thử xem,” Simon nói trong hơi thở hổn hển, mặt đỏ gay lên vì nín hơi và vì sung sướng với thành công.

“Em hy vọng là cánh cửa ấy không mở về phía bọn mình,” Jane ngồi bệt dưới sàn nhà nói giọng yếu ớt. “Em chịu không thể kéo nó ra thêm một chút nào nữa, dù chỉ là một inch.”

“Không đâu,” tiếng Barney nghèn nghệt vọng ra từ đằng sau cái tủ. Chúng nghe thấy tiếng cọt kẹt của cánh cửa cự nự mở ra. Rồi Barney lại xuất hiện với một vết bẩn to tướng đen sì trên má. “Chẳng có phòng ốc nào ở đây cả. Mỗi một cái cầu thang. Một cái thang thì đúng hơn. Nó dẫn lên một cửa sập hay sao ấy, có ánh sáng trên đó.” Nó nhìn Simon cười vẻ láu cá. “Thưa Ông chủ, ngài có thể đi trước được rồi ạ.”

Đứa nó bám theo sau đứa kia, cả bọn biến mất sau lưng tủ và đi qua cánh cửa nhỏ bí mật. Thoạt đầu bên trong tối om, nhưng sau khi chớp chớp mắt Simon đã trông thấy một cái thang ở ngay trước mặt mình với bậc thang rộng dựng chênh chếch, hướng lên một ô vuông viền sáng lờ mờ. Đến đó thì nó không nhìn thấy gì hơn nữa. Các bậc thang phủ một lớp bụi dày và trong thoáng chốc, nó có thấy lo sợ phải phá vỡ sự yên bình nghìn đời nơi đây.

Rồi nó nghe thấy ngay phía trên đầu, rất khẽ thôi, tiếng sóng biển ì ầm quen thuộc ngoài kia. Ngay lập tức, âm thanh dễ chịu ấy làm nó vui vẻ hẳn, thậm chí nó còn nhớ ra cả ba đứa đang giả vờ làm gì nữa. “Người đi cuối cùng phải đóng chặt cửa lại đấy,” Simon gọi với xuống qua vai. “Để không cho bọn thổ dân lại gần.” Nói rồi nó bắt đầu trèo lên thang.

CHƯƠNG 3

Simon nín thở nhô đầu qua cửa hầm đúng lúc Barney kêu lên: “A... a...” và hắt xì hơi ầm ĩ. Bụi bốc lên mù mịt còn cái thang thì rung lên bần bật.

“Khiếp,” Barney vùng vằng nói vọng từ bên dưới trong lúc quay mặt tránh đôi chân Simon đang rút lên.

Nước mắt chảy ràn rụa, Simon mở mắt ra và chớp chớp. Trước mắt và xung quanh nó là một căn gác xép rộng thênh thang, có bề dài và bề rộng bằng kích thước cả ngôi nhà, với hai cửa sổ đầy bụi bám gần vào mái nhà nghiêng dốc đổ. Trong gác xép lộn xộn hàng đồng những đồ vật kỳ diệu nhất mà nó đã từng được thấy.

Hộp, rương, hòm, tủ nằm bừa bộn khắp nơi, xen kẽ giữa những thứ đó là hàng đồng vải bạt màu xám bẩn thỉu, các cuộn dây thừng bên thô sợi; những chồng báo và tạp chí qua thời gian đã ngả sang màu nâu vàng; một khung giường bằng đồng và một cái đồng hồ quả lắc bị mất mặt ngoài. Nhìn kĩ hơn, Simon còn thấy những thứ lặt vặt hơn: một cái cần câu cá gãy; một chiếc mũ rơm nằm chễm trệ trên góc một bức tranh sơn dầu để lâu ngày, giờ chỉ còn là một khối đen nhờ nhờ; một cái bẫy chuột trống trơn; một con tàu nhỏ trong một cái chai; một cái hòm có mặt ngoài bằng thủy tinh chứa đầy những viên đá nhỏ; một đôi ủng cao đến đùi ngả thông thượt sang một bên cứ như thể đang mệt mỏi lắm, và một vài cái ca uống nước méo mó bằng thiếc.

“Úi chà !” Simon thốt lên.

Nghe thấy tiếng léo nhéo cự nự ở phía dưới, nó đu lên qua khung cửa, lăn người sang một bên để mở đường cho Jane và Barney. Hai đứa lồm cồm trèo lên theo.

“Anh Simon!” Jane kinh hãi nhìn nó. “Anh bắn thế!”

“Hừ, thật đúng là đồ con gái. Xung quanh chỗ này mày không thấy chỉ toàn bụi thôi hay sao. Để tao phỉ đi là xong.” Nó đập đập vào chiếc áo bẩn nhem nhuốc đang mặc nhưng chẳng ăn thua gì. “Nhưng ở đây tuyệt vời đấy chứ? Nhìn mà xem.”

Barney, vừa ngạc nhiên vừa sung sướng, đang dò dẫm bước qua sàn nhà bẽ bộn. “Có bánh lái của một con tàu cũ này... một cái ghế bập bênh này... và cả một cái yên ngựa nữa. Không biết ông thuyền trưởng có bao giờ cưỡi ngựa không nhỉ?”

Jane từ nãy vẫn cố làm ra vẻ hờn dỗi nhưng không thành công. “Thế này mới giống là đang đi thám hiểm chứ nhỉ. Biết đâu mình lại tìm thấy cái gì ở đây cũng nên.”

“Đúng là một kho báu. Đây chính là cái mà bọn thổ dân đang thèm khát. Nghe tiếng gào thét phần nộ ở dưới kia mà xem.”

“Chúng đang nhảy quanh đồng lửa còn lão thầy mo thì đang nguyên rửa bọn mình.”

“Thế thì, cứ kệ cho lão ta tha hồ mà nguyên rửa,” Barney vui vẻ nói. “Chúng mình có đủ dự trữ thức ăn cho bao nhiêu lâu ấy chứ. Em đói rồi.”

“Không, làm sao mà em đã đói được. Mới có bốn giờ thôi.”

“Đến giờ bữa trà rồi còn gì. Khi đang chạy trốn thì người ta ăn ít, nhưng thành nhiều bữa vì người ta không đời nào dám dừng lại quá lâu. Nếu bọn mình là người Eskimo biết đâu mình đã gặm dây giày rồi đấy. Trong sách em đọc nói là...”

“Thôi quên mấy quyển sách của mày đi,” Simon vừa nói vừa thọc tay vào balô. “Đây, cầm lấy quả táo này rồi im mồm đi. Tao muốn xem xét mọi thứ cẩn thận trước khi chúng ta nghỉ ngơi ăn uống, mà tao đói được thì mày cũng phải đói được chứ.”

“Em chịu chẳng hiểu tại sao phải thế,” Barney trả lời, nhưng nó vui vẻ cắn một miếng táo và đi loanh quanh trong căn phòng, biến mất phía sau đám khung giường bằng đồng cũ kĩ và một cái chạn bát trống ngoác.

Suốt nửa tiếng đồng hồ, mấy đứa trẻ lục lọi trong chốn mơ sung sướng đầy bụi bặm những thứ phế liệu, những đồ đạc và đồ trang trí đã sứt mẻ. Cứ như đang được đọc truyện về cuộc đời ai đó vậy, Jane nghĩ bụng khi em ngắm nhìn cái cột buồm nhỏ như que diêm của chiếc thuyền buồm bất động trong cái chai thủy tinh màu xanh. Tất cả những vật này đều đã từng được sử dụng, đã từng là một phần trong đời sống hàng ngày ở ngôi nhà dưới kia. Ai đó đã từng ngủ trên chiếc giường này, hồi hộp theo dõi kim đồng hồ nhích từng phút một, và mỗi buổi sáng lại hào hứng đón lấy từng quyển tạp chí được đưa đến. Nhưng tất cả những con người ấy đã chết từ lâu hoặc đã đi rất xa rồi và giờ đây mọi đầu thừa đuôi theo trong cuộc đời của họ chất đống ở nơi này, trong quên lãng. Tự dưng Jane cảm thấy buồn buồn.

“Em đói quá rồi,” Barney than vãn.

“Chị khát quá. Chỉ toàn thấy bụi là bụi. Thôi, lấy trà của bà Palk ra đi.”

“Căn gác này chán chết,” Simon nói, vừa ngồi bệt xuống mép một bức tranh sơn dầu đã rạn và vỡ balô. “Tất cả những cái hòm có vẻ hay ho nhất thì lại bị khóa mất rồi. Nhìn cái kia chẳng hạn.” Nó hất đầu về phía một cái hòm kim loại màu đen, có hai ổ khóa han gỉ ở trên nắp. “Tao cá là đây những đồ quý giá của gia đình này.”

“Ôi, biết làm sao được,” Jane tiếc rẻ. “Bọn mình không được động vào cái gì đã bị khóa mà, phải không?”

“Khối thứ có bị khóa đâu,” Simon nói, đưa cho em chai nước chanh. “Cầm lấy. Phải tu đấy vì bọn mình quên mang cốc rồi. Đừng có lo, bọn mình sẽ không ăn trộm gì đâu. Mặc dù tao không nghĩ là bao lâu nay đã có ai thèm ngó lên đây.”

“Thức ăn cơ,” Barney nói.

“Mấy cái bánh nướng ở trong túi kia. Tự lấy mà ăn. Mỗi người bốn cái, tao đếm rồi đấy.”

Barney thò bàn tay lấm lem ra lấy bánh.

“Barney!” Jane ré lên. “Lau tay đi! Em sẽ ăn toàn vi trùng và rồi sẽ mắc bệnh thương hàn hay là - hay là bệnh đại hoặc đại loại thế. Đây này, dùng khăn của chị mà lau.”

“Bệnh đại là do chó đại chứ,” Barney nói, khoái chí nhìn vết ngón tay đen sì trên chiếc bánh. “Ôi dào, bố nói là mọi người cứ hay nhặng xì thái quá về mấy con vi trùng. Ôi, thôi được rồi, chị đừng có vầy vầy cái thứ dở hơi ấy trước mặt em nữa, em cũng có khăn tay sạch chán. Không biết là con gái có bao giờ xì mũi không nữa.”

Barney bực dọc thọc tay kia vào túi quần, và đột nhiên, mặt nó nhăn lại ghê tởm. “Eo ôi, khiếp!” nó kêu lên và rút ra một lõi táo màu nâu đã dập nát. “Quên mất. Kinh quá!” Nó ném cái lõi vào tận góc xa của căn gác xép. Cái lõi nảy lên, trượt đi và lăn vào bóng tối.

Simon cười ranh mãnh. “Bây giờ thì mày sẽ lòi lỗ chuột ra đây mất thôi. Gác xép nào mà chẳng đầy chuột. Bọn mình sẽ nghe thấy những tiếng chít chít lí nhí tham ăn ấy, rồi thấy những đốm sáng xanh lè và khắp cả sàn nhà sẽ toàn chuột là chuột. Trước tiên, lũ chúng nó sẽ ăn lõi táo, rồi sau đó sẽ bám theo bọn mình.”

Mặt Jane tái mét. “Không, chắc sẽ không có chuột trên đây chứ, phải không?”

“Nếu có thì chúng đã gặm đồng báo kia rồi,” Barney nói vẻ hy vọng. “Đúng không?”

“Tao đoán là chúng không thích mực. Căn nhà cũ nào mà chẳng đầy chuột. Ở trường cũng có chuột, thỉnh thoảng lại nghe thấy tiếng chúng đuổi nhau trên mái. Giờ nhớ lại thì mắt chúng không xanh mà là màu đỏ quạch.” Giọng của Simon dần mất đi vẻ hứng khởi ban đầu. Chính nó cũng bắt đầu cảm thấy hơi mất vui vì câu chuyện về lũ chuột. “Tao nghĩ có lẽ mày nên nhặt cái lõi táo đó lên, nhớ đâu...”

Barney thở dài đánh thượt một cái, đứng dậy, cắn hai phát hết cả cái bánh và trợn mắt lên nuốt gọn. “Nó đâu rồi nhỉ? Chắc chỉ quanh quẩn đâu đó thôi. Em không hiểu tại sao họ chẳng để cái gì ở góc này cả.”

Nó bò lổm ngổm bằng tay và đầu gối trên sàn, không theo hướng nào rõ rệt. “Lại đây giúp em với. Em không tìm thấy.” Rồi nó nhận ra có một lỗ hổng hình tam giác trên bức tường nghiêng của căn gác xép nơi các tấm ván tường tiếp xúc với mặt sàn. Nó ghé mắt nhìn vào và thấy những tia sáng ngày lờ mờ lọt qua khe ván. Ngay bên trong lỗ hổng là đầu mút của những tấm ván sàn và nó cảm thấy khoảng ánh sáng rộng mênh mông.

“Em nghĩ chắc nó lăn qua cái lỗ này,” Barney gọi to. “Để em thử nhìn xem.”

Jane băng qua sàn về phía nó. “Ôi cẩn thận nhé, có thể có chuột đấy.”

“Không có đâu,” Barney nói, khi đã chui được nửa chừng qua cái lỗ. “Có ánh sáng lọt qua khe ván nên em có thể nhìn thấy, đôi chút thôi. Chẳng thấy lõi táo đâu cả. Em nghĩ có khi nó đã kẹt xuống giữa khe ván sàn và bên dưới rồi. Oái!”

Barney bỗng giật hăng một cái.

“Cái gì thế? Ra khỏi đây mau lên!” Jane kéo mạnh quần của Barney.

“Em chạm phải cái gì đó. Chắc không phải là chuột, vì nó không chuyển động. Nó lại biến đâu rồi... đây rồi! Sờ y như là miếng bìa các-tông. Eo ôi - cái lõi táo chết tiệt cũng ở ngay cạnh.”

Giọng Barney đột nhiên nghe to hẳn lên khi nó lúi ra khỏi lỗ, mặt nó đỏ phừng, đôi mắt chớp chớp. “Đây rồi,” nó nói, giơ cái lõi táo lên vẻ đắc thắng. “Bây giờ thì lũ chuột sẽ phải ra đây mà lấy. Em vẫn không tin là có chuột.”

“Thế mày tìm thấy gì khác nữa vậy?” Simon tò mò nhìn cái vật cuộn tròn rách bươm trong tay kia của Barney.

“Em nghĩ là một mảnh giấy dán tường. Anh chị ăn hết chỗ bánh rồi à, đồ tham lam,” Barney quay trở lại, ván sàn kêu lên cọt kẹt theo mỗi bước chân của nó. Nó ngồi xuống, lôi chiếc khăn tay ra, cố tình vẩy vẩy khăn trước mặt Jane rồi mới lau tay và bắt đầu nhai tốp tốp một miếng

bánh nữa. Trong lúc tất cả đang ăn, Barney với tay lấy cuộn giấy nó vừa tìm thấy và ngẫu nhiên trải ra, giẫm ngón chân lên một đầu còn tay thì cầm một que gỗ đẩy đầu kia ra xa cho đến khi cuộn giấy trải phẳng ra trước mặt chúng.

Thế rồi, khi nhận ra đó là vật gì, lũ trẻ bỗng nhiên quên phắt việc ăn bánh và trở mắt nhìn.

Vật mà Barney vừa trải ra không phải là giấy, mà là một tấm giấy da dày, màu nâu, dẻo dai như thép, với những vết rạn dài gồ lên ở những chỗ bị cuộn lại. Bên trong tấm giấy da có dán một tấm khác: sẫm hơn, trông có vẻ cũ hơn, đã rách mép và trên đó viết chi chít những chữ kỳ lạ màu nâu sẫm.

Bên dưới những dòng chữ, tấm da co lại, như thể bị cháy sém cách đây đã lâu lắm, thành những mảnh nhỏ chỉ còn dính hờ với nhau, được xếp lại cẩn thận như cũ và dán vào tấm giấy da bên ngoài. Nhưng chỉ ngần ấy cũng đủ cho bọn trẻ nhìn thấy ở phía dưới một hình vẽ đơn giản trông giống như đường viền của một bản đồ.

Cả bọn lặng im trong giây lát. Barney không nói gì, nhưng nó có thể cảm thấy một niềm háo hức kỳ lạ sôi sục trong lòng. Nó lẳng lặng cúi người về phía trước, cẩn thận vuốt lại bản viết cổ cho phẳng và đẩy que gỗ sang một bên.

“Này, để anh đi lấy cái gì đó đè lên mép,” Simon nói.

Chúng đặt một cái chặn giấy cũ, một cái ca bằng thiếc và hai khúc gỗ đã được phủi bụi cẩn thận vào bốn góc của miếng da, rồi cùng ngồi xổm xuống nhìn.

“Trông nó cổ kinh khủng,” Jane nói. “Đến hàng thế kỷ, hàng nghìn năm rồi ấy chứ.”

“Giống như giấy tờ trong tủ kính ở viện bảo tàng, có màn che để ánh sáng không chiếu vào.”

“Nó từ đâu ra nhỉ? Sao nó lại ở chỗ này?”

“Chắc là ai đó đã giấu nó ở đây.”

“Nhưng nó có vẻ còn cổ hơn cả ngôi nhà ấy. Đấy, chỉ cần nhìn là biết, còn gì nữa, một số chữ gần như mờ hết cả.”

“Người ta không chủ ý giấu nó đâu,” Barney tự tin nói mặc dù chẳng biết tại sao. “Chắc là ai đó chỉ ném nó vào chỗ mà em vừa tìm thấy thôi.”

Chợt Simon reo lên làm cả bọn giật nảy người theo. “Thật là tuyệt! Bọn mày có nhận thấy là mình đã kiếm được một tấm bản đồ kho báu chính hiệu không? Nó có thể dẫn chúng ta đến nơi nào đó, đến cái gì đó; những đường hầm bí mật, những hang động ngầm - kho báu ở Trewissick” - Simon uốn lưỡi nắn nót từng chữ một cách thích thú.

“Không thấy hình bản đồ mấy, toàn là chữ viết thôi.”

“Ờ, thì đó là chỉ dẫn. Hãy tìm ở căn phòng nhỏ trên tầng hai, tao đoán là nó sẽ hướng dẫn như vậy, ở tấm ván sàn thứ hai trên, ờ, à, ý tao là, phía bên trái...”

“Khi họ thảo bản viết này thì vẫn chưa có sàn ván gỗ đâu.”

“Thôi đi, không cổ đến mức đó đâu.”

“Em cá là nó cổ lắm rồi,” Barney thì thào. “Hãy nhìn chữ viết này mà xem. Không thể đọc được,

toàn bằng ngôn ngữ gì rất kì cục.”

“Dĩ nhiên mày sẽ đọc được nếu mà biết cách nhìn,” Simon sốt ruột nói. Trong trí tưởng tượng nó đã thấy mình chui nửa người qua một tấm ván trượt, rồi mở tung cái nắp hòm ra để lộ cả một kho báu bí mật chưa ai biết tới. Nó gần như có thể nghe được cả tiếng những đồng tiền vàng kêu xúng xoảng.

“Thử nhìn xem nào.” Nó nhào người tới và nhìn chăm chú vào bản viết cổ, sàn nhà cứng và thô ráp dưới đầu gối nó. Yên lặng một hồi lâu. “Ồ,” cuối cùng Simon miễn cưỡng thốt lên.

Barney không nói gì, nhưng nhìn Simon bằng ánh mắt cực kỳ diễn cảm.

“Thôi được rồi,” Simon nói. “Không cần phải ra vẻ tự phụ thế đâu. Đây không phải là tiếng Anh. Nhưng như thế không có nghĩa là mình sẽ không có cách nào để đọc được.”

“Tại sao lại không phải bằng tiếng Anh nhỉ?”

“Làm sao mà tao biết được.”

“Ý em là,” Barney nhẩn nại nói, “mình đang ở nước Anh, vậy thì có thể là tiếng gì khác chứ?”

“Tiếng Latinh,” Jane bất ngờ nói. Từ nãy đến giờ em vẫn yên lặng nhìn bản viết cổ qua vai Simon.

“Tiếng Latinh ấy à?”

“Vâng. Tất cả các bản viết cổ đều viết bằng tiếng Latinh. Các thầy tu thường dùng lông ngỗng làm bút viết và vẽ chim, hoa hay hình ngoằn ngoèo nào đó quanh những chữ viết hoa.”

“Làm gì có cái gì ngoằn ngoèo ở đây. Có vẻ như nó được viết khá là vội vã. Thậm chí tao còn chẳng thấy chữ hoa nào cả.”

“Nhưng tại sao lại là tiếng Latinh chứ?” Barney hỏi lại.

“Chị không biết, các thầy tu toàn dùng ngôn ngữ đó, thế thôi, đó là một thói quen của họ. Chị đoán tiếng Latinh thì nghe có vẻ tôn giáo.”

“A, anh Simon có học tiếng Latinh mà.”

“Đúng rồi, anh Simon, dịch đi,” Jane ranh mãnh giục. Ở trường em vẫn chưa bắt đầu học tiếng Latinh, nhưng Simon đã học được hai năm rồi và vẫn lấy thế để ra vẻ cao siêu lắm.

“Anh không nghĩ đây là tiếng Latinh,” Simon phản bác. Nó nhìn lại bản viết cổ. “Chữ viết ở đây rất lạ, tất cả các chữ trông giống nhau. Cứ như nhiều đường kẻ thẳng nho nhỏ xếp thành hàng vậy. Ở đây cũng không được sáng lắm nữa.”

“Anh chỉ có chống chế thôi.”

“Không, không phải đâu. Thực sự là khó górm mà.”

“Ôi, nếu anh nhìn thế mà vẫn không nhận ra được đó là tiếng Latinh thì chắc anh cũng không giỏi được như anh nói đâu nhỉ.”

“Cố nhìn một lần nữa xem sao,” Barney động viên.

“Anh nghĩ nó gồm có hai phần,” Simon chậm rãi nói. “Một đoạn ngắn ở phía trên, rồi cách ra một chút là rất nhiều đoạn liên tục nữa. Phần bên dưới anh không đọc được, nhưng đoạn đầu tiên thì trông giống tiếng Latinh thật. Chữ đầu tiên giống chữ cum có nghĩa là với, nhưng anh không luận được chữ đằng sau đó. Tiếp theo là chữ post multos annos, có nghĩa là sau nhiều năm. Nhưng chữ viết nhỏ và uốn éo quá, anh không - à, chờ một chút, có mấy cái tên ở dòng cuối cùng. Là Mar - à, không phải, Marco Arturoque.”

“Nghe giống Marco Polo,” Jane nói vẻ nghi ngờ, “Tên gì mà buồn cười.”

“Không phải một, mà là hai tên. Que có nghĩa là và, chỉ có điều họ viết xuống cuối cùng chứ không phải ở giữa. Còn chữ o ở cuối thì dùng để chỉ chúng tôi, như vậy nó nghĩa là bởi hay từ Marcus và Arturus.”

“Bởi hay từ? Thật là... ơ, Barney! Em làm sao đấy?”

Barney, mặt đỏ bừng, mồm lắp bắp, đột nhiên nắm mạnh tay xuống nền, cố lấy hơi nói một câu gì đó nhưng lại bật thành một cơn ho dữ dội. Simon và Jane vỗ nhẹ vào lưng nó và đưa nước chanh cho nó uống.

“Marcus và Arturus,” nó hít một hơi thật sâu và nói giọng khàn khàn. “Anh không nhận ra à, đó chính là Mark và Arthur đấy! Vua Authur và những hiệp sĩ của ngài. Mark là một trong những hiệp sĩ đó và ngài làm vua ở xứ Cornwall. Chắc chắn là viết về họ.”

“Ôi trời ơi,” Simon kêu lên. “Anh nghĩ Barney nói đúng.”

“Chắc chắn là thế rồi. Em cá là vua Mark để lại một kho báu ở đâu đó và vì thế mới có tấm bản đồ này.”

“Mình mà tìm thấy nó nhỉ.”

“Mình sẽ trở nên giàu có.”

“Mình sẽ trở nên nổi tiếng.”

“Mình phải kể cho bố mẹ biết,” Jane nói.

Hai đứa liền thôi không khoái trá đâm nhau thùm thụp nữa mà quay sang nhìn em.

“Để làm gì chứ?”

“Ơ...” Bị bất ngờ, Jane lúng búng. “Tại em nghĩ mình nên làm vậy thôi.”

Barney ngồi xổm trở lại, cau mặt và luồn tay qua mái tóc vàng giờ nhìn đã sẫm màu hơn so với lúc bọn chúng mới trèo lên căn gác.

“Không biết là bố mẹ sẽ nói gì nhỉ?”

“Anh biết bố mẹ sẽ nói gì rồi,” Simon nói ngay. “Bố mẹ sẽ nói rằng đó chỉ là tưởng tượng của bọn mình cả thôi, và rồi sẽ bảo bọn mình cất bản viết cổ này vào chỗ cũ vì nó không phải của bọn mình.”

“Thì đúng là nó không phải của mình mà, đúng không?” Jane nói.

“Đây là đi tìm kho báu. Ai tìm thấy thì được giữ.”

“Nhưng chúng ta tìm thấy nó trong nhà người khác. Nó thuộc về ông thuyền trưởng. Anh nhớ là mẹ đã dặn không được đụng vào bất cứ thứ gì cơ mà.”

“Mẹ chỉ dặn là bất cứ thứ gì đã được cất đi thôi. Cái này có được cất đi đâu, nó bị vớt chổng chơ ở một góc đấy chứ.”

“Em phát hiện ra nó,” Barney nói. “Nó bị bỏ quên và phủ toàn bụi bặm. Em cá là ông thuyền trưởng cũng không hề biết là nó ở đây đâu.”

“Nói thật nhé, Jane,” Simon nói. “Mày không thể tìm được một tấm bản đồ kho báu chỉ để kêu lên: ‘Ồi, hay quá nhỉ,’ rồi lại cất ngay đi được. Mà bố mẹ sẽ bắt bọn mình làm như vậy đấy.”

“Ừ thì,” Jane nói giọng đầy nghi hoặc, “cứ cho là anh nói đúng đi. Sau này, lúc nào mình để lại vào chỗ cũ cũng được mà.”

Barney lại nhìn vào bản viết cổ. “Này”, Barney nói, “nhìn phần trên này xem, phần mà bản viết cổ được dính vào tấm giấy da ấy. Nó làm bằng gì nhỉ? Em tưởng nó bằng giấy da như bên ngoài, nhưng nhìn kĩ thì không phải, mà cũng không phải là giấy. Nó làm bằng chất gì lạ lắm, dày mà lại cứng như gỗ ấy.”

Barney dè dặt chạm nhẹ một ngón tay vào mép của bề mặt màu nâu kỳ lạ đó.

“Cẩn thận,” Jane lo lắng kêu lên. “Không khéo nó lại vỡ vụn ra hoặc làm sao đó ngay trước mắt chúng ta bây giờ.”

“Thế mà mày lại vẫn muốn mang nó đi khoe mọi người đấy,” Simon mỉa mai. “ ‘Nhìn xem này, xem chúng con đã tìm thấy cái gì này, thế chạm vào thì có làm sao không nhỉ?’ rồi giờ ra khoe mọi người một bao diêm đầy bụi mủn.”

Jane lặng thinh không nói gì.

“Thôi không sao,” Simon dịu giọng. Dù sao thì cô bé cũng có ý tốt. “Này, ở trên này tối mờ tối mịt rồi đấy, mấy đứa có nghĩ mình nên xuống không? Mọi người sẽ đi tìm bọn mình ngay bây giờ cho mà xem, mà mẹ chắc cũng đã vẽ xong rồi.”

“Trời đang tối thật rồi.” Jane nhìn quanh góc xép và đột nhiên rùng mình. Căn phòng rộng lớn đang tối dần, chỉ còn âm thanh ảm đạm của mưa tí tách gõ đều đều lên mặt kính.

Quay trở về phòng ngủ, cái tủ quần áo của hai anh em được kéo trở lại vị trí cũ để che đi cánh cửa nhỏ bí mật, lũ trẻ vội vã rửa ráy và thay đồ khi tiếng kêu lạnh lạnh từng hồi ngăn ngụt của chiếc chuông tàu gọi mọi người xuống ăn bữa tối vọng lên trên gác. Simon cởi cái áo đầy bụi và vo vo cái sạch trước khi mặc lên người với hy vọng không ai nhận ra đó là một cái áo vừa mới thay. Nhưng còn mái tóc của Barney giờ đã biến thành màu nâu xám thì bọn trẻ chẳng biết phải làm thế nào. “Giống y như những lời mẹ tả cái thảm chùi chân trong phòng khách ở nhà vậy,” Jane thất vọng nói, cố chải bụi trên tóc Barney trong khi thằng em trai thì vắn vẹo người phản đối. “Bắn một cái là nhìn thấy ngay.”

“Có lẽ mày nên gọi đầu đi,” Simon nhìn Barney nghiêm nghị.

“Không,” Barney trả lời.

“Thôi, cũng không còn thời gian nữa. Dù sao tao cũng đói rồi. Mày chỉ cần ngồi xa cái đèn ra là

được.”

Nhưng khi tất cả đã ngồi quanh bàn ăn rồi thì chẳng mấy chốc rõ ràng ra là mọi người không hề có ý định hỏi han xem chúng đã ở đâu. Buổi tối bắt đầu y như những lần mọi chuyện cứ nhất định phải hỏng toét đến nơi. Mẹ không nói gì mấy, vẻ mặt mệt mỏi và thất vọng; những dấu hiệu ấy cho chúng biết rằng việc vẽ tranh của mẹ hôm nay không mấy suôn sẻ. Bố thì rầu rĩ sau một ngày tẻ nhạt, bùng lên giận dữ khi con Rufus chạy vào, nước chảy tong tỏng sau mỗi bước chân của nó và đuổi nó xuống bếp với bà Palk. Còn Ông Merry thì lặng lẽ và trầm tư bước vào phòng ăn với vẻ ủ ê khó hiểu. Ông một mình ngồi xuống một đầu bàn, nhìn chăm chăm vào khoảng không vô định, vô cảm như một cây cột thờ chạm khắc lừng lững.

Lũ trẻ lo lắng dõi theo ông, sốt sắng đưa cho ông lọ muối trước cả khi ông nhờ. Nhưng Ông Merry chẳng nhìn ngó gì đến lũ trẻ. Ông ăn như một cái máy, gấp thức ăn lên, đưa vào miệng mà không để tâm xem mình đang ăn gì. Trong một phút tiếc rẻ Barney tự hỏi không biết chuyện gì sẽ xảy ra nếu mình bỏ một mẩu bần lót đĩa vào trong đĩa của ông.

Bà Palk đi vào, trên tay là một đĩa bánh nhân táo với một đĩa kem màu vàng đầy ắp, và bắt đầu xếp những chiếc đĩa bẩn lại thành một chồng. Sau đó bà đi ra ngoài hành lang và mọi người nghe thấy một giọng nữ trầm, ấm áp vọng đến, hát bài “Lạy Chúa đời đời phù hộ cho chúng con.”

Bố thở dài. “Có những hôm,” bố bức dọc nói, “có thể miễn chuyện cầu nguyện trước mỗi bữa cơm đi được đấy.”

“Người Cornwall,” Ông Merry đột nhiên cất tiếng từ trong bóng tối, “là những người phái Phúc Âm rất mộ đạo.”

“Chắc chắn rồi,” bố tiếp lời. Bố đưa cho Simon đĩa kem. Simon xúc cho mình một thìa lớn và một cục kem vàng rớt từ chiếc thìa xuống khăn trải bàn.

“Ôi, Simon,” mẹ nhắc. “Nhìn xem con làm gì kìa.”

“Con có làm gì đâu. Tự nó rơi đấy chứ.”

“Do con xúc nhiều kem quá đấy.” Bố nói.

“Bố cũng thích kem mà.”

“Có thể. Nhưng bố không cố đưng một lít vào cái bình nửa lít bao giờ cả.”

“Nghĩa là sao ạ?”

“Không có gì,” bố nói. “Ôi, lạy Chúa, Simon, làm thế chỉ càng tồi tệ hơn thôi.” Simon đang cố dùng thìa hớt cục kem bị rơi nhưng kết quả là để lại một vết màu vàng rất to trên khăn trải bàn.

“Con xin lỗi.”

“Bố biết ngay mà.”

“Hôm nay bố có đi câu không, bố?” Cảm thấy đã đến lúc cần phải chuyển sang chủ đề khác, Jane cố lấy giọng hào hứng hỏi với sang từ bên kia bàn.

“Không,” bố trả lời.

“Ngốc thế,” Simon nói, nó vẫn đang tức và chẳng thèm quan tâm đến thiện ý của Jane. “Trời đang mưa mà.”

“Thỉnh thoảng trời mưa bố vẫn đi câu cá còn gì.”

“Không, làm gì có.”

“Có mà.”

“Cho phép bố giải thích hành động của chính mình nhé,” bố hỏi giọng cực kỳ châm chọc. “Thỉnh thoảng trời mưa bố vẫn đi câu cá. Nhưng hôm nay thì không. Thế đã rõ chưa?”

“Anh ăn thêm chút bánh nhân táo đi,” mẹ nói và đưa cho bố đĩa bánh.

“Hừm,” bố ậm ừ, liếc nhìn sang phía mẹ rồi im lặng trở lại. Một lát sau bố cất giọng vui vẻ: “Hay là sau bữa tối chúng ta đi dạo một vòng. Trời có vẻ tạnh ráo rồi đấy.”

Mọi người nhìn ra cửa sổ. Nhiệt độ trong phòng đã tăng lên thêm mấy độ. Trên biển mây đã tan, chỉ còn bầu trời xanh thăm thẳm và mũi đất đối diện khung cửa sổ sáng bừng lên một màu xanh rực rỡ khi mặt trời đang lặn chiếu những tia nắng đầu tiên trong ngày.

Đúng lúc đó họ nghe thấy tiếng chuông cửa.

“Phiền thật,” mẹ mết mết nói. “Ai thế nhỉ?”

Có tiếng bước chân nặng nề của bà Palk đi ra phía cửa rồi trở vào. Bà thò đầu vào, nói: “Ông Drew, ông có khách.”

“Chuẩn bị từ chối khách đến trọ nhé,” bố nói rồi đi ra phía sảnh. Một lát sau, bố quay trở lại, vừa đi qua cửa vừa nói với lại phía sau với ai đó “... anh chị thật tốt quá, chúng tôi cũng chưa có ý định làm gì vào ngày mai. Toàn những người có tính độc lập ấy mà, anh biết rồi đấy. Đây là gia đình chúng tôi.” Bố cười một lượt rất tươi và nồng nhiệt bằng vẻ mặt mà cả nhà vẫn gọi là bộ mặt ngoại giao của bố. “Đây là vợ tôi, và các con tôi Simon, Jane và Barney... Còn đây là chú và cô... ờ... Withers. Hai người đến từ chiếc thuyền mà con rất ngưỡng mộ đấy, Simon. Bố gặp các vị khách quý đây ở ngoài cảng sáng nay.”

Người đàn ông và cô gái đứng đằng sau bố ngay lối cửa ra vào. Cả hai đều có mái tóc sẫm màu và nụ cười rạng rỡ trên khuôn mặt rám nắng. Trông họ như những sinh vật bỗng nhiên hiện ra từ một hành tinh hết sức gần gũi nào đó vậy. Người đàn ông bước lên và chìa tay ra: “Chào chị Drew.”

Bọn trẻ ngồi nhìn chằm chằm người đàn ông khi ông ta tiến về phía mẹ, ông ta mặc một chiếc quần vải flanen trắng tinh và một cái áo khoác, trên cổ quàng chiếc khăn màu xanh đậm nhét vào cổ áo sơ mi trắng, chẳng ai nghĩ họ sẽ có một vị khách như ông ta ở Trewissick. Thế rồi tất cả vội vàng nhảy bật dậy khi mẹ đứng lên bắt tay, và Simon làm đổ ghế. Trong lúc bối rối thì bà Palk xuất hiện với ấm trà, khay cốc và đĩa trên tay.

“Thêm hai cốc trà nữa,” bà nói, mỉm cười dịu dàng và lại đi ra.

“Mọi người ngồi xuống đi,” cô gái nói. “Chúng tôi chỉ ghé qua chốc lát thôi chứ không có ý làm phiền đâu.” Cô cúi người xuống giúp Simon dựng chiếc ghế lại. Lọn tóc đen nhánh của cô bỗng

bềnh trước trán. Cô ấy xinh quá, Jane thầm nghĩ trong lúc ngắm nhìn cô. Tất nhiên là nhiều tuổi hơn cả ba anh em rồi. Cô gái mặc một cái quần màu đen và sơ mi xanh sáng màu, đôi mắt cô long lanh như ẩn chứa một nét cười duyên rất riêng. Jane đột nhiên thấy mình quá trẻ con.

Ông Withers đang nói chuyện với mẹ, lộ ra cả hàm răng trắng bóng. “Chị Drew, chị bỏ qua cho sự ghé thăm đường đột này. Chúng tôi không có ý làm phiền bữa tối của cả nhà đâu.”

“Có phiền gì đâu, anh,” mẹ nói vẻ hơi ngạc nhiên. “Anh chị không dùng trà sao?”

“Không, cảm ơn chị, chị thật tốt bụng, nhưng bữa tối của chúng tôi đã sẵn sàng trên tàu rồi. Chúng tôi chỉ đến để mời mọi người thôi. Em gái tôi và tôi ở Trewissick vài ngày, trên chiếc du thuyền của mình - chị biết đấy, chúng tôi đang trong chuyến hành trình quanh bờ biển - nên không biết anh chị và các cháu có muốn đi du thuyền một ngày trên biển không? Chúng tôi có...”

“Tuyệt quá!” Simon suýt làm đổ ghế lần nữa. “Tuyệt vời thật đấy! Chú muốn nói là đi chơi biển trên chiếc thuyền lồng lẩy đó ư?”

“Ừ, phải rồi,” ông Withers mỉm cười.

Simon lú lẫm không nói được lời nào, mặt nó bừng lên vui sướng. Mẹ ngập ngừng: “Vâng...”

“Tất nhiên tôi hiểu là lời mời này của chúng tôi thật đường đột,” Ông Withers nhỏ nhẹ nói. “Nhưng đi chơi với bạn bè để thay đổi không khí thì rất tuyệt. Sáng nay khi gặp anh ở trong văn phòng của ông trưởng cảng, và phát hiện ra chúng ta là hàng xóm ở London...”

“Thế ư?” Barney tò mò hỏi với từ bàn ăn. “Ở đâu ạ?”

“Phố Marybone, chỉ cách nhau một góc phố,” cô gái nói và mỉm cười nhìn nó, để lộ đôi má lúm đồng tiền. “Norman bán đồ cổ.” Cô nhìn về phía mẹ. “Chắc chị và em cũng mua hàng ở cùng cửa hiệu - chị Drew ạ, chị có biết cái cửa hàng bánh ngọt nhỏ bán bánh baba [8] tắm rượu rum ngon tuyệt không?”

“Tôi thì cố gắng tránh,” mẹ trả lời và bắt đầu mỉm cười. “Thật sự là anh chị thật tử tế, vì xét ra chúng tôi chỉ là người lạ. Thế nhưng tôi không dám chắc là liệu... chị biết đấy, ba đứa trẻ có thể gây nhiều phiền phức lắm.”

“Mẹ!” Simon nhìn mẹ giận dỗi.

Ông Withers chun mũi lại như trẻ con và nói với mẹ: “Nhưng chúng tôi muốn mời toàn thể gia đình chị mà, chị Drew. Chúng tôi thành thực hy vọng anh chị cũng sẽ đi cùng chúng tôi. Chỉ là một chuyến đi dạo quanh vịnh rồi về thôi, chị biết đấy - như những thương nhân thường đi ấy mà. Và có thể chúng ta sẽ câu cá nữa. Tôi rất lấy làm vui được giới thiệu với mọi người con thuyền của chúng tôi. Ngày mai được chứ? Người ta bảo mai sẽ là một ngày đẹp trời.”

Chao ôi, cách nói chuyện của chú này nghe quá ư là cổ lỗ sĩ, Jane nghĩ vu vơ, có thể là do chú ấy bán đồ cổ. Em nhìn sang Simon và Barney, cả hai đều đang háo hức nghĩ tới một ngày du ngoạn trên chiếc thuyền lạ và hồi hộp theo dõi thái độ của bố mẹ; rồi trở lại nhìn cái quần bằng vải flanel trắng tinh và chiếc khăn quàng gấp nếp không một vết nhàu của ông Withers. Mình không thích người này, em thầm nghĩ. Tại sao lại thế nhỉ?

“Vâng, cảm ơn anh nhiều,” cuối cùng mẹ cũng lên tiếng. “Anh thứ lỗi cho tôi, tôi không nghĩ là tôi sẽ đi được - nếu đẹp trời, tôi sẽ ra bến cảng và làm việc ở đó. Nhưng tôi biết Dick và bọn trẻ nhà tôi rất muốn đi.”

“À, vâng, Tiến sĩ Drew cũng có kể cho chúng tôi nghe về những bức tranh của chị,” ông Withers nói bằng một giọng hết sức nồng ấm. “Thế thì chúng tôi cũng đành chịu vậy - nhưng nếu chị có cảm hứng thì... Mặc dù vậy tôi vẫn hy vọng mọi người khác trong gia đình sẽ đi chứ?”

“Chắc chắn đấy ạ,” Simon nhanh nhẩu đáp.

“Nghe thật là hết sảy,” Barney tiếp lời. Sau nó mới nhớ ra và nói thêm: “Cám ơn cô chú.”

“Vâng,” bố vui vẻ nói, “phải nói đây là một cử chỉ rất hào hiệp. Chúng tôi rất biết ơn anh chị. Nhưng thực tế là” - bố lơ đãng nhìn quanh căn phòng - “đáng lẽ còn có thành viên khác nữa của gia đình chúng tôi ở đây, nhưng không hiểu chú ấy đi đâu mất rồi. Đó là chú vợ tôi. Chú ấy đã thuê ngôi nhà này cho chúng tôi.”

Bọn trẻ lập tức nhìn theo ánh mắt của bố đang đảo quanh căn phòng. Chúng đã quên bằng mất Ông Merry. Bây giờ chúng mới nhận ra là đã không thấy bóng dáng Ông Merry đâu cả kể từ lúc hai vị khách viếng thăm đột ngột này xuất hiện. Cánh cửa dẫn sang phòng ăn sáng khép hờ - nhưng khi Barney chạy qua và nhìn vào trong thì không thấy có ai cả.

“Anh muốn nói tới Giáo Sư Lyon ư?” cô gái hỏi.

“Đúng đấy.” Bố ngạc nhiên nhìn chằm chằm vào cô gái trong giây lát. “Tôi không nhớ là sáng nay tôi có nhắc đến chú ấy. Cô biết chú ấy à?”

Ông Withers rất nhanh nhẹn và trôi chảy đỡ lời cho cô gái, “Tôi nghĩ là chúng tôi đã gặp nhau rồi, một hay hai lần gì đó. Ở nơi khác chứ không phải ở đây. Đều vì công việc cả thôi, anh biết đấy. Tôi nhớ Giáo Sư là một quý ông rất dễ chịu nhưng hơi khó hiểu.”

“Đúng là như vậy,” mẹ rầu rầu nói. “Lúc nào chú ấy cũng lao đi đâu đó. Thậm chí lần này chú ấy còn chưa ăn xong bữa tối nữa. Nhưng để tôi mời anh chị một tách trà hay cà phê chứ nhỉ.”

“Cám ơn chị, nhưng chúng tôi phải về thôi,” cô gái nói. “Vayne đang chờ chúng tôi về ăn tối.”

Ông Withers kéo vạt áo khoác không chút nhàu nhĩ xuống bằng một động tác yếu điệu và chính xác. “Em nói đúng, Polly, chúng ta không được về muộn.” Ông ta đảo nụ cười trắng lóa khắp phòng như ngọn hải đăng. “Vayne là thuyền trưởng của chúng tôi - người duy nhất chuyên nghiệp trên thuyền. Và cũng là một đầu bếp cừ khôi nữa. Ngày mai nhất định cả nhà phải thưởng thức tài nấu ăn của anh ấy. Nào, nếu ngày mai đẹp trời thì liệu chúng tôi có được đón cả nhà tại bến cảng không nhỉ? Chín giờ rưỡi được không? Chúng tôi sẽ cho chiếc xuồng con chờ mọi người ở kè đá.”

“Tuyệt vời.” Bố đi cùng ông ta ra ngoài sảnh và mọi người đi theo sau họ. Đang đi, Polly Withers bỗng dừng lại và nhìn qua đầu Simon, về phía những tấm bản đồ vùng Cornwall cổ treo giữa các bức tranh sơn dầu trên bức tường sẫm màu. “Anh Norman, nhìn kia. Những bức tranh kia đẹp quá còn gì?” Rồi cô gái quay về phía mẹ. “Ngôi nhà này tuyệt thật đấy. Chú chị thuê của một người bạn à?”

“Một ông thuyền trưởng tên là Toms. Chúng tôi chưa bao giờ gặp ông ấy cả, ông ấy đang ở nước ngoài. Ông ấy cũng già rồi, hình như là thủy thủ về hưu. Tôi nghĩ Ngôi nhà Xám này đã thuộc về gia đình ông ấy từ lâu rồi.”

“Thật là một nơi tuyệt vời.” Ông Withers nhìn xung quanh với ánh mắt đầy vẻ chuyên nghiệp của người buôn đồ cổ. “Tôi thấy ông ấy có một sổ sách cổ rất đẹp”. Ông ta tiện tay với về phía cánh tủ sách thấp và dài ở tiền sảnh nhưng nó không mở ra.

“Tôi vẫn giữ mọi thứ khóa nguyên xi,” bố nói. “Anh biết chuyện gì có thể xảy ra với một ngôi nhà đã có đồ đạc hoàn chỉnh rồi đấy - lúc nào cũng chỉ sợ sẽ làm hỏng cái gì đó.”

“Một nguyên tắc rất đáng khâm phục,” ông Withers trang trọng nói. Lúc đó thì em gái ông ta đang mỉm cười cúi xuống nhìn Simon. “Cô dám cá đây sẽ là một nơi tuyệt vời để khám phá, phải không?” cô nói. “Các cháu đã đi tìm những đường hầm bí mật và các thứ trong đó chưa? Cô biết là trong một căn nhà cổ như thế này thì chắc các cháu đã đi thám hiểm rồi. Nếu các cháu tìm thấy gì thì kể cho cô chú nghe với nhé.”

Cảm thấy cái nhìn lo ngại của Barney dán vào lưng mình, Simon trả lời lịch sự, “Ơ, cháu không nghĩ ở đây có đường hầm nào đâu.”

“Hẹn gặp mọi người ngày mai nhé,” ông Withers đứng ở ngưỡng cửa chào; rồi họ ra về.

“Thích quá!” Khi cánh cửa đóng lại, Barney háo hức kêu lên. “Một ngày đi chơi trên chiếc thuyền đó! Theo anh, liệu họ có cho mình lái thuyền không nhỉ?”

“Nhớ đừng làm vướng chân cô chú ấy khi không được phép đấy nhé,” bố nhắc. “Bố mẹ không muốn có thương vong hay tổn thất gì đâu.”

“Bố sẽ là bác sĩ trên thuyền.”

“Bố đang trong kỳ nghỉ, con quên rồi à?”

“Tại sao bố không nói cho chúng con biết là bố đã gặp họ?” Simon gặng hỏi.

“Bố đang định nói đấy chứ,” bố nhẹ nhàng trả lời. “Chắc lúc đó bố còn đang bận câu kình.” Bố cười lớn. “Barney, nếu con muốn cho Rufus ra ngoài thì đi ngay đi - nhưng ngày mai nó sẽ không đi cùng chúng ta đâu nên con đừng có vội vãnh gì.”

Jane bỗng cất tiếng: “Con nghĩ con cũng không đi đâu.”

“Chúa ơi, sao lúc nào cũng không vậy?” Simon tròn mắt nhìn Jane.

“Em sẽ bị say sóng mất.”

“Mày không thể bị say sóng được - đi thuyền buồm không say đâu. Không có mùi xăng của đầu máy cũ đâu. Jane, đi đi.”

“Không,” Jane nói giọng cả quyết hơn. “Em không điên cuồng lên vì mấy cái thuyền như anh. Thực sự là em không muốn đi. Cô chú ấy sẽ không phạt ý đâu, phải không bố?”

Simon chán nản nói: “Mày đúng là dở hơi.”

“Kệ em nó,” bố nói. “Em nó biết mình muốn gì chứ. Không sao đâu, cô chú ấy sẽ hiểu thôi, Jane ạ. Không ai lại muốn con phải lo lắng về chuyện bị say sóng cả. Mặc dù vậy con cũng cứ nghĩ thử xem con sẽ thấy thế nào nếu mai con đi.”

“Con chắc là sẽ an toàn hơn nếu con ở nhà,” Jane trả lời. Nhưng em không dă động gì đến lý do đích thực khiến em không muốn đi. Nghe sẽ thật là ngớ ngẩn khi em giải thích rằng em có cảm giác lo ngại kỳ lạ về chiếc du thuyền màu trắng đó, về ông Withers lúc nào cũng mỉm cười và cả cô em gái xinh đẹp của ông ta nữa. Càng nghĩ, em càng thấy chuyện đó có vẻ vớ vẩn nên cuối cùng em tự thuyết phục mình, cũng như những người khác, là lý do khiến em không tham gia

chẳng phải vì điều gì khác ngoài việc sợ say sóng.

Nhưng lại một lần nữa chẳng ai biết Ông Merry đã biến đi đâu.

CHƯƠNG 4

Một làn sương sớm trắng mờ trải rộng khắp mặt biển, và dưới bến cảng, thuyền bè lững lờ trôi trên mặt nước phẳng lặng đang sáng rực lên dưới ánh nắng. Từ cửa sổ, Jane chăm chú nhìn xuống. Những chiếc thuyền đánh cá còn vắng bóng người, nhưng em vẫn thấy hai dáng người bé xíu đang leo lên chiếc xuồng cao su cạnh cầu cảng.

Em nghe tiếng Simon nói từ phía sau: “Nếu em thật sự không muốn đi biển thì để ý trông cái này nhé.” Em quay lại và nhìn thấy anh trai đang chìa ra một chiếc tất len xám. Nom cứng ngắc kỳ quặc như cái ống quyển.

“Đôi tất của anh thì có gì đặc biệt cơ chứ?”

Simon cười toét rồi hạ giọng thì thầm. “Bản viết cổ đấy. Anh chẳng thể tìm ra được thứ gì tốt hơn để giấu cả.”

Jane bật cười, cầm chiếc tất và lôi một phần bản viết cổ ra. Nhưng dù em đã cố kéo thật cẩn thận, mép tấm da vẫn nát vụn khi bị mắc vào len như thể là diêm gở. “Này,” em kêu lên. “Nếu lần nào cũng cứ thế này thì chỉ một tuần nữa cả tấm da sẽ chỉ còn là mảnh vụn thôi. Nó nằm yên trên tầng áp mái bao nhiêu năm nay thì chẳng sao vì không bị ai động đến. Bây giờ mà mình cứ mang nó đi lung tung thế này...”

Simon lo lắng nhìn cuộn giấy da cong queo, các rìa mép mòn vẹt đã xám xịt đi vì để lâu, và thấy những vết nứt lõm chồm trước kia chưa hề có. Nó phân vân: “Nhưng chúng ta sẽ còn phải dùng nhiều đến nó để còn tìm xem nó nói gì chứ... à, chờ chút. Trong căn phòng ấy...”

Để mặc Jane đứng đó ngờ ngác, nó giật vội lấy bản viết cổ, chạy xuống gác tới cánh cửa nhỏ tối om ở chiếu nghỉ cầu thang tầng hai dẫn tới dãy hành lang mà chúng đã phát hiện ra trên đường lên tầng áp mái. Cánh cửa vẫn bỏ ngỏ. Nó bước xuống, đi dọc theo dãy hành lang nhỏ xíu đến căn phòng đơn sơ, trống hoác mà chúng đã đoán là phòng ngủ của ông thuyền trưởng. Căn phòng vẫn y hệt như ngày hôm trước và ống đựng kính viễn vọng vẫn đang nằm trên bệ cửa sổ.

Simon nhặt lấy cái ống và mở ra. Đường ren của mỗi nửa vẫn sáng bóng và ánh lên một lớp dầu lynn mỏng; bên trong ống phủ một lớp đồng đỏ, sáng ánh lên, khô và rất sạch sẽ khi nó giờ ra ánh sáng. Simon bỏ cuộn giấy da vào trong. Cuộn giấy nằm vừa khít, gọn gàng trong ống khi nó xoay đóng hai nửa ống lại với nhau. Simon cẩn thận nhìn một vòng quanh căn phòng, như thể trông chờ nó nói cho mình một điều gì đó. Nhưng chẳng có gì ngoài sự im lặng và trống rỗng đầy bí ẩn, nó liền nhẹ nhàng đóng cửa lại rồi chạy lên gác.

“Xem này,” nó gọi Jane. “Đây chắc là vỏ đựng của nó đấy.”

“Ừ, chắc vậy,” Jane nói, đón lấy cái ống.

“Em nên giấu nó đi đâu đó,” Simon bảo. “Nóc tủ quần áo của anh với Barney được không?”

“Để em nghĩ xem có chỗ nào an toàn không,” Jane đảm chiêu nói.

Nhưng Simon hầu như chẳng nghe thấy câu Jane nói vì nó đã đi được nửa đường về đến phòng; bây giờ đầu óc nó chỉ còn nghĩ đến chuyến đi trên chiếc du thuyền của gia đình nhà Withers

mà thôi. Và đến khi Simon, Barney và bố đã đi rồi, vừa đi vừa tranh cãi sôi nổi về việc mang theo những áo vải dầu [9], áo len và quần bơi nào, thì Jane bắt đầu ước giá mà hôm qua em thay đổi quyết định để hôm nay được đi cùng mọi người.

Nhưng em vẫn tỏ ra cương quyết trước những lời trêu chọc của Simon: “Không đi đâu. Em mà say sóng thì chuyến đi sẽ hỏng hết cả, mất vui.” Vậy là thay vì đi, em đứng bên cửa sổ nhìn mọi người chạy ra cảng, lên cái xuồng cao su bập bênh trôi về phía chiếc du thuyền trắng, mảnh mai và duyên dáng ngoài xa.

Mẹ, một tay cặp giá vẽ, một tay cầm túi đựng bánh sandwich và bột màu, nhìn em ái ngại: “Con yêu, con có chắc là con sẽ không buồn vì còn lại một mình đấy chứ?”

“Không đâu mẹ ạ,” Jane trả lời dứt khoát. “Con sẽ đi dạo quanh đây thôi. Con nghĩ là sẽ rất vui. Thật đấy mà. Khi vẽ một mình, mẹ cũng không bao giờ cảm thấy cô đơn, phải không ạ?”

Mẹ cười. “Thôi được rồi, độc lập mà, vậy con cứ đi dạo một mình. Chớ có lạc đường đấy. Mẹ vẽ ở phía bên kia, trên bến cảng ấy, nếu con cần gì cứ gọi mẹ nhé. Bà Palk sẽ ở đây cả ngày và sẽ chuẩn bị bữa trưa cho con. Sao con không mang Rufus đi cùng nhỉ?”

Mẹ đi ra ngoài dưới ánh nắng rực rỡ, đôi mắt đã bắt đầu mơ màng với những ý nghĩ về màu sắc và hình dáng của bức tranh sắp vẽ. Jane bỗng cảm thấy một cái mũi ươn ướt đang dụi vào tay, nhìn xuống thì thấy cặp mắt nâu của Rufus đang mở to đầy hy vọng, em cười khúc khích rồi chạy thi cùng nó vào làng, xuyên qua những phố nhỏ hẹp kỳ lạ, loáng thoáng giọng nói luyên láy của người Cornwall trong các cửa hàng mà em đi qua.

Nhưng suốt cả buổi sáng, em luôn cảm thấy bồn chồn một cách lạ lùng, như thể một ý nghĩ đang muốn nhảy bật ra khỏi đầu em vậy. Như thể, em tự nhủ, đầu óc em đang cố nói với em điều gì đó mà em không thể nghe thấy được. Khi em dắt Rufus về đến nhà, vào bếp, ngồi phịch xuống cạnh bà Palk mặt đỏ bừng và thở hổn hển, em vẫn còn như suy tư, vương vấn điều gì.

“Đi dạo vui không cô?” bà Palk ngồi xồm bên cạnh một xô nước đầy xà phòng, mặt đỏ bóng lên; bà đang lau chùi sàn bếp lát đá xám.

“Vâng,” Jane lơ đãng trả lời. Em nghịch nghịch chiếc nơ con bướm buộc trên đuôi tóc.

“Chút *lữa* là xong bữa trưa thôi,” bà Palk vừa nói vừa đứng dậy. “Ôi chào, hãy xem con chó *lày*, *ló* một lả ra rồi. Để tôi cho *lóuống lước* đã...” Nói rồi bà với tay lấy đĩa thức ăn cho Rufus.

“Cháu đi rửa chân tay đây.” Jane thơ thẩn đi vào sảnh, dãy hành lang hẹp vừa lạnh vừa tối, chỉ có tia sáng mờ mờ chiếu lên mấy tấm bản đồ cũ mà hôm qua cái cô Polly Withers đã trầm trồ thích thú. Cô Withers... tại sao cô ta và cả người anh trai nữa trông đều có vẻ gì đó nham hiểm vậy nhỉ? Họ là những con người hoàn toàn bình thường và chẳng có lý do gì để nghĩ xấu về họ. Họ đã tỏ ra rất tốt bụng khi mời cả nhà cùng đi du ngoạn một ngày trời trên chiếc du thuyền của họ cơ mà... Nhưng kể cũng lạ, lời nhận xét của cô ta về việc thám hiểm và khám phá...

Khám phá nào. Lên được nửa cầu thang gác, Jane bỗng giật thót mình nhớ ra, với một cảm giác tội lỗi, là suốt buổi sáng nay em đã để tấm da chông chó, cuộn trong cái ống đựng kính viễn vọng trong ngăn kéo chiếc bàn đầu giường ngủ. Lẽ ra em phải mang nó theo mình chứ? Không, đừng có mà ngốc nghếch thế, em nghĩ thầm, nhưng em vẫn vội vàng chạy lên gác, bước vào phòng lòng đầy lo lắng và chỉ cảm thấy nhẹ người khi nhìn thấy cái ống đựng tấm da vẫn nằm ở đó, lấp lánh trong ngăn kéo.

Em kéo cuộn giấy da màu nâu ra, đưa nó lại gần cửa sổ và thận trọng vuốt phẳng nó. Những dòng chữ đen rồi rậm ấy lại khiến em khẽ run lên với cái cảm giác tò mò thôi thúc khó tả hết

khi ở trên tầng áp mái, giây phút cả ba anh em bỗng bất ngờ nhận ra chúng đã tìm được cái gì. Em nhìn chăm chú vào tấm da nhưng những hàng chữ lỏng chỏng vẫn không dễ đọc hơn chút nào so với trước. Em chỉ luận ra được đâu là những chữ viết tắt mà Simon đã đọc thành “Mark và Arthur”.

Làm thế nào mà chúng có thể biết được bản viết cổ này nói cái gì đây?

Em hướng xuống phía mép dưới tấm da đang cong lên, nhìn vào mấy đường vẽ mỏng loằng ngoằng mà trước đó cả ba đã nghĩ có lẽ là một tấm bản đồ. Trong tầng áp mái tối quá nên chúng không nhìn được mấy, nhưng bây giờ thì Jane đã có ánh sáng chói chang của buổi trưa. Em cúi xuống gần hơn và đột nhiên nhận ra trên tấm da còn nhiều đường vẽ nữa; các đường vẽ mỏng mảnh và mờ nhạt đến nỗi trước đó em cứ nghĩ chúng là những vết rạn trên tấm da. Và giữa những đường vẽ nhạt nhòa đó có vài chữ thậm chí trông còn mờ hơn.

Đó là một tấm bản đồ rất thô sơ, như thể đã được vẽ rất vội. Có vẻ là một tấm bản đồ đường bờ biển, trông hao hao một chữ W viết nghiêng với hai vịnh nhỏ và một mũi đất. Hay là hai mũi đất và một vịnh nhỏ nhỉ? Chẳng có dấu hiệu gì để phân biệt được phía nào là biển. Mặc dù em nhận thấy có một từ nào đó được viết phía trên phần vẽ một mũi đất - hay một vịnh biển - nhô ra, nhưng lại hoàn toàn không thể đọc được vì một vết rạn thẳng tắp trên tấm da cũ kỹ cắt ngang qua từ đó gọn gàng như một dòng kẻ bằng mực đậm.

“Chà, bực mình quá,” Jane bực bội nói to. Vừa nói dứt lời thì em nhận ra là trong nửa phút đồng hồ vừa rồi em đã quyết tâm tự mình phát hiện ra được điều gì đó về bản vẽ cổ để thông báo cho Simon và Barney biết khi chúng trở về sau cả ngày đi biển. Đó chính là điều làm em bứt rứt không yên suốt cả buổi sáng nay.

Lại thêm một cái tên nữa được viết trên bản đồ. Nếu đó thật sự là một cái tên. Những con chữ màu nâu, rất nhỏ nhưng lại dễ đọc hơn so với phần còn lại của bản viết. Jane dò từng chữ cái một và thấy chúng tạo thành ba từ: “Ring Mark Hede.” Em thất vọng nhìn dòng chữ. Chúng chẳng có nghĩa gì cả. Em thử đọc lại: “Ring, Mark, Heed.” Chẳng có địa danh nào như vậy. Làm gì có nơi nào có cái tên kỳ lạ như thế chứ?

Tiếng chuông lanh lảnh ở dưới sảnh vọng lên gác, phá tan bầu không khí êm đềm của tiếng rì rào của biển và tiếng những con mòng biển kêu ngoài xa, và em loáng thoáng nghe thấy tiếng bà Palk đang gọi từ dưới nhà. “Jane! Ja-ne ơi!” Em vội vàng cuộn tấm bản đồ lại, cất vào hộp rồi xoáy chặt hai nửa ống. Em mở ngăn kéo chiếc bàn cạnh giường ngủ, ngấp ngừng trong giây lát rồi đóng lại. Tốt hơn hết là để tấm da trong tầm mắt mình. Em giật chiếc áo len trên giường, quần quanh chiếc ống và chạy hai bậc cầu thang một xuống gác.

Nhưng em chạy quá nhanh. Nên khi lượn vòng qua góc chiếu nghỉ tầng một, em đâm sầm vào cái hòm gỗ lùn lùn dài ngoằng nằm khuất góc và kêu lên vì đau. Lại *đúng* cái chân hòm trước bị xe đạp tông ở dưới cảng... lúc em cúi xuống xoa đầu gối, có một vật khiến em chú ý. Chiếc hòm mà em vừa va phải chính hòm trước cả ba đã phát hiện ra nhưng nắp hòm bị khóa kín. “Toàn vàng ròng và đồ trang sức quý,” Simon đã nói vậy và cố mở ra nhưng không được. Bây giờ nắp hòm vừa bật ra vài inch và đang hơi nảy lên. Chắc là nó bị kẹt chứ không hẳn là bị khóa; em xô quá mạnh nên khiến cho nắp hòm bật mở.

Jane tò mò nâng hẳn nắp hòm lên. Bên trong chẳng có gì nhiều: một vài tờ báo cũ, một đôi găng tay to tướng bằng da, hai hay ba chiếc áo len cao cổ và một quyển sách nhỏ bìa màu đen bị che lấp một nửa. Một kho báu thật nghèo nàn làm sao, em nghĩ thầm. Nhưng biết đâu cuốn sách lại có gì đó thú vị. Em thò tay vào hòm lấy quyển sách ra.

“Ja-ne ơi!” giọng bà Palk nghe gần hơn trên cầu thang. Jane vội vàng đóng nắp hòm, gói quyển sách nhỏ vào trong áo len cùng với hộp kính viễn vọng. Khuôn mặt bà Palk đã hiện ra qua khe

thành cầu thang.

“Cháu đang xuống đây ạ,” Jane ngoan ngoãn cất tiếng.

“Ồ, vậy à, thế mà tôi cứ ngỡ là cô đã đi ngủ rồi cơ. Úi dào, dạo *lầy* tôi béo quá đi chật cả cầu thang mất rồi.” Bà Palk cười toe toét với Jane: “Bữa trưa đã dọn ở trên bàn rồi đấy. Tôi đang bận lấy chỗ bánh *lương* trong lò ra, chứ không thì không để cô phải đợi lâu đến thế đâu.” Bà Palk lại lạch bạch đi xuống bếp. Một đĩa salat và giăm bông đầy ắp đã sắp sẵn đợi Jane trong phòng ăn, trông giống hệt một hòn đảo nhỏ trên chiếc bàn ăn menh mông như một mặt biển màu gụ bóng loáng. Bên cạnh đó là một đĩa bánh nhân mứt lý gai và một hũ kem nhỏ.

Jane ngồi xuống và lơ đãng ăn, một tay giở lướt qua cuốn sách nhỏ mà em vừa tìm thấy trong cái hòm cũ. Đó là một cuốn sách hướng dẫn về ngôi làng do cha xứ vùng này viết. Trên trang bìa giả ghi một dòng chữ uốn lượn, bay bướm *Giới thiệu về Trewissick* và “Người biên soạn: Đức Cha E. J. Hawes-Mellor, M. A. (Oxon.) LL. D. (Lond.), Cha xứ nhà thờ xứ đạo Thánh John, làng Trewissick.”

Chẳng có gì thú vị cả, Jane nghĩ, sự hăng hái của em xẹp dần. Em lật qua những trang sách hẹp, đầy hướng dẫn chi tiết về những điểm để “du ngoạn” ở xung quanh đây. Những dòng chữ trên tấm da vẫn vương vấn trong tâm trí em. Giá mà em có thể tìm ra được điều gì đó để nói cho Simon và Barney biết về bản viết cổ ấy nhỉ...

Đúng lúc đó trang chính giữa của cuốn sách mở lật ra dưới ngón tay em. Jane lơ đãng nhìn lướt qua rồi dừng lại. Trên trang sách là một bản đồ rất chi tiết về làng Trewissick với đầy đủ những con phố thẳng và ngoằn ngoèo như những đường hoa văn phía sau bến cảng nằm gọn gàng giữa hai mũi đất nhô ra biển. Nhà thờ và tòa thị chính của làng đều được đánh dấu riêng; em thoáng thấy tự hào vì Ngôi nhà Xám cũng được ghi chú tên rõ ràng trên con đường dẫn lên tận cùng đỉnh Mũi Kemare rồi mờ dần vào hư không. Nhưng điều thu hút sự chú ý của em lại là cái tên được viết gọn gàng ngang qua mũi đất. Đó là: “King Mark’s Head - Mũi Vua Mark”.

“Mũi Vua Mark,” Jane chậm rãi đọc to lên. Em cúi xuống với bọc áo len bên cạnh ghế, lấy ra hộp kính viễn vọng và trái bản viết cổ lên bàn. Những con chữ như đang nhìn em chăm chăm, khó hiểu và kỳ bí: “Ring Mark Hede”. Và khi nhìn kỹ hơn, em thấy chữ cái đầu của từ đầu tiên đã mờ đi vì thời gian và bụi bặm, rất có thể không phải là chữ R mà là chữ K. Em nuốt khan vì hồi hộp và hít một hơi thật sâu.

King Mark’s Head - Mũi Vua Mark: cùng một cái tên trên cả hai tấm bản đồ. Như vậy, tấm bản đồ trên bản viết cổ chúng tìm thấy trên gác xép chắc chắn phải là bản đồ của làng Trewissick - chính là phần của Trewissick có Ngôi nhà Xám. Những chữ kỳ lạ đó chắc chắn là tên cổ của Mũi Kemare.

Nhưng khi những choáng ngợp vì phát hiện đó đã qua đi, em nhìn lại hai tấm bản đồ một lần nữa, và sự phấn chấn của em giảm đi một chút. Có điều gì đó không ổn ở đường vẽ bờ biển ngoằn ngoèo trên tấm da; điều gì đó khác hẳn sự thiếu chính xác vẫn thường thấy trong những bản vẽ phác thảo bằng tay. Đường bờ biển ở đây không giống như bản đồ trong cuốn sách chỉ dẫn; những mũi đất nhô hẳn ra ngoài một cách kỳ lạ, và cảng biển có hình dạng khác hẳn. Tại sao vậy nhỉ?

Cảm thấy khó hiểu, Jane lấy một mẫu bút chì trên chiếc tủ tường và cố gắng vẽ một đường chì mờ mô tả đường bờ biển như trong bản viết cổ lên bản đồ trên cuốn sách chỉ dẫn. Không còn nghi ngờ gì nữa; hai hình dáng khác nhau.

Có khi bản viết cổ này không vẽ bản đồ Trewissick. Có khi có hai mũi đất ở Cornwall cùng được gọi là “Mũi Vua Mark”. Hay có khi đường bờ biển đã bị biến đổi hình dáng sau hàng trăm năm

kể từ hồi vẽ tấm bản đồ cổ. Trời ơi, làm cách nào tìm ra được đây?

Em miễn cưỡng để tắm da sang một bên và nhìn chăm chú vào hai đường bờ biển trên trang sách, một được in còn một do em dùng bút chì vẽ lên. Nhưng em vẫn không thể tìm ra câu trả lời. Trong lúc bực bội, em lật lại những trang trước và đột nhiên lại liếc thấy trang bìa giả một lần nữa: "... Đức Cha E. J. Hawes-Mellor, M. A..."

Jane nhảy bật dậy. Đúng rồi! Tại sao lại không nhỉ? Cha xứ Trewissick chắc chắn sẽ biết mọi điều về vùng này. Ông ấy là một chuyên gia, chính ông đã viết cuốn sách này cơ mà. Ông ấy sẽ biết liệu bờ biển đã từng thay đổi hình dáng chưa và trước đây nó như thế nào. Đó là một cách - cách duy nhất - để tìm ra điều bí mật. Sẽ chỉ có ông ấy mới không hỏi tại sao em muốn biết về điều đó; ông ấy sẽ chỉ nghĩ là em quan tâm đến cuốn sách của ông mà thôi. Em cần phải đi tìm ông ta và hỏi cho ra nhẽ.

Và thử tưởng tượng xem, em sẽ có bao nhiêu chuyện để kể cho Simon và Barney khi chúng về nhà...

Chính ý nghĩ cuối cùng đó đã thúc đẩy Jane, vốn là người nhút nhát nhất trong gia đình, quyết định sẽ làm gì suốt buổi chiều hôm đó. Em quay phắt lại khi cánh cửa mở ra, và bà Palk núng nính đi vào. "Cô ăn xong rồi à? Có ngon miệng không?"

"Ngon lắm ạ. Cháu cảm ơn bà rất nhiều." Jane vợ lấy cuốn sách và cuộn áo len quý giá của mình. "Bà Palk à," em thăm dò, "bà có quen cha xứ của vùng này không ạ?" Tất nhiên là phải biết rồi, em nghĩ thầm, cứ xem cái cách bà ấy hay hát thánh ca như thế...

"Ồ, không, tôi không quen Đức Cha đâu." Bà Palk trở nên trang nghiêm, kính cẩn. "Khi đi lễ nhà thờ tôi chưa bao giờ gặp Cha, nhưng tất nhiên là tôi có nhìn thấy Cha. Mọi người *lời* Cha là một người thông minh lắm. Cô định đi xem nhà thờ à, cung?"

"Vâng ạ," Jane trả lời. Có lẽ rồi mình sẽ đi thật, em tự biện bạch.

"*Lời* đó rất đẹp và cổ kính. Nhưng hơi xa - ngược lên đến đỉnh đồi trong làng kia. Từ kè đá ngoài cảng, cô có thể nhìn thấy tháp nhà thờ ở xa phía sau hàng cây trên đường Cá."

"Cháu nghĩ là cháu biết."

"Đừng để bị say *lãng* nhé." Bà Palk khệ nệ bê chồng bát đĩa đi ra và một lúc sau Jane đã nghe thấy bài "Xin ở lại bên con" với chất giọng tha thiết sâu nảo từ phía bếp vọng lên. Em chạy lên gác, vội vã nhìn quanh xem chỗ nào có thể giấu được chiếc ống đựng bản viết cổ, cuối cùng em giấu nó vào giữa đồng chăn ở cuối giường, để nó nằm dọc theo mép đệm sao cho không trời lên. Rồi trước khi sự lo lắng có thể làm em thay đổi ý tưởng mới này, em vội bước ra khỏi nhà trong ánh chiều êm đềm, tay cầm chặt cuốn sách nhỏ.

Nhà thờ nằm trên đỉnh đồi dường như tách biệt hẳn khỏi vùng biển. Từ đây Jane không nhìn thấy gì ngoài cây cối và những quả đồi, thậm chí chỉ cách chừng hai mươi yard phía cuối đường cũng không còn thấy những ngôi nhà nhỏ trong làng đâu nữa. Ngôi nhà thờ màu xám, vuông vức với tháp chuông thấp và những trụ cổng lớn đẳng trước, như thể nằm trong một thung lũng đầy cây cối nào đó cách xa biển đến hàng trăm dặm.

Trong khu vườn của nhà thờ, một ông già gầy còm mặc áo cộc tay và quần đeo dây đang cắt cỏ bằng một cái kéo lớn. Jane dừng lại bên này tường gần chỗ ông nhất và gọi to: "Ông làm ơn cho cháu hỏi có phải nhà cha xứ ở đằng kia không ạ?"

Ông già thở khò khè, vòng tay ra sau để chống lưng đứng thẳng dậy. “Đúng rồi đấy,” ông trả lời ngắn gọn rồi tiếp tục đứng đó, nhìn chăm chăm vô cảm, dõi theo em băng qua đường lên đến tận đoạn rẽ. Jane nghe thấy tiếng bước chân mình trên con đường rải sỏi lạo xạo thật ồn ào trong buổi chiều tĩnh mịch. Ngôi nhà xám to lớn vuông vức với những khung cửa sổ trống vắng không một chút sinh khí, nom như đang thách em đến gần quấy rầy chúng.

Nếu đây là một ngôi nhà cho cha xứ thì nó thật quá tồi tàn, em nghĩ. Sỏi trên lối đi xen lẫn cỏ dại, trong khu vườn hoang tàn những bụi tú cầu khẳng khiu không ai chăm sóc, cỏ trên bãi đất mọc cao lưng người. Em nhấn nút chuông ở bên cạnh cánh cửa đã tróc hết sơn, và nghe thấy tiếng chuông thoảng từ trong nhà vọng ra.

Một hồi lâu sau, khi em bắt đầu nhẹ cả người nghĩ rằng không có ai ở nhà trả lời chuông thì bỗng nghe tiếng chân người bên trong nhà. Cánh cửa mở ra, kêu lên kèn kẹt một cách bực tức như thể nó chẳng mấy khi được mở.

Đứng bên trong là một người đàn ông cao và đen, xộc xệch trong chiếc áo khoác thể thao cũ kỹ, khuôn mặt trông góm ghềnh với cặp lông mày sâu róm đen, rậm rì chưa từng thấy mọc liền nhau ngang trên trán. Ông ta nhìn Jane trừng trừng:

“Gì vậy?” Giọng ông ta rất trầm, không có chút âm sắc Cornwall nào.

“Dạ có ông Hawes-Mellor ở đây không ạ?”

Người đàn ông cao lớn cau mày. “Ông gì?”

“Dạ ông Hawes-Mellor ạ. Cha xứ ấy ạ.”

Bộ mặt người đàn ông giãn ra đôi chút, dù vậy cái nhìn dưới cặp lông mày đen sì vẫn không dịu đi chút nào. “À, ta biết rồi. Ta e rằng ông Hawes-Mellor không còn là cha xứ ở đây nữa. Ông ấy đã mất cách đây vài năm rồi.”

“Ồ, vậy ư,” Jane nói, và bước lùi ra khỏi ngưỡng cửa, không hề luyến tiếc vì có cơ hội để rời khỏi nơi đây. “Ồ, vâng, nếu thế thì...”

“Có lẽ ta có thể giúp được gì đấy,” ông ta nói bằng cái giọng trầm nghe thật ảo não. “Tên ta là Hastings. Ta đến đây thay cho Cha Hawes-Mellor.”

“Ồ, vậy ư,” Jane lại nói; em bắt đầu cảm thấy ông Hastings cô độc cùng mảnh vườn hoang tàn và ngôi nhà hiu quạnh lạ kì khiến em rợn cả người. “Ồ, không, không có gì đâu ạ, con không muốn làm phiền đến cha, chỉ là về cuốn sách mà cha xứ trước kia đã viết, cuốn sách chỉ dẫn về ngôi làng này thôi ạ.”

Dường như có một vẻ quan tâm thoáng qua khuôn mặt tối sầm của vị cha xứ. “Một cuốn sách về Trewissick hả? Cũng có lời đồn rằng ông đã viết một cuốn sách như thế, nhưng chính ta cũng chưa bao giờ tìm thấy một bản nào cả. Thế con muốn hỏi về điều gì? Nếu con muốn tìm cuốn sách ấy thì ta e rằng không giúp gì được cho con đâu...”

“Dạ, không đâu ạ,” Jane trả lời, không giấu được sự hãnh diện. “Con có một quyển đây này.” Em giơ quyển sách nhỏ lên cho cha xem. “Con muốn hỏi một vài điểm về ngôi làng mà con nghĩ là có thể Đức Cha đã viết sai.”

Vị cha xứ nhìn như hút mắt vào cuốn sách, mở miệng định nói điều gì đó nhưng hình như lại thay đổi ý định. Ông ta mở rộng cánh cửa và cố nhếch mép nở một nụ cười gượng gạo. “Được

rồi, hãy vào trong này một lát, cô bé ạ, và chúng ta sẽ cùng xem có thể làm được gì nào. Ta cũng biết một chút về Trewissick sau nhiều năm sống ở đây.”

“Cám ơn cha,” Jane lo lắng nói. Em bước qua cánh cửa, buộc lại chiếc nơ trên đuôi tóc trong khi theo cha xư đi xuống một hành lang nhỏ, trong lòng hy vọng trông em không đến nỗi nhếch nhác quá. Nhưng nếu có ăn mặc rách rưới tả tơi đi chẳng nữa thì trông em cũng chẳng hề lạc lõng, em nghĩ và nhìn xung quanh, đây là một trong những ngôi nhà tồi tàn và không được chăm sóc nhất mà em từng thấy. Nó to lớn, lộn xộn, và có vẻ rộng rãi hơn Ngôi nhà Xám; nhưng sơn thì đang tróc ra từng mảng, tường nhà bẩn thỉu, còn sàn nhà thì trống trơn chỉ vương vãi một hai tấm thảm nhỏ bạc màu. Em bắt đầu cảm thấy thương hại cho vị cha xư lúc ông ta sắp bước đăng trước dẫn đường cho em.

Ông ta dẫn em tới một căn phòng chắc chắn là phòng làm việc, vì trong có kê một cái bàn lớn trên mặt chất đầy giấy tờ, hai cái ghế mây méo mó cùng cái nệm bạc phếch và rất nhiều giá sách xung quanh tường. Khung cửa sổ cao lớn kiểu Pháp mở rộng nên có thể nhìn thấy bãi cỏ dài mà Jane đã thoáng thấy trên lối đăng trước.

“Nào,” cha xư vừa nói vừa ngồi xuống bên chiếc bàn và vội vàng dọn một khoảng trống phía trên mớ giấy tờ hỗn độn. “Con hãy ngồi xuống và nói cho ta biết con định hỏi cha Hawes-Mellor về vấn đề gì? Con đã tìm thấy cuốn sách của ông ấy phải không?”

Cha xư lại dán mắt vào cuốn sách trong tay Jane. Dường như ông ta đã bị cuốn sách mê hoặc.

“Dạ, thưa cha,” Jane nói, “Cha có muốn xem qua không ạ?” Em cầm quyển sách đưa cho ông ta.

Cha xư cầm lấy rất nhẹ nhàng từ tốn, các ngón tay dài khép lại quanh cuốn sách nhỏ cứ như thể đó là vật gì cực kỳ quý giá vậy. Ông ta không mở nó ra, mà đặt nó lên trên bàn trước mặt và chăm chú nhìn đến độ tưởng như không phải ông ta đang đọc mà là đang nghĩ về chuyện gì đó khác. Sau đó ông ta quay bộ mặt nghiêm nghị với đôi lông mày rậm rì dữ tợn về phía Jane một lần nữa.

“Con đang đi nghỉ ở đây à?”

“Vâng ạ. Tên con là Jane Drew. Cả nhà con đang ở trong Ngôi nhà Xám.”

“Thật ư? Nhà đó ta không quen lắm.” Cha Hastings mỉm cười hơi gượng gạo. “Thuyền trưởng Tomis chưa bao giờ có thời gian cho ta, ta e là vậy. Một người kỳ lạ và cô độc.”

“Cả nhà con cũng chưa gặp ông ấy,” Jane nói. “Ông ấy đi nước ngoài rồi.”

“Và cuốn sách này.” Những ngón tay của cha xư vuốt ve cuốn sách gần như vô thức. “Nó có hay không?”

“Ôi, tuyệt vời ạ. Con thích tất cả những câu chuyện về Trewissick, cái thời còn có bọn buôn lậu và nhiều thứ khác nữa.” Trong giây lát Jane bỗng phân vân tự hỏi không biết có nên nói về tấm bản đồ đó hay không. Nhưng sự tò mò đã chiến thắng mọi nỗi nghi ngờ. Em đứng dậy, đi đến đứng cạnh ông ta, lật cuốn sách đến trang có bản đồ vẽ phần Nam Cornwall. “Thưa cha, đây chính là phần mà con phân vân, hình dạng của đường bờ biển. Con muốn biết là liệu trước đây nó đã từng có hình dáng khác hay không?”

Đứng sau lưng cha xư nên em không thể nhìn thấy khuôn mặt của ông ta, nhưng vai ông ta dường như cứng đờ lại khi nhìn xuống tấm bản đồ, những ngón tay đang đặt trên bàn khẽ uốn cong vào trong lòng bàn tay.

“Một câu hỏi kỳ lạ nhỉ,” ông ta nói.

“Con chỉ thấy bắn khoăn thôi.”

“Cha thấy một đường bờ biển nữa được vẽ bằng chì ngoài đường bờ biển in trong bản đồ này. Con vẽ đấy à?”

“Vâng ạ.”

“Theo trí tưởng tượng của con?” Cái giọng trầm của ông ta hạ xuống rất khẽ.

“Cũng gần như thế. Ờ, có nghĩa là... con đã nhìn thấy như vậy ở đâu đó, trong một quyển sách thì phải.” Jane lúng túng, cố tránh đề cập tới bản viết cổ mà chúng đã tìm thấy trên tầng áp mái mà không phải nói dối. “Thưa cha Hastings, nếu cha biết về Trewissick thì từ trước tới nay đường bờ biển ở đây có giống như bây giờ không ạ?”

“Ta nghĩ là như vậy. Đường bờ biển toàn đá granite phải mất rất lâu thời gian mới có thể thay đổi.” Ông ta chăm chú nhìn vào đường vẽ chì. “Con nói là con đã nhìn thấy đường bờ biển như thế này trong một quyển sách phải không?”

“Dạ, trong một quyển sách, hay có lẽ trên một tấm bản đồ hoặc ở đâu đó mà con không nhớ được ạ,” Jane nói chung chung.

“Ở trong Ngôi nhà Xám phải không?”

“Chúng con không được động vào sách vở của ông thuyền trưởng đâu,” Jane trả lời ngay, quên mất rằng cuốn sách chỉ dẫn cũng là một trong những cuốn sách của ông ấy.

“Nhưng chắc chắn là các con đã xem qua chúng, phải không?” Cha xức đứng dậy, cao lừng lững bên cạnh em, đưa cánh tay dài ra với lấy một quyển sách ở trên giá. Ông ta đưa nó cho Jane; quyển sách rất cổ, bìa bọc da bóng, đã sờn, những trang sách kêu sột soạt và bốc mùi ẩm mốc khi em mở ra. Tên sách là *Những câu chuyện về Lyonesse* và rất nhiều chữ “s” được in giống như là “f” [10].

“Con đã nhìn thấy quyển sách nào giống như thế này chưa?” Giọng ông ta đầy vẻ thôi thúc. Ông ta đứng giữa Jane và cây đèn nên khi em ngược lên nhìn thì chẳng thấy gì ngoài ánh sáng mờ mờ của ánh đèn phản chiếu trong đôi mắt trên khuôn mặt bị sắp bóng của ông ta. Trong một thoáng, cha xức trông bỗng đầy vẻ hiềm ác, và em lại thấy rần rần dọc sống lưng cái cảm giác lạnh lạnh bút rút đã thành quen thuộc trong kỳ nghỉ này: cái cảm giác có gì đó rất bí ẩn, mọi người khác ai cũng biết cả chỉ ba anh chị em là vẫn mù mờ.

“Dạ, con nghĩ là chưa ạ.”

“Con chắc chắn chứ? Có lẽ một cái tựa đề như thế chẳng hạn? Hay là con đã trông thấy hình bản đồ trong một quyển sách tương tự như thế.”

“Dạ, chưa thật ạ. Chúng con vẫn chưa xem cái gì cả.”

“Không lẽ con chưa từng thấy một cái gì đó trên giá sách tương tự thế này?”

“Thực sự là con không biết mà,” Jane nói, ngồi lúi lại trên chiếc ghế của em khi nghe thấy giọng nói khẩn thiết của cha xức: “Sao cha không đi hỏi ông thuyền trưởng ấy?”

Cha Hastings lấy lại quyển sách trong tay em và cất vào chỗ cũ trên giá. Bộ mặt ông ta lại trở

nên cau có và khắt nghiệt như trước. “Ông ấy không phải là người cởi mở,” ông ta nói cụt lủn.

Con bứt rứt mỗi lúc một thôi thúc Jane dữ dội hơn, và em bắt đầu bồn chồn đổi hết chân này sang chân kia.

“Thôi, con phải về nhà đây ạ,” em lên tiếng, dùng một câu mà mẹ thường nói với hy vọng nghe sẽ rất lịch sự. “Con rất lấy làm xin lỗi vì đã đến làm phiền cha.” Em lo ngại đưa mắt nhìn một vòng từ cửa sổ đến chỗ cửa ra vào.

Cha xứ đang đứng lặng người mãi mê suy nghĩ, giờ như hồi tỉnh lại, và tiến về phía khung cửa sổ kiểu Pháp. “Con ra về bằng lối này sẽ nhanh hơn. Cửa trước rất ít khi ta dùng.”

Cha xứ chìa tay ra cho Jane. “Ta rất vui mừng được làm quen với con, cô bé Drew ạ. Ta xin lỗi vì đã không thể giúp gì cho con được, nhưng ta phải nói thật là rất ít khả năng bờ biển có đặc điểm gì khác mà Cha Hawes-Mellor lại không vẽ trên bản đồ. Vì theo ta biết thì ông là một người vẽ bản đồ rất nổi tiếng. Ta rất vui vì con đã đến thăm ta.”

Ông ta nghiêm trang nghiêng đầu xuống khi bắt tay Jane, một động tác cổ lỗ và kỳ lạ làm em đột nhiên lại nhớ tới ông Withers khi ông ta chào mọi người ở Ngôi nhà Xám để đi về. Nhưng động tác của cha xứ có vẻ thành thạo hơn, em nghĩ, như thể ông Withers đã cố tình bắt chước vậy.

“Con chào cha,” em nói nhanh rồi chạy xuyên qua bãi cỏ cao, mềm mại về phía lối đi của ngôi nhà tồi tàn và yên ắng, để ra con đường dẫn về nhà.

CHƯƠNG 5

Khi Jane về đến Ngôi nhà Xám thì Simon và Barney đang huyền thuyên như khướu với Ông Merry trong phòng khách. Ông Merry ngồi sâu trong chiếc ghế bành lớn, lặng lẽ lắng nghe. Cả hai đều đang rạng rỡ vì kích động, thậm chí làn da vốn vẫn trắng trẻo của Barney còn bị nắng và gió làm cho ửng lên thành màu nâu phớt hồng.

“Con về rồi đấy à, con yêu,” mẹ nói. “Mẹ đã bắt đầu thấy lo rồi đấy.”

Simon la lên gọi Jane từ đầu kia căn phòng, “Trời, thế mà em không đi! Tuyệt diệu, như là ở giữa ngoài khơi ấy, lúc gió thổi từ phía sau tất cả lao đi cực nhanh, nhanh hơn cả thuyền máy... chỉ đến lúc về mới phải chạy bằng động cơ vì không có gió, nhưng cũng vẫn rất vui. Chú Withers cũng về đây uống một tách trà nhưng giờ thì chú ấy về rồi. Bố đi cùng chú ấy để mang về mấy con cá thu mọi người bắt được.”

“Thế cháu đã làm những gì, Jane?” Ông Merry hỏi nhỏ từ trong góc nhà nơi ông đang ngồi.

“Cũng chẳng có gì ông ạ,” Jane trả lời. “Cháu chỉ đi loanh quanh thôi.”

Nhưng khi cả ba đứa trẻ đã đi lên gác (bị bắt đi ngủ sớm vì, bố đã cả quyết nói ngay khi Simon giả làm tiếng còi tàu phía sau lưng ghế của bố, là chúng đã “quá mệt”), Jane gõ cửa phòng bọn con trai và đi vào kể cho chúng nghe phát hiện của em và việc em đến thăm cha xứ. Nhưng em không nhận được phản ứng nhiệt tình như mong đợi.

“Mày đã sao lại một phần bản vẽ cổ hả?” Simon gắng hỏi, giọng the thé cả lên vì hốt hoảng. “Còn mang đến cho ông ta xem?”

“Vâng, thì đúng thế,” Jane chống chế. “Nhưng mà lạy Chúa, có gì đáng ngại đâu nhỉ? Một nét vẽ chì trong một cuốn sách chỉ dẫn chẳng thể nói với ai điều gì cả.”

“Tốt hơn hết là mày đừng có làm gì với bản viết cổ đó trừ phi cả bọn mình đã cùng thống nhất.”

“Chẳng liên quan gì tới bản viết cổ cả, theo những gì ông ta được biết. Em chỉ nói với ông ta là em muốn tìm hiểu về bờ biển này thôi.” Vì cố gắng chữa cháy trước cơn giận dữ của Simon, Jane quên khuấy mất những cảm giác bứt rứt của mình khi gặp cha xứ. “Em tưởng là anh sẽ vui lắm vì em đã biết tám bản đồ ấy vẽ Mũi Kemare.”

“Chị ấy nói cũng phải đấy, anh ạ,” Barney cất tiếng từ phía chiếc gối của nó. “Phát hiện đó là cực kỳ quan trọng. Với những gì bọn mình biết được trước kia thì đó có thể là bản đồ vùng Timbuctoo cũng nên. Và nếu hóa ra đúng như lời cha xứ là Trewissick chẳng thay đổi gì kể từ hồi người ta vẽ tám bản đồ, thì điều đó sẽ có ích cho bọn mình lúc nào bọn mình tìm kiếm manh mối trên bản viết cổ kia.”

“Cũng có thể,” Simon miễn cưỡng nói, trèo lên giường và lấy chân đá bay đồng chăn ra. “Ừ, thì đúng là có ích thật. Thôi, mai mình sẽ bàn tiếp.”

“Rồi bọn mình sẽ bắt đầu một cuộc săn lùng,” Barney nói giọng ngái ngủ. “Chúc ngủ ngon nhé, chị Jane. Sáng mai bàn tiếp.”

“Chúc ngủ ngon.”

Nhưng buổi sáng hôm đó đã xảy ra nhiều chuyện hơn dự tính của bọn trẻ.

Simon dậy trước tiên, từ rất sớm. Không khí vẫn còn ấm áp như ngày hôm trước. Nó mặc nguyên bộ pyjama nằm trên giường, chăm chú nhìn lên trần nhà một lúc và nghe tiếng Barney thở đều đều từ chiếc giường bên kia. Nằm mãi đâm sốt ruột nên nó bò dậy đi chân trần xuống cầu thang, bụng đói cồn cào. Giá gặp bà Palk đang ở trong bếp chắc nó đã xơi hết hai suất ăn sáng một lúc.

Nhưng bà Palk hình như chưa đến, và ngôi nhà lặng im không một tiếng động. Chỉ đến khi đi đến mấy đợt cầu thang dưới cùng dẫn xuống hành lang thì Simon mới nhận ra có cái gì đó không ổn.

Mọi lần khi đi xuống ăn sáng, nó vẫn thường dừng lại để nhìn tấm bản đồ Cornwall cổ treo trên tường đoạn cầu thang rẽ xuống. Nhưng sáng nay khi nó dừng lại nhìn thì tấm bản đồ không còn ở đó nữa. Chỉ còn thấy vết hình chữ nhật trên nền giấy dán tường cho biết chỗ tấm bản đồ trước kia được treo; và khi Simon liếc nhìn bức tường dọc theo cầu thang vẫn thường treo tranh thì thấy còn thêm nhiều chỗ trống nữa.

Lòng đầy thắc mắc, nó từ từ đi xuống sảnh lớn. Nó nhìn thấy trên bức tường có thêm một vài khoảng trống hoác kỳ lạ nữa vì những bức tranh đã bị tháo đi, và cái phong vũ biểu treo cạnh một trong những ô trống đó thì bị đẩy lệch hẳn sang một bên.

Simon đi tới và chỉnh cái phong vũ biểu thẳng lại, cảm thấy phiến gỗ sàn lạnh toát dưới bàn chân trần. Nhìn suốt dọc hành lang dài dặc, thoát tiên nó không thấy có gì khác lạ nữa. Nhưng rồi nó nhận ra phía cuối hành lang, nơi ánh mặt trời đang chiếu từ bếp vào qua ô cửa để ngỏ, một vài tấm ván sàn đã bị giật ra và vứt vung vãi khắp nền nhà. Simon sững người, bối rối.

Nó bắt đầu đi dọc hành lang về phía bếp, bỗng quay ngoắt sang phải và xoay nắm đấm cửa mở vào phòng khách. Nắm đấm cửa kêu lên ken két dưới tay nó như mọi lần và Simon lo ngại mở cánh cửa ra, nhìn xung quanh. Nó bỗng há hốc mồm.

Căn phòng trông như đêm qua vừa có một trận lốc xoáy thổi tới. Những bức tranh xệch xeo trên tường hoặc bị xé ra khỏi khung vương vãi tơi tả dưới sàn, Simon giật mình nhìn thấy tất cả bàn ghế trong phòng đều bị vùi dưới hàng đồng sách.

Sách rơi khắp phòng, vung vãi khắp sàn, quyển mở, quyển gập, quyển lộn ngược; chất thành đồng trên bàn trên ghế, thành ụ trên tủ ly; còn tro khắc lại vài ba quyển trên những giá sách trống rỗng. Tất cả các tủ sách quanh tường vẫn bị khóa kín không cho ai động hễ đến giờ đều trống không. Những tấm cửa kính bám lông lẻo vào bản lề, quanh ổ khóa còn vương nhiều vụn gỗ; một hai cánh cửa bị tháo hẳn ra dựng vào tường. Mọi thứ trên giá sách đều bị quét xuống sạch trơn, ngăn kéo bên dưới bị kéo ra, giấy tờ bên trong tràn cả ra ngoài lẫn vào đám sách hỗn độn trên sàn. Trong không khí thoang thoảng mùi mốc và lơ lửng một lớp bụi.

Mất một lúc, Simon đứng như trời trồng, kinh hoàng trố mắt nhìn. Rồi nó xoay ngoắt lại lao lên gác, hét lên gọi bố.

Tất cả mọi người đều bị đánh thức dậy vì tiếng la của Simon. Đầu tiên là bố, rồi mọi người lần lượt lật đật chạy ra hành lang, trên người vẫn mặc nguyên pyjama và váy ngủ, theo Simon xuống cầu thang, kinh ngạc nhưng vẫn cố gắng hiểu những lời giải thích lộn xộn của nó.

“Cái gì thế?”

“Chuyện gì thế, nhà cháy rồi à?”

“Trộm!” Bố vừa theo xuống cầu thang vừa thốt lên ngờ vực. “Nhưng làm sao lại bị trộm ở một ngôi làng như thế này cơ chứ - trời cao đất dày ời!” Qua cánh cửa mở, bố đã trông thấy cảnh tan hoang trong phòng khách. Đến lúc mẹ, Jane và Barney nhìn theo mắt bố, thì cả nhà lặng đi, nhưng chẳng được lâu.

Khắp tầng hai của ngôi nhà, đâu đâu họ cũng gặp cùng một cảnh tượng như thế. Những cánh cửa tủ sách bị phá toang hoang, sách vở rơi xuống khỏi giá sách lỏng lỏng khắp nền nhà. Tất cả tủ và ngăn kéo đều bị phá khóa, giấy tờ bên trong lung tung ra ngoài. Thậm chí trong phòng ăn sáng, nửa tá sách nấu ăn cũ mềm cũng bị lôi khỏi giá.

“Bố không thể hiểu nổi,” bố chậm rãi nói. “Có kẻ trộm đột nhập vào đây nhưng mấy món đồ rõ ràng là có giá trị thì lại không bị động đến. Bức tượng nhỏ trên bệ lò sưởi kia chẳng hạn, hay cái cúp bạc trên cái tủ ly trong căn phòng phía trước kia. Chẳng có lý gì cả.”

“Chắc là kẻ nào đó khoái phá phách,” Barney nói vẻ nghiêm trang.

Simon chậm rãi, “Chúng chắc phải gây ra tiếng động ầm ĩ lắm. Vậy mà sao không ai bị đánh thức dậy nhỉ?”

“Mình cách đến hai tầng kia mà,” Barney nói. “Anh không thể nghe thấy gì khi ở tí trên ấy. Em cảm thấy khoái vụ này rồi đấy, bí hiểm thật.”

“Chị chẳng thấy có gì hay ho cả,” Jane run run. “Cứ thử nghĩ mà xem, có kẻ nào đó lũng sục khắp dưới này cả đêm trong khi mình vẫn ngủ ngon lành trên gác. Chỉ nghĩ thế chị đã sờn gai ốc lên rồi.”

“Cũng có thể là chẳng có ai cả,” Barney lại nói.

“Đừng có mà ngốc thế, chắc chắn phải có kẻ nào đó. Hay mày nghĩ tất cả những cuốn sách kia tự nhảy khỏi giá?”

“Cũng chẳng nhất thiết phải là người. Có thể là một giống ma đặc biệt nào đó chỉ thích ném đồ vật đi lung tung cho sướng chẳng hạn. Một con yêu... yêu quái...”

“Yêu tinh,” bố lơ đãng nhắc. Bố đang mở tất cả những tủ đựng đồ bạc để xem liệu có mất gì hay không.

“Đúng rồi đấy ạ. Một loại yêu tinh nào đó.”

“Này, bà Palk bảo ngôi nhà này bị ma ám đấy,” Jane thì thào. “Eo ôi.”

Mọi người tròn mắt nhìn nhau rồi bất chợt rùng mình.

Mẹ bỗng ở đâu hiện ra ngay trước cửa, cất tiếng nói làm mọi người giật mình: “Này, nếu thế thì đây là một con ma đi giày đế kép đầu tiên mà mẹ thấy đấy. Dick, anh ra đây mà xem này.”

Bố đứng thẳng dậy theo mẹ đi ra phía bếp, bọn trẻ con bám sát sau gót. Mẹ chỉ tay, không nói một lời nào.

Hai cửa sổ bếp đều mở tung, cửa to ngay phía trên bồn rửa bát, cửa nhỏ phía trên cửa to; cả

cửa ra vào cũng mở toang. Trên mặt bàn lát gạch trắng bên cạnh bồn rửa có dấu vết mờ mờ nhưng không thể nhầm lẫn được của một dấu chân. Một dấu chân to với vết chéo ngang để giày; trên ngưỡng cửa sổ cũng có dấu vết chéo như vậy.

“Kỳ thật!”

“Con ma của các con đây rồi,” bố reo lên nhưng trông vẻ mặt lại chẳng có chút gì là vui vẻ.

Rồi bố vội quay lại phía chúng. “Nào, đi thôi, tất cả các con, đi lên gác và thay quần áo mau. Các con đã thấy hết cái cần thấy rồi đấy. Không” - bố xua tay với lũ trẻ đang bắt đầu phản đối kịch liệt. - “Đây không phải là trò chơi, cực kỳ nghiêm trọng đấy. Chúng ta sẽ phải gọi cảnh sát và bố không muốn các con chạm vào bất kỳ thứ gì trước khi cảnh sát đến. *Đi nào!*”

Bố lên giọng cho thấy mọi tranh cãi đến đây là chấm dứt. Simon, Jane và Barney miễn cưỡng lê bước ra khỏi bếp, đi dọc theo hành lang, rồi đứng sững lại dưới chân cầu thang, nhìn lên. Ông Merry đang nặng nhọc bước xuống cầu thang trong bộ pyjama đỏ chóa, đám tóc bạc của ông dựng đứng hết cả.

Ông ngáp một cái rõ to và dụi mắt về bối rối. “Không được,” ông làu bàu trong miệng. “Không thể hiểu được... ngủ mê mết... kì lạ chưa từng thấy...” Ông bắt gặp cái nhìn của bọn trẻ. “Chúc buổi sáng tốt lành,” ông nói vẻ nghiêm trang, cứ như thể ông đang ăn mặc hết sức chỉnh tề vậy. “Không hiểu sao sáng nay người ông cứ mụ đi, mà huyên não ầm ĩ gì dưới này vọng lên tận trên gác rồi chứ. Có chuyện gì chẳng?”

“Chúng ta bị *trộm*...!” Simon bắt đầu kể, nhưng bố đã từ bếp sai chân bước theo chúng và vỗ tay. “Đi nào, đi nào, bố đã bảo tất cả đi lên và thay quần áo... Ôi tốt quá, chú đây rồi, chú Merry. Đã xảy ra một việc kỳ lạ hết sức...” Bố liếc xéo bọn trẻ và cả bọn vội vàng chạy lên gác.

Sau bữa sáng, cảnh sát từ St Austell mới đến: một viên trung sĩ trông rắn chắc, mặt mũi hồng hào, và một anh cảnh sát trẻ măng lẳng nhẳng theo sau như cái bóng câm lặng. Simon háo hức đợi những câu hỏi sốt sắng về việc nó đã phát hiện được vụ trộm ra sao. Ít nhất, nó lo lắng tự nhủ, mình cũng sẽ được viết một bản tường trình. Nó cũng không biết chắc tường trình có nghĩa là gì, nghe thì cũng quen quen và có vẻ rất quan trọng.

Nhưng viên trung sĩ chỉ hỏi nó, chất giọng Cornwall ấm áp dần từng chữ: “Cháu xuống đây đầu tiên hử?”

“Vâng, đúng thế.”

“Đã động vào cái gì chưa?”

“Chưa, chưa động vào cái gì đâu ạ. À, cháu có nắn thẳng cái phong vũ biểu. Nó hơi bị lệch.” Nhìn qua đồng hồ điện, Simon chợt nghĩ câu này của mình thật là ngớ ngẩn.

“À, thế có nghe thấy gì không?”

“Không ạ.”

“Mọi thứ đều như bình thường hử, trừ những chỗ bị xáo trộn ra hử?”

“Vâng, đúng vậy.”

“À,” viên trung sĩ đáp. Ông ta toét miệng cười với Simon đang nóng ruột nhấp nhồm trên mép ghế. “Xong rồi, lần *lày* chỉ thế thôi.”

“Ồ,” Simon xếp lếp như một quả bóng xì hơi. “Thế thôi ạ?”

“Chắc là vậy,” viên trung sĩ bình thản nói, tay giặt chiếc áo xuống ngang thắt lưng béo mập. “*Lào*, thưa ông,” ông ta nói với bố, “liệu chúng ta có thể xem qua vết chân mà ông *lói* là ông đã phát hiện ra...”

“Vâng, tất nhiên rồi.” Bố dẫn họ đi xuống bếp. Bọn trẻ kéo nhau đi theo, lấp ló nhìn trộm qua cửa. Viên trung sĩ dừng dừng ngó vết chân một lát rồi nói với anh chàng cảnh sát câm lặng, “Giờ thì ghi lại kỹ dấu vết *lày* nhé, cậu George,” và nặng nhọc quay trở lại đóng ngón ngang trong phòng khách.

“Ông *lói* là hình như không mất gì phải không?”

“À, cũng khó có thể nói chính xác được, ngôi nhà này chúng tôi thuê mà,” bố trả lời. “Nhưng hình như không mất cái gì đáng giá cả. Đồ bạc vẫn còn nguyên, mà cũng chẳng có gì nhiều. Cái cúp kia chẳng hạn, ông thấy đấy, không hề bị động đến. Mà hình như chúng chỉ đến tìm sách thì phải, mà cái đó thì tôi không thể biết chắc được. Có thể đúng là đã mất cái gì đó mà chúng tôi không biết.”

“Đích thực là một cảnh hỗn loạn.” Viên trung sĩ cúi xuống một cách khó khăn và nhặt lên một quyển sách. Một lớp mạng nhện mỏng đen sì dính lên đầu những trang sách. “Rất cổ, những cuốn sách *lày* - rất có giá trị, có thể lắm. Ông ta khá giàu, ông thuyền trưởng ấy, tôi tin là như vậy.”

“Tôi có ý kiến được không, thưa ông trung sĩ...” Ông Merry rụt rè lên tiếng từ mé bên kia.

“Gì thế, Giáo Sư?” Trên bộ mặt hồng hào đặc nông dân của viên trung sĩ hiện lên một nụ cười tươi tắn khi nhìn thấy Ông Merry; ngay cả ông ta có vẻ cũng biết rõ Ông Merry, thật không hiểu nổi.

“Tôi không có cơ hội để xem xét kỹ, vì hầu hết các tủ sách đều bị khóa. Nhưng tôi có thể nói rằng rất ít sách trong ngôi nhà này có giá trị, nhất là với các nhà buôn. Chẳng có cuốn nào đáng giá quá vài bảng.”

“*Lực* cười thật. Hình như chúng tìm cái gì đó đấy chứ... đây, nhìn đây *lày*.” Viên trung sĩ gạt mấy tờ giấy rơi trắng cả sàn nhà ra và họ thấy một đồng khung tranh rỗng.

“Đấy là những khung tranh treo ở sảnh,” Simon bật ra ngay. “Cái khung mạ vàng đầy vết lồi lõm là để treo tấm bản đồ trên đầu cầu thang.”

“Hừm. Chẳng còn bản đồ *lào* cả. Bị lột hết rồi. Nhưng tôi vẫn dám cá rằng chúng ta sẽ thấy *ló* ở đâu đó trong đồng lộn xộn *lày* thôi.” Viên trung sĩ đứng di di gót chân, nhìn những tủ sách méo mó và đồng sách trên sàn với vẻ ái ngại. Ông ta xoa xoa một cái nút bạc sáng lóa trên áo về nghĩ ngợi rồi cuối cùng quay lại phía bố về cả quyết. “Chẳng qua là bọn côn đồ chuyên đi quây phá thôi, tôi cho là vậy, thưa ông. Chẳng có một cách giải thích *lào* khác cả. Mặc dù ở khu vực *lày* hiếm khi xảy ra mấy chuyện đó.”

“A,” anh cảnh sát trẻ kêu lên tiếc rẻ và ngay lập tức đỏ mặt lên, bối rối nhìn xuống chân.

Viên trung sĩ mỉm cười tươi tắn với anh ta. “Có ai đó cấm ông thuyền trưởng, tôi dám chắc là như vậy, và chúng xoay sang trả thù đám đồ đặc của ông ấy. Có thể một hai người quanh đây không ưa ông ấy, ông ấy là cáo già kỳ cục lắm. Có phải vậy không, Giáo Sư?”

“Anh gọi ông ấy như thế cũng được,” Ông Merry trả lời cho qua chuyện. Ông đứng nhìn viên trung sĩ, trán cau lại vẻ khó hiểu.

“Ở một *loi* nhỏ như Trewissick thì đột nhập vào nhà cũng chả khó lắm,” viên trung sĩ nói. “Vì chẳng ai nghĩ chuyện đó sẽ xảy ra, *lên* họ đều để cửa sổ mở... thế tối hôm qua ông có đóng cửa không, bác sĩ Drew?”

“Có, lúc nào tôi cũng đóng, cả cửa trước và cửa sau.” Bồ gãi đầu. “Tôi thề là chẳng còn cái cửa sổ nào ở tầng dưới để mở cả, nhưng tôi cũng phải thú nhận là tôi đã không đi một vòng để kiểm tra.”

“Ừ, chắc là không rồi, ông đâu có nghĩ sẽ xảy ra chuyện *lày*... tôi cũng thấy rối tinh chẳng hiểu tại sao kẻ nào đó lại muốn liều một phen, chỉ quậy phá một *loi* xong rồi chẳng lấy đi cái gì cả. Giờ tôi muốn xem lại vết chân đó một lần *lữa*...” Ông ta đi ra khỏi phòng.

Simon vẫy tay ra hiệu cho Jane và Barney ở lại. “Côn đồ à,” nó tư lự nói. Nó nhặt một cuốn sách đang úp sấp xộc xệch trên thảm lên và nhẹ nhàng gấp lại.

“Nghe có vẻ không hợp lý lắm,” Jane nói. “Chúng phá phách tan tành quá. Tất cả các ngăn kéo đều bị mở và mọi cuốn sách đều bị lấy xuống.”

“Và mọi tấm bản đồ đều bị tháo ra khỏi khung,” Barney tiếp lời. “Nhưng chỉ là bản đồ thôi, anh có thấy không? Chẳng có một bức tranh nào cả.”

“Mấy tên trộm chắc đang tìm kiếm một cái gì đó.”

“Và chúng đi khắp nhà bởi vì chúng vẫn chưa tìm ra.”

“Có lẽ là cái đó không ở dưới nhà,” Simon chậm rãi nói.

“Ờ, nhưng nó cũng không thể có ở trên gác được.”

“Làm sao mà chị biết được?”

“Đừng có mà ngốc thế chứ, trên gác làm gì có cái gì, có mỗi bọn mình thôi.”

“Không có thật không?”

“Ờ thì...” Jane ậm ờ, và bỗng nhiên cả ba đưa nhìn nhau hốt hoảng. Chúng quay ngoắt lao ra khỏi phòng và chạy lên cầu thang, đến phòng ngủ tầng hai, nơi có cái tủ đồ sộ đứng chắn giữa giường ngủ của Simon và của Barney.

Simon vội vàng kéo một cái ghế lại và nhảy lên quờ tay trên nóc tủ. Mặt nó thần ra hoảng hốt. “Mất rồi!”

Một sự im lặng đáng sợ trùm lên một lúc. Rồi bỗng Jane ngồi phịch xuống giường của Barney cười rình rích mãi không thôi.

“Thôi ngay!” Simon quát lên, nghe giống hệt giọng nói đầy uy quyền của bố.

“Em xin lỗi... không sao cả, vì nó đã mất đâu,” Jane cố gắng nói yếu ớt. “Nó đang ở trên giường của em.”

“Trên *giường* của mày?”

“Vâng, em đã lấy nó xuống. Giờ nó vẫn còn ở đó. Em quên khuấy đi mất.” Jane lập bập nói rồi cố trấn tĩnh trở lại. “Khi đến nhà cha xứ, em không muốn mang nó theo nên em phải giấu đi đâu đó trong phòng. Vì vậy em nhét xuống ga trải giường. Đó là nơi gần nhất. Tối hôm qua em quên mất là em để nó ở đó nên em đi ngủ mà chẳng nhớ gì cả. Đi nào.”

Phòng ngủ phía trước tràn ngập ánh nắng, và qua cửa sổ biển xanh lấp lánh vui tươi như thể chẳng gì có thể khuấy động thế giới này vậy. Jane giật mạnh tấm ga trải giường nhàu nát và bọn trẻ nhìn thấy trong góc cuối giường là cái hộp đựng kính viễn vọng.

Chúng ngồi thành một hàng trên thành giường và Jane mở cái hộp ra trong lòng. Tất cả im lặng nhìn cái hình trụ rỗng quen thuộc có tấm bản đồ cổ ở bên trong và thấy nhẹ nhõm cả người.

“Mấy đứa có thấy đây là nơi an toàn bậc nhất không?” Simon nghiêm nghị nói. “Bọn chúng chắc đã tìm khắp mọi nơi nhưng chúng không thể tìm trên giường của Jane mà không đánh thức em dậy được.”

“Chị không nghĩ là bọn chúng đã đi lên phòng chị để tìm hay sao?” Mặt Barney tái nhợt đi.

“Bọn chúng có thể đã tìm khắp mọi nơi.”

“Ôi, chuyện này thật là ngớ ngẩn.” Jane lắc đầu làm cái đuôi tóc của em vung vẩy cứ như thể muốn đẩy mọi thứ ra khỏi đầu vậy. “Làm thế nào bọn chúng biết được về bản viết cổ này cơ chứ? Bọn mình tìm thấy nó trên tầng áp mái, rõ ràng đã bị giấu biệt đi hàng bao năm trời nay rồi. Có khi hàng thế kỷ nay chẳng có ai lên tầng áp mái đó ấy chứ - nhớ lại đám bụi trên cầu thang mà xem.”

“Anh không biết,” Simon nói. “Có quá nhiều chuyện anh chẳng hiểu nổi. Anh chỉ biết là anh thấy bản viết cổ đó có gì là lạ kể từ lúc Jane nói cái ông cha xứ đó bỗng tỏ ra phấn khích khi nhìn thấy bản sao của tấm bản đồ.”

Jane nhún vai. “Làm sao cha xứ lại có thể là người xấu được. Mà ông ta cũng chẳng biết chút xíu gì về bản viết cổ cả. Ông ta có hỏi một vài câu nhưng em nghĩ đơn giản là ông ấy chỉ tò mò mà thôi.”

“Chờ chút,” Barney chậm rãi nói. “Em vừa nhớ ra một việc. Còn một người khác cũng đã hỏi han. Là chú Withers, trên thuyền, ngày hôm qua, khi em đang ở dưới cabin lấy đồ ăn trưa cùng chú ấy. Đầu tiên chú kể rất nhiều chuyện kỳ lạ về Ngôi nhà Xám, rồi cứ bảo em hãy kể cho chú nghe xem bọn mình có nhìn thấy cái gì thật cổ không... bất kỳ” - Barney nuốt nước bọt khan - “bất kỳ cuốn sách cổ, bản đồ cổ hoặc là giấy tờ gì đó...”

“Ôi không,” Simon kêu lên. “Không phải là chú ấy chứ!”

“Nhưng dù là ai đi nữa,” Barney nói nhỏ nhưng rõ ràng, “thì rõ ràng là chúng đang tìm kiếm bản viết cổ này, phải vậy không?”

Ngồi đó trong cái tĩnh mịch của Ngôi nhà Xám, cả ba đứa trẻ đều hiểu đúng là như vậy.

“Chắc là chúng muốn có nó kinh khủng khiếp.” Simon nhìn xuống bản viết cổ. “Là cái phần có tấm bản đồ ấy, chính nó đấy. Bằng cách nào đó có kẻ đã biết nó đang ở trong ngôi nhà này. Ôi, ước gì bọn mình hiểu bản viết cổ này nói gì nhỉ.”

“Này,” Jane lên tiếng, vẻ nhất quyết, “mình phải nói cho bố mẹ biết thôi.”

Simon vênh cằm lên. “Chẳng tích sự gì đâu. Mẹ sẽ chỉ lo cuống lên thôi. Em không hiểu à, lúc đó bọn mình sẽ chẳng còn lấy một cơ hội cón con nào để tự tìm hiểu nó nữa. Nếu *đúng* là nó dẫn đến một kho báu bí mật thì sao?”

“Em chẳng muốn tìm thấy một kho báu đáng ghét nào hết. Nếu mình cứ tìm thì biết đâu sẽ xảy ra chuyện gì đó rất kinh khủng.”

Barney quên cả sợ khi thấy có nguy cơ quyền sở hữu của nó bị xâm phạm. “Giờ mình không thể nói cho bất kỳ ai khác biết được. Chúng mình là người tìm ra nó. Chính em đã tìm ra, nên cuộc săn lùng này phải là của em.”

“Em còn quá nhỏ nên không hiểu được đâu,” Jane lên giọng bà chi. “Chúng ta phải nói cho ai đó biết... Bố chẳng hạn, hoặc là cảnh sát. Đấy em xem,” em buồn rầu nói thêm. “Sau sự kiện tối hôm qua, nhất định chúng ta phải làm cái gì đó chứ.”

“Các con ơi!” Tiếng mẹ vang lên rất gần từ phía cầu thang ngoài cửa phòng. Bọn trẻ bị bất ngờ nhảy dựng lên luống cuống, Simon vội giấu hộp đựng bản viết cổ ra sau lưng.

“Mẹ ạ?”

“À, các con đây rồi.” Mẹ hiện ra trên ngưỡng cửa, trông vẫn còn lo lắng. “Cả buổi sáng nay ngôi nhà sẽ bị xáo tung lên đấy - các con có muốn đi bơi không, rồi quay về nhà ăn trưa muộn một chút - khoảng một giờ rưỡi nhé? Chiều nay Ông Merry muốn đưa các con đi dạo đấy.”

“Được mẹ ạ,” Simon đáp, và mẹ lại quay đi.

“Đúng rồi!” Barney dấm mạnh vào chiếc gối reo lên, giọng sung sướng và nhẹ nhõm hẳn. “Đúng rồi, tại sao mình lại không nghĩ ra nhỉ? Bọn mình có thể nói với một người mà mọi việc vẫn tốt đẹp. Bọn mình có thể nói với Ông Merry!”

CHƯƠNG 6

“Đi nào,” Ông Merry vừa nói vừa sải bước xuống dưới đồi về phía bến cảng. “Buổi chiều hôm nay mà đi bộ sẽ rất tuyệt đây. Thế bây giờ các cháu thích đi đâu nào?”

“Đến nơi nào thật vắng vẻ ấy ạ.”

“Đến nơi nào cách đây hàng dặm ấy ạ.”

“Đến nơi nào mà chúng ta có thể nói chuyện riêng được ấy ạ.”

Ông Merry nhìn xuống bọn trẻ, từ khuôn mặt căng thẳng này sang khuôn mặt căng thẳng khác. Nhưng về mặt bình thần dũng dũng của ông vẫn không thay đổi và ông chỉ trả lời ngắn gọn, “Được thôi,” rồi sải bước dài hơn đến nỗi bọn trẻ phải chạy mới theo kịp. Ông không hỏi gì, mà chỉ im lặng bước đi. Mấy ông cháu leo qua con phố nhỏ ngoằn ngoèo bên cạnh bến cảng đối diện với Đỉnh Kemare và Ngôi nhà Xám, men theo con đường dọc mỏm đá nhô ra biển, qua những căn nhà cuối làng nằm rải rác, cho đến khi một dải xanh tím hùng vĩ của mũi đất đối diện hiện ra trước mắt họ.

Bốn ông cháu ì ạch leo lên dốc, vượt qua những bụi cây thạch nam và cây kim tước đầy gai, qua những tảng đá xám gồ ghề, loang lổ những mảng vàng của đám địa y đang nằm phơi trong nắng gió. Khi ở dưới bến cảng thì chẳng có lấy một hơi gió nào, nhưng ở đây gió thổi lồng lộng bên tai họ.

“Ôi trời ơi,” Barney dừng lại, quay ra phía ngoài, nhìn xuống và reo lên: “Xem kìa!” Mọi người quay đầu nhìn theo hướng nó chỉ và thấy bến cảng xa tít ở phía dưới còn Ngôi nhà Xám thì nhỏ xíu trên con đường mảnh như một sợi chỉ tơ. Mấy ông cháu đã đứng cao hơn cả mũi đất nơi họ ở, vậy mà sườn dốc đá lởm chởm phía trên vẫn tiếp tục vươn đến tận trời xanh.

Họ quay đi và tiếp tục trèo lên dốc, cuối cùng thì cũng lên được đỉnh cao nhất của mũi đất, phía dưới, mép sóng trải dài tựa như một tấm bản đồ sống động ở hai bên, và phía sau đó là mặt biển xanh mênh mông. Có một tảng đá granite nằm nghiêng nhưng nhô cao hơn tất cả những tảng đá khác trên đường họ trèo lên, và Ông Merry ngồi dựa lưng xuống đó, đôi chân co lên vừa dài vừa khắng khiu dưới lớp quần nhung kẻ màu nâu bay lật phật. Bọn trẻ đứng xúm lại, nhìn xuống. Dải đất trước mắt chúng trông lạ hoắc; một thế giới tĩnh mịch và huyền bí với những đỉnh đồi nhỏ và những thung lũng vô hình, màu sắc của chúng hòa quyện vào nhau trong hơi nóng mờ ảo của mùa hè.

“*Hic incipit regnum Logri...*” Ông Merry nói, mắt nhìn ra xa cùng ba đứa trẻ, cứ như ông đang đọc những dòng chữ khắc ở đâu đó vậy.

“Thế có nghĩa là gì hả ông?”

“Nơi đây bắt đầu Vương Quốc Lorges... Nào, ba cháu, lại đây và ngồi xuống.”

Chúng quây quần ngồi xuống cạnh ông, thành một vòng bán nguyệt phía trước tảng đá lớn. Ông Merry ngắm bọn trẻ tựa như một vị vua ngự trên ngai vàng. “Nào,” ông nhẹ nhàng hỏi, “ai sẽ là người nói cho ông nghe đang có chuyện gì?”

Trong bầu không khí yên tĩnh chỉ có tiếng gió thổi vi vu, Jane và Barney cùng nhìn về phía Simon. “Dạ, đó là về bọn trộm ạ,” nó ngập ngừng nói. “Chúng cháu sợ là...” và thế rồi cả ba đứa bắt đầu tranh nhau kể với ông.

“Tối hôm nọ khi cô Withers đến chơi cô ấy cứ hỏi bọn cháu về Ngôi nhà Xám, và liệu rằng bọn cháu có tìm thấy cái gì không.”

“Trên thuyền chú Withers cũng vậy, chú ấy cứ hỏi cháu về những quyển sách cổ.”

“Đêm qua ấy, dù là ai đi chẳng nữa thì rõ ràng bọn chúng chỉ lục lọi đồng sách và những tấm bản đồ cổ thôi...”

“... chúng đang tìm kiếm tấm bản đồ đấy, chắc bọn chúng đã...”

“... chỉ vì bọn chúng không biết phải tìm ở đâu thôi, và chúng không biết rằng chúng cháu đang giữ nó rồi.”

“Giả sử lũ ấy mà biết bọn cháu có nó thì chúng sẽ bám theo bọn cháu liền...”

Ông Merry giơ một cánh tay lên, nhưng cả người ông vẫn bất động. Cầm ông nghech lên. Trông ông có vẻ như đang chờ đợi một điều gì đó. “Từ từ đã nào,” ông nói. “Nếu đúng các cháu đã tìm thấy thứ gì đó trong Ngôi nhà Xám thì nó là cái gì vậy?”

Simon sờ soạng bên trong balô. Nó lấy hộp kính viễn vọng ra và đưa cuộn giấy cho Ông Merry. “Chúng cháu tìm thấy cái này.”

Không nói một lời, Ông Merry cầm lấy cuộn giấy và từ từ trải ra trên đầu gối. Ông yên lặng ngắm soi tấm da một lúc lâu, và bọn trẻ có thể thấy mắt ông đang di chuyển theo những con chữ.

Cơn gió trên mũi đất khe khẽ rên rỉ quanh mấy ông cháu, và mặc dù lúc bọn trẻ quan sát thì vẻ mặt Ông Merry chẳng mấy may thay đổi, bỗng nhiên chúng hiểu ra rằng một cảm xúc mãnh liệt nào đấy đang trào lên trong lòng ông. Như một luồng điện, nó phóng qua không khí, vừa phấn khích vừa đáng sợ; mặc dù chúng không thể hiểu được đó là cảm xúc gì. Cuối cùng rồi ông cũng ngẩng đầu lên, phóng tầm mắt bao quát những ngọn đồi vùng Cornwall trải dài ở đằng xa; và ông thở phào một hơi thật dài như đã giữ sạch được mọi muộn phiền của cả nhân gian.

“Các cháu tìm thấy nó ở đâu vậy?” ông hỏi, và bọn trẻ giật mình trước giọng nói nhẹ nhàng quen thuộc, như thể giọng nói ấy đã kéo chúng ra khỏi một thứ bùa mê.

“Trên gác xép ạ.”

“Có một cái gác xép rộng lắm, đầy bụi bặm và linh kính đồ đạc, chúng cháu đã tìm thấy cánh cửa đằng sau tủ quần áo trong phòng, và có một thang gác để đi lên đó.”

“Cháu tìm thấy nó đấy ạ,” Barney lanh chanh. “Cháu vớt cái lõi tảo đi, nhưng lại phải tìm nhặt lên vì sợ đám chuột bò ra, và cháu đã ngẫu nhiên tìm thấy bản viết cổ này trong một hốc nhỏ bên dưới sàn nhà.”

“Nó là cái gì, hả ông Gumerry?”

“Nó viết gì ạ?”

“Nó rất rất cổ phải không ông?”

“Nó có quan trọng không ạ? Có phải nó viết về kho báu bí mật không ạ?”

“Cũng gần như vậy,” Ông Merry trả lời. Đôi mắt ông như mờ đi, không tập trung vào một điểm nào nhất định, nhưng khóe miệng ông giật giật. Không hiểu sao, dù không cười, trông ông vẫn vui sướng hơn bao giờ hết. Jane nhìn ông ngẫm nghĩ: bình thường khuôn mặt ông lúc nào cũng buồn bã, thế nên bây giờ trông ông mới khác đến thế.

Ông đặt tấm bản đồ cổ vào lòng, nhìn đi nhìn lại từ Jane sang Simon rồi đến Barney. Dường như ông đang tìm từ để giải thích cho bọn chúng.

“Các cháu đã tìm thấy một thứ có lẽ còn quan trọng hơn các cháu tưởng rất nhiều,” cuối cùng ông cũng nói.

Chúng chăm chú nhìn ông. Ông Merry lại đưa mắt về phía những quả đồi.

“Các cháu có nhớ những câu chuyện cổ tích mà các cháu đã được nghe kể khi còn nhỏ không - ‘ngày xưa ngày xưa...’ Các cháu có biết tại sao các câu chuyện luôn được bắt đầu như thế không?”

“Bởi vì những câu chuyện đó không có thật,” Simon nhanh nhẩu trả lời.

Bị lôi cuốn bởi sự huyền hoặc của mũi đất cao hẻo lánh ấy, Jane nói, “Có lẽ do chúng đã từng là chuyện thật, nhưng không còn ai nhớ rõ là khi nào nữa.”

Ông Merry quay về phía Jane, mỉm cười. “Đúng rồi đấy. Ngày xưa ngày xưa... cách đây đã lâu lắm rồi... những điều đó có thể đã xảy ra, nhưng được kể đi kể lại nhiều quá đến nỗi không còn ai biết chính xác nữa. Và ẩn sâu đằng sau những gì mọi người thêm thắt vào, những thanh kiếm thần hay những cây đèn thần, tất cả đều nói lên một điều - người anh hùng thiện chống lại tên khổng lồ, mục phù thủy hay là ông bác xấu xa. Cái thiện chống lại cái ác. Thiên thần chống lại quỷ dữ.”

“Như truyện *Cô bé Lọ lem* ông nhỉ.”

“Như truyện *Aladdin*.”

“Truyện *Jack Người tiêu diệt Gã khổng lồ*.”

“Và tất cả những truyện khác nữa.” Ông lại nhìn xuống, những ngón tay vuốt vuốt cái mép cong lên của tấm giấy da. “Các cháu có biết bản viết cổ này nói về cái gì không?”

“Về vua Arthur ạ,” Barney trả lời ngay. “Và vua Mark nữa. Anh Simon đã đọc được những tên đó, bằng tiếng Latinh.”

“Thế các cháu biết gì về vua Arthur nào?”

Barney khoái chí nhìn các khán giả bất đắc dĩ của mình, hít một hơi thật dài để chuẩn bị tuôn ra hàng tràng, nhưng không hiểu sao tự nhiên nó lại lắp bắp: “À, ờ... ngài là vua nước Anh, ngài có rất nhiều hiệp sĩ phụng sự cho ngài trong Hội Bàn Tròn, ví dụ như Lancelot, Galahad, Kay và các hiệp sĩ khác nữa. Họ tham gia vào những trận đấu thương trên ngựa và cứu sống nhiều người từ tay những hiệp sĩ xấu xa. Và vua Arthur đã chiến thắng trong tất cả các trận đấu với thanh kiếm Excalibur của mình. Cháu nghĩ đó chính là cuộc chiến của cái thiện chống lại cái ác, như trong các câu chuyện cổ tích ông vừa nói đấy ạ. Chỉ có điều nhà vua là có thật thôi.”

Nụ cười lặng lẽ đầy vẻ hài lòng của Ông Merry lại một lần nữa hiện lên. “Và Arthur làm vua

nước Anh khi nào?”

“Dạ...” Barney lơ đãng phẩy phẩy bàn tay. “Cách đây đã lâu lắm rồi...”

“... giống như trong truyện cổ tích ấy,” Jane nói nốt hộ nó. “Chị hiểu rồi. Nhưng ông Gummerly ơi, ông đang định nói gì với bọn cháu ạ? Có phải vua Arthur cũng chỉ là truyền thuyết thôi không ạ?”

“Không phải!” Barney tức tối phản bác.

“Đúng rồi đấy,” Ông Merry nói. “Vua Arthur là người có thật. Nhưng chuyện tương tự lại xảy ra, các cháu thấy không - nhà vua đã sống cách đây quá xa đến nỗi giờ chẳng còn chứng cứ gì về sự tồn tại của ngài nữa. Và vì vậy nhà vua chỉ còn là một câu chuyện, một huyền thoại mà thôi.”

Simon mân mê nghịch quai balô. “Nhưng cháu vẫn chưa hiểu bản viết cổ này thì có dính dáng gì chứ.”

Những cơn gió từ mũi đất thổi tung mái tóc bạc của Ông Merry đang in hình trên nền trời, và khi ông nhìn xuống, trông ông đầy vẻ nghiêm trang và uy nghi.

“Hãy kiên nhẫn một chút. Và lắng nghe cho kỹ đây, vì có thể các cháu sẽ thấy câu chuyện này khá là khó hiểu đấy.

“Trước tiên, các cháu đã nghe ông kể về Logres rồi phải không. Đó là một cái tên cổ của vùng đất này, cách đây hàng nghìn năm; trong những ngày đó, cuộc chiến giữa cái thiện và cái ác diễn ra quyết liệt và công khai hơn bây giờ nhiều. Cuộc chiến ấy luôn diễn ra ở quanh chúng ta, giống như hai đội quân đang chiến đấu trên chiến trường vậy. Có lúc dường như bên này giành lợi thế, có lúc lại là bên kia, nhưng nói chung chẳng có bên nào giành thắng lợi tuyệt đối. Và sẽ chẳng bao giờ có chiến thắng,” ông hạ giọng như nói với chính mình, “vì trong mỗi con người chúng ta đều có cả cái thiện và cái ác.

“Đôi khi, qua nhiều thế kỷ, cuộc chiến nghìn đời này đi đến hồi gay cấn. Cái ác trở nên lớn mạnh và gần như chiến thắng. Nhưng cùng lúc trên thế giới luôn xuất hiện một người chỉ huy, một con người vĩ đại, đôi khi còn hơn cả một con người, dẫn dắt cái thiện giành giật lại đất đai và những con người tưởng như đã mất.”

“Đó là vua Arthur,” Barney chen vào.

“Vua Arthur là một trong những người đó,” Ông Merry nói. “Ngài đã chiến đấu chống lại những kẻ muốn chiếm lấy Logres, những kẻ đã cướp bóc, tàn sát và phá vỡ mọi quy luật của cuộc chiến. Ngài là một người nhân từ và mạnh mẽ, ngày đó ai ai cũng tin tưởng ngài tuyệt đối. Với niềm tin vững chắc ấy hậu thuẫn, quyền lực vua Arthur lớn vô cùng - đến nỗi trong những câu chuyện về sau, người ta đồn rằng ngài được phép thần giúp sức. Nhưng phép thần chỉ là một cách nói mà thôi.”

“Cháu đoán là ngài đã không chiến thắng,” Jane nói, cả quyết một cách bất ngờ, “không thì từ bấy đến nay đã chẳng xảy ra chiến tranh nữa rồi.”

“Đúng, ngài đã không chiến thắng,” giọng Ông Merry nghe như xa dần, và ngay cả trong ánh nắng chiều rực rỡ, theo mỗi lời thốt ra ông lại càng trở nên tách biệt hơn, cổ xưa hơn tựa như tảng đá sau lưng ông, tựa như thế giới xa lắc mà ông đang nói đến vậy.

“Nhà vua không bị đánh bại hoàn toàn nhưng ngài cũng không thắng lợi hoàn toàn. Chính vì thế cuộc chiến giữa cái thiện và cái ác vẫn không ngừng tiếp diễn kể từ ngày đó. Nhưng cái

thiện đã trở nên lúng túng, và từ thời xứ Logres cổ đại, cái thiện cố gắng khôi phục sức mạnh do vua Arthur truyền lại. Nhưng chưa bao giờ làm được. Quá nhiều thứ đã bị lãng quên.

“Nhưng những người còn nhớ đến thế giới xa xưa vẫn tiếp tục săn lùng cái bí mật ấy từ bấy đến giờ. Và còn có một thế lực khác cũng đi săn lùng - đó là kẻ địch, những kẻ độc ác với trái tim giá lạnh đầy lòng tham, giống như những kẻ mà vua Arthur đã chiến đấu chống lại.”

Ông Merry nhìn ra xa xăm, mái đầu ông tạc lên bầu trời như đầu một pho tượng đầy kiêu hãnh, cổ kính hàng nghìn năm, nhưng vẫn không hề khác trước. “Ông cũng không ngừng săn lùng,” ông nói. “Từ rất, rất nhiều năm rồi.”

Đám trẻ trở mắt nhìn ông, với lòng kính trọng pha chút sợ hãi. Trong giây lát ông trở nên lạ lẫm, một người mà chúng chưa từng quen biết. Trong lòng Jane bỗng dấy lên một cảm giác kỳ lạ như Ông Merry không hề tồn tại và sẽ biến mất nếu chúng tỏ mạnh hay cất tiếng.

Ông lại cúi xuống nhìn đám trẻ. “Ông vừa mới biết được rằng khu vực này của Cornwall có thứ mà ông đã cố công tìm kiếm,” ông nói tiếp. “Ông chỉ không biết rằng chính mấy đứa trẻ các cháu lại là người phát hiện ra nó. Và ông cũng không biết các cháu đang tự đặt mình vào hoàn cảnh nguy hiểm gì đây.”

“Nguy hiểm ạ?” Simon nghi ngờ.

“Vô cùng nguy hiểm,” Ông Merry đáp, nhìn thẳng vào nó. Simon nuốt nước bọt một cách khó khăn. “Tấm bản đồ cổ này, Simon ạ, đã đẩy tất cả các cháu vào giữa trận chiến. Ồ, sẽ không có ai thọc dao vào lưng các cháu đâu - mưu mô của chúng xảo quyệt hơn thế nhiều. Và cũng nhiều khả năng thành công hơn.” Ông lại ngó xuống tấm bản đồ cổ lần nữa. “Đây,” ông nói, giọng bình thản hơn, “chỉ là một bản sao.”

“Một bản sao ạ?” Barney thắc mắc. “Trông nó cũ kỹ thế cơ mà.”

“Ừ, đúng thế, đúng là nó rất cổ. Nó đã có cách đây chừng sáu trăm năm. Nhưng nó chỉ là một bản sao từ một cái gì đó thậm chí còn cổ hơn nhiều - được viết cách đây hơn chín trăm năm rồi. Đoạn đầu tiên được viết bằng tiếng Latinh.”

“Thấy chưa, em đã bảo mà,” Jane nói vẻ tự đắc.

Simon trề môi. “Ừ, thì anh cũng đã dịch được một ít, đúng không nào? Mặc dù không được nhiều lắm,” Nó thú nhận với Ông Merry. “Cháu không sao nhận ra từ nào với từ nào cả.”

“Ông không nghĩ cháu có thể đọc được. Đây là tiếng Latinh thời Trung cổ, không giống như tiếng Latinh mà các cháu học ở trường... nó do một thầy tu viết ra, người này chắc hẳn đã từng sống quanh đây, và ông nghĩ chắc khoảng sáu trăm năm trước, mặc dù không thấy có ngày tháng gì. Đại khái ông ấy viết rằng người ta đã tìm thấy một bản viết cổ của người Anh ở gần tu viện của ông. Ông ta nói bản viết đó kể về một truyền thuyết cổ xưa thời vua Mark và vua Arthur, và rằng ông ta đã sao chép lại câu chuyện để phòng khi bị mất vì bản viết gốc sắp nát ra từng mảnh. Ông ta nói ông ta cũng chép lại một bản đồ đi kèm theo bản viết đó. Tất cả phần còn lại dưới đây là câu chuyện mà ông ta đã chép lại - và các cháu có thể nhìn thấy cả bản đồ ở ngay phía dưới.”

“Nếu bản viết gốc quá cũ đến nỗi suýt rách nát ra từ cách đây sáu trăm năm thì...” Barney sững sờ nói.

Simon hấp tấp cắt ngang. “Ông Gumerry à, ông có hiểu bản chép lại này không? Đó không phải là tiếng Latinh phải không ông?”

“Ừ, không phải đâu,” Ông Merry trả lời. “Đó là một thứ tiếng địa phương trong hệ thống tiếng Anh sơ kỳ[11], loại ngôn ngữ cổ được dùng cách đây nhiều thế kỷ. Nhưng bản viết này dùng loại rất cổ, nhiều từ là tiếng Cornwall cổ, thậm chí có cả một số từ tiếng Brittany nữa. Ông không biết – nhưng ông sẽ cố gắng hết sức để đọc. Có thể ông sẽ dịch nó ra thành một thứ tiếng Anh nghe rất lủng củng, cũng có thể ông sẽ đành chịu...”

Ông chăm chú xem lại bản viết cổ một lần nữa. Rồi ông bắt đầu đọc bằng một giọng trầm lắng, xa xăm, thỉnh thoảng lại bị vấp, lúc lúc lại phải dừng lại giờ ra phía ánh sáng để nhìn cho rõ, hay suy nghĩ dò dẫm từng từ. Bọn trẻ ngồi chăm chú lắng nghe, mặc cho cái nóng của nắng hắt lên mặt và những cơn gió vẫn xào xạc bên tai.

“Tôi viết điều này, để khi thời khắc điểm, người được lựa chọn sẽ tìm ra nó. Và tôi để nó lại trong sự che chở của mảnh đất cổ xưa này, mảnh đất có lẽ sẽ sớm không còn dấu vết.

“Ở địa hạt Cornwall, vương quốc của vua Mark, vào thời kỳ xa xưa của ông cha tôi, có một hiệp sĩ kỳ lạ trốn chạy về phía Tây. Hồi đó rất nhiều người phải lẩn trốn về phía Tây, khi vương triều cũ rơi vào tay quân xâm lược và vua Arthur thất bại trong trận chiến cuối cùng. Bởi chỉ có ở miền đất phía Tây này con người vẫn tôn thờ Chúa và lưu giữ những giá trị cổ xưa.

“Vị hiệp sĩ kỳ lạ đã đến vùng của tổ tiên tôi ấy tên là Bedwin, ông mang theo mình niềm hy vọng cuối cùng của thành Logres, một cái chén được làm theo khuôn mẫu của chén Thánh[12] linh thiêng, trên đó ghi lại tất cả những câu chuyện có thật về vua Arthur, những câu chuyện sẽ nhanh chóng bị lãng quên trong tâm trí người đời. Mỗi một mặt chén kể về một thể lực xấu mà vua Arthur đã chiến thắng với sức mạnh Chúa ban cho, cho đến khi thể lực xấu thắng thế. Và mặt cuối cùng là lời nguyện và minh chứng về sự quay trở lại của vua Arthur.

“Ông xem đây, hiệp sĩ Bedwin đã nói với ông cha tôi, bây giờ những thể lực đen tối đang lẩn át chúng ta, và chúng sẽ còn tiếp tục như thế lâu dài quá sức tưởng tượng của chúng ta. Dù vậy, một khi cái chén này, vốn là niềm hy vọng cuối cùng của thế giới xa xưa, không bị mất đi, thì đến thời điểm chín muồi, Pendragon sẽ quay trở lại. Cuối cùng, tất cả sẽ được bình an, thể lực đen tối sẽ bị đánh đuổi và không bao giờ trở lại được nữa.

“Và vì thế niềm hy vọng này phải được giữ gìn, ông nói, ta trao nó cho ông, cho con trai của ông, và con trai của con trai ông, cho tới khi ngày đó đến. Bởi vì ta đã bị thương cận kề cái chết sau trận chiến cuối cùng, nên không còn có thể làm gì hơn được nữa.

“Và chẳng bao lâu sau ông qua đời, và người ta chôn ông trên biển khơi, dưới đá thẳm. Ở đó ông đã yên nghỉ cho tới ngày thiêng liêng ấy.

“Và từ đó chiếc chén Thánh đã được giao cho tổ tiên tôi giữ gìn, họ đã canh giữ nó ở tại vùng đất Cornwall, nơi mà con người vẫn tranh đấu để giữ gìn những giá trị truyền thống, trong khi ở phía Đông, thể lực đen tối ngày càng trở nên đông đảo và vùng đất Logres ngày càng u ám. Vua Arthur đã ra đi, vua Mark đã băng hà và những vị vua mới không được như các bậc tiền bối. Năm tháng cứ qua đi, nhiệm vụ gìn giữ chén Thánh đã được truyền từ trưởng tộc này sang trưởng tộc khác và cuối cùng đến lượt tôi.

“Và từ khi cha tôi mất, tôi đã giữ nó sao cho an toàn nhất mà tôi có thể, trong bí mật và với đức tin; nhưng giờ tôi đã già, lại không có người nối dõi, trong khi những thể lực đen tối nhất đã tràn đến mảnh đất của chúng ta. Những kẻ ngoại đạo xấu xa, những kẻ đã từng đến xâm lấn vùng đất phía Đông ngày trước, tàn sát người Anh và chiếm đất đai của họ, nay đang tiến về phía Tây, và chúng ta sẽ chẳng còn sống yên bình được lâu nữa.

“Thế lực đen tối tràn về Cornwall, những con tàu lớn trườn tới bờ biển của chúng ta, và trận chiến đang đến gần, trận chiến sẽ dẫn tới thảm bại cuối cùng và chấm hết cho tất cả những gì chúng ta đã từng biết. Chẳng còn một người nào để nhận sứ mệnh giữ gìn chén Thánh nữa, bởi vì đứa con trai của em tôi mà tôi hằng yêu như con đẻ đã đi theo phe những kẻ ngoại đạo, rồi dẫn chúng về phía Tây này. Để tự cứu lấy chính mình và bí mật về chén Thánh mà chỉ những người có sứ mệnh giữ gìn nó mới được biết, tôi đã phải chạy trốn giống như vị hiệp sĩ kỳ lạ Bedwin năm xưa. Nhưng trên khắp vùng đất Logres này không còn nơi trú ẩn nào nữa, vì vậy tôi phải vượt biển tới nơi mà người ta thường nói người Cornwall luôn tìm đến mỗi khi bị đe dọa.

“Nhưng chén Thánh không thể rời xa mảnh đất này, mà phải đợi Pendragon, cho đến ngày thiêng liêng ấy.”

“Vì thế tôi phó thác nó cho mảnh đất này, trên biển khơi và dưới đá thẳm; và tôi sẽ lưu lại đây những dấu hiệu để người được lựa chọn, khi đến nơi thích hợp, có thể biết được nó nằm ở đâu: những dấu hiệu khi ẩn khi hiện nhưng không bao giờ mất. Điều bí mật về sứ mạng ấy tôi không thể viết ra mà sẽ mang theo xuống mồ. Dù vậy người tìm thấy chiếc chén Thánh này và có được những lời nhắn nhủ khác của tôi, nhờ thế, sẽ tự mình biết được bí mật ấy. Và đối với người đó sẽ là sứ mệnh, lời nguyện và bằng chứng, rằng vào thời của người ấy Pendragon sẽ quay trở lại. Ngày ấy sẽ chứng kiến một vùng đất Logres mới, không còn bóng dáng của thế lực đen tối; khi thế giới xa xưa sẽ chỉ còn lại như một giấc mơ.”

Ông Merry ngừng đọc; nhưng bọn trẻ vẫn ngồi im phăng phắc không nói một lời, như thể tiếng ông vẫn đang vang lên. Câu chuyện hợp với dải đất xanh trải dài dưới chân chúng đến nỗi chúng tưởng như đang sống trong thời xa xưa ấy. Chúng như nhìn thấy, từ dưới sườn dốc, vị hiệp sĩ kỳ lạ Bedwin cưỡi ngựa tiến về phía chúng, và ngoài khơi, những con tàu lớn của bọn xâm lược đang lặn lút phía bên kia mũi đá granite xám xịt với những diềm sóng trắng xóa.

Cuối cùng Simon lên tiếng: “Pendragon [\[13\]](#) là ai?”

“Là vua Arthur,” Barney nói.

Jane không nói gì, ngồi trầm tư suy nghĩ về người Cornwall bất hạnh đã phải vượt biển khơi rời bỏ mảnh đất đang bị đe dọa của ông ta. Em nhìn Ông Merry. Ông đang nhìn vô định xuống biển và mũi đất phía bên kia Trewissick, những nếp nhăn căng thẳng trên khuôn mặt ông giờ giãn ra thư thái và đăm chiêu. “... khi thế giới xa xưa,” ông lẩm bẩm khe khẽ như nói với chính mình, “... sẽ chỉ còn lại như một giấc mơ...”

Simon dịch lại gần, nép mình bên cạnh ông, chăm chú nhìn vào bản viết cổ đang đặt trên đầu gối ông. “Nếu vậy thì bản đồ này chắc chắn sẽ chỉ đường đến chỗ giấu chén Thánh. Thử tưởng tượng xem, giả sử chúng ta tìm được nó! Thế thì nghĩa là sao nhỉ?”

“Là rất nhiều ý nghĩa,” Ông Merry nghiêm nghị trả lời. “Nhưng có lẽ không tốt đẹp hết đâu.”

“Không biết trông nó thế nào? Chén Thánh là gì ạ?”

“Một đồ dùng đựng nước uống. Một cái cốc đựng rượu lễ. Một loại chén. Nhưng không giống một cái chén thường đâu.” Ông Merry nghiêm mặt nhìn bọn trẻ. “Giờ hãy nghe ông nói đây. Tám bản đồ các cháu đã tìm thấy đây sẽ chỉ cho chúng ta một dấu hiệu mà bao người đã và đang tìm kiếm nhiều thế kỷ nay. Ông đã nói rằng ông cũng đang đi tìm kiếm nó. Nhưng hẳn các cháu còn nhớ ông đã nói là có những kẻ khác cũng đang tìm kiếm nó - đó là phe địch, tạm gọi thế cũng được. Những kẻ này rất xấu xa và chúng có thể rất, rất nguy hiểm.” Ông Merry nói với vẻ vô cùng nghiêm nghị, người cúi về phía trước, và bọn trẻ lo lắng nhìn lại ông.

“Chúng đã ở rất gần ông trong suốt quãng thời gian dài vừa qua,” ông nói. “Và ngay tại đây, ở Trewissick, chúng cũng đã mò tới gần các cháu. Một người trong bọn chúng chính là Norman Withers. Kẻ nữa là cô gái tự xưng là em gái của gã. Có thể còn có nhiều tên khác nữa, nhưng ông chưa biết.”

“Còn vụ trộm nữa ạ.” Bọn trẻ nhìn ông chăm chăm và Jane đoán, “Có phải là bọn chúng không ạ?”

“Chắc chắn rồi,” Ông Merry nói. “Có thể không phải chính chúng làm. Nhưng chắc chắn là chúng đứng đằng sau tất cả mọi việc - giá sách bị lục soát, bản đồ bị đánh cắp, cố gắng tìm kiếm những chỗ cất giấu bí mật dưới nền nhà. Chúng đã rất gần rồi, các cháu hiểu không, thậm chí còn gần hơn cả ông nữa. Khi thuê Ngôi nhà Xám, ông như người mò kim đáy bể. Ông đã thu hẹp cuộc tìm kiếm xuống chỉ còn trong vùng Trewissick, nhưng tất cả chỉ mới đến thế thôi. Ông không biết chính xác là ông phải tìm kiếm cái gì. Nó có thể là bất cứ thứ gì đó. Nhưng bọn chúng thì biết. Bằng cách nào đó, một cách âm mưu nào đó, chúng đã biết được về bản viết cổ này và tối hôm qua chúng đã đến để lòng bằng được nó. Chỉ có điều chúng không thể ngờ được rằng các cháu đã ngẫu nhiên tìm thấy trước.” Ông khẽ mỉm cười. “Giá mà hôm nay ông được nhìn bộ mặt của nhà Withers nhỉ.”

“Bây giờ thì mọi việc mới hóa ra có lý,” Simon chậm rãi lần lại sự việc. “Cái cách mà gã kết bạn với bố quá nhanh, rồi bỗng nhiên mời chúng ta đi thuyền ngắm cảnh vịnh...” Trong một thoáng thót tim, nó như lại nghe thấy tiếng Ông Merry vang lên rõ từng chữ: “Chúng có thể rất, rất nguy hiểm...”

Barney thắc mắc: “Nhưng ông Gummerly ơi, ông có biết là *chúng cháu* có thể tìm ra được cái gì đó đấy không? Cháu muốn nói là anh Simon, chị Jane và cháu ấy.”

Ông nghiêm mặt nhìn nó. “Sao cháu lại nói thế?”

“Dạ... cháu cũng không biết nữa...” Barney luống cuống. “Hắn trước khi chúng cháu đến, ông cũng đã tự mình đi tìm rồi nhưng không tìm thấy gì cả. Rồi khi chúng cháu đến, thì ông chẳng bao giờ có mặt ở nhà. Ông cứ biến đi đâu ấy, cứ như thể ông để nhà cho bọn cháu lòng sục lấy vậy.”

Ông Merry mỉm cười: “Đúng đấy, Barney ạ,” ông nói. “Đúng là ông đã có ý nghĩ rằng có lẽ các cháu sẽ tìm ra nó, bởi vì ông hiểu rõ cả ba đứa. Ông đã nghĩ ra điều đó trước mấy ông bạn của chúng ta, vì thế mặc dù chúng rất để ý tới Ngôi nhà Xám nhưng vẫn phân tâm xem ông đang làm gì. Và ông đã dẫn dắt chúng chạy lung tung khắp phía Nam Cornwall trong khi các cháu ở nhà. Các cháu có thể nói ông chính là con chim mồi đấy.”

“Nhưng cái gì...” Barney nói.

“Ôi, đừng bận tâm nữa,” Simon ngắt lời. Từ này đến giờ, nó cứ lượn quanh Ông Merry mãi không thôi. “Bây giờ mọi thứ đã rõ ràng. Điều quan trọng là tấm bản đồ kia thì sao?”

“Cháu nói rất đúng đấy.” Nói rồi Ông Merry lại ngồi xuống bên tảng đá. “Chúng ta không được lãng phí thời gian.”

“Đó là bản đồ vẽ Trewissick,” Simon hăm hở nói. “Jane đã phát hiện ra. Chỉ có đường bờ biển hình như đã thay đổi...”

“Cháu đã so sánh nó với bản đồ trong cuốn sách chỉ dẫn về Trewissick trong Ngôi nhà Xám,” Jane nói. “Có lẽ chẳng nên đề cập tới chuyến viếng thăm của em tới nhà cha xứ để làm gì. “Lạ một cái là mặc dù đường bờ biển trông khác nhau nhưng lại có cùng một tên. Nếu mọi người

nhìn kỹ hơn vào bản viết cổ thì sẽ thấy một mũi đất có tên là Mũi Vua Mark, chỉ đánh vắn sai thôi. Và cái tên đó cũng được ghi trong cuốn sách chỉ dẫn ở chỗ Mũi Kemare. Do đó chắc chắn là bản viết cổ này nói về Trewissick.”

“Đúng thế,” Ông Merry nói, cúi người xuống tấm da. “Đơn giản là lỗi sai do sao chép, bỏ mất phụ âm...” Ông ngẩng đầu lên. “Cháu vừa nói *cái gì* ấy nhỉ?”

Jane bối rối không hiểu. “Dạ?”

“Có phải cháu nói là trong cuốn sách chỉ dẫn nó được gọi là Mũi Vua Mark không?”

“Dạ, đúng. Thế thì sao ạ?”

“Không sao.” Vẻ xa vắng thường ngày lại trùm lên khuôn mặt Ông Merry như một tấm mạng. “Chỉ có điều là cái tên đó đã bao lâu nay người ta không dùng nữa, hầu như mọi người đã quên mất rồi. Chắc ông nên xem qua cuốn sách chỉ dẫn của cháu xem sao.”

“Cháu không hiểu,” Simon chăm chú nhìn tấm bản đồ. “Kể cả có đúng là Trewissick đi nữa thì cũng giúp gì được cho ông đâu? Đây là tấm bản đồ kho báu vô dụng nhất mà cháu từng thấy, đủ thứ ký hiệu kỳ lạ nhưng chẳng cái nào có chút ý nghĩa gì. Chẳng chỉ dẫn đến nơi nào cả, vậy thì làm sao mà nó cho chúng ta biết chén Thánh ở đâu cơ chứ?”

Ông Merry chỉ tay vào bản viết cổ. “Cháu nhớ đoạn này nói gì chứ - để người được lựa chọn, khi đến nơi phù hợp, có thể biết...”

“Có lẽ nó giống như một trong những mê cung mà thỉnh thoảng ta vẫn thấy trong sách ấy,” Jane chêm vào, cô bé đang suy nghĩ rất lung. “Chúng chỉ trở nên đơn giản một khi anh biết hướng đi, nhưng khó nhất là tìm ra điểm bắt đầu. Đó có thể chính là ngụ ý của ông ấy khi viết ‘đến nơi phù hợp.’ Nếu anh cầm bản đồ này đến đúng điểm bắt đầu thì nó sẽ chỉ cho mình biết cần phải đi tiếp về hướng nào.”

Simon rên rỉ, “Nhưng làm thế nào mình tìm được chỗ mà bắt đầu bây giờ?”

Đứng bên cạnh Ông Merry, Barney không nghe thấy gì. Nó đã chìm vào một trong những khoảng lặng mơ mộng của mình, hai mắt mở to nhìn ra bến cảng và thỉnh thoảng lại quay lại ngó xem tấm bản đồ. “Mình biết là nó gọi cho mình về cái gì rồi,” nó lẩm bẩm.

Nhưng không ai để ý. Barney tiếp tục tự nói vắn vớ với chính mình, “Giống như một trong những bức vẽ của mẹ, những bức mà mẹ thường gọi là tranh phác họa phối cảnh. Nó trông giống như một bức tranh, thực sự không giống bản đồ một tí nào. Có một quả đồi nhô lên bên rìa bến cảng khi nhìn từ trên xuống và như thế mũi đất sẽ cong như thế này” - nó đưa ngón tay vẽ lên khoảng không trước mặt - “và những tảng đá trên đỉnh đồi tạo thành những cái bướu nhỏ kỳ cục như thế này ở bên rìa bản đồ...”

“Trời ạ, nó nói đúng rồi!” Simon hét lên, kéo tuột Barney khỏi cơn mơ. “Chính là nó đấy, nhìn kìa! Đó *đúng* là một bức tranh chứ không phải là bản đồ, và vì thế hình dáng của nó mới khác hẳn so với cuốn sách chỉ dẫn. Nhìn xem, mọi người thấy chưa...” Nó cẩn thận cầm lấy bản viết cổ từ tay Ông Merry và giơ thẳng lên trước mặt mọi người, đối diện với dãy đá dài lởm chởm của Mũi Kemare. Và khi ai nấy đứng quan sát mũi đất rồi nhìn trở lại tấm bản đồ thì bỗng nhiên người ta sẽ thấy những nét vẽ nguệch ngoạc ấy chính là một bức tranh vẽ phong cảnh ngay trước mắt họ, rõ ràng đến nỗi họ không thể hiểu nổi sao họ lại có thể nghĩ rằng đó là một tấm bản đồ.

“Thôi đúng rồi,” Jane nhìn từng người một, mặt em đầy vẻ kinh ngạc, “*đây* chính là nơi phù hợp

đó rồi. Là điểm bắt đầu của mê cung. Từ này tới giờ mình đã đứng đúng ở chỗ mà người vẽ bức tranh này đã từng đứng mà chẳng biết gì cả. Thử tưởng tượng xem!" Em nhìn vào bản viết cổ với vẻ kính sợ.

"Chị nghĩ tiếp đi," Barney giục, mặt rạng rỡ vì sung sướng với những gì nó vừa khám phá ra. "Mình đã biết ông ấy bắt đầu từ đâu. Thế làm thế nào để biết được sau đó ông ta đi về hướng nào nhỉ?"

"Nhìn vào bức tranh mà xem. Có một dấu gì đó ở ngay trên mũi đất đây này."

"Ở trên này có đầy dấu như thế. Một nửa là dấu do mực dây vào, còn lại là vết bẩn."

"Những dấu vết của thời gian," Ông Merry nói giọng sàu muộn.

"Không, nhưng dấu này là có chủ ý," Simon khẳng định. "Đúng rồi, ngay đây này - ôi trời ơi! Chính là tảng đá mà ông đang dựa vào đấy, ông Gummery!"

Ông Merry nghiêm nghị nhìn quanh. "Ừ, cũng có thể là như vậy. Đúng, rất có thể là nó đây. Một tảng đá lộ thiên tự nhiên, ông nghĩ không phải do bàn tay con người dựng lên."

Barney đứng dậy, đi một vòng quanh tảng đá, gí sát mắt nhìn thật kỹ từng vết nứt phủ đầy cây địa y vàng nhạt, kể cả những khe kẽ nhỏ, nhưng chẳng phát hiện được điều gì khác thường. "Trông hoàn toàn bình thường," nó ló ra ở phía bên kia tảng đá, thở dài thất vọng.

Jane phì cười. "Trông em cứ như con Rufus đang đánh hơi tìm thỏ rồi rốt cuộc chả tìm thấy cái gì hết ấy."

Barney vỗ đùi. "Em biết đáng nhẽ mình nên mang theo con Rufus mà. Nó mà đi săn và đánh hơi tìm kiếm thì sẽ cực kỳ hữu ích."

"Ngốc ạ, nó làm sao mà đánh hơi tìm thấy được những thứ đã giấu kín cách đây hàng thế kỷ."

"Tại sao lại không chứ. Chị đợi đấy, em cược là nó sẽ giúp được cho mà xem."

"Đừng hy vọng hão huyền."

"À mà nó đang ở đâu ấy nhỉ?"

"Chỗ bà Palk. Chắc đang bị nhốt ở đâu đó, khổ thân. Em biết là tối hôm nọ bố cáo điên lên và tuyên bố sẽ không để nó trong nhà nữa mà."

"Tối nào bà Palk cũng dắt nó về nhà."

"Nếu bà ấy không dắt nó về nhà tối hôm qua thì có lẽ nó đã bắt được trộm rồi đấy."

"Ôi trời, đúng thế." Phút chốc tất cả đều yên lặng theo đuổi suy nghĩ đó.

"Cháu không thấy tin bà Palk lắm," Jane ủ rũ nói.

"Các cháu à, thôi đừng nghĩ về chuyện đó nữa," Ông Merry dịu giọng phá tan sự căng thẳng. "Theo những gì mà ông biết về Rufus thì nó sẽ chỉ đến liếm tay bọn chúng và mặc cho chúng muốn làm gì thì làm thôi."

"Nó không thích gã Withers đâu," Barney nói. "Hôm qua nó ra đón mọi người từ dưới thuyền

lên, vẫy đuôi mừng rỡ, nhưng khi nhìn thấy gã Withers đuôi nó cụp xuống ngay lập tức và sủa âm ỉ. Khi đó tất cả mọi người đều cười mãi,” nó tự lự nói thêm.

“Được rồi, ngày mai mình sẽ mang nó theo. Nhưng giờ mình sắp phải về rồi mà vẫn chưa cả bắt đầu nữa. Ông Gummery, tảng đá này có thể thực sự có ý nghĩa gì đó không hả ông?” Simon nghi ngờ xoa tay lên bề mặt xám xịt của tảng đá.

“Có thể là nó sẽ nằm thẳng hàng với một cái gì đó,” Jane hy vọng. “Như hướng chỉ của la bàn chẳng hạn. Nhìn lại bản đồ xem thế nào, à quên, ý em là bức tranh ấy.”

“Chẳng ích gì đâu. Nó có thể thẳng hàng với bất kỳ vết nào trong những vết trên tấm da này.”

“Nếu vậy thì mình phải tìm ra vị trí của tất cả những vết này là ở đâu và đến tận nơi xem liệu có gì hay ở gần đó không.”

“Làm thế có mà mất hàng tháng.”

“Ôi trời!” Barney nóng ruột giậm chân. “Tệ quá rồi. Mình phải làm gì đây?”

“Cứ kệ nó đi,” Ông Merry bất ngờ nói.

“*Cứ kệ nó đi?*” Bọn trẻ quay lại nhìn chằm chằm vào ông.

“Cứ kệ đến mai. Khi nào đầu óc sáng suốt hãy quay trở lại. Chúng ta không có nhiều thời gian, và cuộc đua đã sắp đến giai đoạn nước rút, nhưng lúc này chúng ta đang đi đúng hướng. Phe kia không hề biết chúng ta đã tìm được gì. Chúng luôn theo dõi ông như một lũ điều hâu nhưng lại chẳng hề nghi ngờ các cháu, và nếu may mắn thì chúng sẽ không nghĩ đến điều ấy. Tối nay các cháu có thể đi xem và suy nghĩ thêm.”

“Chúng sẽ không quay trở lại và ăn trộm nhà ta nữa chứ ạ?” Jane lo lắng hỏi.

“Bọn chúng sẽ không dám đâu. Chắc chắn là không, vì bọn chúng đã hết cơ hội rồi - lần trước chúng đã lục tung mọi thứ để có thể tìm ra manh mối ngay lập tức, nhưng chúng đã thất bại. Bây giờ chúng sẽ thử cách khác.”

“Giá mà mình biết được bọn chúng sẽ làm gì nhỉ.”

“Ông Merry,” Simon hỏi, “tại sao chúng ta không thể báo cảnh sát bọn chúng chính là lũ trộm? Khi đó chúng sẽ không thể nào rình mò mình được nữa.”

“Đúng rồi,” Jane hòa theo. “Tại sao lại không ạ?”

“Mình không thể làm thế được,” Barney ra vẻ chắc chắn.

“Tại sao lại không?”

“Em không biết.”

Bọn trẻ cùng nhìn Ông Merry.

Ông Merry không trả lời thẳng vào câu hỏi, “Tại sao từ đầu các cháu không nói với cảnh sát rằng các cháu biết những tên trộm đang tìm kiếm cái gì?”

“Ờ... họ sẽ chỉ cười khẩy thôi. Họ sẽ cho rằng đó chỉ là một mảnh giấy cũ kỹ vớ vẩn.”

“Và nếu như chúng ta trình báo với cảnh sát thì sẽ chẳng còn gì là bí mật nữa và chúng ta sẽ khó có thể tìm kiếm theo chỉ dẫn của tấm bản đồ này.”

“Vói lại,” Jane nói tiếp khi lại cảm thấy áy náy, “ngay từ đầu bọn mình cũng đã không nói cho bố mẹ biết là bọn mình tìm thấy nó còn gì.”

“À,” Ông Merry nói, “đáng nhẽ cháu đã định nói rằng ‘chúng con tìm thấy một tấm giấy da cũ ở trên gác xép và con nghĩ rằng đó chính là cái mà lũ trộm đang đi tìm nên chúng mới lục tung cả nhà lên.’ Ngài trung sĩ đáng kính của chúng ta, vốn đã thỏa mãn với cái ý nghĩ rằng thủ phạm chính là bọn côn đồ quậy phá, sẽ mỉm cười bao dung và bảo các cháu hãy đi ra ngoài chơi đi.”

“Đúng rồi, chính là thế đấy. Đây là lý do tại sao chúng ta không nói ra.”

Ông Merry cười tủm tỉm. “Nào, bây giờ ông có thể đến gặp anh ta và nói rằng tấm giấy da cổ này là manh mối để tìm ra một loại chén cổ, được gọi là chén Thánh, và rằng nó đang được cất giấu ở Trewissck. Cái chén ấy kể lại câu chuyện có thực về vua Arthur. Và rằng gã đàn ông trên chiếc du thuyền *Phu Nhân Mary* muốn có nó nên đã đột nhập vào ngôi nhà, và rằng gã đã theo dõi ông cả ngày lẫn đêm chỉ để xem xem liệu ông có tìm ra được chén Thánh trước gã hay không. Và rồi điều gì sẽ xảy ra nào?”

“Ngài trung sĩ sẽ đi bắt gã Withers,” Simon nói đầy hy vọng nhưng giọng nó nghe đã không còn chắc chắn như trước.

“Viên trung sĩ sẽ đến gặp gã Withers và tất nhiên gã sẽ có những chứng cứ ngoại phạm hoàn hảo trong cái đêm xảy ra vụ trộm, và viên trung sĩ sẽ hỏi gã với giọng đầy vẻ hối tiếc về câu chuyện nghe rất hào huyền của chúng ta. Gã Withers sẽ tỏ ra là một người buôn đồ cổ quyền quý lịch sự đang có chuyến đi nghỉ mát vô hại cùng với cô em gái xinh đẹp của gã.”

“Đó chính là những gì mà chúng ta đã từng nghĩ về gã,” Barney nói.

“Viên trung sĩ biết về ông,” Ông Merry nói tiếp, “và biết rằng ông thường làm những việc đôi khi dường như là,” - ông khẽ bật cười - “hơi kỳ quặc. Anh ta sẽ nghĩ đi nghĩ lại, và anh ta tự nhủ: Tội nghiệp ông Giáo Sư già, hẳn là ông lão không còn chịu *lỗi lửa*. Tất cả cái đám sách vở ấy rõ ràng đã làm ông lão bị tẩu hỏa nhập ma mất rồi.”

“Ông nói đúng hơn cả anh Simon,” Jane kêu lên đầy ngưỡng mộ.

“Bây giờ cháu hiểu rồi,” Simon nói. “Chuyện đó nghe có vẻ không tưởng. Và nếu chúng ta kể cho ngài trung sĩ biết gã Withers và em gái gã hỏi han về những cuốn sách cổ thì ông ta cũng chỉ thấy đó là những câu hỏi rất bình thường, chẳng có gì đáng ngờ cả.”

Nó ngược nhìn lên rồi nhe răng cười. “Đúng rồi đấy ạ, chúng ta không thể báo cảnh sát được. Cháu xin lỗi. Cháu không nghĩ ra.”

“Ờ, các cháu phải suy nghĩ, suy nghĩ nghiêm túc,” Ông Merry vừa nói vừa đưa cặp mắt đen nghiêm nghị lần lượt nhìn từng đứa. “Ông sẽ nói cho các cháu nghe điều này và ông sẽ không nhắc lại nữa. Có thể các cháu cũng nghĩ giống như viên trung sĩ, rằng tất cả đây chỉ là một chuyện cạnh tranh cá nhân. Một ông giáo sư già và một tay sưu tầm sách, hai bên tranh giành nhau một thứ thực ra chẳng có tí ý nghĩa gì với những người khác cả.”

“Không ạ!”

“Tất nhiên là không đâu ạ.”

“Thực ra còn hơn thế đấy ạ,” Jane hấp tấp nói. “Cháu đã có linh cảm...”

“Ừ, nếu tất cả các cháu đều có linh cảm, nếu các cháu hiểu được dù chỉ một chút những gì ông vừa nói, như thế cũng quá đủ rồi. Nhưng ông cũng không thấy vui lắm khi cả ba cháu lại bị dính vào việc này, và ông thậm chí còn buồn hơn thế nếu các cháu chẳng có một chút ý niệm gì về những việc mà các cháu đang làm.”

“Sao ông làm cho nó nghe có vẻ nghiêm trọng thế,” Simon tò mò.

“Đúng là như thế đấy... Ông lo lắng bởi vì ông chỉ có thể đứng bên ngoài mọi việc, hành động giống như một con chim mồi để dẫn dụ bọn chúng nghĩ rằng ngoài ông ra chẳng có ai nữa khiến cho bọn chúng phải bận tâm. Như thế các cháu sẽ được tự do, và có trách nhiệm tìm cho ra manh mối sự việc này.” Ông chạm vào bản viết cổ Simon đang cầm trong tay. “Từng bước, từng bước khó khăn một đẩy các cháu ạ.”

“Hết sảy,” Barney vui mừng nói.

Simon liếc nhìn hai em, từ từ đứng thẳng dậy, cố gắng làm ra vẻ oai phong nhất có thể được trong cái quần soóc và đôi dép xăng đan.

“Cháu là anh cả...”

“Chỉ hơn em có mười một tháng thôi,” Jane cắt ngang.

“Ừ, dù sao đi nữa thì anh cũng là lớn nhất, anh phải có trách nhiệm với cả hai đứa và phải là người đại diện cho cả nhóm, và... và...” nó lúng túng rồi đột nhiên bỏ luôn vẻ oai phong mà nó vừa cố tạo ra “nhưng ông Gummerly ời, thực lòng bọn cháu biết là bọn cháu đang làm gì mà. Theo một cách nào đó, đây chính là một cuộc săn lùng như Barney đã nói. Và đâu phải là chúng cháu chỉ có một mình thôi.”

“Được rồi,” Ông Merry nói. “Thế là chúng ta đã thỏa thuận rồi nhé.” Nói xong, ông trịnh trọng lần lượt bắt tay từng đứa. Mỗi ông cháu nhìn nhau, mắt mở to, nín thở, rồi tự dưng đều cảm thấy trông mình thật hề và cười phá lên. Nhưng đằng sau tiếng cười ấy họ đều lơ mơ cảm thấy một sự gắn bó thân thiết mới, trước mỗi nguy hiểm đang rình rập.

Lúc thu dọn và bắt đầu đi xuống đồi, Ông Merry bảo bọn trẻ dừng bước và nói, “Hãy nhìn cho kỹ đã.” Ông khoát tay chỉ về phía bên cảng, những vách đá và mặt biển. “Các cháu hãy ghi nhận lấy cảnh tượng kia. Hãy nhớ là trông nó như thế nào.”

Đám trẻ đứng trên sườn dốc nhìn lại một lần nữa. Mặt trời đang lặn xuống trên bầu trời phía Tây, phía trên Mũi Kemare và Ngôi nhà Xám, hắt ánh nắng xuống đỉnh mũi đất và những tảng đá xám kỳ quặc như đám gai đang đâm lên đường chân trời. Nhưng ở bên dưới, bên cảng đã bắt đầu xâm xẩm tối. Trước mắt chúng, mặt trời dường như đang từ từ rơi xuống, cho tới khi ánh sáng chói lòa của nó chiếu qua hàng rào đá đang vươn lên như những ngón tay, và rồi những tảng đá ấy chìm trong vàng hào quang rực rỡ.

CHƯƠNG 7

“Em nghĩ nó nằm bên dưới Ngòi nhà Xám.”

“Đúng đấy - cứ trông bọn trộm đã lật tung cả mấy tấm ván sàn lên thì biết.”

“Nhưng bọn chúng đang tìm tấm bản đồ chứ có tìm chén Thánh đâu.”

“Ai chẳng biết thế. Em nhớ Ông Merry nói không. Bọn chúng không biết chúng đang tìm kiếm cái gì, và chính ông cũng không biết nữa mà. Có thể chúng đang kiếm đầu mối dẫn đến cái cần tìm, như tấm bản đồ chẳng hạn, hoặc là chính cái cần tìm ấy.”

“Thế nếu đầu mối ở đó rồi thì tại sao cái cần tìm lại không ở đó cơ chứ?”

“Nhìn xem đây này, đồ ngốc,” Simon nói và mở tấm bản đồ ra, “Ngòi nhà Xám không được đánh dấu ở đây. Chẳng thấy có một dấu vết nào cả. Lúc ấy làm gì đã có Ngòi nhà Xám. Phải nhớ là người Cornwall ấy đã sống ở đây từ cách đây chín trăm năm rồi.”

“Ừ nhỉ.”

Bọn trẻ đang ngồi trên bãi cỏ ở lưng chừng Mũi Kemare, bên lề một con đường mòn gồ ghề, ngoằn ngoèo hướng lên đỉnh. Ông Merry đã để bọn trẻ lại với nhau. Trước khi đi ông dặn, “Trong lúc ông đánh lạc hướng bọn chó săn, hạn cho các cháu một ngày phải tìm thấy đầu mối đầu tiên. Ông chỉ có một lời khuyên - để đến chiều hãy bắt đầu tìm kiếm. Buổi sáng nay, các cháu nên ra bãi biển hoặc đi chơi đâu đó đã. Khi đó thì các cháu có thể chắc chắn rằng bọn chó săn ấy đã đi nơi khác rồi.”

Rồi ông đi câu cá với bố suốt cả ngày. Bố định hôm đó sẽ thám hiểm vùng biển ngoài khơi mũi đất xuôi xuống chừng một dặm. Và đúng như dự kiến, khi chiếc thuyền nhỏ của hai người vừa rời khỏi bến cảng với bố nắm chắc bánh lái và Ông Merry đứng vươn thẳng tấm lưng chắc nịch ở đằng đuôi thuyền thì chiếc du thuyền *Phu Nhân Mary*, trắng lấp lánh dưới ánh mặt trời, cũng lập tức lặng lẽ bám theo, tiếng động cơ của nó vang lên đều đều, nhẹ nhẹ trên mặt biển buổi sáng yên tĩnh. Từ trong nhà nhìn ra, bọn trẻ thấy cánh buồm của con thuyền dần dần được kéo lên và căng phồng khi nó tiến vào vịnh. Con thuyền đi ra ngoài khơi một đoạn khá xa, nhưng vẫn giữ một khoảng cách nhất định, đủ để cho Ông Merry và bố luôn ở trong tầm nhìn.

Lúc này trên đỉnh mũi đất, ánh nắng chiều gay gắt chiếu xuống khiến cảng chân trần của bọn trẻ bóng râm và có một làn gió nhẹ từ đâu thổi tới. “Ôi trời ời,” Jane nói với vẻ chán nản, tay bứt một lưỡi cỏ ra khỏi vỏ ngoài rồi đưa lên miệng nhấm. “Thật là vô vọng. Chúng mình chẳng biết bắt đầu từ đâu. Có lẽ là chúng mình nên quay trở lại chỗ hôm qua đi.”

“Nhưng mình đã biết từ chỗ đó mọi vật trông thế nào rồi.”

“Thế thì sao nào? Những vật gì?”

“Thì mũi đất, biển và mặt trời đó - cả những tảng đá trên đỉnh kia nữa.” Barney đưa tay chỉ đại khái lên con dốc trên đầu bọn trẻ. “Em nghĩ những thứ này đều có liên quan đến cái ta đang cần tìm. Người Cornwall họ hẳn đã nhìn thấy chúng. Ông Gumerry nói những thứ này đã có từ cách đây ba nghìn năm, vì thế chín trăm năm trước đây thì trông chúng cũng gần cổ như bây giờ

thôi.”

“Mình có thể nhìn chúng rõ hơn từ phía bên kia.” Simon ngồi dậy vẽ hào hứng.

“Nhưng mà đi sang đó khá xa đấy,” Jane bảo. “Ý em là, đầu mỗi đầu tiên có thể là bạn hãy bước mười bước sang bên trái, đại loại thế. Trong các câu chuyện về những kho báu bí mật toàn như thế thôi. Nhưng từ bên kia đến chỗ những cột đá trên đây phải mất mấy nghìn bước qua cả bên cảng. Nghe chẳng hợp lý tí nào.”

“Cũng không hẳn là phải như thế,” Simon nói. “Cách xác định có thể lại là theo hướng chỉ của la bàn thì sao. Bọn mày biết rồi đấy - chắc là mình sẽ phải tìm ra được cái gì đó thẳng hàng với một cái khác và nó sẽ là đầu mỗi để dẫn đến cái thứ ba.”

Barney nhắm chặt mắt, nhắm mắt cố nhớ lại quang cảnh mà bọn chúng đã ngắm rất kỹ tối hôm trước. “Anh có nhớ khi mặt trời lặn ngày hôm qua không?” nó chậm rãi nói. “Từ chỗ mình ngồi, cột đá lớn nhất nằm thẳng hàng với mặt trời. Em nhớ điều đó bởi vì em chỉ nhìn được cột đá đó khi không nhìn thẳng vào nó, anh hiểu ý em không?”

Simon nhìn kĩ lại tấm bản đồ, vẽ phấn khích hiện dần lên khuôn mặt nó.

“Biết không, anh nghĩ là mày đã đoán được điều gì đó rồi đấy. Cái vòng tròn vẽ trên những cột đá mà trước mình tưởng là chỉ là để trang trí - đó có thể là mặt trời. Ý anh là nếu người vẽ bản đồ biết rằng rất nhiều năm người ta mới tìm thấy nó, ông ta sẽ phải dùng các ký hiệu như mặt trời chẳng hạn vì nó không dễ thay đổi.”

“Thế thì đi thôi, mình leo lên cao hơn và nhìn xem.” Jane phấn khởi nhảy cẫng lên, đột nhiên em khựng lại, đứng yên không nhúc nhích. “Simon, nhanh lên,” em thì thào vẽ căng thẳng. “Cất tấm bản đồ đi. Giấu nó đi.”

Simon nhú mào. “Cái quái gì...”

“Nhanh lên! Cô Withers đấy. Cô ta đang đi lên với một ai đó. Chỉ lát nữa là bọn họ đến chỗ mình thôi.”

Simon vội vàng cuộn tấm bản đồ lại và nhét nó vào balô. “Ai đi cùng với cô ta thế?” nó thầm thì.

“Em không nhìn rõ... à, em thấy rồi,” Jane quay mặt đi thật nhanh như thể cái nhìn ấy đã khiến em bị đau, và lại ngồi xuống. Mặt cô bé đỏ ửng. “Chính là cái thằng nhóc đó. Thằng làm ngã em hôm nọ. Em *biết* là nó có liên quan tới tất cả những chuyện này mà.”

Rồi bọn chúng nghe thấy có tiếng nói vọng đến gần hơn từ phía dưới dốc. Tiếng cô Withers trong trẻo bay đến chỗ chúng. “Bill, tôi không quan tâm, chúng ta phải kiểm tra mọi thứ. Có thể ông ta đã có...” Cô ta đã đi đến chỗ chúng, in bóng lên nền trời. Cô ta dừng lại ngay khi thấy ba đứa trẻ đang ngồi thản nhiên ngó mình. Thằng nhóc cũng dừng lại, quắc mắt nhìn chúng.

Cô Withers dừng khựng, hơi há miệng ra vì ngạc nhiên trong giây lát. Sau đó cô bình tĩnh trở lại và nở một nụ cười với bọn trẻ. “Ồ!” cô vui vẻ nói và tiến đến gần. “Thật là ngạc nhiên quá! Lại được gặp cả nhà Drew cùng một lúc. Cô hy vọng các cậu bé không bị mệt sau chuyến đi biển hôm đó chứ.”

“Không đâu cô ạ. Cảm ơn cô,” Barney trả lời bằng một giọng đồng dục nhất, ngoại giao nhất của nó.

“Con thuyền của cô chú tuyệt đẹp,” Simon cũng nói với giọng điệu kiểu cách và lịch sự không

kém.

“Thế các cháu đang làm gì ở đây thế?” cô Withers hỏi bằng quơ. Cô ta mặc quần dài với một chiếc áo trắng không tay làm nổi bật lên màu nâu râm nắng của cánh tay trần, và mái tóc đen óng bóng bành trong gió. Trông cô ta thật khỏe khoắn và hấp dẫn.

Cô Withers nhìn Jane chờ đợi. Jane nuốt khan. “Chúng cháu chỉ ngồi ngắm biển thôi. Chúng cháu nhìn thấy chiếc thuyền của cô đi ra ngoài vịnh sáng nay.”

“Chúng cháu tưởng cô cũng ở trên thuyền,” Simon vô ý nói chêm vào.

Một thoáng cảnh giác hiện lên trên mặt Polly Withers. Cô ta thông thả nói, “À, như cô đã nói với các cháu rồi thì phải, cô không phải là thủy thủ cừ đâu.”

Simon cố tình nhìn xuống biển. Mặt biển phẳng lặng không chút gợn sóng như mặt hồ. Cô Withers nhìn theo và nói, “À, lát nữa sẽ có gió đấy, cháu cứ tin lời cô đi.”

“Thế ạ?” Simon đáp. Khuôn mặt nó vẫn thản nhiên như không, nhưng giọng điệu của nó có một thoáng nghi ngờ xắc xược. Lần đầu tiên nụ cười trên môi cô Withers hơi ỉu đi.

Cô ta chưa kịp nói gì thì thằng nhóc đi cùng đã tiếp lời. “Cô Polly rất là am hiểu về biển cả đấy,” nó cộc cằn nói, trừng mắt nhìn Simon. “Cô ấy biết về biển nhiều hơn tất cả những gã dưới kia gộp lại.” Nó hất đầu về phía cảng vẻ coi thường.

“À, cô vẫn chưa giới thiệu với các cháu,” cô Withers vui vẻ nói. “Bỏ qua cho cô nhé! Jane, Simon, Barnabas, đây là Bill, cánh tay phải của cô chú đấy. Nếu không có nó thì cô chú cũng không biết xoay xở thế nào với *Phu Nhân Mary* cả.”

Mặt thằng nhóc đỏ bừng, nó liếc nhìn cô ta rất nhanh rồi cúi nhìn đôi giày bẩn thỉu của mình. Jane thương hại nghĩ thầm: nó tưởng là cô ta tuyệt vời lắm đấy.

“Chúng cháu đã gặp nhau rồi,” Simon trả lời cộc lốc.

Barney hỏi: “Thế cái xe của anh thế nào rồi?”

“Không khiến *mày* hỏi,” thằng nhóc đập lại.

“Ăn nói cho lịch sự, Bill.” Đằng sau nụ cười ngọt ngào, giọng cô Withers vang lên lạnh và đanh như sợi dây thép. “Đó không phải là cách nói chuyện với bạn bè.”

Bill nhìn cô ta, mặt mũi sưng sứa vẻ trách cứ, rồi nó lao về phía trước và bước thẳng lên dốc, chẳng nói chẳng rằng.

“Ôi trời ơi,” cô Withers thở dài. “Thế là cô đã làm nó phật lòng rồi. Người dân làng này thật là nhạy cảm.” Cô ta hơi nhăn mặt với chúng vẻ đồng mưu, trông thật duyên dáng. “Cô nghĩ là cô nên đi theo nó.” Cô Withers đi theo thằng nhóc, rồi lại quay ngoắt lại. Câu hỏi buột ra khỏi miệng cô ta nhanh như chớp: “Các cháu đã tìm thấy bản đồ chưa?”

Trong giây lát, giữa sự im lặng bao trùm tưởng như dài hàng giờ đồng hồ, bọn trẻ sống người nhìn cô ta. Cuối cùng, Barney, do quá lo lắng, cố lấp bấp những câu vô nghĩa để che giấu cảm xúc của mình: “Cô nói *bản đồ* á, cô Withers? Hay là lỗ hổng [14] ạ? Chúng cháu có tìm thấy một lỗ hổng ở hàng rào phía dưới kia nên thường chui qua lỗ để lên mũi đất này. Nhưng chúng cháu không có bản đồ cô ạ, cháu không có, còn chị Jane và anh Simon thì không biết có không... Cô không biết đường lên đồi à?”

Cô Withers đang nhìn trừng trừng vào chúng bống trở lại về thân thiện. “Ừ, đúng là cô hỏi bản đồ, Barnabas ạ: cô chưa thuộc đường lắm mà. Sáng nay cô tìm mãi nhưng chẳng thấy cửa hàng nào bán bản đồ cả. Cô đang tìm một lối mòn nhỏ nằm ngay phía bên kia đồi, nhưng Bill lại không giúp được gì mấy.”

“Cháu nghĩ Ông Merry có một cái bản đồ đấy,” Jane nói bằng quơ. Em quan sát cô Withers qua khóe mắt nhưng không thấy một chút thay đổi nào trên khuôn mặt cô ta cả. “Cô vẫn chưa gặp ông cháu phải không, cô Withers? Hôm nay ông đi câu cá với bố. Tiếc thật. Cháu xin lỗi vì không thể giúp gì được cho cô.”

“Mong là cô sẽ tìm được đường,” Simon tỏ vẻ thông cảm.

“Ừ, ừ, cô cũng hy vọng cô sẽ tìm được.” Cô Withers trả lời. Cô ta cười thật tươi với bọn trẻ, quay lại bước lên dốc và giơ tay vẫy. “Tạm biệt các cháu.”

Bọn trẻ im lặng nhìn theo cho đến khi bóng cô ta khuất sau đường chân trời nơi đỉnh dốc. Barney nằm thụp xuống đất, lăn vài vòng và thở phào nhẹ nhõm. “Phuu-uu-uù! Sợ quá! Lúc cô ta tự dưng nói...!” Nó vui mặt xuống cỏ.

“Liệu cô ta có phát hiện ra không anh nhỉ?” Jane lo lắng hỏi Simon. “Mình có bị sơ hở gì không?”

“Anh không biết.” Simon trầm tư nhìn lên con dốc xanh mướt yên ả. Giờ đây trên đó chẳng còn bóng dáng của cô Withers hay cái gì khác trừ một chú cừu đang gặm cỏ đặng xa. “Anh không nghĩ thế. Ý anh là, tất cả bọn mình chắc trông đều dần ra khi cô ta hỏi về tấm bản đồ, lúc đó trông em thộn kinh.”

“Trông anh cũng thế. Như ngỗng ỉa ấy.”

“Đúng thôi... cô ta nói bất ngờ như vậy thì bọn mình đương nhiên là rất ngạc nhiên rồi. Anh nghĩ là cô ta cũng chẳng thể phân biệt nổi bọn mình trông có vẻ bị bắt thóp hay giết mình đâu. Anh đoán là,” Simon nói tiếp, cảm thấy tự tin hơn, “cô ta tưởng bọn mình cũng nghĩ là cô ta muốn tìm một cái bản đồ chỉ đường thông thường thật.”

“Có thể cô ấy cũng chỉ muốn thế thôi.”

“Còn lâu!” Barney ngẩng đầu lên khỏi đám cỏ. “Cô ta đúng là đang kiểm tra chúng ta. Nếu không tại sao cô ta lại dùng từ ‘tìm thấy’? Các cháu đã *tìm thấy* bản đồ chưa? Bình thường người ta sẽ nói là ‘các cháu có bản đồ không?’”

“Barney nói đúng đấy.” Simon đứng dậy, phủi bụi ở chân. “Ông Merry nói cũng đúng. Bọn chúng không hành động sơ hở đâu. Em có thể thấy là cô Withers rất ngạc nhiên khi nhìn thấy chúng ta, nhưng chưa đầy năm giây sau thì cô ta đã thử hỏi đến tấm bản đồ ngay rồi.”

“Mọi việc thật kinh khủng,” Jane nói và vắn vẹo vai như thể em muốn trút bỏ tất cả những kí ức đáng sợ đó. Em nhìn lên đỉnh dốc. “Bây giờ làm sao mà có thể đi tiếp lên nữa? Mình không thể nói trước được điều gì vì rất có thể cô ta và thằng ranh đó đang nấp đâu đó theo dõi chúng ta.”

“Để cái đó cản trở chúng ta thì chẳng hay gì,” Simon vênh cằm lên. “Nếu mình cứ nghĩ là đang bị theo dõi thì sẽ chẳng làm được gì cả. Miễn là mình xử sự bình thường cứ như mình đang dạo chơi thật thì sẽ chẳng sao cả.” Nó nhặt balô lên. “Đi thôi.”

Sườn dốc Mũi Kemare còn dốc hơn cả mũi đất đối diện, và suốt một hồi lâu, trong khi ì ạch

bước trên con đường mòn ngoằn ngoèo, bọn trẻ chẳng nhìn thấy gì trước mặt ngoài đường viền của con dốc cắt ngang nền trời, và ánh mặt trời như thiêu như đốt phá cái nóng hầm hập vào mắt chúng. Phía cuối mũi đất lởm chởm và xám xịt, ăn sâu ra biển lút tầm mắt bọn trẻ, và dải đất liền chạy dài ra ngoài đó trông thật đanh chắc, cứ như thể trong lòng toàn đá còn lớp đất phủ phía trên chẳng qua là một lớp da mỏng.

Cuối cùng bọn trẻ cũng tới được đỉnh dốc, nơi cỏ mọc thấp tạo thành một đường viền cong cong khổng lồ màu xanh úa, và chúng đã có thể nhìn thấy những cột đá. Chúng càng tiến lại gần, những cột đá dường như càng to lớn lên, lạng lẽ chĩa lên trời như những bia mộ khổng lồ.

“Hòn đá,” Simon nói, “là cách nói giảm nhẹ nhiều nhất mà mình từng biết. Thật chẳng khác nào gọi Cột Nelson [\[15\]](#) là một cái que vậy.”

Nó đứng ngẩn ngía những cột đá granite khổng lồ cao tít trên đầu. Có bốn cột; một cột cao trội hơn hẳn, ba cột kia nằm rải rác xung quanh.

“Có lẽ chén Thánh được chôn dưới một trong những cột đá này,” Barney ngập ngừng nói.

“Không thể nào. Những cột đá này cổ xưa lắm rồi... dù sao thì anh cũng nghĩ là em đã sai khi cho rằng chén Thánh được đem chôn.”

“Ồ, thôi nào, phải là chôn chứ,” Jane xen vào. “Còn cách nào khác để cất giấu lâu như vậy đâu?”

“Và anh có nhớ dòng chữ ở trong bản viết cổ không?” Barney nói. “Trên biển khơi, dưới đá thẳm.”

Simon xoa xoa tai, có vẻ vẫn chưa chịu. “Ở vị trí này mình vẫn chưa ở trên biển. Biển vẫn cách đây hàng dặm. Thôi được, không phải hàng dặm nhưng anh cá là phải đến bốn trăm yard nữa thì mới đến cuối mũi đất.”

“Vâng, nhưng mình vẫn đang ở cao hơn so với biển phải không?”

“Anh tin chắc ông ta không định nói như vậy đâu. Trên biển, trên biển... không hiểu là gì nhỉ... nhưng dù sao bọn mình cũng đang cố đi quá nhanh. Ông Gumerri đã dặn là phải dần từng bước một. Bọn mình phải bám lấy cái bước mình đã phát hiện được đây này.”

Simon nhìn mặt trời, lúc này đang từ từ lặn xuống phía bờ biển, nơi lớp lớp vách đá dần dần khuất vào làn sương mù bên trên Mũi Kemare. “Hãy chú ý nhìn những cột đá. Mặt trời sắp xuống thấp bằng ngày hôm qua rồi đấy.”

“Các cột đá trông rất khác khi lại gần.” Jane đi xung quanh những cột đá xám dãi dầu mưa nắng. “Bọn mình cần tìm ra cột đá nào ở thẳng hàng với mặt trời khi nhìn từ phía bên kia lại, phải không nào? Nhưng làm thế nào để tìm được cột đá đó khi đang đứng ở đây chứ?”

“Đó là cột đá lớn nhất.” Barney nói. “Nó cao hơn hẳn những cột khác.”

Mặt trời rực rỡ đã lặn xuống khá thấp nơi chân trời, hắt những tia nắng ấm áp màu vàng cam lên mặt bọn trẻ. “Nhìn những cái bóng kia,” Simon đột nhiên nói. Nó giơ tay chỉ, và cái bóng của nó in trên thảm cỏ phía trước cũng giơ ra một cánh tay dài ngoẵng có mép viền răng cưa vì bị cỏ làm gãy khúc. “Bọn mình có thể tìm ra nó từ phía bên này bằng cách đó. *Ngược chiều lại*. Nếu hôm qua một cột đá nằm chính giữa mình và mặt trời, thì nghĩa là từ chỗ này bóng của nó sẽ chỉ thẳng vào chỗ mình đã đứng hôm trước. Về phía tảng đá mà ông Gumerri đã ngồi dựa vào ấy. Nhìn xem, từ đây mình có thể nhìn được tảng đá đó kia.”

Nhìn theo cánh tay Simon, bọn trẻ thấy một tảng đá rất to trên mũi đất đối diện; một chấm nhỏ xa xa trên nền trời đang sáng rực trong ánh vàng buổi hoàng hôn. Nó cao hơn những cột đá trên Mũi Kemare và nằm xa về phía biển. Nhưng rõ ràng đó chính là nơi ngày hôm trước chúng đã đứng.

Jane nhìn Simon với vẻ thán phục rõ ràng khác hẳn ngày thường. Thằng anh hơi xấu hổ đỏ mặt, rồi trở nên hoạt bát hẳn. “Nào Barney, phải nhanh lên trước khi mặt trời lặn. Theo em là cột đá nào?”

“Nó là cột đá lớn nhất, nên chắc là cái cột đá này.”

Barney bước vài bước xuống dốc, tới chỗ cột đá cao nhất. Nó vòng sang phía bên kia cột đá, đối diện với bến cảng, và quỳ xuống dưới bóng tảng đá, nó nhìn sang tảng đá nằm chơ vơ ở phía vịnh đối diện. Nó cau mày vẻ ngờ ngợ. Simon và Jane đến đứng hai bên nó, kiên nhẫn chờ đợi.

Barney, trán càng cau lại, đột nhiên nằm ẹp bụng xuống cỏ, dọc theo bóng nắng của tảng đá, nhìn thẳng về phía trước. “Em đã nằm thẳng chưa?” nó hỏi, giọng nghe nghèn nghẹt.

“Thẳng rồi, thẳng tung. Có đúng cột đá này không?”

Barney lồm cồm bò dậy, vẻ mặt đau khổ. “Không phải. Cái bóng này không chỉ thẳng vào tảng đá phía bên kia. Có thể trông thấy tảng đá bên kia khá rõ nhưng phải hơi chếch mắt sang một bên thì mới nhìn thẳng được. Mà như thế thì là ăn gian.”

“Nhưng em *nói* đấy là cột đá cao nhất em nhìn thấy mà.”

“Bây giờ em vẫn nói vậy.”

“Chị chẳng hiểu tại sao lại phải là cột đá cao nhất cơ chứ,” Jane nói, bực tức vì thất vọng.

Simon suy nghĩ rất lung, tay cầm cái quai balô đựng đưa, đập đập vào chân một cách lơ đãng. Nó xoay người, nhìn lại ba cột đá kia giờ đã đen sẫm lại với mép viền xung quanh như được dát vàng vì ánh nắng mặt trời. Rồi nó hét lên, buông cái balô ra và chạy về phía cột đá xa nhất, cũng bắt chước Barney nằm soài xuống bóng nắng của cột đá đó. Nín thở, nó hạ cằm xuống cỏ và nhắm mắt lại.

“Dịch người phía trên sang bên trái một chút đi, anh vẫn chưa thẳng.” Jane bắt đầu hiểu ra, lại gần Simon nói.

Simon dịch người sang vài inch, tì người lên khuỷu tay nhõm dậy. “Đã được chưa?”

“Được rồi.”

Simon bắt chéo hai ngón tay [\[16\]](#) và mở mắt ra. Ngay phía trước nó, bên trên những lưỡi cỏ, chính giữa tầm mắt, tảng đá trên mũi đất đối diện rực rỡ trong ánh nắng đập thẳng vào mắt nó. “Đúng là nó rồi,” Simon xúc động khẽ nói.

Barney chạy đến, ngồi xuống bên cạnh Simon. “Để em, để em...” Nó lấy khuỷu tay huých Simon ra và nheo mắt nhìn qua cảng về phía tảng đá. “Anh đúng rồi,” nó miễn cưỡng nói. “Nhưng đúng là hôm qua em nhìn thấy cột đá lớn nhất. Em chắc là thế mà.”

“Đúng rồi.” Jane nói.

“Chị nói đúng rồi nghĩa là sao?”

“Hãy nhìn vị trí các cột đá và nhìn con đường dốc mà xem. Đây là đỉnh của mũi đất, nhưng không hề bằng phẳng, cột đá lớn nhất ở chỗ thấp hơn các cột đá còn lại. Cột đá mình đang đứng cạnh thì ở chỗ dốc cao, mặc dù lại không phải là cột đá cao nhất. Vì thế hôm qua khi ngắm nó in hình trên nền trời, mình *tưởng* là nó cao nhất.”

“Trời ạ,” Barney thốt lên. “Thế mà em không nghĩ ra.”

Simon lại lên giọng kiêu ngạo. “Tao tưởng cuối cùng rồi mà cũng nghĩ ra chứ.”

“Anh thông minh ghê,” Jane nói. “Nếu anh không nhanh như thế thì có khi mình chẳng bao giờ nhận ra được ấy chứ. Bóng nắng sắp biến mất này.” Cô bé chỉ tay xuống thảm cỏ. Mặt trời đang lặn phía chân trời xa xa đằng sau chúng, và bóng tối rón rén trườn lên mặt đất, nuốt chửng những cái bóng dài lê thê của mấy cột đá. Nhưng bên kia cảng, tảng đá nằm ở mũi đất đối diện, cao hơn và vì thế được tắm trong ánh mặt trời lâu hơn, vẫn chói lòa như một ngọn hải đăng.

Barney vui sướng reo lên. “Mình tìm ra rồi! Mình tìm ra rồi!” Nó nắm mạnh một tay vào bề mặt cứng và ẩm ẩm của cột đá và xoay người một vòng. “Mình đã đi được một bước rồi, tuyệt vời không chứ?”

“Mới chỉ là bước đầu thôi.” Simon nói tỉnh bơ mặc dù khi ấy lòng nó cũng đang tràn ngập niềm vui sướng. Cả ba đứa đột nhiên đều cảm thấy phần khích tột độ.

“Nhưng mình đã bắt đầu...”

“Bây giờ thì mình biết cần phải tìm đầu mỗi thứ hai ở đâu rồi.”

“Mình bắt đầu từ đây.” Barney xoa xoa cột đá. “Bắt đầu từ cột đá này.”

“Nhưng chính xác là chỗ nào?” Simon hỏi, quyết tâm quay trở lại với thực tại. “Và bằng cách nào?”

“Mình chỉ cần xem lại tấm bản đồ thôi. Chắc chắn qua đó mình sẽ biết được. Ý em là, đầu mỗi đầu tiên đã được đánh dấu rõ ràng rành, làm sao để đi từ mũi đất bên kia sang cột đá bên này, chỉ cần mình hiểu được thôi.” Barney chạy lại chỗ Simon để chiếc balô, mở dây buộc, thò tay vào lục lọi bên trong và lôi tấm bản đồ màu nâu bụi bặm ra khỏi hộp. “Nhìn này,” nó nói, ngồi phịch xuống và trải tấm bản đồ lên thảm cỏ trước mặt. “Đây là nơi cột đá được đánh dấu...”

“Mang nó lên trên kia,” Simon nói trong lúc nhìn qua vai Barney. “Mặt trời vẫn còn chiếu trên đám cỏ phía trên kia, và mình cần nhiều ánh sáng để xem cho rõ. Ở đó cũng ấm hơn.”

Barney ngoan ngoãn leo lên dốc, ra khỏi phần chân khổng lồ của cột đá xám xịt nhất và cao nhất, tới nơi màu xanh của thảm cỏ vẫn còn sáng lên trong những vệt nắng cuối cùng. Simon và Jane đi theo, mỗi đứa đứng về một bên nó để không lấp bóng lên những hàng chữ nguệch ngoạc mờ mờ trên tấm giấy da đang cong lên. Cả bọn cúi xuống, chăm chú nhìn vào nét phác họa đơn giản các cột đá trong hình vẽ của người Cornwall từ cách đây chín trăm năm.

Bỗng giọng cô Withers vang lên từ phía sau: “VẬY RA LÀ CÁC CHÁU ĐÃ TÌM THẤY MỘT TẤM BẢN ĐỒ THẬT.”

Nỗi khiếp sợ bao trùm lên Barney khiến nó chết đứng trong tư thế khom người cạnh tấm bản đồ. Simon và Jane hốt hoảng quay phắt lại.

Cô Withers đứng ngay gần sát sau chúng, ở phía trên dốc. Bóng cô ta tối đen và đầy hăm dọa

trên nền trời hoàng hôn, và bọn trẻ không nhìn rõ mặt cô ta. Thằng Bill im lặng hiện ra từ đằng sau và đến đứng cạnh cô ta. Bóng của hai người đó lung lừng trước mắt khiến Jane phát hoảng, và đột nhiên em cảm thấy sợ cái vắng vẻ và im lìm của mũi đất.

Ngón tay Barney quặp lại một cách vô thức và tấm bản đồ, không còn bị chặn mép nữa, tự động cuộn tròn lại. Tiếng động yếu ớt khi chiếc bản đồ cuộn lại vang lên như tiếng súng phá tan bầu không khí yên lặng. “Ồ, đừng cất nó đi,” cô Withers nói từng tiếng đồng dục. “Cô muốn xem nó.”

Cô ta bước lên một bước và vươn tay ra, và, kinh hoàng trước giọng nói vô cảm ấy, Jane kêu lên thất thanh.

“Simon!”

Khi cái bóng đen vụt tiến về phía nó, Simon thấy mình bừng tỉnh. Hành động nhanh hơn cả ý nghĩ, nó quay lại, cúi người và giật lấy tấm bản đồ trên gối Barney. Rồi nó vừa chạy vừa trượt xuống con đường dốc của Mũi Kemare, về phía làng.

“Bill! Mau lên!” cô Withers ra lệnh. Cái bóng to lớn im lặng đằng sau cô ta đột nhiên như sống dậy, lao xuống đồi đuổi theo bết gót Simon. Nhưng nó quá vụng về không thể chạy nhanh được, và đến khoảng giữa dốc, nó bị vấp suýt ngã. Nó lấy lại thăng bằng gần như ngay lập tức nhưng lúc đó Simon đã chạy và trượt xuống qua bãi cỏ đến con đường ngoằn ngoèo, cách xa đến ba mươi yard.

“Nó không đuổi kịp anh ấy đâu,” Jane reo, giọng run lên vì hồi hộp, và cảm thấy một nụ cười nhẹ nhõm làm đôi má căng thẳng của em giãn ra.

“Cố lên, Simon!” Barney đứng dậy, gào xuống phía dưới đồi.

Cô Withers đi đến chỗ hai đứa trẻ, và chúng lùi lại trước vẻ mặt cô ta, vì sự giận dữ đã làm nó méo mó đi thật đáng sợ và xa lạ, không còn quyến rũ, thậm chí cũng không còn trẻ trung nữa. Cô ta hầm hè với chúng: “Bọn trẻ ngu ngốc chúng mày, nghịch ngợm các thứ mà chúng mày không hiểu...”

Cô ta quay người bỏ đi, rải những bước dài và nhanh xuống dốc theo hướng Simon. Chúng nhìn theo dáng đi giận dữ của cô ta thoát ẩn thoát hiện trên con đường ngoằn ngoèo hình chữ chi cho đến khi bóng cô ta khuất hẳn sau mũi đất.

“Nhanh lên” Barney nói. “Bọn mình phải đi tìm ông Gumerly thôi. Simon sẽ cần được giúp đỡ đấy.”

Lớp cỏ khô trơn tuột chẳng khác nào gỗ đánh bóng dưới chân Simon, chẳng còn chút độ bám nào khiến nó bị trượt chân và tuột xuống bên sườn đồi; lúc thì bàn chân đạp lên cỏ, lúc cỏ lại nằm rạp dưới lưng và khuỷu tay nó, nhưng cứ phải giơ một cánh tay lên để không làm hỏng tấm bản đồ. Đằng sau nó, tiếng trượt chân và những cú vấp của thằng nhóc người làng nặng nề hơn, tiếng thở của thằng nhóc khò khè trong họng và đôi lúc lại chửi thề khi bị vấp ngã.

Mặt hướng ra phía ngoài cảng trong lúc chạy xuống, Simon cảm giác mình có thể nhảy một phát là ra tới biển. Sườn bên này có vẻ dốc hơn rất nhiều so với con đường chúng trèo lên, đường cỏ xanh uốn lượn vô tận cứ hẵng đi dưới chân nó. Trống ngực đập thành thịch và nó quá tập trung vào việc tẩu thoát đến nỗi cũng chẳng còn kịp nghĩ đến chuyện gì sẽ xảy ra nếu thằng nhóc kia bắt được nó nữa. Nhưng rồi dần dần, cảm giác kinh hoàng trong bụng nó cũng dần biến mất.

Mọi thứ giờ phụ thuộc vào nó - giữ cho bản viết cổ được an toàn và chạy thoát. Nó gần như cảm thấy thích thú. Đây là một thứ mà nó có thể hiểu được; cũng giống như một cuộc chạy thi hay một trận đánh nhau ở trường, giữa nó và thằng Bill. Và nó muốn thắng. Vừa thở hổn hển, Simon vừa liếc nhìn lại phía sau. Khoảng cách giữa nó và thằng bé kia có vẻ gần hơn một chút. Simon vội lao mình xuống phía dưới dốc, vừa trượt vừa xóc nảy nhanh đến phát sợ, chỉ thỉnh thoảng nó mới đứng thẳng lên loạng choạng chạy được vài bước.

Thế rồi đột nhiên nó xuống đến chân dốc, đứng khựng lại và hổn hển lấy hơi. Sau khi liếc nhìn thằng Bill đang hối hả đuổi theo, vừa la hét vừa trừng trừng nhìn lúc thấy nó quay mặt lại, Simon chạy tiếp, băng qua cánh đồng, nhanh như một con thỏ hoang và cảm giác càng lúc càng tự tin hơn. Nhưng nó không thể bỏ hẳn được thằng kia lại phía sau. Khỏe hơn, to hơn và chân dài hơn, thằng nhóc kia chạy huỳnh huých đằng sau nó với quyết tâm sắt đá, sải bước nặng nề hơn nhưng không bị trượt chân nữa.

Simon chạy đến một bụi treo cạnh hàng rào ở cuối cánh đồng và nắm lấy đầu một thanh rào gỗ để nhảy qua. Phía bên kia hàng rào là một con đường nhỏ vắng lặng, lổ chỗ những vết xe lún khá sâu đã khô và cứng như đá với hàng cây mọc hai bên đường, vòm lá đan vào nhau thành một mái lá dày phía trên đầu. Giờ đây khi ánh nắng gần như đã tắt hẳn, con đường hơi mờ tối dưới những tán cây và chỉ cách vài yard thì cả phía trước và phía sau của con đường đều biến mất vào khoảng tối vô định.

Simon đảo mắt nhìn trước nhìn sau, nắm chặt tấm bản đồ trong bàn tay ướt đầm mồ hôi. Con đường nào dẫn nó về Ngôi nhà Xám đây? Nó không còn nghe thấy tiếng sóng biển nữa.

Chọn bừa một hướng, nó rẽ phải và chạy dọc theo con đường nhỏ. Sau lưng, nó nghe thấy tiếng ủng của thằng nhóc đang treo qua hàng rào. Con đường dường như dài ra vô tận trong khi nó chạy, nhanh chân chuyển từ bên nọ sang bên kia để tránh những vết xe lún. Chạy hết khúc quanh này lại thấy khúc quanh khác, con đường cứ uốn lượn liên tục như một đường hầm âm u dưới những hàng cây và tán lá, chẳng có lấy một lối rẽ dẫn đến một cánh cổng hay một cánh đồng nào.

Nó có thể nghe thấy tiếng chân của thằng Bill đằng sau nó đang chạy trên những lớp bùn khô cứng của con đường.

Bây giờ thằng nhóc không còn hò hét nữa, mà ngoan cố đuổi theo trong im lặng. Simon cảm thấy một thoáng hốt hoảng lại len lỏi vào trong tâm trí, nó liền chạy hăng hơn, chỉ mong chóng thoát khỏi con đường tối om như hang động này và ra ngoài đồng trống.

Rồi đến khúc quanh tiếp theo, nó đã thấy trước mặt mình là bầu trời, bùng sáng lên cuối con đường âm u, và chỉ trong chốc lát nó đã ra khỏi đó, rồi chạy trên một con đường lát gạch dọc theo những bức tường và hàng cây yên lặng. Lại một lần nữa nó cứ thế rẽ mà không kịp suy nghĩ mình sẽ đi về đâu, tiếng đế giày cao su kêu lộp bộp trên con đường vắng tanh.

Bức tường xám dài dằng dặc ở một bên, hàng rào cây của một cánh đồng ở bên kia, chẳng cho nó một chút dấu hiệu nào là nó đang chạy đi đâu - Simon biết nó đang chạy chậm dần đi, bởi nó đã bắt đầu thấm mệt dù vẫn đang rất cố gắng. Nó bắt đầu mong có ai đó, ai cũng được, xuất hiện trên con đường.

Tiếng bước chân của thằng bé kia giờ đây vang rõ hơn bên tai nó, át cả tiếng líu lo của những chú chim đang ẩn mình sau tán lá trong buổi tối tĩnh mịch. Tiếng bước chân to hơn cả tiếng bước chân của nó khiến Simon nảy ra một ý tưởng, và cuối cùng khi con đường chia ra các ngã rẽ, nó gắng hết sức tăng tốc và chạy tuốt vào một ngã rẽ.

Bức tường kết thúc bằng hai trụ cổng méo mó, qua đó nó thoáng thấy một lối đi cây cỏ mọc um tùm. Nhìn xa xuống cuối con đường nó bắt gặp cái bóng cao chót vót của ngọn tháp nhà thờ Trewissick và trái tim nó thót lại khi nhận ra mình còn cách nhà xa biết bao.

Thằng nhóc Bill vẫn chưa đến đoạn rẽ; Simon có thể nghe thấy tiếng bước chân vang lên mỗi lúc một to hơn từ ngoài đường cái. Nó vội lúi vào cái cổng bỏ hoang ở lối đi rồi rúc vào bụi cây mọc um tùm bên cạnh một trụ cổng. Gai và các nhánh cây sắc đâm tứ phía khiến nó đau nhói. Nhưng nó vẫn thu mình ngồi yên lặng đằng sau tán lá, cố gắng nén những tiếng thở hổn hển, dám chắc rằng tiếng tim đập thành thịch trong lồng ngực nó to đến nỗi vang vọng khắp cả con đường.

Ý tưởng đó có tác dụng. Simon nhìn thấy thằng Bill, đầu tóc rối bù, mặt đỏ lựng, dừng lại ở cuối con đường và nhìn ngó xung quanh. Trông nó có vẻ vừa bối rối vừa tức giận, đầu nghiêng sang một bên để nghe tiếng bước chân. Rồi nó rẽ và chậm rãi bước theo con đường nhánh nơi Simon đang ẩn náu, vừa đi vừa bắn khoảnh nhìn lại phía sau.

Simon cố gắng nín thở và thu mình vào bụi cây sâu hơn.

Đột nhiên nó nghe thấy một tiếng động từ phía sau. Quay phắt đầu lại, nhả mặt vì bị một bông hoa vân anh [\[17\]](#) màu tía to tướng đập vào mắt, Simon chăm chú lắng nghe. Trong giây lát, nó nhận ra tiếng bước chân lạo xạo trên sỏi hướng về phía con đường cuối lối đi. Khe sáng chỗ những cành cây bị che tối trong giây lát khi hình dáng một người đàn ông lướt qua rất gần nó, bước dọc theo lối đi và ra cổng. Simon thấy ông ta rất cao, mái tóc sẫm màu nhưng nó không nhìn được rõ mặt.

Cái dáng ấy thùng thảng đi ra đường. Bây giờ Simon đã nhìn thấy ông ta mặc toàn đồ đen; đôi chân gầy dài nhảnh như cò hương, chiếc áo khoác bằng lụa đen có ánh lấp lánh bạc trên hai cầu vai. Khuôn mặt sưng sả của thằng nhóc Bill sáng bừng lên khi trông thấy người đàn ông, và nó chạy lại phía ông ta khi đó đang đứng ở giữa con đường. Họ đứng nói chuyện, nhưng vì khoảng cách quá xa nên Simon chỉ nghe thấy những tiếng lào xào không rõ rệt. Thằng Bill đang phẩy tay chỉ về phía con đường và lối đi đằng sau nó. Simon thấy người đàn ông cao đen nọ lắc đầu nhưng vẫn không sao nhìn rõ mặt gã.

Rồi đột nhiên cả hai xoay người trở lại phía lối đi và rảo bước về phía Simon, Bill vẫn thao thao bất tuyệt. Simon lo sợ thu mình vào sâu hơn nữa trong chỗ trốn, đột nhiên run sợ hơn bao giờ hết kể từ lúc bị rượt đuổi tới giờ. Gã này rõ ràng có quen với thằng Bill. Thằng ấy đang mỉm cười. Khi nhận ra gã đàn ông lại còn tỏ ra rất nhẹ nhõm. Lại một tên nữa bên phe địch...

Bây giờ thì nó không nhìn được gì nữa ngoài những chiếc lá trước mặt và không dám nhướn mình lên trước để nhìn qua khe lá. Nhưng tiếng bước chân cả quyết trên con đường nhựa cứng không chuyển thành tiếng lạo xạo trên sỏi. Chúng đã đi qua, ra đến bên ngoài bức tường và lên phía con đường. Simon nghe thấy tiếng thì thầm, nhưng không thể luận được gì ngoài một đoạn mà thằng Bill nói to. "... phải lấy được *ló*, cô ấy nói thế, chắc chắn đó là cái cần tìm, nhưng bây giờ thì cháu để mất..."

Để mất mình, Simon cười thầm. Khi tiếng chân chúng xa dần, thì nỗi sợ hãi trong lòng Simon cũng mất hẳn và nó bắt đầu cảm thấy niềm vui chiến thắng vì đã đánh lừa được thằng nhóc to xác kia. Nó liếc nhìn xuống tấm bản đồ đang cầm trong tay và khế siết chặt như siết tay một kẻ đồng mưu. Bây giờ yên tĩnh đã trở lại, nó chẳng còn nghe thấy gì ngoài bài ca của lũ chim trong bóng tối nhá nhem. Nó tự hỏi không biết đã muộn lắm chưa. Cuộc rượt đuổi dường như dài bằng cả tuần. Các cơ chân cũng bắt đầu âm ỉ biểu tình do ngồi thu lu gò bó lâu quá. Nhưng nó vẫn chờ thêm, căng tai nghe xem có tiếng động nào chứng tỏ gã đàn ông và thằng nhóc kia vẫn quanh quẩn đâu đây.

Cuối cùng nó cả quyết rằng bọn chúng chắc đã mất hút cuối con đường. Nắm chặt tấm bản đồ trong tay, tay kia nó rẽ mấy bụi cây trước mặt và bước ra lối đi. Không có ai ở đó. Tất cả đều im lìm.

Simon rón rén băng qua lối đi rải sỏi và đưa mắt nhìn ngược nhìn xuôi khắp xung quanh trụ cổng. Nó chẳng thấy ai, và niềm vui âm ỉ trong lòng, nó vòng qua cổng trở lại con đường ban nãy.

Chỉ đến khi đã đi được vài bước ra đến ngoài đường thì nó mới thấy thằng nhóc Bill và gã đàn ông mặc đồ đen lúc nãy đang đứng với nhau ngay cạnh bức tường cách chỗ nó chừng năm mươi yard, trông rõ rành rành.

Simon hít vào đánh hức một cái, bụng quặn lại vì kinh hoàng. Nó đứng đó một lúc lâu, không biết có nên quay trở lại chỗ nấp cạnh lối đi trước khi bị phát hiện hay không. Nhưng trong lúc nó còn đang đứng nghệt ra, phân vân, thì thằng Bill đã quay đầu lại, la toáng lên và bắt đầu lao về phía Simon, gã đàn ông đứng cùng cũng nhận ra và quay người chạy theo. Simon quay ngoắt, lao về phía đường cái. Cái im lặng xung quanh đột nhiên nhuộm vẻ hăm dọa chẳng khác nào con đường nhỏ có tán cây kết thành vòm ban nãy; nó mong biết bao được vô sự giữa một đám đông, người và xe cộ, để chí ít nó cũng quên đi cái cảm giác đơn độc đáng sợ trong tiếng chân rượt đuổi rầm rập không ngừng.

Xuôi theo con đường nhánh, vòng qua khúc quanh và dọc theo bức tường quanh sân nhà thờ, nhanh lên, nhanh nữa lên; tim Simon cứ thon thót trong lúc nó chạy không ngừng. Chân nó vẫn còn cứng đờ sau cả một quãng thời gian ngồi thu lu trong bụi cây và nó bối rối cả người. Nó tự biết rằng mình sẽ không thể tiếp tục chạy được lâu nữa.

Một chiếc xe ngang qua chỗ nó, lao rất nhanh theo hướng ngược lại. Những ý nghĩ táo bạo thoáng xuất hiện trong đầu Simon, khi nó cảm thấy mặt đường ngày càng cứng dưới đế dép cao su mỏng: nó có thể kêu lên và vẫy chiếc xe, hoặc chạy vào một ngôi nhà nhỏ ven đường xin trú nhờ khi nào chạy gần tới làng hơn. Nhưng thằng nhóc Bill giờ đây đã có một gã đàn ông đi cùng, và gã đó dám bịa ra một câu chuyện gì đó với bất cứ người lạ nào mà Simon muốn nhờ giúp đỡ, và người đó có thể sẽ tin câu chuyện của gã chứ không tin nó...

“Dừng lại!” một giọng trầm vang lên đằng sau nó. Tuyệt vọng, Simon càng cố gắng lao người về phía trước nhanh hơn. Mọi chuyện sẽ kết thúc nếu bọn người kia bắt được nó. Chúng sẽ có bản viết cổ trong tay và toàn bộ bí mật. Sẽ chẳng còn gì nữa cả. Nó sẽ làm mất niềm hy vọng cuối cùng, và nó sẽ khiến ông Gummery thất vọng...

Hơi thở của nó giờ hỗn hển một cách khó nhọc và bước chân nó bắt đầu lảo đảo. Có một đoạn đường giao nhau đằng trước. Tiếng bước chân cả quyết đằng sau càng lúc càng to hơn; nó tưởng như có thể nghe được hơi thở của những kẻ đang rượt đuổi. Nó nghe thấy tiếng thằng Bill hét lên với vẻ đắc thắng: “Nhanh lên... *lào...*” Tiếng nói nghe xa hơn tiếng bước chân. Chắc kẻ theo ngay sau nó là gã đàn ông kia, gần như đã đuổi bèn gót, tiếng bước chân của gã huỳnh huých mỗi lúc một gần hơn...

Simon bắt đầu thấy mình thở ra đằng tai. Đoạn đường giao nhau ở ngay trước mặt nhưng nó hầu như không còn nhìn thấy. Nó mơ hồ nghe thấy tiếng nổ ầm ầm của một cỗ động cơ xe ở rất gần bên cạnh, nhưng cái đầu đã quá mệt mỏi của nó chẳng ghi nhận được gì nữa. Có tiếng kêu lạch cạch và tiếng phanh rít lên ở giữa đoạn đường giao nhau khiến nó suýt nữa thì đâm sầm vào cái mũi gỉ sét của một chiếc xe to.

Simon loạng choạng dừng lại và toan tránh sang một bên, chỉ còn ý thức được nỗi hiểm nguy đang rình rập sát sau gót. Và rồi, như bầu trời chạng vạng tối chợt bùng lên ánh mặt trời, nó nhận thấy Ông Merry đang nghiêng người qua cửa kính ô tô.

Động cơ chiếc xe lại rú lên. “Vào đi, phía bên kia!” Ông Merry hét lên với Simon qua cửa kính.

Nức nở vì nhẹ nhõm cả người, Simon lão đảo chạy vòng ra đằng sau ô tô, vịn mạnh cái tay nắm cửa xe ở phía bên kia. Nó ngã phịch xuống cái ghế xe kêu cọt kẹt và sập cửa lại trong khi Ông Merry nắm lấy cần số và nhấn ga. Chiếc xe chồm lên trước, xốc qua khúc quanh rồi phóng đi.

CHƯƠNG 8

Nhưng làm sao ông biết chỗ nào mà tìm đến?” Simon hỏi trong khi Ông Merry cài số xe âm ỉ dưới chân đồi dẫn lên Ngôi nhà Xám.

“Ông có biết đâu. Ông chỉ lái xe quanh làng, hy vọng tìm thấy cháu. Ngay sau khi Jane và Barney vội vã chạy về nhà là ông đi ngay. Tội nghiệp hai đứa nhỏ, chúng nó sợ hết cả hồn - chạy ào vào phòng khách và vồ lấy ông. Bố mẹ cháu thấy buồn cười vì tưởng là mấy ông cháu mình đang chơi một trò chơi bí mật nào đó.” Ông Merry mỉm cười nghiêm nghị.

“Trời ạ, may là ông đã lái xe vào con đường đó.” Simon nói. “Chưa bao giờ cháu gặp được ai mà thấy mừng như thế đâu.”

“Cháu phải nhớ là ông biết rõ Trewissick chứ. Khi hai đứa nói là không tìm thấy cháu trên đường về nhà thì ông biết ngay là chỉ có một con đường duy nhất cháu có thể chạy qua thôi. Cháu chạy vào đường nhỏ Pentreath phải không?”

“Đúng là một con đường nhỏ,” Simon nói. “Cây cối mọc che kín như bưng. Cháu cũng chẳng kịp nhìn xem đường đó tên là gì.”

Ông Merry khẽ bật cười. “Ừ, làm sao mà kịp nhìn chứ. Nhưng ông đoán là cháu rẽ từ con đường đó vào đường lớn Tregoney, mà đúng là cháu đã làm thế thật. May là cháu đã không đi đường khác.”

“Tai sao ạ?” Simon hỏi, nhớ lại lúc mình chọn bừa một hướng rẽ ở con đường nhỏ trong khi thằng Bill đang trèo qua hàng rào ở phía sau.

“Hướng rẽ kia của con đường là ngõ cụt. Dẫn tới Trang trại Pentreath. Nếu như còn có thể gọi nơi đó là một cái trang trại - nó đã bị bỏ bê nhiều năm nay rồi, không còn cứu vãn gì được nữa. Người anh hừ hổng của bà Palk sống ở đó - hẳn ta là bố thằng Bill Hoover. Chính thằng Bill cũng ở đó mỗi bận nó đảo về nhà, mà cũng là thỉnh thoảng lắm. Nói tóm lại, nếu cháu chạy tới đó thì thật là nguy hiểm.”

“Ôi trời ơi.” Ý nghĩ ấy khiến Simon cảm thấy ớn lạnh cả sống lưng.

“Không sao. Dù sao thì cháu đã không đi về hướng đó.” Sau khi những tiếng gầm lạch cạch của động cơ tắt hẳn, chiếc xe dừng lại và Ông Merry kéo phanh tay. “Đây rồi. Về nhà an toàn rồi. Bây giờ cháu vào nhà, tắm rửa trước khi mẹ cháu nhìn thấy. May là hôm nay một vài người bạn của mẹ cháu đến nhà chơi ăn tối nên mẹ cháu sẽ phải ở trong phòng khách. Xuống đi. Ông sẽ đi cất xe. À, Simon này...”

Simon đã bước một chân ra khỏi cửa, tay vẫn ôm khư khư bản viết cổ trước ngực, liền quay lại. Nó chỉ nhìn thấy rõ mỗi khuôn mặt Ông Merry, mái tóc trắng bù xù của ông giờ đã lẫn vào trong bóng đêm, và ánh sáng từ ngọn đèn đường nào đó trên đồi phản chiếu một cách kỳ lạ khiến hai mắt của ông sáng rực lên trong bóng tối.

“Cháu giỏi lắm,” Ông Merry nhẹ nhàng nói.

Simon không nói gì, chỉ sập cửa xe lại, đột nhiên cảm thấy mình người lớn hơn bao giờ hết. Và

khi cái xe đã khục khặc lên đến đỉnh đồi, nó thấy quên hết mọi mệt nhọc và bước sang đường, uốn lượn thật thẳng.

Nó chưa kịp đặt chân lên bậc thềm thì Jane và Barney đã đứng đợi sẵn ở cửa. Hai đứa hối hả đẩy nó vào nhà và về phía cầu thang.

“Nó có bắt được anh không?”

“Anh vẫn giữ được tấm bản đồ à! Siêu quá...”

“Bọn em tưởng là anh sẽ bị đánh một trận như tử cơ đấy...” Barney nói, mắt mở to vẻ hệ trọng.

“Anh không bị sao chứ, hả? Chuyện như thế nào?” Jane soi kỹ một lượt từ đầu tới chân Simon như bác sĩ đang khám bệnh.

“Anh không sao cả...”

Chợt cánh cửa phòng khách mở ra, chiếu một vệt sáng vào trong sảnh. Có tiếng mẹ gọi, át lên tiếng rì rầm bên trong. “Các con đấy à?”

“Vâng ạ,” Jane trả lời vọng qua hàng lan can cầu thang.

“Bữa tối sắp xong rồi, các con đừng có lè mè đấy nhé. Rửa ráy xong rồi xuống ngay.”

“Vâng, mẹ ạ.” Cánh cửa lại đóng lại. “Mọi người đang nói chuyện liên tu bất tận trong ấy,” Jane bảo Simon. “Bố mẹ gặp một người bạn cũ đã mất liên lạc từ lâu ngoài bến cảng. Hóa ra bà ấy sống ở Penzance. Hình như bà ấy cũng là họa sĩ thì phải. Bà ấy sẽ ở lại ăn tối. Bà ấy có vẽ hay phết. Thằng đó đã đuổi theo anh hàng dặm cơ à?”

“Hàng trăm dặm ấy chứ,” Simon trả lời. Nó ngáp. “Hàng trăm, hàng nghìn dặm... và rồi Ông Merry xuất hiện, đúng lúc bọn chúng chuẩn bị tóm được anh.”

“Chúng em bảo ông đi tìm anh đấy.” Barney hào hứng nói. Bọn trẻ cùng bước lên cầu thang.

“Bọn mình có bảo ông đi đâu,” Jane không đồng tình. “Ông tự đi đấy chứ. Nhanh như tên lửa ấy, ngay sau khi ông nghe mình kể chuyện gì đã xảy ra.”

“Nhưng nếu bọn mình không nói thì ông làm sao mà biết để đi cứu Simon được.” Mặt Barney rạn rở lên vì quá phấn khích. Nó sẵn sàng đánh đổi cả tai mình để được trở thành người anh hùng trong cuộc rượt đuổi ấy. “Bọn em không biết anh đi đường nào nên đi theo cô Withers một đoạn, nhưng cô ta chỉ đi xuống phía dưới mũi đất, ngồi trên bãi cỏ ở dưới chân dốc *nhìn ra biển*.” Giọng nó cao lên vẻ ngờ vực. “Vì thế bọn em chạy về nhà đúng lúc Ông Merry vừa đi câu cá về. Bọn em mừng ơi là mừng khi nhìn thấy anh đi ra khỏi xe,” Barney đột nhiên nói thêm.

“Không mừng bằng một nửa anh đâu,” Simon lại ngáp cái nữa và giơ tay xoa trán. “Anh thấy người bần thiêu quá. Chắc là tại lúc nãy ngồi nấp trong bụi cây... đi thôi, anh sẽ kể cho bọn mày nghe trong lúc rửa ráy.”

Ban đầu bọn trẻ chỉ mãi ăn nên không chuyện trò gì được, và đến cuối bữa thì chúng lại mãi chống chọi với cơn buồn ngủ; vì thế cả ba đều thấy may là bà Hatherton đến chơi. Bà Hatherton là một phụ nữ nhỏ nhắn, thông minh và hoạt bát, đã khá lớn tuổi, với mái tóc ngắn đã hoa râm và đôi mắt sáng long lanh. Bà là nhà điêu khắc - một nhà điêu khắc nổi tiếng, sau

này Ông Merry bảo chúng như vậy - đã từng dạy mẹ hồi mẹ là sinh viên trường nghệ thuật. Bà cũng có vẻ rất đam mê săn bắt cá mập và suốt cả bữa tối lúc thì bà vui vẻ nói chuyện về nghệ thuật với mẹ, lúc lại hào hứng quay sang nói chuyện câu cá với bố. Bọn trẻ thích thú lắng nghe nhưng chỉ thật sự thấy thoải mái khi bà Palk mang cà phê vào và mẹ, vốn đã nhìn thấy chúng ngáp từ nãy, bảo chúng đi ngủ.

“Không gì tốt cho giấc ngủ bằng khí trời ở Cornwall,” bà Hatherton vui vẻ nói khi bọn trẻ đẩy ghế lại và chào để đi về phòng. “Nếu trong ba cháu đây có cháu nào theo nghề của mẹ,” bà nói thêm với mẹ, “thì sẽ là cậu này.” Bà chỉ vào Barney khiến nó lúng túng.

Barney ngạc nhiên chớp chớp mắt nhìn bà.

“Lớn lên cháu muốn làm gì, cậu trẻ?” Bà hỏi.

“Cháu muốn làm một ngư dân cơ,” Barney trả lời ngay. “Trên một con thuyền lớn như thuyền *Thạch Nam Trắng* ấy.”

Bà Hatherton cười phá lên. “Mười năm nữa mà cháu vẫn nói với bà như thế,” bà nói, “thì bà sẽ ngạc nhiên lắm đấy. Chúc các cháu ngủ ngon. Bà sẽ mua bức tranh đầu tiên mà cháu vẽ.”

“Bà ấy hâm rồi,” Barney nói khi bọn chúng đi lên gác. “Em không muốn làm họa sĩ.”

“Bỏ qua đi,” Simon nói. “Bà ấy hay đấy chứ. Jane, đừng đi, vào phòng bọn anh một chút. Anh đoán ông Gumerry sắp lên đây. Ông đã nhấn mặt làm hiệu cho anh khi anh đóng cửa.”

Bọn trẻ cùng đợi và chỉ vài phút sau Ông Merry đã xuất hiện ở ngưỡng cửa. “Ông không ở lâu được đâu,” ông nói. “Ông vừa mới tham gia cuộc tranh luận hứa hẹn sẽ khá lâu và sôi nổi với bà Hatherton và mẹ các cháu về những công trình của Caravaggio và Salvator Rosa [\[18\]](#).”

“Í ẹ!” Barney nói.

“Đúng như cháu vừa nói đấy, Barnabas, ‘í ẹ.’ Ông cũng nghĩ là ông chẳng rành gì so với hai người kia. Nhưng dù sao thì...”

“Ông Gumerry, chúng cháu tìm thấy rồi,” Jane hào hứng nói. “Chúng cháu đã tìm ra đầu mỗi thứ hai, và mình đã khởi đầu đúng hướng. Đó là một trong những cột đá trên Mũi Kemare. Barney và Simon cùng tìm ra nó,” em thật thà nói thêm. “Kìa, anh Simon, lấy bản đồ ra đi.”

Simon đứng dậy và chạy đi lấy cái hộp kính viễn vọng, lúc này trông còn bụi bặm và méo mó hơn trước, từ trên nóc tủ quần áo. Bọn trẻ trải tấm bản đồ trên giường và chỉ cho Ông Merry xem cột đá xuất phát điểm, hình vẽ nhỏ nhỏ phác thảo mặt trời và chúng đã làm thế nào để tìm ra được cột đá đó.

“Nhưng chúng cháu không biết cột đá đó ở đâu trên bản đồ,” Simon nói. “Vì các cột đá trên bản đồ không giống với những cột đá thật ngoài mũi đất.”

Bọn trẻ đều khom người nhìn hình vẽ phác thảo mà bọn chúng không thể không gọi là bản đồ, còn Ông Merry chỉ im lặng nhìn.

“Ông Gumerry,” Jane ngập ngừng nói, một ý tưởng lờ mờ mà em cũng chưa nắm bắt được hẳn hiện ra trong đầu, “ông có nghĩ là người đó viết mọi đầu mối theo cùng một hệ thống không?”

“Ý em là sao?” Simon hỏi, duỗi thẳng lưng và nằm ngửa trên giường.

“Anh có nhớ khi mình bắt đầu lần tìm đầu tiên thì em đã nói là nó phải kiểu như các bản đồ kho báu ấy - sáu bước về phía Đông, hay đại loại thế. Và anh nói là, không, có thể nó chỉ gọi theo kiểu một vật này thẳng hàng với một vật khác.”

“Thế thì sao?”

“Thì có nghĩa là, ở tất cả các bước, phải làm sao cho mọi cái thẳng hàng với cái gì đó khác phải không? Liệu tất cả các đầu mối đều có cùng đầu mối như vậy không?”

“Ý em là, việc tiếp theo ta cần tìm xem cái gì thẳng hàng với cột đá?”

Ông Merry vẫn nhìn chăm chăm xuống tấm bản đồ. “Có thể vậy. Tại sao cháu lại nghĩ thế?”

“Chính cái đó ạ,” Jane nói. Cô bé chỉ vào tấm bản đồ. Tất cả mọi người đều chăm chú nhìn theo.

“Em chẳng thấy gì cả.” Barney cúi kính nói.

“Nhìn chỗ kia kìa. Ở phía cuối của Mũi Kemare ấy.”

“Nhưng đó chỉ là một vết bẩn nữa thôi.” Simon bực mình. “Cái đó thì có nghĩa gì kia chứ?”

“Nó không gọi cho anh nghĩ đến cái gì khác à?”

“Không,” Simon vừa nói vừa ngáp và nằm trở lại.

Ông Merry nhìn từng đũa và mỉm cười.

“Ồ thôi nào,” Jane bực bội nói. “Em biết là hôm nay anh đã làm rất tốt và em biết là anh đang mệt, nhưng thật tình...”

“*Em* vẫn đang nghe đây.” Barney lên tiếng bên cạnh. “Vết bẩn đó thì sao?”

“Đó không phải là một vết bẩn,” Jane đáp. “Ít nhất là chị không nghĩ như vậy. Nó hơi mờ một chút, nhưng đó là một vòng tròn, được vẽ khá cẩn thận và chị nghĩ nó có ý nghĩa gì đó. Trông nó giống như vết kia, cái vết ở trên các cột đá mà hóa ra lại chính là mặt trời lúc hoàng hôn.”

Simon chống khuỷu tay ngهن dậy và lại bắt đầu tỏ ra quan tâm.

Jane tiếp tục nói to suy nghĩ của mình: “Cứ theo đầu mối thứ nhất thì mình phải tìm thấy cột đá thẳng hàng với mặt trời và tảng đá nơi mình bắt đầu xuất phát. Sau đó mình phải đi đến cột đá đó và kiểm tra xem có đúng không bằng cách nhìn hướng bóng của nó. Có lẽ, bây giờ mình sẽ phải làm tương tự. Tìm xem cái gì thẳng hàng với cột đá và rồi đi đến chỗ đó kiểm tra xem bóng của nó có chỉ về cột đá không.”

Ông Merry lẩm bẩm. “Những dấu hiệu khi ẩn khi hiện nhưng không bao giờ mất...”

Jane quay về phía ông, giọng càng hào hứng hơn: “Đúng rồi. Trong bản viết cổ có nói vậy phải không ạ? Chắc hẳn có rất nhiều gợi ý chỉ dẫn trong bản viết cổ, cả hình vẽ nữa. Chỉ có điều các dấu hiệu đó bị che giấu kỹ càng nên mình chẳng biết làm thế nào mà tìm ra chúng.”

“Cái vụ toàn liên quan đến bóng này,” Simon nói vẻ ngờ vực. “Liệu có thể đơn giản hơn cách em vừa nói không? Có thể tất cả những gì mình phải làm là tìm xem cái bóng của cột đá đó chỉ đến đâu.”

“Nhưng nó sẽ chỉ trở lại chỗ mình xuất phát,” Barney nói. “Vì ông ấy không dùng bóng làm đầu mỗi thứ nhất. Đầu mỗi thứ nhất mà ông ta dùng là ‘Hãy nhìn xem cái gì giữa bạn và mặt trời lúc hoàng hôn.’ Cái bóng chỉ là cách để xác định điều đó thôi.”

“Ờ thì lần này không nhất thiết phải là bóng nắng lúc hoàng hôn.”

“Đó là lý do tại sao em lại chỉ vết này,” Jane nói.

Barney nói bằng giọng ngái ngủ: “Có thể đó là mặt trời lúc bình minh. Chỉ có điều là không thể được, nó không nằm đúng chỗ rồi.”

“Không,” Simon nói. “Tất nhiên là không rồi. Đó chỉ là một vết bẩn thôi.”

Jane lấp bắp vì mất bình tĩnh và trừng mắt nhìn thẳng anh trai. “Ờ... tại sao lại cứ phải là mặt trời cơ chứ?”

Ông Merry vẫn ngồi yên lặng như bức tượng ở cạnh giường. Ông lại khe khẽ nói một mình về âu yếm: “Những dấu hiệu khi ẩn khi hiện nhưng không bao giờ mất...”

Simon ngẩn người nhìn ông.

“Anh không thấy à?” Jane nói gần như hét lên với anh trai. “Đó không phải là mặt trời - đó là mặt trăng!”

Sắc mặt Simon bắt đầu thay đổi liên tục, cứ như bầu trời vào một ngày đầy gió. Nó nhìn Jane, rồi nhìn sang tấm bản đồ và Ông Merry. “Ông Gumerry,” nó nói giọng đầy trách cứ. “Cháu tin là ông đã biết từ nãy đến giờ. Jane nói đúng không ông?”

Ông Merry đứng dậy. Chiếc giường kêu cọt két khi ông đứng lên và cái dáng cao lênh khênh của ông như choán cả căn phòng; ngọn đèn dung đưa trên trần rơi xuống phía sau đầu khiến khuôn mặt ông bị lấp bóng làm cả ba đứa trẻ thấy cái cảm giác bí ẩn quen thuộc. Cái dáng sừng sững tối đen của Ông Merry với một vầng sáng màu bạc mờ mờ viền quanh đầu khiến cả bọn lặng đi trong niềm kính sợ.

“Đây là cuộc thám hiểm của các cháu,” ông nói. “Các cháu luôn luôn phải tự tìm lấy đường đi của mình. Ông là người bảo hộ, chỉ vậy thôi. Ông không thể tham gia hay giúp đỡ gì ngoài nhiệm vụ bảo vệ các cháu trong suốt hành trình này.” Ông hơi xoay người một chút để ánh sáng chiếu vào mặt rồi sau đó giọng ông trở lại bình thường. “Ông nghĩ các cháu cũng sẽ cần được bảo vệ trong giai đoạn sắp tới. Các cháu biết bây giờ phải làm gì rồi chứ?”

Simon chậm rãi trả lời: “Chúng cháu phải tìm xem cột đá đó chỉ hướng nào vào buổi tối. Dưới ánh trăng.”

Barney nói, cứ như là chuyện đương nhiên: “Trăng tròn.”

“Trăng tròn á?”

“Cái vết mà Jane chỉ đó - ông ấy vẽ nó hình tròn chứ không phải hình lưỡi liềm, như thế có nghĩa nó phải là trăng tròn.”

“Trăng hôm nay thì thế nào?”

“Các cháu *không* được lên mũi đất để xem trăng tối nay,” Ông Merry nói giọng cương quyết.

“Không, cháu không có ý đó đâu. Dù sao thì cháu biết cháu cũng không đủ sức nữa.” Simon cố tìm một cái ngáp khác. “Cháu chỉ tự hỏi không biết bây giờ là trăng tròn hay trăng khuyết thôi. Nếu bây giờ là trăng non và khuyết thì sẽ phải chờ rất lâu.”

“Đêm nay trăng tròn,” Jane trả lời. “Em nhìn thấy trăng sáng qua cửa sổ phòng ngủ. Như vậy có nghĩa là ngày mai trăng cũng sáng như vậy. Có được không, ông Gumerly? Ý cháu là, tối mai chúng cháu sẽ đi và nhìn xem được không?”

Ông Merry chưa kịp trả lời thì Simon đã ngồi dậy vẻ trầm tư. “Có một điều không ổn với tất cả những suy luận này. Giả dụ ta có một vầng trăng vừa qua ngày rằm thì như vậy ta đã có toàn bộ ánh sáng cần thiết rồi. Nhưng trăng lại luôn thay đổi, phải không? Ý cháu nói là, trăng mọc và lặn vào những thời điểm khác nhau và ở những nơi khác nhau, tùy thuộc vào thời gian trong năm. Thế - bây giờ đang là tháng Tám, nhưng làm sao mình biết được người Cornwall ấy không vẽ những đầu mối này vào giữa tháng Giêng hay tháng Tư hay tháng nào đó, khi vầng trăng không giống mình đang nhìn bây giờ.”

“Anh chỉ giỏi phá bình thôi,” Barney nói.

“Không,” Ông Merry lên tiếng. “Simon nói đúng đấy. Nhưng ông sẽ chỉ nói một điều. Ông nghĩ các cháu sẽ thấy đây *chính là* thời điểm đó trong năm. Cứ cho là các cháu may mắn đi, hay là gì cũng được. Nhưng các cháu đã lần theo được đầu mối đầu tiên, ông nghĩ các cháu sẽ thấy mình có khả năng lần ra các đầu mối tiếp theo. Và được, Jane ạ, tối mai rất phù hợp cho các cháu đi nhìn bóng của các cột đá dưới trăng. Đặc biệt thuận lợi, vì một lý do mà các cháu chưa biết - ngay sau khi các cháu vừa đi khỏi, bà Hatherton đã mời bố mẹ cháu đi xem xưởng điêu khắc của bà ấy ở Penzance vào ngày mai và ngủ qua đêm ở đó.”

“Hay quá! Thế bố mẹ cháu có đi không ạ?”

“Phải chờ xem. Đi ngủ đi. Và các cháu đừng quá tin tưởng vào ánh trăng nhé. Có thể vẫn còn những vấn đề khó khăn hơn nhiều đang chờ các cháu đấy.”

Mẹ đứng, một tay đặt lên cánh cửa chiếc xe ô tô bé xíu như con gián của bà Hatherton. “Thế các con có chắc là mọi chuyện sẽ ổn không?” Mẹ nói với vẻ nghi ngại

“Ôi mẹ, dĩ nhiên là chắc chứ ạ.” Jane đáp. “Chuyện gì có thể xảy ra với bọn con được chứ?”

“Mẹ không biết, mẹ không được yên tâm lắm khi bỏ các con lại... nhất là sau vụ trộm nữa...”

“Chuyện đó xa lắc rồi mà.”

“Miễn là các con không đốt nhà là được,” bố nói đùa. Bà Hatherton đã hứa hôm sau sẽ đưa bố đi cá mập, và bố đang rất hào hứng như một chú học trò.

“Chú Merry đừng để bọn trẻ đi ngủ muộn nhé,” mẹ vừa lên xe vừa nói.

“Đừng lo mà, Ellen.” Ông Merry nói với giọng âu yếm của một người cha từ bậc cửa chỗ ông đang đứng, trông như một vị tộc trưởng trong Kinh Cựu Ước với một đám trẻ vây quanh. “Chú sẽ không có cơ hội cho bọn trẻ nghịch ngợm linh tinh gì khi bà Palk đang ở đây đâu. Có khi ông cháu tôi lại chết vì ăn quá no ấy chứ.”

“Thế thật sự tất cả các cháu không muốn đi cùng à?” Bà Hatherton tựa người vào tay lái, mắt hấp háy dưới ánh nắng buổi sớm. Chiếc xe khẽ rung lên khi bố thu người ngồi vào hàng ghế

sau. Simon đưa cho bố mấy cái cần câu.

“Vâng, thật thế ạ, cảm ơn bà,” nó trả lời.

“Không ăn thua gì đâu ạ, không thể tách ba đứa này ra khỏi làng Trewissick được nữa,” bố nói. “Tôi chưa từng thấy chuyện lạ đời như thế này bao giờ. Thậm chí cố đưa chúng đến làng bên cạnh thôi mà cũng khó chẳng khác gì nặn con sao biển ra khỏi tảng đá của nó nữa là. Tôi thật không dám nghĩ chuyện gì sẽ xảy ra khi đến lúc phải về nhà.”

“Thôi, thôi, chúng tự biết bản thân mà. Và tôi cũng không dụ nổi ông đi sao, Giáo Sư Lyon?”

“Ôi, trời ơi,” mẹ nói, “cháu xin lỗi vì làm chú phải vương bận với mấy đứa nhỏ này.” Mẹ nhìn mặt với bọn trẻ.

“Vớ vẩn,” Ông Merry đáp. “Đây là môi trường của chú mà. Penzance cũng chả có gì hay ho.” Ông quàu quàu nhìn bà Hatherton nhưng bà chỉ cười rất hòa nhã đáp lại. “Đây khách du lịch, kem, và tượng các con yêu tinh làm bằng đồng. Toàn đồ hàng chợ, đã bị thương nghiệp hóa hết rồi. Bà cứ đi mà thưởng thức một mình.”

“Thôi,” bà Hatherton cười, vừa khởi động chiếc xe vừa nói, “chúng tôi đến với đám yêu tinh vậy. Chúng tôi sẽ gửi về cho ông một thanh đá, Giáo Sư nhé. Chào ông. Tạm biệt các cháu.” Chiếc xe phóng đi trong những tiếng tạm biệt rời rạc ở phía sau.

“Tạm biệt!” bà Palk cất giọng the thé, xuất hiện đột ngột phía sau chúng ở bậc cửa, tay vẫy vẫy một tấm khăn dùng để lót khay trà. Chiếc xe nổ bình bịch leo lên đồi rồi khuất hẳn.

“Úi *dời*, thích *nhế*, hai người đi chơi với nhau,” Bà Palk nói đầy vẻ mơ mộng. “Chắc là họ sẽ được trở lại thuở xưa, khi chưa có mấy cửa rắc rối *lày* ra đời.” Bà vung vẩy chiếc khăn về phía đám trẻ.

“Ý bà nói chúng cháu á?” Barney phẫn nộ hỏi lại.

“Phải đấy, trẻ con là nhúc đầu lăm... nhưng mà tôi đoán là mấy cô cậu sau này cũng chả đến *lỗi* *lào*.” Bà mỉm cười rồi biến vào trong bếp.

“Bà Hatherton này có ích thật.” Simon khoan khoái nói. “Tất nhiên là anh hy vọng bố mẹ sẽ có một chuyến đi rất vui rồi, nhưng như thế thì bờ biển mới quang, muốn làm gì thì làm, phải không?”

“Bóng trắng...” Jane tư lự nói. “Anh biết không, em đang nghĩ là...”

“Hôm nay sẽ không suy nghĩ gì cả,” Ông Merry nói với vẻ cương quyết. “Từ giờ đến tối, chúng ta sẽ không thể làm gì được. Từ hồi xuống Trewissick đến giờ ông chưa đi tắm biển lần nào cả, hay là các cháu đưa ông đi tắm đi.”

“Đi *tắm biển* ấy ạ?” Barney ngạc nhiên hỏi lại.

“Ừ,” Ông Merry cúi xuống nhìn Barney qua cặp lông mày trắng rậm rạp. “Cháu nghĩ ông già quá rồi không bơi được phải không?”

“Ơ... không, không, không đâu ông ạ.” Barney lúng túng trả lời. “Cháu chỉ chưa bao giờ nghĩ đến việc được nhìn ông tắm thôi.”

“Thế còn tắm bản đồ thì sao?” Jane rên rĩ.

“Thì mình vẫn đang tiếp tục tìm kiếm đấy chứ,” Simon sáng giọng.

“Và chúng ta sẽ không dừng lại. Chúng ta sẽ tận hưởng một ngày êm ả tuyệt đẹp trên bãi biển đầy nắng.” Ông Merry cười với bọn trẻ. “Mà ai biết được đấy, có thể tối nay sẽ có trăng.”

Và kia, bên ngoài khung cửa sổ Ngôi nhà Xám, vầng trăng của một đêm tháng Tám đang treo lơ lửng, lúc mấy ông cháu đã trở về nhà và đang tắm rửa trước khi bà Palk gọi xuống ăn tối. Cả ngày hôm ấy trên bờ biển trời nắng chói chang nên tất cả đều rám nắng - làn da trắng trẻo của Barney giờ đang đỏ rát. Nhưng lúc này thì mặt trăng đã thống trị cả bầu trời; sau buổi hoàng hôn, bầu trời sâu thẳm thành màu xám đen kỳ lạ, ngoại trừ những ngôi sao sáng nhất, còn vạn vật đều chan hòa trong một ánh sáng lung linh màu trắng sữa đang tràn trề lên khắp cả bầu trời và mặt biển, mà dường như không phải chảy ra từ vầng trăng.

Simon khẽ kêu lên vẻ phấn khích: “Đúng là một đêm hoàn hảo.”

“Hừm,” Jane ậm ừ. Từ lúc này, cô bé đã đứng ở ngoài quan sát bầu trời và lo lắng nhìn cái bóng tối sẫm trên nền trời của Mũi Kemare vươn lên phía sau nhà, đen ngòm và không thể chinh phục nổi. Cũng giống như Simon, em thấy rất hào hứng, nhưng cảm giác bút rút cũ cũng lại trở về trong tâm trí em.

Jane gay gắt tự nhủ với mình, tốt hơn là không nên nghĩ về bóng tối nữa, hay ít ra là không nghĩ rằng nó cũng giống cái đêm mà người đàn ông Cornwall xa xưa đã vạch ra những dấu hiệu để bây giờ mấy đứa đang lần theo. Nhưng có thể trong bóng tối kia vẫn còn ẩn nấp thế lực xấu xa đã từng rình mò theo ông lúc đó, từ miền đất phía Đông thù địch, đe dọa sự an toàn của chén Thánh khiến ông phải vội vã tìm chỗ ẩn nấp... có thể bây giờ thế lực đó vẫn đang đợi họ, ở ngoài kia... Tại sao hôm nay thuyền nhà Withers lại không sáng đèn nhỉ...?

“Thôi, không nghĩ nữa,” Jane buột miệng nói to.

“Cái gì?” Simon ngạc nhiên hỏi.

“Không có gì... Em tự nói với mình thôi... Ôi, hay quá, có tiếng chuông rồi. Đi ăn thôi.”

Bà Palk đang tất bật mang những đĩa đầy thức ăn từ bếp ra rồi lại mang những đĩa trống trơn trở vào bếp, với tâm trạng của một bà mẹ thực sự. Ông Merry nói với bà là họ sẽ đi câu cá đêm ở ngoài khơi bến cảng, và ngay lập tức bà lập kế hoạch đồ sộ về việc chuẩn bị pha cà phê nóng đổ vào mấy phích để mang theo và để sẵn những đĩa bánh mì kẹp trong bếp chờ họ trở về. Nhưng bà nhất nhất không chịu cho Barney đi cùng.

“Cậu không được đi đâu khi bị cháy *lạnh* như thế, cưng à, không ổn chút *lào* đâu. Cậu ở nhà với tôi và làm một giấc ngủ sớm, thế là tốt nhất. Cậu mà đi ra ngoài thì sẽ bị cọ xát vào các thứ và phỏng rộp hết cả lên cho mà xem, và *dồi* ngày mai cậu sẽ phải *lầm* bếp trên giường trong khi nhẽ ra cậu có thể đi chơi dưới *lạnh*, chắc cậu không muốn thế, phải không *lào*?”

“Cháu sẽ ổn mà,” Barney lưỡng lự. Bà Palk đã bôi kem kềm chữa bỏng lên hai cẳng chân cháy nắng của Barney, nhưng vẫn rất và đau, và mặc dù đã cố gắng giấu đau, nó vẫn phải nhả mặt mỗi khi bước đi.

Mà nó cũng rất buồn ngủ sau một ngày chơi nghịch và bơi lội ngoài trời.

Ông Merry nói, “Ông nghĩ tốt nhất là cháu nên ở nhà, Barney ạ. Khi quay về, nếu cháu còn thức

thì ông và hai anh chị sẽ thông báo tin tức cho cháu biết.”

“*Ló* sẽ không còn thức đâu,” bà Palk nói chen vào. Lúc nào bà cũng đối xử với Ông Merry bằng một cung cách vừa nuông chiều vừa nghiêm khắc hết như với Simon, Barney và Jane, mặc dù bà tỏ ra hết sức kính trọng “ông Giáo Sư”. “*Ló* sẽ ngủ thật ngon, không bị quấy rầy, đến tận sáng mai, rồi buổi sáng thức dậy tươi như hoa vì không còn đau *lũ*a. Và lúc đó thì tha hồ mà nghe chuyện.”

“Bà Palk,” Ông Merry nói bằng giọng nhu mì, “bà thật tốt bụng, và làm tôi nhớ đến bà vú nuôi của tôi ngày xưa quá đi mất, bà ấy không bao giờ để tôi ra ngoài đường mà không mang giày cao su. Nhóc Barnabas, ông nghĩ là...”

“Vâng, được rồi ạ,” Barney buồn rầu nói. “Cháu đoán là phải thế thôi. Cháu sẽ ở nhà.”

“Phải đấy,” bà Palk cười vui vẻ. “Tôi sẽ đi pha một cốc *lưóc* ấm thật dễ chịu cho cậu uống trước khi đi ngủ.” Bà vội vàng đi vào bếp.

“Hai người may mắn thật,” Barney ghen tị nói với Simon và Jane. “Em dám cá là anh chị sẽ tìm ra bao nhiêu là đầu mối hay ho, chỉ vì em không thể đi cùng. Thật chẳng công bằng tẹo nào.”

“Thực ra em sẽ lĩnh trách nhiệm quan trọng nhất của tối hôm nay đấy,” Simon nghiêm trang nói. “Và cũng là nguy hiểm nhất nữa. Mọi người đã quyết định là mang bản đồ theo sẽ rất liều lĩnh, vì thế em sẽ có trách nhiệm ở đây canh gác nó. Có thể em phải dùng cả tính mạng để bảo vệ nó ấy chứ - giả sử mà bọn trộm quay lại.”

“Ôi, đừng,” Jane sợ hãi kêu lên.

“Đừng lo, chuyện đó có lẽ sẽ không xảy ra đâu,” Ông Merry nói và đứng dậy. “Nhưng dù sao thì đó cũng là một nhiệm vụ, Barney ạ, vì thế cháu không bị bỏ ngoài cuộc đâu.”

Barney cũng không biết nên cảm thấy quan trọng hay đáng thương nữa, nhưng nó ngoan ngoãn đi ngủ. Ngoái lại trong lúc khởi hành đi vào bóng đêm, ba ông cháu nhìn thấy khuôn mặt Barney áp trắng nhợt lên khung cửa sổ trên gác và cánh tay mờ mờ đang vẫy chào tạm biệt họ.

“Trời ạ, lạnh quá,” Jane nói, khẽ run lên khi họ bước trên con đường ra khỏi làng.

“Chỉ đi thêm một đoạn nữa là cháu sẽ ấm lên thôi.” Ông Merry an ủi. Lúc ở nhà ông đã bắt hai đứa phải mặc áo len và quàng khăn ấm bên trong áo khoác, và bây giờ chúng mới biết ơn ông vì điều đó.

“Mọi thứ xem ra to kinh khủng,” Simon đột nhiên nói. Cả ba ông cháu đều nói năng khẽ khàng theo bản năng, bởi không có lấy một tiếng động nào trong bóng tối tĩnh lặng ngoại trừ tiếng bước chân nhẹ nhàng của chính họ. Chỉ đôi lúc họ nghe thấy tiếng một chiếc xe âm âm lao qua làng, và lao xao khe khẽ tiếng sóng biển vỗ bờ và kéo kẹt tiếng ván thuyền dập dềnh quanh chỗ buồm neo ngoài cảng.

Jane nhìn quanh những mái nhà sáng lên như dát bạc và những khoảnh bóng đen dưới ánh trăng. “Em hiểu ý anh rồi. Mình chỉ có thể nhìn thấy một cạnh của mọi thứ thôi, còn cạnh bên kia thì luôn bị sắp bóng. Vì thế mình không biết nó dài đến đâu... Mà mũi đất trông sợ nhỉ. May là em không đi một mình.”

Đó là lời thú nhận mà Jane sẽ chẳng bao giờ nói vào lúc ban ngày. Nhưng không hiểu sao trong đêm tối thì lại có vẻ đỡ xấu hổ hơn. Simon buột miệng: “Anh cũng thấy thế.”

Ông Merry không nói gì. Ông lặng lẽ bước đi bên cạnh chúng, cao lớn, trầm tư, khuôn mặt ông khuất trong những quang bóng tối. Mỗi bước sải chân dài lại khiến ông như chìm vào đêm, cứ như thể ông thuộc về thế giới thần bí và tĩnh lặng và những âm thanh không tên rất nhẹ.

Sau khi qua cảng, đến một góc đường, ba ông cháu rẽ và leo qua hàng rào lên mũi đất. Con đường lại uốn quanh hướng về phía đất liền, và bên trên họ trải dài dài triền dốc tối sẫm dày cỏ, hướng lên phía các cột đá. Phải mất một lát họ mới tìm thấy lối mòn và bắt đầu cuộc hành trình leo dốc dài đặc hết-lùi-lại-tiến lên trên đỉnh.

“Nghe kìa!” Jane đang đi thì dừng lại và đột nhiên nói.

Họ đứng lại nhưng không thấy gì, chỉ có tiếng thở dài của biển.

“Em nghe nhầm đấy thôi,” Simon lo lắng nói.

“Không... em chắc mà...”

Ở trên đầu họ, từ phía đỉnh mũi đất vẫn còn lút ngoài tầm mắt, thoáng vọng xuống một tiếng kêu ma quái, “U... u... u...”

“Ôi,” Jane thở phào. “Hóa ra chỉ là một con cú. Hú vía, em không đoán được đó là tiếng gì.”

Ông Merry vẫn không nói gì. Họ lại tiếp tục leo dốc. Rồi đột nhiên tất cả đều khựng lại, như đã thỏa thuận ngầm từ trước. Cứ như có một tấm màn màu đen ở đâu bao phủ xuống xung quanh họ.

“Cái gì thế?”

“Một đám mây bay qua mặt trăng. Nhìn xem. Chỉ là một đám mây nhỏ thôi.”

Như một làn khói, đám mây lại trôi ra khỏi vầng trăng cũng bất ngờ như lúc nó xuất hiện; biển cả và mũi đất lại như dát bạc.

“Ông đã bảo là sẽ không có mây mà.”

“Ừ, không nhiều lắm, chỉ vài đám mây nhỏ thôi.”

“Gió đã đổi hướng rồi,” Ông Merry lên tiếng. Sau một hồi dài yên lặng, giọng ông cất lên nghe càng trầm hơn. “Gió Tây Nam, gió Cornwall đấy. Đôi khi nó kéo theo mây, đôi khi cả những cái khác nữa.” Ông leo tiếp lên sườn đồi, và bọn trẻ cũng không muốn hỏi xem ông nói thế là có ý gì.

Trong lúc hai đứa leo lên theo ông, trời càng nhiều mây kéo đến hơn, những đám mây rải rác với đường diềm sáng lên như trắng bạc dưới ánh trăng, lướt nhanh qua bầu trời cứ như thể có một cơn gió khác trên đó, mạnh mẽ và cả quyết hơn cơn gió nhẹ đang thổi qua mặt họ ở dưới sườn đồi dốc.

Và rồi họ nhìn thấy đường viền của những cột đá sừng sững bên trên vòng cung tối om của mũi đất. Cảnh tối tăm làm cho chúng nom càng cao vút đến bí hiểm trên nền trời sáng bạc, và mắt hút đến đáng sợ vào trong bóng tối mỗi khi một đám mây xô qua che lấp vầng trăng. Ban ngày trông mấy cột đá đó đã cao, giờ đây trông chúng càng khổng lồ, án ngữ hết cả mũi đất, lẫn những thung lũng ngập ánh trăng, trải dài vào tận sâu trong đất liền từ nơi những ánh đèn trong làng đang nhấp nháy dưới kia. Jane siết chặt tay Simon, đột nhiên thấy hoảng sợ.

“Em chắc là họ không muốn bọn mình ở đây đâu,” em nói giọng chẳng lấy gì làm vui vẻ.

“Ai không muốn?” Simon hỏi, cố ra vẻ dũng cảm bằng cách nói to hơn bình thường.

“Suyt, đừng nói to thế.”

“Ôi giời, người lớn lên một tí nào,” Simon càng nói mạnh. Nó không cảm thấy thích thú tí nào trong cái màn đêm vô định tối mò này, nhưng đã quyết tâm không nghĩ gì đến điều đó. Thế rồi nó bỗng thấy ớn lạnh tận thượng vị khi giọng trầm trầm của Ông Merry cất lên cứ như khẳng định lại mọi cảm giác của Jane.

“Họ không để ý đâu,” Ông Merry nói rất nhẹ. “Dù gì chẳng nữa thì chúng ta vẫn được đón chào ở đây.”

Simon khẽ rùng mình, cố giả vờ như không nghe thấy gì. Nó nhìn những cột đá nhô cao lên trời đang bao quanh ba ông cháu. “Chính là cột này đây.” Nó đi đến chỗ cột đá mà mấy đứa đã tìm ra ngày hôm trước. “Cháu nhớ một bên nó có cái lỗ là lạ này.”

Jane bước đến cạnh Simon, bình tĩnh hơn nhờ giọng nói thản nhiên của thằng anh. “Vâng, đúng là nó đấy a. Khi chúng cháu đứng ở đây nhìn sang, chúng cháu đứng thẳng hàng với mặt trời, và với tảng đá mà ông cháu mình đã khởi đầu. Ở mũi đất bên kia ấy. Lạ thật, bây giờ thì lại không nhìn thấy nữa. Cháu cứ tưởng mặt trăng chiếu lên đó thì cũng giống như mặt trời thôi.”

“Mặt trăng ở hướng khác, từ ngoài biển chiếu vào.” Simon giải thích. “Giờ thì nhìn cái bóng đi, nhanh lên, đó là cái bọn mình phải lần theo đấy.”

“Ôi, bức mình quá,” Jane phàn nàn khi một đám mây khác lướt qua vầng trăng và ba ông cháu lại chìm trong bóng tối. “Mây ngày càng dày đặc, cháu chỉ mong chúng tan hết thôi. Có vẻ như ở trên này cũng lộng gió hơn nữa.” Jane kéo cái áo khoác liền mũ sát vào người và quần khăn chặt hơn.

“Đừng lâu quá,” Ông Merry đột nhiên lại cất tiếng từ trong bóng tối. Ông đang đứng dựa vào một cột đá khác, chìm khuất trong bóng của nó đến nỗi hai đứa trẻ thậm chí không thể nhìn ra hình dáng của ông. Jane lại thấy cái cảm giác run rẩy kinh hoàng quay trở lại.

“Sao thế? Có chuyện gì vậy?”

“Không, chẳng làm sao cả... nhìn kìa, trăng lại hiện ra rồi.”

Đêm trở lại màu sáng bạc; ngửa mặt nhìn lên, bọn trẻ có cảm giác như mặt trăng đang trôi qua những đám mây chứ không phải là ngược lại; nhẹ nhàng lướt ngang bầu trời, qua những cuộn và dải mây bông xốp ở hai bên, nhưng vẫn chẳng hề rời chỗ.

Simon thất vọng buông thõng một câu: “Nó chẳng chỉ tới cái gì cả!” Nó nhìn chằm chằm xuống nền đất cạnh chỗ cột đá. Tối sẫm trên mặt cỏ lóng lánh ánh bạc là cái bóng của cột đá đổ xuống nhờ trăng sáng trên cao; giống một ngón tay mờ mờ chỉ ra phía ngoài mũi Kemare, về phía đường chân trời đất liền tối đen vô tận toàn những bãi đất hoang của xứ Cornwall.

“Có thể nó chỉ tới một điểm mốc nào đó mà mình chưa để ý,” Jane nói vẻ nghi ngờ và cố đổi mắt nhìn vô vọng về phía những quả đồi đang bị màn đêm che phủ.

“Có khi là người Cornwall đó đã dùng một điểm mốc nào đó đến giờ đã bị đổ, bị phá hủy hay đã bị sụp xuống thành từng mảnh rồi. Có thể thế lắm chứ. Và như thế thì có nghĩa là bọn mình sẽ chẳng bao giờ tiến thêm được bước nào nữa.”

"Nhưng ông ta sẽ không làm như vậy đâu, em biết là ông ấy sẽ không làm thế mà." Jane đảo mắt nhìn sâu vào màn đêm xung quanh, vào ngọn gió thổi giạt trên mũi đất hoang vắng; và rồi đột nhiên em đứng sững người, mắt nhìn không chớp. Từ chỗ em đang đứng cạnh cột đá lớn hiện giờ là dấu hiệu duy nhất chắc chắn, tự lúc nào em đã quay đầu về phía mặt trăng đang lơ lửng trôi phía trên Mũi Kemare, trên biển khơi; và em nhìn thấy, như thể đó là lần đầu tiên, một đường ánh sáng mà vàng trắng chiếu xuống.

Thăng tấp như một mũi tên, ánh phản chiếu của mặt trăng làm thành một con đường dài sáng trắng vươn qua mặt biển đến nơi bọn trẻ đứng, tựa như một lối mòn từ quá khứ và một lối mòn tới tương lai; hai bên rìa rung rinh, nhấp chồm như thể sóng dềnh lên dưới gió. Và ở nơi con đường sáng ấy kết thúc, trên đỉnh Mũi Kemare, một hình bóng tối đen rõ nét sừng sững trước ánh sáng biển cả chờ tới.

Jane thì thào với Simon, giọng khàn đặc: "Nhìn kia."

Simon quay người lại nhìn và cô em gái biết rằng ngay giây phút ấy anh mình cũng đã nhận ra chắc chắn không kém gì mình rằng đây chính là cái mà chúng cần tìm.

"Chính là những tảng đá ở tận cùng mũi đất ấy," em nói. "Cái bóng kia kia. Chắc chắn là đúng rồi. Và lần này mình không phải theo hướng chỉ của bóng nữa - mình phải đứng ở đây, cạnh cột đá này và để tự ánh trăng dẫn mình tới đầu mối tiếp theo."

"Và đúng là thế." Giọng Simon cao lên khi niềm phấn khởi quen thuộc của cuộc thám hiểm một lần nữa lại tràn ngập trong lòng nó. "Và nếu đó đúng là điều ông ấy muốn ám chỉ khi nói về các dấu hiệu lúc ẩn lúc hiện nhưng không mất, thì chén Thánh chắc là được cất giấu đâu đó ở giữa những hòn đá kia. Chôn giấu ở đâu Mũi Kemare. Ôi trời - ông Gumerri ời, chúng cháu tìm ra rồi!" Nó quay về phía vòng cung im lìm những cột đá khổng lồ rồi khựng lại. "Ông Gumerri ời?" nó ngập ngừng gọi.

Jane vội chạy đến bên Simon. Ra khỏi chỗ khuất giữa những cột đá, gió thổi đuôi tóc của em bay lòa xòa trước mặt. Em gọi to hơn, "Ông Gumerri ời! Ông đâu rồi?"

Không có tiếng trả lời mà chỉ có tiếng gió rì rào lúc bỗng lúc trầm, to đến nỗi át cả tiếng sóng biển ì ầm xa xa. Jane, chợt cảm thấy mình nhỏ bé biết bao giữa những cột đá khổng lồ quý quái kia, liền nắm lấy tay áo Simon. Em cố nhưng giọng nói vẫn run run. "Ôi anh Simon - ông đi đâu mất rồi?"

Simon lại cất tiếng gọi trong cơn gió ngày càng thổi mạnh: "Ông Merry, Ông Merry ời! Ông ở đâu?"

Nhưng vẫn chẳng có gì ngoài bóng tối, và vàng trắng bạc trên cao đang trôi đi lúc mờ, lúc tỏ, và tiếng gió ào ào. Hai đứa trẻ lại nghe tiếng rền rĩ khàn đặc của con cú, lần này gần hơn, phía trên mũi đất dưới thung lũng đối diện; một âm thanh không mấy thân thiện, man dại và đơn độc. Jane quên sạch mọi thứ trừ cái cảm giác lẻ loi giữa bóng tối. Em sợ đến độ đứng yên không nói nên lời, cứ như thể biết rằng một con sóng lớn sắp đổ ập xuống đầu mà không sao nhắc mình thoát được ra khỏi đường đi của nó. Nếu em không đứng đó, có lẽ ngay cả Simon cũng sợ cứng người lại rồi. Nhưng thằng anh cố hít một hơi thật sâu, và siết chặt nắm đấm.

"Lúc này ông ở chỗ kia," nó nói, khó nhọc nuốt khan. "Đi nào." Nó bước về phía những cột đá kia, lúc này hầu như đã chìm trong bóng tối.

"Ôi không..." Giọng Jane đầy kinh hoàng và em nắm chặt lấy tay áo anh trai. "Đừng lại gần chúng."

“Đừng có gốc thế, Jane,” Simon nói đồng dục, nghe có vẻ dửng dưng cảm hơn là nó cảm thấy trong lòng nhiều.

Đột nhiên, một con cú khác hú lên ở phía cuối mũi đất. “Ôi,” Jane rên rĩ. “Em muốn về nhà.”

“Cố lên,” Simon nhắc lại. “Ông ở chỗ kia thôi. Anh đoán là ông không nghe thấy bọn mình gọi vì gió ở đây mạnh quá.” Nó nắm lấy tay Jane, và cô em gái miễn cưỡng bước theo về phía những cái bóng lù lù đen ngòm của mấy cột đá. Mặt trăng mờ đi và biến mất sau một đám mây lớn, chỉ còn ánh sáng nhờ nhờ của những vì sao chiếu lên mọi vật. Hai đứa thân trọng bước trong bóng tối, chỉ sợ sẽ đâm vào cái gì đó bất cứ lúc nào vì không nhìn rõ; nỗi kinh hoàng trong lòng chúng chỉ được nén lại bởi mong mỗi tuyệt vọng là đột nhiên thấy Ông Merry ở bên cạnh. Giờ ông không có ở đây chúng mới thấy ông là chỗ dựa vững chắc và cần thiết biết nhường nào.

Bây giờ chúng đang đứng chính giữa những cột đá, và chúng chỉ cảm thấy chứ không hẳn nhìn thấy những cột đá đen ngòm đang vươn lên trời xung quanh mình. Gió thổi mạnh, lướt ù ù trên cỏ, và một lần nữa chúng nghe thấy tiếng cú phát ra từ trong bóng tối phía dưới. Chúng dò dẫm từng bước một, căng mắt ra nhìn về phía trước. Rồi đám mây tả tơi lại chuyển sang màu sáng bạc, và vầng trăng lộ ra lướt qua những dải mây nhỏ ở bên rìa đám mây lớn; và cùng lúc đó chúng phát hiện một cái bóng tối om cao lớn, lừng lừng ngay trước mặt, ở chỗ lúc trước không có cột đá nào.

Cái bóng ấy dường như phồng lên khi gió thổi, và vì thế chúng chợt nhận ra đó không phải đá mà là một người rất cao vận bộ đồ đen, với cái áo khoác dài cuộn bay trong gió khi ông ta xoay người về phía chúng. Trong giây lát, ánh trăng chiếu thẳng vào mặt ông ta đúng lúc ông ta quay lại, và bọn trẻ nhìn thấy đôi mắt ẩn bên dưới cặp lông mày đen dờ dạc, hàm răng trắng sáng lóa trong một điệu bộ không thể gọi là một nụ cười. Jane kinh hãi thét lên, và giấu mặt vào vai Simon.

Rồi đột nhiên mặt trăng lại bị mây che khuất, bóng tối găm rú đầy đe dọa dường như lại nổi lên xung quanh chúng. Không nói lời nào, cả hai cùng quay đầu chạy, vừa chạy vừa vấp, bị nỗi khiếp sợ thôi thúc phải tránh xa những cột đá cam lạng quỷ quái kia và xuống dưới đồi, nên chỉ dừng lại, với cảm giác nhẹ nhõm trào dâng trong lòng lúc nghe thấy tiếng gọi trầm trầm quen thuộc. Cả hai đứa nhìn lên, thở hổn hển, và thấy Ông Merry đang đứng in bóng trên nền biển sáng, ở lối mòn ngay trước mặt.

Chúng lao đến bên ông, và Jane quàng tay quanh hông Ông Merry, bám chặt lấy ông, nức nở khóc vì sung sướng. Simon cũng chỉ còn đủ tự chủ để đứng nguyên một mình. “Ôi ông Gummery,” nó vừa nói vừa thở hổn hển, “chúng cháu chẳng thấy ông đâu cả.”

“Chúng ta phải nhanh chóng rời khỏi đây thôi,” ông hạ thấp giọng vẻ cấp bách, ôm Jane vào lòng và xoa đầu cô bé lúc này vẫn đang run như cầy sấy. “Ông cũng tìm các cháu. Ông biết trong những âm thanh đó có gì đó không giống tiếng cú. Đi nhanh thôi.”

Ông cúi người xuống, nhắc bổng Jane lên bằng một động tác mau lẹ như thể em chỉ là một đứa bé sơ sinh, và cùng với Simon đi sát bên, ông sải bước xuống đồi, lần theo con đường mà họ chỉ thấy được nhờ ánh trăng lóe lên xuyên qua những đám mây đang trôi vùn vụt.

Simon nói, thở hổn hển trong lúc lóc cóc đi theo ông. “Ở trên kia có một gã đàn ông. Chúng cháu nhìn thấy gã bất thành hình hiện ra trong bóng tối. Gã ta mặc một cái áo khoác rất to, toàn màu đen. Sợ quá cơ.”

“Ông đi tìm chúng,” Ông Merry nói. “Chắc gã đã thoát khỏi ông. Còn có những tên khác. Lẽ ra ông không nên để các cháu lại một mình.”

Jane, từ nãy vẫn run rẩy trong tay Ông Merry khi ông bước xuống đồi, bây giờ mới mở mắt và nhìn lại mũi đất qua vai ông, nơi đám cột đá như những ngón tay đen vẫn đang chỉ thẳng lên bầu trời. Và đúng lúc chúng sắp khuất phía sau đường chân trời, em bỗng thấy có đến gấp đôi những hình thù như vậy, vì có thêm những bóng đen khác xen giữa đám cột đá.

“Ông Gumerri, chúng đuổi theo chúng ta!”

“Chúng không dám đuổi theo nếu ông ở đây đâu,” Ông Merry bình tĩnh nói, và vẫn rải những bước chân dài và thoải mái xuống dốc.

Jane nuốt khan. “Cháu nghĩ giờ cháu ổn rồi ông ạ,” em nói nhỏ. “Ông đặt cháu xuống được không?”

Hầu như không dừng lại, Ông Merry đặt Jane xuống và cũng giống Simon, em bắt đầu lóc cóc nửa đi nửa chạy sát theo ông. Họ xuống đến chân dốc, rồi băng qua cánh đồng tới con đường cái, cảm thấy nơi này mới yên bình làm sao, sau cái vô định hoang vắng và mệnh mông của mũi đất. Không còn tiếng gió réo bên tai nữa, và họ lại nghe thấy tiếng ì ầm thân thiện của biển cả.

“Gã đó,” Simon nói. “Gã đàn ông mà chúng cháu nhìn thấy đấy. Chính là gã, ông Gumerri ạ, kẻ mà lúc trước chúng ta chưa gặp bao giờ. Chính ông đã cứu cháu khỏi bàn tay gã ấy. Gã đã rượt đuổi cháu, cùng với thằng Bill.”

Jane lí nhí đầy sợ hãi, vừa nói vừa nhìn thẳng về phía trước nơi những ngọn đèn làng sáng lấp lánh theo mỗi bước em đi, “Nhưng em thì nhận ra gã ngay khi ánh trăng chiếu vào mặt gã. Vì thế nên em mới sợ đến vậy. Đó là cha xứ của làng Trewissick. Và gã chính là người đã nhìn thấy hình bản đồ em vạch trong cuốn sách chỉ dẫn.”

CHƯƠNG 9

Còn lại một mình, Barney gí mũi vào cửa sổ phòng ngủ của Jane. Nó nhìn thấy Simon và Jane ngược nhìn lên và vẫy tay chào, nhưng Ông Merry chỉ đi thẳng, không liếc ngang liếc dọc, bóng dáng cao gầy của ông chìm dần vào bóng tối. Barney mỉm cười một mình. Nó biết rất rõ cái dáng đi cả quyết ấy.

Nó nhìn theo ba người cho đến khi không còn thấy gì nữa trong bóng tối ngoài những ngọn đèn trong làng đang nhảy nhót trên mặt biển gợn sóng tối tăm, giữa những con thuyền như những bóng ma. Thuyền nhà Withers không hề có ánh đèn. Nó quay đi khỏi cửa sổ, khẽ thở dài chán nản vì bị bỏ rơi. Để tự động viên, nó nắm chặt hơn cái hộp kính viễn vọng mà Simon đã trang trọng đưa cho nó khi lên chào tạm biệt. Ngay lập tức nó cảm thấy dễ chịu hơn. Nó là một hiệp sĩ được tin tưởng giao phó một nhiệm vụ thiêng liêng; nó đã bị thương trong chiến đấu nhưng vẫn hết mình bảo vệ tài liệu bí mật... nó nhẹ nhàng co từng chân lên và nhắm mắt đau đớn vì lớp da ở đầu gối bị căng. Biết bao kẻ thù lớn vờn xung quanh đang cố tìm kiếm tài liệu bí mật mà nó đang nắm giữ, nhưng không tên nào trong số bọn chúng có thể lại gần...

“*Thôi nào*, quay trở lại giường ngủ đi cậu,” tiếng bà Palk bất ngờ cất lên sau lưng nó. Barney quay lại. Bà Palk đang đứng lù lù ở lối cửa ra vào, nhìn nó, ánh đèn từ chiếu nghỉ sáng khắp người bà. Theo bản năng, những ngón tay của Barney nắm chặt hơn cái hộp kim loại mát lạnh, và nó tiến về phía bà, bước nhẹ trên đôi chân trần. Bà Palk lùi người một chút về phía chiếu nghỉ để nhường lối cho nó qua cửa. Khi nó đi ngang sát qua bà, bà tò mò giơ tay ra với lấy cái hộp.

“Cậu có cái gì thế?”

Barney giật cái hộp ra khỏi tầm tay của bà và vội nặn ra một tiếng cười. “À,” nó cố nói thật tự nhiên, “một cái kính viễn vọng cháu mượn của ông thuyền trưởng đây ạ. Nó tốt lắm. Bà có thể nhìn thấy tất cả thuyền trên vịnh đi ra khơi. Cháu tưởng là cháu có thể nhìn được hai anh chị với ông đi xuống bến cảng nữa, nhưng trong bóng tối thì chẳng ích gì.”

“À ra thế.” Bà Palk có vẻ không còn tò mò nữa. “*Lạ nhỉ*, tôi chưa thấy ông thuyền trưởng dùng ống *dòm* bao giờ. Nhưng trong nhà *lày* có rất nhiều thứ kỳ quặc, chắc chắn là có nhiều thứ mà tôi không biết.”

“Chúc bà ngủ ngon, bà Palk,” Barney nói và đi về phòng của mình.

“Chúc cậu ngủ ngon,” bà Palk nói. “*Lếu* cần gì thì cứ gọi tôi nhé. Chắc lát *lữa* là tôi cũng đi ngủ thôi, cái thời mà tôi phải thức chờ đợi những người đánh cá đã qua rồi.” Bà Palk đi xuống và ánh đèn nơi chiếu nghỉ phụt tắt.

Barney bật đèn ngủ cạnh giường và nhẹ nhàng đóng cửa. Nó cảm thấy không an toàn, nhưng vẫn hào hứng, khi mà Ông Merry không có ở nhà. Nó nghĩ tới việc kéo cái ghế ra chặn cửa xong lại thôi vì e rằng Simon sẽ bị ngã lộn qua ghế khi trở về. Và nó cũng chẳng muốn để ai đó tưởng rằng nó cảm thấy lo lắng vì phải ở một mình.

Nó mang bản viết cổ ra để nhìn lần cuối trước khi đi ngủ, cũng là để đoán xem Simon và Jane có thể tìm thấy cái gì từ bóng của cột đá kia. Nhưng nó không nhìn thấy gì trong bức vẽ sơ sài những cột đá với mặt trắng. Bỗng nhiên cảm thấy buồn ngủ, nó cuộn tấm da lại và tắt đèn, rúc

vào chần với cái hộp nằm chặt ở trước ngực và ngủ thiếp đi.

Nó không rõ cái gì đã đánh thức mình dậy. Trong lúc nửa tỉnh, nửa mê, tai còn đầy những tiếng động tưởng tượng, nó thấy mình đã tỉnh và căn phòng vẫn tối. Không có tiếng động gì ngoài tiếng ì ầm không ngớt của biển cả, chỉ rất khẽ ở phía này của ngôi nhà nhưng luôn rõ mồn một. Bằng vào các giác quan đang căng lên cố tìm kiếm tiếng gì đó, nó biết rằng phần nào đó trong con người nó, vốn vẫn chưa hoàn toàn ngủ hẳn, đang báo động cho nó rằng có một hiểm họa cận kề. Nó nằm im không động cựa, nhưng chẳng nghe thấy gì. Rồi nó có một tiếng kẹt rất nhẹ ở đằng sau, phát ra từ phía cửa.

Barney cảm thấy tim mình đập nhanh hơn. Nó đã quen với tiếng động vào buổi đêm; căn hộ của nhà nó ở London là một phần của một ngôi nhà rất cổ suốt đêm cứ có những tiếng kéo kẹt, rì rầm như thể các bức tường và sàn nhà đang thở vẫy. Mặc dù ở đây nó chưa bao giờ tỉnh giấc đủ lâu để lắng nghe, nó đoán Ngôi nhà Xám cũng tương tự thế. Nhưng tiếng động này, không hiểu sao, lại không có vẻ thân thiện...

Barney làm giống như ở nhà mỗi khi nó tỉnh giấc nghe thấy tiếng động lạ giống tiếng trộm chứ không hẳn là tiếng kéo kẹt thông thường trên nền nhà. Nó làm động tác ngáp, cắn nhả và ú ớ mấy tiếng nho nhỏ mà người ta thỉnh thoảng hay làm khi đang ngủ, rồi lật người giống như đang trở mình chứ không phải thức dậy. Lúc lật người, nó mở hé một mắt đảo nhìn quanh căn phòng thật nhanh.

Ở nhà, khi làm như thế, thường là nó chẳng nhìn thấy cái gì cả, thế là nó lại ngủ tiếp và cảm thấy mình thật ngốc nghếch. Nhưng lần này thì khác. Một vệt sáng rất mỏng đủ cho nó thấy cánh cửa đã mở, và gần đó một ngọn đèn pin nhỏ đang lia ngang qua phòng. Ánh sáng từ đèn pin sững lại khi nó động dậy. Barney rúc vào chần trong tư thế mới, nằm yên và thở thật đều trong vài phút trong khi mắt vẫn nhắm nghiền. Dần dần, nó thấy những tiếng động nhỏ lại vang lên. Nó nằm lắng nghe, bần khoản nhiều hơn là sợ hãi. Kẻ nào thế nhỉ? Chúng đang làm gì? Không thể là kẻ nào đó muốn đập vỡ sọ mình, nó bụng bảo dạ, bằng không chúng đã đập cho mình một phát vỡ sọ từ trước rồi. Chúng không muốn đánh thức mình dậy, và chúng không muốn gây tiếng động. *Chúng đang tìm gì đó...*

Barney mò mẫm dưới chần, cẩn thận để không lộ bất kì dấu hiệu chuyển động hay phát ra tiếng động nào. Cái hộp vẫn ở đây, và Barney siết chặt lấy.

Rồi nó lại nghe thấy tiếng động khác. Người đang di chuyển êm ru quanh phòng nó trong bóng tối vừa khịt khịt mũi, rất khẽ. Âm thanh hầu như không thể nghe nổi, nhưng Barney nhận ra đó là tiếng khịt khịt nó đã từng nghe rồi. Nó ngoác miệng cười thầm nhẹ nhõm và thấy các bắp cơ của mình giãn ra. Rón rén nó thò tay ra khỏi chần, vươn về phía chiếc bàn cạnh giường ngủ và bật đèn.

Bà Palk nhảy dựng lên, đánh rơi đèn pin xuống nền kêu cạch một cái và đưa tay lên ôm ngực. Trong vài giây Barney bị lóa mắt bởi thứ ánh sáng đột ngột chiếu khắp căn phòng, nhưng nó cũng kịp chớp mắt để nhìn cho rõ sự thất vọng và ngạc nhiên trên mặt bà. Bà nhanh chóng lấy lại bình tĩnh và nở một nụ cười rất tươi như thể làm nó yên lòng.

“Ôi thế đấy, tôi cứ tưởng là tôi đã không làm cậu thức giấc. Tiếc quá. Tôi xin lỗi. Tôi có làm cậu sợ không?”

Barney hỏi thẳng thừng: “Bà đang làm cái gì ở đây thế, bà Palk?”

“Tôi lên xem cậu có khỏe không và ngủ ngon không. Và tôi định nhân thể mang cái cốc bần của

câu xuống rửa cùng với mấy thứ dưới kia *lữa*. Ban *lấy* câu uống Horlicks ở trên *lày*, nhớ không? Cầu Chúa phù hộ cho thằng bé,” bà âu yếm nói thêm, “*lố* vẫn còn chưa tỉnh hẳn kìa.”

Barney ngạc nhiên nhìn bà. Nó thấy buồn ngủ thật, nhưng không buồn ngủ đến nỗi nhớ là Jane đã vào phòng khi nó lên giường và nói: “Bà Palk bảo hể em uống xong thì chị cầm cái cốc của em xuống, hay là em muốn uống gì nữa không?”

“Chị Jane cầm cốc của cháu xuống rồi.”

Bà Palk nhìn lung tung quanh phòng và mở to mắt nhìn cái bàn trống không cạnh giường. “Ờ vậy là cô ấy đã lấy rồi, tôi quên khuấy mất. Tôi già lẫn thẩn quá đi mất. Thôi, tôi đi để cậu ngủ lại cho ngon nhé, cung, tôi xin lỗi vì đã làm cậu tỉnh giấc.” Bà Palk hối hả bước ra ngoài nhanh đến tức cười.

Barney sắp ngủ trở lại thì nghe thấy tiếng thì thào ngoài cửa, và Simon bước vào. Nó ngồi bật dậy. “Mọi việc thế nào? Có tìm thấy gì không? Bọn anh đã đi đâu?”

“Chẳng có chuyện gì mấy,” Simon nói, giọng mệt mỏi. Nó cởi bỏ áo gió, áo len và vứt chúng xuống nền nhà. “Bọn anh đã tìm ra được chỗ tiếp theo mình cần đến. Chỗ mà đầu mỗi thứ hai chỉ tới. Đó là những tảng đá ở tận cùng Mũi Kemare, ngay trên biển.”

“Thế bọn anh có đến tận nơi xem không? Ở đó có gì không?”

“Không.” Simon trả lời cộc lốc, cố gắng để không phải nhớ lại giây phút hãi hùng khi nó và Jane bị bỏ rơi một mình trong bóng tối.

“Tại sao lại không?”

“Vì bọn địch ở trên đó. Chúng ở khắp chung quanh bọn anh trong bóng tối, một trong số đó chính là cái gã đã cùng với thằng Bill đuổi anh hôm trước. Jane nói đó là cha xứ của làng. Anh cũng chẳng biết nữa, rất là rắc rối khó hiểu. Dù sao thì bọn anh cũng đã bỏ chạy và không có tên nào đuổi theo cả. Lạ cái là, bọn chúng đều có vẻ sợ ông Gumerriy.”

“*Bọn chúng* là ai?”

“Chịu.” Simon ngáp rất to. “Này, anh xuống dưới nhà làm cốc cacao đây. Sáng mai bọn mình nói chuyện nhá.”

Barney lại nằm xuống, thở dài. “Thôi được. À...” Nó lại ngồi bật lên. “Chờ chút đã. Đóng cửa lại.”

Simon nhìn Barney tò mò và ẩy sập cửa lại. “Chuyện gì thế?”

“Anh không được nói chuyện gì trước mặt bà Palk nhé. Không một lời nào đâu. Bảo cả Jane nữa.”

“Bọn anh không nói đâu. Với cả, bà ấy thì hiểu làm sao được.”

“Không đâu,” Barney nói vẻ quan trọng. “Anh tưởng vậy thôi. Em vừa mới tỉnh dậy lúc nãy, thấy bà ấy đang cầm một cái đèn pin lục lọi phòng trong bóng tối. May mà em giữ được tấm bản đồ an toàn. Bà ấy đang tìm nó đấy. Em cá là bà ấy đang tìm nó đấy. Em nghĩ bà ấy là *người xấu*.”

“Hừm,” Simon ậm ừ và nhìn nó, có vẻ nghi ngờ. Tóc Barney rối bù, mắt sụp xuống vì ngái ngủ. Thật dễ tin rằng những gì nó vừa kể chỉ là một giấc mơ mà thôi.

Sáng hôm sau, khi bọn trẻ xuống tầng dưới ăn sáng, bà Palk đang tắt bếp đi đi lại lại trong bếp đánh trứng trong một cái bát, khuấy tay đưa lên đưa xuống như máy. Bà vui vẻ nói: “Ăn sáng *lào* ba cô cậu.” Barney nhìn bà thật kĩ nhưng nó chẳng nhìn thấy gì cả ngoài vẻ hồn hậu rạng rỡ và nụ cười hóm hỉnh. Thế nhưng, nó khẳng khẳng tự nhủ, bà ấy trông rất đáng nghi khi mình bật đèn lên tối hôm qua...

“Hôm nay trời lại đẹp rồi,” Jane vui vẻ nói khi bọn trẻ ngồi xuống ghế. “Gió vẫn mạnh nhưng chẳng có chút mây nào cả. Chắc là gió đã thổi hết mây đi rồi.”

“A, hy vọng là *ló* cũng không thổi luôn cả trại đi *lữa*.” Bà Palk nói, tay đặt một bình to đựng đầy kem sữa óng vàng xuống bàn.

“Trại gì ạ?”

“Cái gì!” Bà Palk tròn mắt nhìn. “Thế các cô cậu chưa đọc những áp-phích quảng cáo à? Hôm nay là ngày lễ hội hóa trang. Mọi người từ khắp quanh vùng sẽ đến, thậm chí cả từ St Austell *lữa*. Thôi thì đủ trò... có hội thi bơi ở cảng, rồi ban nhạc trình diễn, rồi mọi người nhảy múa từ dưới cảng lên tận phố. Rồi chơi bản ‘Vũ Điệu Hoa.’ Chắc các cô cậu biết điệu của nó rồi đấy.” Bà Palk bắt đầu hát rất to.

“Cháu có biết điệu này,” Simon nói, “nhưng cháu tưởng họ chỉ nhảy ở vùng khác thôi.”

“Ở Helston,” Jane nói. “Vũ Điệu Long Thú ở Helston.”

“Ờ thì ở đó cũng nhảy,” bà Palk nói. “Tôi đoán là họ bắt chước điệu nhảy của vùng *lày*. Ai chẳng biết Vũ Điệu Hoa của Trewissick. Từ thời bà tôi người ta đã nhảy điệu *lày dôi*. Mọi người đều mặc những bộ quần áo sắc sỡ lạ mắt *dôi* tập hợp lại thành đám đông trên phố nhảy múa và cười *lói* vui vẻ. Hôm *lày* không ai đi đánh cá cả. Ở cánh đồng phía sau làng, người ta dựng một cái trại lớn, ở đó có rất nhiều các quầy hàng nhỏ, những trò chơi, *dôi* còn thi đấu vật... Rồi khi nào mặt trời bắt đầu lặn, họ trao vương miện cho *lữ* hoàng lễ hội và ở lại quanh cảng cho tới khuya, và nhảy múa dưới ánh trăng... họ sẽ vui chơi rất lâu vì chẳng ai ở Trewissick muốn ngủ trong ngày lễ hội cả.”

“Vui nhỉ,” Jane nói.

“Hừm,” Simon ậm ừ.

“Ôi, các cô cậu không được để lỡ lễ hội *lày* đâu,” bà Palk sốt sắng nói. “Tôi sẽ tham gia từ đầu đến cuối, lại giống như những ngày xưa ấy. Ờ, nhưng *lếu* bây giờ tôi cứ đứng *lói* thế *lày* thì món trứng của các cô cậu sẽ rắn đánh lại trên bếp mất.” Bà quay người và bước ra khỏi phòng.

“Nghe có vẻ hay thật mà,” Jane nói với Simon vẻ trách móc.

“Thì chắc chắn rồi. Nhưng mình còn có việc khác phải làm. Tất nhiên là nếu mày muốn đi đến lễ hội hơn là đi tìm chén Thánh thì...”

“Suýt!” Barney lo lắng nhìn ra ngoài cửa.

“Ôi, không phải lo về bà ấy đâu, bà ấy tốt mà. Sao Ông Merry mãi chưa xuống nhỉ?”

“Ý em không phải thế,” Jane ngoan ngoãn nói. “Thật ra việc em muốn làm hơn hết là quay trở

lại mũi đất, để mình có thể tiếp tục tìm tảng đá đó.”

“Mình không thể đi nếu thiếu ông Gumerly. Không biết ông đã dậy chưa?”

“Em sẽ đi xem sao.” Barney tuột khỏi ghế.

“*Lày*, đi đâu đấy?” Bà Palk đang bưng khay qua cửa suýt đâm sầm vào nó “Bây giờ ngồi xuống và ăn món này đi trong khi đang còn *lóng*.”

“Cháu đi gọi Ông Merry.”

“Thôi để ông ấy yên, ông già tội nghiệp,” bà Palk nói cương quyết. “Đi ra ngoài giữa đêm hôm, mà tuổi đã cao như vậy *dồi*, *thảo* *lào* ông ấy còn đang ngủ ngon lành. Lại còn bày vẽ đi câu cá đêm cơ đấy. Thế mà sẵn bắt cả buổi chả được con cá *lào*. Tôi đoán chắc các cô cậu đã làm ông mệt bã ra *dồi*. Các cô cậu phải nhớ là chúng tôi không còn trẻ như ba cô cậu đâu.” Bà dứ dứ ngón tay về phía chúng. “Bây giờ thì ăn sáng đi *dồi* đi ra đường chơi và để ông ấy ngủ yên.” Bà lại đi ra và đóng cửa lại sau lưng.

“Ôi trời,” Jane bối rối. “Bà ấy nói đúng đấy. Ông Merry cũng có tuổi rồi.”

“Nhưng ông có lập cập đâu,” Simon cự nự. “Đôi lúc ông chẳng có vẻ già tí nào cả. Đêm qua ông đi nhanh như tên lửa ấy - lại còn bế cả mầy nữa. Anh phải cố hết sức mới theo kịp ông đấy.”

“Ờ thì, biết đâu đây chính là hậu quả.” Lương tâm Jane bắt đầu cắn rứt. “Đêm qua chắc là căng thẳng cho ông lắm, hết chuyện này đến chuyện kia. Em không nghĩ mình nên đánh thức ông dậy. Bây giờ mới chín giờ thôi mà.”

“Nhưng mà mình vẫn chưa lập kế hoạch hay gì cả,” Barney nói xen vào.

“Hay bọn mình ngồi đây đợi ông đến khi ông dậy vậy,” Simon chán nản nói.

“Ôi không, việc gì phải đợi chứ? Nếu bọn mình đi đến mũi đất thì chắc ông không phàn nàn gì đâu. Khi nào ngủ dậy ông sẽ đi theo sau.”

“Chẳng phải ông đã dặn là từ bây giờ mình không được đi đâu mà không có ông kia mà?” Barney nói vẻ nghi ngại. “Hay cái gì mà chưa nói với ông thì chưa được đi ấy?”

“Bọn mình có thể nhờ bà Palk nhắc lại cho ông.”

“Không, không được đâu!”

“Barney nghĩ bà Palk thuộc phe địch,” Simon nghi ngờ nói.

“Ôi, chắc chắn là không đâu,” Jane lơ đãng nói. “Vớ lại, mình cũng chẳng cần phải nhắc lại. Ông đương nhiên sẽ đoán được bọn mình đi đâu. Chỉ có một nơi duy nhất mình muốn đến, là những cột đá trên Mũi Kemare thôi.”

“Mình có thể nói với bà Palk là ông biết chúng mình đi đâu. Chỉ thế thôi. Và rồi bà ấy sẽ nói lại thế và ông sẽ hiểu.”

“Mình có thể nói là dẫn con Rufus đi dạo,” Barney khấp khởi nói.

“Ý kiến không tệ. Nó đâu rồi nhỉ?”

“Trong bếp. Em sẽ đi dẫn nó đến đây.”

“Vào bếp thì nói luôn với bà Palk nhé. Nói với bà ấy là bọn mình sẽ gặp bà ấy ở cái lễ hội yêu quý của bà ấy. Có thể bọn mình sẽ đến xem.”

Barney nuốt vội miếng trứng bác cuối cùng rồi đi vào bếp, vừa đi vừa gặm miếng bánh mì nướng.

Simon đột nhiên nảy ra một sáng kiến. Nó đứng dậy, đi ra cửa sổ và nhìn xuống dưới đồi. Rồi nó vội quay lại chỗ Jane. “Đã biết mà. Chúng đang theo dõi bọn mình rồi đấy. Thằng nhóc đang ở cuối đường, ngồi trên bức tường ấy. Chẳng làm gì, chỉ ngồi đó và nhìn lên đây. Chắc là chúng đang đợi bọn mình ra ngoài, vì chúng không biết liệu đêm qua bọn mình đã tìm thấy đầu mối chỉ đến đâu đó hay chưa.”

“Ôi, Chúa ơi.” Jane cắn môi. Đêm qua trên mũi đất đã khiến em khiếp sợ hơn bao giờ hết. Cứ như thể chúng không chống lại con người, mà là một thế lực đen tối nào đó lợi dụng con người làm công cụ. Và có thể muốn làm gì đấy thì làm. “Không có lối cửa sau nào ra khỏi nhà để lên được mũi đất hay sao?”

“Anh không biết. Lạ nhỉ, bọn mình chưa bao giờ tìm xem.”

“Vì mình còn mãi làm những việc khác mà. Em nghĩ kể cả nếu có thì bọn chúng cũng canh gác rồi.”

“Hừm... người duy nhất có lẽ biết lối cửa sau là thằng Bill, nhưng nó lại đang ở đằng trước rồi. Có tìm xem cũng chẳng hại gì đâu.”

Barney đã quay trở lại, có Rufus hớn hờ chạy quần bên chân. “Có một lối đi đấy,” nó nói. “Mình có thể chui qua hàng rào ở đầu vườn sau. Em phát hiện ra trong một buổi sáng anh chị chưa ngủ dậy. Thật ra Rufus chỉ cho em đấy - nó chạy rối rít rồi đột nhiên biến mất, và rồi em nghe thấy tiếng nó sủa ở cách xa hàng dặm, đã được nửa đường lên mũi đất rồi. Mình đi ra con đường nhỏ là tới mũi đất ngay lúc nào chẳng biết ấy chứ. Ra ngoài theo cách này là tốt nhất vì bọn chúng không ngờ mình sẽ đi đường đó - chẳng có cổng hay gì cả đâu.”

“Ông Gumerri không biết lối này,” Jane đột nhiên nói. “Ông sẽ đi ra theo lối cửa chính và bọn chúng sẽ đi theo ông, mà thế thì cũng tệ chẳng khác gì chúng đi theo bọn mình từ đầu.”

“Sợ gì,” Barney tỏ ra tự tin. “Ông sẽ có cách để tống khứ bọn chúng đi thôi. Em cá là lần này chúng sẽ không biết tí gì là bọn mình đã đi đâu đâu.”

Khi bọn trẻ đã đi và ngôi nhà trở nên vắng lặng, suốt hai tiếng đồng hồ sau đó bà Palk bận bịu ở tầng dưới. Bà cố gắng không gây tiếng động. Rồi bà ngồi nghỉ trong bếp chậm rãi uống một chén trà.

Bà pha trà rất đặc, dùng cái chén vào loại tốt nhất của ông thuyền trưởng: cái chén to dùng, làm từ thứ sứ tàu trắng bong, mỏng và gần như trong suốt. Bà ngồi bên bàn bếp nhâm nhi trà, một vẻ mãn nguyện to lớn đầy bí ẩn hiện lên trên gương mặt. Một lát sau, bà đi đến chạn bát bên dưới chậu rửa và lấy ra một cái túi đi chợ rất to, lôi trong túi ra một mớ bong bong những ruy-băng màu sắc sỡ, với một thứ làm bằng lông vũ rất cầu kì chẳng khác gì cái mũ đội đầu của người Anh-diêng. Bà đội nó lên đầu, soi gương và bật cười. Rồi bà cẩn thận đặt nó sang một bên và rót thêm trà vào một chén mới. Bà đặt chén vào khay, lướt ra lối sảnh và đi lên gác, như một chiến thuyền lừng lững mỉm cười đầy bí ẩn.

Không gõ cửa, bà mở cửa phòng Ông Merry, đi vào và đặt cái khay xuống cạnh giường. Ông Merry vẫn đang vui người trong chăn, thở nặng nhọc. Bà Palk kéo rèm cửa ra để ánh sáng tràn vào căn phòng tối lò mò, rồi cúi xuống và lay mạnh vai ông. Khi ông cựa mình, bà lùi lại rất nhanh, đứng chờ với nụ cười thường trực, âu yếm như một bà mẹ.

Ông Merry ngáp, rên rỉ và ôm lấy đầu về ngái ngủ, rồi giơ tay vuốt mái tóc bạc bù xù.

“Đến giờ dậy rồi, thưa Giáo Sư,” bà Palk vui vẻ nói. “Sau cả chuyến lang thang tối qua, tôi cứ kệ cho ông ngủ thật lâu. Có lợi cho sức khỏe lắm đấy. Bây giờ chúng ta chẳng còn trẻ trung như trước *lừa dối*, phải không ông?”

Ông Merry nhìn bà cẩn thận, chớp chớp mắt cho tỉnh ngủ.

“Bây giờ ông uống trà đi, *dối* tôi sẽ mang bữa sáng lại cho ông.” Giọng trầm trầm của bà Palk vang lên khi bà xoắn rèm cho gọn lại. “*Lần này* thì ông có thể ăn sáng mà không bị quấy rầy *dối*. Bọn trẻ đã đi chơi được một lúc lâu *dối*.”

Ông Merry đột nhiên tỉnh hẳn. Ông ngồi thẳng dậy, trông thật lạ trong bộ đồ ngủ màu đỏ rực. “Bây giờ là mấy giờ rồi?”

“Sao ạ, bây giờ là mười một giờ.” Bà Palk mỉm cười với ông.

“Bọn trẻ đi đâu thế?”

“Ông không phải lo đâu. Các cô cậu ấy có thể tự trông chừng lẫn nhau trong một ngày chứ.”

“Ôi bọn trẻ ngốc nghếch này - chúng ở đâu được cơ chứ?” Trán ông nhăn lại.

“*Thôi nào, thôi nào*, Giáo Sư,” bà Palk trách móc. “Các cô cậu ấy đi thay cho ông đấy, thật thế. Quả là những đứa trẻ chín chắn, được dạy dỗ chu đáo, chứ không như mẹ họ, *lời* vô phép ông chứ, lung tung bừa bãi lắm. Các cô cậu ấy đi Truro *dối* đấy.”

“*Truro?*”

Bà Palk nở nụ cười ngây thơ. “Vâng, đúng thế. Sáng nay cậu Simon đã nghe điện thoại. Cái máy chết tiệt ấy,” bà hơi rùng mình một chút và nói thêm về ngây ngô. “Cứ kêu rít lên, làm tôi sợ chết khiếp. Rồi Simon *lời* chuyện với một người ở đầu dây bên kia một lúc lâu. Cuối cùng, cậu ấy đến bên tôi và *lời*, có vẻ nghiêm trọng lắm, cầu Chúa phù hộ cho cậu ấy - ‘Bà Palk, một người bạn của Ông Merry gọi điện từ viện bảo tàng Truro, *lời* rằng ông ta cần phải gặp mấy ông cháu gấp để bàn chuyện gì đó.’”

“Ai thế?”

“Đợi một chút *nào*, Giáo Sư, tôi chưa *lời* xong... ‘Cháu nghĩ là chúng cháu phải đi ngay *lưu* ông còn đang ngủ,’ cậu Simon *lời* với tôi như vậy, ‘cho kịp xe buýt. Khi *nào* ông tỉnh dậy thì có thể đuổi theo chúng cháu sau.’”

“Ai vậy chứ?” Ông Merry gặng hỏi.

“Cậu Simon không cho tôi biết tên... nhưng nghe có vẻ quan trọng lắm. Và rồi cả ba bắt xe buýt tới St Austell. ‘Không lo đâu, bà Palk,’ các cô cậu ấy *lời*, ‘chỉ cần bà *lời* với Ông Merry cho chúng cháu là được.’”

“Bà không nên để chúng đi ra ngoài một mình như thế,” Ông Merry sáng giọng. “Xin phép bà, bà Palk, tôi phải dậy đây.”

“Được ạ,” bà Palk nói vẻ khoan dung, vẫn giữ nụ cười và vẻ mặt điềm tĩnh, rồi bà lướt đi ra khỏi phòng.

Chỉ vài phút sau Ông Merry đã xuống tầng dưới, quần áo chỉnh tề, mặt cau có và chốc chốc lại lăm lăm vẻ lo lắng. Ông xua tay từ chối bữa sáng và bước ra khỏi Ngôi nhà Xám. Bà Palk nhìn theo từ bậc cửa, thấy chiếc xe to tướng méo mó của ông hiện ra trên đường và rồi máy phóng vọt đi, để lại một vệt khói đen sì trong không trung khi nó biến mất về phía làng.

Bà mỉm cười và quay vào Ngôi nhà Xám. Vài phút sau, bà cũng rời khỏi nhà, nụ cười bí ẩn vẫn đọng trên môi; bà khóa cửa và đi xuống đồi về phía cảng, trên tay lủng lẳng cái túi xách. Một vài chiếc lông vũ xanh đỏ nhô ra gật gù bên trên cái túi đựng đưa bên cạnh bà.

CHƯƠNG 10

Không hề đơn giản như mình tưởng,” Simon cau mày nói. Nó nhìn đám đá xám lờm chờm xung quanh. “Nhìn từ những cột đá đêm qua thì cứ như ở đây chỉ có một tảng đá nhô ra thôi. Nhưng hóa ra là có rất nhiều, mà tảng nào cũng to cả.”

Gió từ biển thổi vào làm đuôi tóc của Jane cứ vờn qua vờn lại đằng sau gáy. Em nhìn vào phía đất liền. “Ở đây cứ như là ở ngoài khơi ấy. Cứ như là chúng ta bị tách hẳn ra, và nhìn vào đất liền từ ngoài khơi vậy.”

Điểm tận cùng của Mũi Kemare hoang vắng hơn bất kì nơi nào chúng đã từng thấy, mặc dù ánh nắng vẫn lấp lánh trên mặt nước tím bên dưới, và mùi biển vẫn thoảng trong gió. Bọn trẻ đứng giữa một khoảng trống trải toàn đá, lơ lửng trên thảm cỏ sát ngay đầu mũi đất. Phía trước chúng mặt đất sụt xuống thành một bờ dốc đứng cỏ mọc dày, và từ đó vách đá dựng đứng thụt xuống hợp với những tảng đá khác, ở khoảng sáu mươi mét bên dưới, nơi những con sóng trắng xóa không ngừng cần nhả và thở than. Không thấy có dấu hiệu của sự sống hay hoạt động gì xung quanh.

“Thật là cô quạnh,” Barney nói. “Ý em là, chẳng hiểu sao, tự bản thân cảnh vật ở đây cô quạnh ấy. Khác với cảm giác cô đơn của chúng ta. Em băn khoăn không biết đầu mỗi tiếp theo là gì, nếu như có đầu mỗi đó thật.”

“Chị nghĩ là không có đâu,” Jane chậm rãi nói. “Đây là nơi tận cùng rồi. Chẳng dẫn tới cái gì khác nữa cả, mọi dấu hiệu đều chỉ đến đây... Rất lạ là mình chẳng nhìn thấy ai trên đường đến đây cả. Thường thì vẫn có một vài người đi dạo loang quanh, kể cả ở trên mũi đất.”

“Tối hôm qua thì chắc chắn là có đấy,” Simon nói.

“Ôi thôi mà, em đang cố quên đi đây. Nhưng mỗi tội không có một sinh linh nào. Thật là kỳ lạ.”

“Ông Penhallow nói dân bản xứ tránh xa nơi tận cùng mũi đất này,” Barney nói, trèo lên ngòi trên một tảng đá cao quá đầu chúng. Rufus cố trèo theo nhưng bị tuột xuống, đành vừa kêu lên ăng ăng vừa liếm mắt cá chân Barney. “Họ không thích những cột đá, mà cũng không bao giờ lên đây cả. Ông ấy không nói nhiều về mũi đất này. Ông ấy bảo dân chúng nghĩ là những tảng đá này bị ma ám, là chúng không may mắn, và nghe ra có vẻ như chính ông ấy cũng tin điều đó. Ông ấy nói mọi người gọi đây là những Bia Mộ.”

“Họ gọi những cột đá thế á?”

“Không những tảng đá này cơ.”

“Lạ nhỉ, chị tưởng là ngược lại cơ đấy. Những cột đá trông còn na ná giống những bia mộ, chứ những tảng đá này chỉ là đá thôi, chẳng khác gì những tảng đá khác cả.”

“Thì ông ấy nói với em thế.” Barney nhún vai và suýt mất thăng bằng. “Chẳng qua là họ không thích chúng thôi.”

“Tại sao nhỉ?” Jane nhìn trân trân vào vách đá lờm chờm gần nhất, vươn lên ngay bên trên đầu em. Đứng bên cạnh em, Simon lơ đãng gõ gõ vào vách đá bằng cái hộp kính viễn vọng bằng

đồng, bản viết cổ cuộn tròn an toàn bên trong; Barney đã trịnh trọng trao lại cả hai thứ cho nó sáng nay. Thế rồi đột nhiên nó ngừng gõ và đứng sững như trời trồng.

“Chuyện gì thế? Anh tìm thấy cái gì à?” Jane nhìn vách đá tò mò.

“Không... à có... Không sao đâu, anh chẳng nhìn cái gì cả. Em có nhớ không, trong bản viết cổ ấy? Giờ anh có thể nghe như Ông Merry đang nói. Nơi mà người Cornwall đó giấu chén Thánh. Trên biển khơi, dưới đá thẳm.”

“Đúng rồi, và cùng tương tự khi người ta chôn vị hiệp sĩ kỳ lạ, tên ông ta là gì nhỉ...”

“Bedwin,” Barney nói. “Trời ạ, em hiểu anh nói gì rồi. Trên biển khơi, dưới đá thẳm. *Chính là chỗ này!*”

“Nhưng mà...” Jane lên tiếng.

“Chắc chắn rồi!” Simon sung sướng nhảy chân sáo loạn cả lên. “Trên biển khơi - mình không thể ở chỗ nào mà lại trên biển khơi rõ như ở chỗ này phải không? Và dưới đá thẳm. Ôi, đây là dưới đá còn gì.”

“Và chắc đây cũng là chỗ người ta chôn Bedwin!” Barney vội vàng tụt xuống. “Nên họ mới gọi đá ở đây là Bia Mộ, và cho là có ma. Họ đã quên sạch câu chuyện thực vì xảy ra cách đây hàng trăm, hàng trăm năm rồi. Nhưng họ nhớ được phần đó, ít nhất thì họ cũng nhớ được là người ta thấy sợ hãi khi đến đây, và vì thế họ không đến nữa.”

“Có thể là họ đúng.” Jane lo lắng nói.

“Ôi, thôi cái kiểu đấy đi. Mà, cứ cho là hồn ma của Bedwin lẩn quất đâu đây đi, thì ông ấy cũng chẳng dọa bọn mình đâu vì mình ở cùng phe với ông ấy mà.”

“Tối hôm qua Ông Merry cũng nói đại loại như vậy.” Jane nhăn trán, cố nhớ lại.

“Thôi bỏ đi, chị không hiểu điều này có nghĩa là gì à? Mình đang ở *chỗ đó* đấy, mình đã tìm thấy rồi!” Barney thích chí đến nỗi nói lắp. Rufus cũng vui lây, nhảy cẫng lên bên cạnh chúng và sủa vào trong gió.

Simon nhìn Barney. “Thế thì được rồi. Nó ở đâu nào?”

“Ờ,” Barney ngập ngừng nói. “Ở đây. Dưới một trong những tảng đá này.”

“Ờ, phải, chỉ có điều đừng loạn xạ như lên cơn nữa, suy nghĩ một chút đi. Chúng ta phải làm gì, đào tất cả lên à? Chúng là một phần của mũi đất đấy. Toàn là đá cả. Nhìn xem.” Simon lấy con dao nhíp của nó ra, một món vũ khí rất oách bằng thép cứng với hai lưỡi dao to bản và một mũi tách xoắn mở nút chai, rồi quỳ xuống đào đất dưới chân một tảng đá. Nó nhổ lên từng tùm cỏ, đào một cái hố, được khoảng ba inch thì chạm đến đá cứng. “Đấy, thấy chưa?” Nó lấy lưỡi dao cạo vào mặt đá, làm phát ra tiếng kèn kẹt rợn người. “Làm sao mà chôn được cái gì ở đây chứ?”

“Đâu phải chỗ nào cũng như thế,” Barney cự lại.

“Có thể ở đâu đó lại khác thì sao,” Jane nói đầy hy vọng. “Nếu mình chia nhau ra và tìm kiếm thật kĩ từng tí một, mình có thể tìm thấy cái gì đó. Lẽ ra mình phải mang cuốc theo mới phải. Nào làm thôi.”

Thế là Barney đi xuống một đàng, còn Jane, vốn đứng cách nó khoảng hai mươi yard, thì xuống đàng kia. Lo lắng liếc nhìn bờ đất dốc đứng, Simon đi vòng sang mé sát biển rồi bắt đầu lần tìm từ đó. Ba đứa leo lên leo xuống những tảng đá granite sắc cạnh, lần tìm trong những bụi cỏ rậm rạp ken ở giữa, đẩy mạnh những hòn đá xem chúng có suy suyền và để lộ ra nơi cất giấu cái gì đó bên dưới không. Nhưng những hòn đá chẳng mấy may nhúc nhích, và bọn trẻ chẳng thấy gì ngoài đá và cỏ, không có lấy một dấu hiệu về nơi cất giấu nào cả.

Khi ba đứa quay trở lại với nhau thì Jane đang nắm chặt trong tay cái gì đó. “Nhìn này,” em nói và xòe tay ra. “Mọi người có nghĩ là thật lạ là mình lại tìm được vỏ sò ở đây không? Ý em là làm thế nào mà nó lại lên tận đây cơ chứ, trong khi chẳng có ai đến đây cả?”

“Trông giống hòn đá hơn là cái vỏ sò,” Simon tò mò nói, cầm lấy vật trong tay em. Đó là một vỏ sò nhưng bên trong đặc và cứng, đầy cái gì nom giống như đá; bề mặt của vỏ sò này cũng không trắng và ráp như những vỏ sò thường thấy ở bãi biển, nó nhẵn hơn và có màu xám sẫm.

“Có thể một du khách nào đó đã đến đây và đánh rơi nó,” Barney thần nhiên nói. “Khách du lịch sẽ không sợ đến đây, họ chẳng biết gì về những điều mà người dân Trewissick vẫn nói cả.”

“Có lẽ vậy.” Cả ba khinh bỉ nghĩ đến đám du khách.

“Thôi vậy.” Jane bỏ cái vỏ sò vào trong túi và nhìn quanh vẻ bất lực. “Chán quá. Thế là mình cùng đường rồi. Bây giờ thì làm gì?”

“Ở trên kia phải có cái gì đó chứ, chắc chắn là phải có.”

“Bọn mình có biết chắc đâu... có khi chỉ là một nấc thang khác trong cuộc tìm kiếm, thế thôi.”

“Nhưng chẳng có dấu hiệu gì khác nữa để lần theo cả. Thử cùng xem lại bản đồ xem nào.”

Simon ngồi xổm trên cỏ, vặn hộp kính viễn vọng ra, và cả ba chăm chú nhìn bản viết cổ, những dòng chữ nét vẽ màu nâu lờ mờ hiện lên dưới ánh nắng.

“Em tin chắc ông ấy muốn nói rằng đây là điểm cuối cùng của cuộc tìm kiếm,” Barney bướng bỉnh nói. “Hãy nhìn xem, phần cuối của mũi đất đứng chơ vơ thế này. Chẳng có cái gì để dẫn đến một nơi khác cả.”

Simon trầm ngâm nhìn tấm bản đồ. “Có lẽ nó chỉ đưa mình quay trở lại nơi bắt đầu thôi. Có khi từ đầu đến giờ ông ấy vẫn trêu ngươi mình. Kiểu như một điều khoản trong hợp đồng bảo hiểm ấy, để bất kì ai cũng khó mà tìm ra chén Thánh.”

“Có thể là ông ấy giấu ở nơi nào đó mà mình sẽ không bao giờ tìm thấy.”

“Có thể là ông ấy đã mang nó theo.”

“Có thể là chẳng có chén Thánh nào cả.”

Bọn trẻ buồn rầu ngồi quây bên nhau, chẳng thèm để ý đến ánh mặt trời hay đường lượn hùng vĩ của dải bờ biển và biển cả. Một hồi lâu chỉ có sự im lặng thất vọng bao trùm. Rồi Barney chậm rãi nhìn quanh. “Rufus chạy đâu rồi?”

“Chiu,” Simon rầu rĩ nói. “Có khi nó ngã xuống dưới vực rồi cũng nên. Con vật ngốc nghếch ấy dễ bị thế lắm.”

“Ôi, không!” Barney lo lắng nhồm dậy. “Em hy vọng nó không bị làm sao. Rufus! Rufus!” Nó cho

hai ngón tay vào miệng và huýt sáo inh cả tai. Jane nhăn mặt.

Chúng không nhìn thấy gì, và cũng không nghe thấy gì ngoài tiếng gió, và rồi chúng nhận ra một tiếng động lạ ở ngay trên đầu; một tiếng khụt khịt và tiếng kêu ư ử xen lẫn với tiếng sột soạt.

“Rufus trên kia kìa!” Barney lần theo triền đá leo lên, và hai đứa kia nhìn thấy chỏm tóc vàng của thằng em hiện ra đằng sau một mỏm đá màu xám khi nó đứng dậy. Rồi đột nhiên Barney biến mất. Tiếng nó vọng qua vách đá và theo gió bay đến tai hai đứa, hơi nghệt lại, nhưng rồi rít về đầy phấn khích. “Này! Lại đây, nhanh lên.”

Những khối đá tạo thành một thứ pháo đài, hết lớp này đến lớp khác mọc lên như những bức tường thành với hàng lỗ châu mai. Hai đứa tìm thấy Barney ở khoảng giữa, đang khom mình bên cạnh một mỏm đá và nhìn theo Rufus. Con chó đang đứng đó, run rẩy và chăm chú, mũi gí sát vào tảng đá, một bàn chân cào cào nhẹ nhàng trong khi rên lên ư ử và đánh hơi khìn khịt.

“Nhanh lên,” Barney nói mà không quay lại. “Em không biết nó đang muốn làm gì, nhưng em nghĩ nó đã tìm thấy cái gì đó. Em chưa bao giờ thấy nó như thế này cả. Nếu là một con chuột hay con thỏ, nó sẽ phát điên lên, sủa và chạy lung tung, nhưng lần này lại khác. Nhìn nó mà xem.”

Rufus dường như đang bị thôi miên, không thể nào rời ra khỏi bề mặt tảng đá.

“Để anh xem nào,” Simon bảo. Nó cẩn thận bước qua Barney và vòng tay quanh cổ Rufus, âu yếm gãi gãi dưới cằm con chó vừa kéo con vật ra khỏi chỗ tảng đá. “Có một khe hở nhỏ ở đây.” Giọng nó bay về phía chỗ hai đứa kia đang đứng. “Anh thò được ngón tay vào trong - oa! Bảo mà, phần trên tảng đá chuyển động này! Anh cảm thấy nó đang chuyển động, chắc chắn là thế đấy. Nó suýt kẹp tay anh. Cái lỗ khá to, nhưng anh nghĩ... Jane, em đi vòng sang bên cạnh anh được không?”

Jane lách qua giữa những tảng đá đến cạnh Simon.

“Bây giờ nắm vào đó,” Simon hướng dẫn, “vào cái mỏm đá nhô lên ấy... khi nào anh bảo thì lấy hết sức đẩy ra xa, về phía biển ấy. Chờ một chút, anh phải giữ chặt ở phía bên này đã... Không biết có được không... nào, *dô ta!*”

Không biết làm thế để làm gì nhưng Jane vẫn nghe lời ráng hết sức mình đẩy tảng đá, Simon ở bên cạnh cũng vừa hỗn hển vừa đẩy mạnh. Một hồi lâu căng thẳng trôi qua mà chẳng thấy gì. Thế rồi khi chúng cảm thấy phổi mình như sắp vỡ tung ra thì tảng đá dường như đang dịch chuyển dưới bàn tay chúng. Tảng đá rung lên nhẹ nhàng, rồi cập kênh kèn kẹt, ken két. Chúng loạng choạng lùi lại, tảng đá tròn thô nhám lăn khỏi tay chúng và rơi xuống cái hố sát cạnh. Chúng cảm thấy đám đá nơi chúng đang đứng rung lên khi nó rơi ục ịch xuống.

Tảng đá vừa lăn đi để lộ một miệng hố tối om chẳng có hình thù gì và rộng khoảng sáu mươi phân.

Cả ba đứng như trời trồng, miệng há hốc vì kinh ngạc. Rufus chạy qua những tảng đá về phía miệng hố, cúi đầu xuống cẩn thận đánh hơi rồi quay lại, cái đuôi vẫy vẫy và lưỡi thè lè ra ngoài răng như đang cười.

Cuối cùng, Simon bước lên và nhặt mấy hòn đá nhỏ ở miệng hố vứt đi. Nó quỳ xuống bên cạnh miệng hố và nhìn vào bên trong, rồi thò một tay vào xem cái hố sâu bao nhiêu.

Cánh tay nó mất hút đến tận vai, cho đến khi phải nằm hằn xuống, mà vẫn chẳng sờ thấy gì

ngoài lớp đá lởm chởm ở bên thành. Nó chớp mắt nhìn lên Barney và Jane. “Anh không chạm tay tới đây được,” nó nói, giọng nghệt đi.

Giọng Simon làm Jane và Barney bừng tỉnh và chúng nhận ra từ này tới giờ chúng đã nín thở chờ đợi.

“Anh đứng lên đi, nhìn kỹ xem nào.”

“Đây chính là chỗ đó rồi, đúng không? Chính là chỗ ông ấy giấu chén Thánh rồi!”

“Theo anh thì nó sâu bao nhiêu?”

“Ôi, tuyệt thật đấy! Rufus già giỏi lắm!”

Rufus vẫy đuôi tí hơn.

“Tảng đá đó,” Jane nói và kính cẩn nhìn tảng đá đã lăn xuống đang nằm nghiêng một bên. “Chắc nó đã ở đây chín trăm năm rồi. Tưởng tượng xem... chín trăm năm...”

“Nó cũng không dễ bẫy cho lắm, phải không?” Simon nhè nhẹ co duỗi cánh tay mỗi nhừ. “Nhưng hẳn nó đã được đặt khá cẩn thận, nếu không thì bọn mình đã chẳng thể đẩy nó ra được. Dù sao thì mình cũng phải xem nó sâu bao nhiêu trước khi biết có cái gì trong đó không.”

Nó trầm tư nhìn cái miệng hố đen sì giữa tảng đá. Jane thở dài và thôi tưởng tượng về thế giới xa xưa.

“Thả một hòn đá xuống, mình có thể nghe và biết được nó sâu bao nhiêu. Cũng giống như tiếng sấm ấy. Em có biết không, người ta tính xem chớp xuất hiện trước tiếng sấm mấy giây để biết cơn bão còn cách bao xa.”

Simon nhặt một viên đá rời ở miệng hố và đưa tay ra giữa khoảng tối. Rồi nó thả tay, viên đá rơi xuống mất hút. Tất cả chăm chú lắng nghe.

Sau một lúc, Jane ngồi nhồm dậy. “Em chẳng nghe thấy gì cả.”

“Em cũng thế.”

“Thử lại nào.”

Simon thả tiếp một hòn đá nữa xuống hố, chúng lại căng tai ra nghe xem nó rơi xuống đáy chưa. Chẳng thấy tiếng gì cả.

“Lần này cũng chẳng thấy gì cả.”

“Không thấy thật.”

“Chắc là nó *không* có đáy!”

“Đừng có ngốc như vậy, làm gì có chuyện không có đáy.”

“Có thể đầu kia của nó ở tận bên Úc,” Barney nói. Nó lo lắng nhìn cái hố.

“Chỉ đơn giản là tiếng hòn đá rơi ở xa quá nên mình không nghe thấy,” Simon nói. “Nhưng chắc là nó sâu kinh khủng lắm. Giá mà mình có cái dây thừng ở đây nhỉ.”

“Xem trong túi xem,” Jane nói. “Túi anh hay có nhiều đồ linh tinh lắm. Túi Barney cũng thế. Lần nào dốc túi ra mẹ cũng bảo thế. Biết đâu anh lại có sợi dây hay cái gì đó.”

“Có mày linh tinh thì có,” Simon bực mình nói, nhưng nó vẫn lộn túi quần ra đổ các thứ lên trên mặt đá.

Các thứ trong túi nó, mặc dù hay ho, chẳng có tác dụng gì mấy. Simon lôi ra một đồng các thứ linh kính gồm một con dao, một chiếc khăn tay đã bẩn nhem nhuốc, một chiếc la bàn mặt kính hơi bị xước, chín xu rưỡi, một mẫu nến, hai cái vé xe buýt nhăn nhúm, bốn cái kẹo bơ cứng gói bằng giấy bóng kính đã méo mó, và một cái bút mực.

“Thôi,” nó nói, “dù sao thì mỗi người cũng có một chiếc kẹo để ăn.” Nó nghiêm trang chia kẹo cho từng đứa. Kẹo đã hơi bị chảy ở chỗ giấy bóng kính long ra nhưng vẫn rất ngon. Simon đưa chiếc kẹo thứ tư cho Rufus, con chó cố nhai mặt nhai nhưng rồi đành nuốt chửng cả chiếc.

“Phí của,” Barney nói. Nó lộn túi của mình ra, làm cát trong túi văng tung tóe: một viên bi ve màu xanh có ngôi sao màu vàng cam ở giữa; một viên sỏi nhỏ màu trắng, sáu xu và bốn đồng farthing[19], một anh thủy thủ bằng chì đã mất đầu, một chiếc khăn tay sạch sẽ hơn rất nhiều so với khăn của Simon, và một mẫu dây kim loại dày đục cong hai đầu.

“Em mang một đồng các thứ linh tinh đó làm gì vậy?” Jane hỏi.

“Thì ai mà biết được đấy,” Barney trả lời đại. “Lỡ có lúc phải dùng đến thì sao. Nào, xem túi của chị đi.”

“Chẳng có gì cả,” Jane nói với vẻ tự mãn trẻ con và rồi lộn cả hai túi quần bỏ ra ngoài.

“Em có mang cả cái áo khoác liền mũ nữa cơ mà,” Simon nói. Nó đi qua những tảng đá, trèo xuống bãi cỏ của mũi đất, nơi bọn chúng vẫn đang đứng, và mang chiếc áo khoác lại. “Đây, xem nào. Một chiếc khăn tay. Hai cái cặp tóc. Đúng là đồ con gái. Hai cái bút chì. Một hộp diêm. Thế em mang những thứ này để làm gì?”

“Cũng giống Barney thôi - biết đâu chúng sẽ có ích. Có ích hơn mẫu dây kim loại cũ rích kia là cái chắc.”

Simon lần thấy một cái gì đó ở trong túi kia. “Tiền này, cả một chiếc cúc áo... Cái gì đây?” Nó lôi ra một cuộn chỉ. “Nào, có cách rồi. Đúng là cái thứ đó dẫn này chẳng đáng mang theo, nhưng mình có thể dùng nó để đo chiều sâu của cái hố này.”

“Em quên mất là có cái đó,” Jane nói. “Thôi được, anh thắng rồi, em cũng mang theo đồ linh tinh. Nhưng anh phải công nhận đó là đồ linh tinh có ích đấy chứ.” Cô bé cầm lấy cuộn chỉ. “Trên này ghi là chỉ bông dài một trăm yard. Chắc chẳng có hố nào sâu đến thế đâu nhỉ?”

“Với cái hố này thì anh sẽ chẳng ngạc nhiên đâu,” Simon đáp. “Buộc cái gì đó vào cuộn chỉ rồi thả nó xuống.”

“Cái gì đó nhẹ thôi,” Barney trả lời. “Không thì đứt chỉ mất.”

Jane gỡ một đoạn chỉ ra và kéo thử. “Ôi, chị chẳng biết đâu, nhưng có vẻ dai góm. A, chị biết rồi, đưa cho chị cái mẫu dây kim loại nào.”

Barney nghi ngờ nhìn cô chị nhưng rồi vẫn đưa. Jane buộc một đầu cuộn chỉ vào một đầu cong của mẫu dây kim loại. “Thế thôi. Bây giờ mình chỉ việc thả nó xuống và đợi đến khi nó chạm

đáy.”

“Anh biết cách này hay hơn.” Simon cầm cuộn chỉ và đút cái bút chì của Jane vào lỗ ở giữa. Cái bút chì thò ra ở hai đầu. “Đấy, em giữ hai đầu bút chì và chỉ sẽ tự tở ra do sức nặng ở bên dưới. Như là nhử cá ấy.”

“Để em làm cho.” Jane quỳ xuống bên cạnh cái hố và thả mẩu dây vào miệng hố tối đen. Cuộn chỉ xoay tròn còn chỉ thì biến mất dần, và tất cả đều nín thở. Rồi đột nhiên cuộn chỉ xoay chậm lại, chậm hơn, rồi dừng hẳn. Nhưng đúng lúc bọn trẻ vừa tưởng là đoạn dây kim loại đã chạm đáy thì chúng nhìn thấy đầu trên của sợi chỉ đứt ra.

“Chán thật,” Jane kêu lên thất vọng. “Chỉ đứt rồi,” Em nhìn xuống khoảng không tối đen, cố gắng một cách vô vọng để nhìn xem đoạn chỉ rơi ở đâu. Simon cầm lấy cuộn chỉ từ tay em gái và xem xét cẩn thận.

“Dù sao thì mất một nửa cuộn chỉ rồi, vậy mà vẫn chưa chạm đáy. Như thế cái hố này phải sâu đến năm mươi yard ấy chứ. Tức là bốn mươi lăm mét. Ôi mẹ ời!” Nó vỗ nhẹ vào vai Jane. “Thôi nào, đồ lẩn thẩn, em không nhìn được cái gì ở dưới đó đâu.”

Jane lấy tay phát Simon một cái và vẫn cúi người nhìn xuống hố. “Im nào.”

Chúng kiên nhẫn chờ cho đến khi Jane ngồi thẳng dậy, mặt đỏ lựng. “Em nghe thấy tiếng sóng biển,” em nói, mắt chớp chớp vì chói nắng.

“Tất nhiên là em có thể nghe thấy sóng biển rồi. Anh cũng thế. Biển nằm ngay ngoài bờ mũi đất đấy thôi.”

“Không, không. Ý em nói là mình có thể nghe được tiếng sóng biển ở bên dưới cái hố này cơ.”

Simon nhìn Jane, vỗ vỗ lên đầu và thở dài.

Nhưng Barney nằm xuống cạnh miệng hố và thò đầu vào bên trong. “Chị ấy nói đúng rồi đấy,” nó hào hứng nói và nhìn lên. “Anh đến đây nghe thử xem.”

“Hừm,” Simon vẫn có vẻ nghi ngờ, nằm xuống cạnh Barney. Rồi nó bắt đầu nghe thấy một tiếng âm âm rất khẽ vang lên từ tít sâu bên dưới. Âm thanh đó cứ nhỏ dần rồi lại to lên, chậm rãi và đều đặn. “Biển ở dưới đó sao?”

“Tất nhiên rồi,” Jane nói. “Anh không nhận ra âm thanh trầm và sâu như tiếng cồng đó à? Đó là tiếng sóng biển đập vào một vách hang. Và như thế có nghĩa là... cái hố này xuyên qua vách đá ra tới biển và chắc là có lối vào hang ở phía dưới kia. *Đó là nơi người Cornwall ấy đã giấu chén Thánh.*”

“Nhưng cái hố không thể xuyên sâu xuống như thế được.” Simon chậm rãi ngồi dậy, và xoa xoa tai. “Tại sao tiếng đó lại không thể là âm thanh do dao động hay đại loại thế, truyền qua vách đá từ bên dưới kia?”

“Thế em hỏi anh, cái tiếng đó nghe có giống thế không?”

“Không,” Simon thừa nhận. “Không phải. Chỉ có điều... làm gì có ai đào được một cái hố hẹp mà lại sâu như thế chứ.”

“Có trời mà biết được. Nhưng ông ta đã làm được rồi đấy thôi. Có lẽ cái vỏ sò nhỏ mà em nhặt được đã bị ném lên qua cái hố này đây.”

“Vậy nếu chén Thánh ở dưới đó, thì mình phải đến cửa hang, nơi biển đổ vào. Chắc chắn phải có một cái hang. Liệu mình có thể đi vòng từ phía bên cảng không nhỉ?”

“Nghe kìa!” Barney đột nhiên nhồm dậy, đứng thẳng người, đầu nghênh nghênh. “Em nghe thấy tiếng gì đó. Giống tiếng động cơ.”

Simon và Jane đứng dậy, lắng nghe tiếng sóng xa xa và tiếng gió. Chúng nghe thấy tiếng kêu của những con mòng biển, tiếng ăng ăng náo nùng khe khẽ vang lại từ bên dưới. Và rồi chúng nghe thấy âm thanh mà Barney đã nghe thấy; tiếng động cơ đều đều trầm trầm từ hướng cảng.

Simon thấy cái mũi dài, màu trắng của một chiếc thuyền buồm đang vòng theo Mũi Kemare ra khơi. Nó vội thụp người xuống. “Nằm xuống, nhanh!” nó nói giọng khàn đặc. “Chúng đấy! Du thuyền *Phu Nhân Mary*!”

Barney và Jane vội vàng sụp xuống cạnh Simon. “Nếu mình cứ nấp đằng sau những tảng đá thì chúng chẳng thấy đâu,” Simon thì thào. “Không đưa nào được động dậy cho đến khi chúng đi khuất.”

“Ở đây có một cái khe nhỏ,” Barney thì thầm. “Em có thể nhìn thấy chúng qua khe đá... Gã Withers đang ở trên boong, cùng với em gái gã. Ông hoa tiêu không ở đó, chắc là đang trong buồng lái... Chúng đang nhìn theo hướng này, nhưng không nhìn lên đây, có vẻ đang nhìn các vách đá... Gã Withers có một cái ống nhòm... giờ gã bỏ ống nhòm xuống và quay sang em gái nói gì đó. Em không nhìn được mặt gã, chúng ở xa quá. Giá mà chúng tới gần hơn.”

“Ôi!” Jane nuốt nước bọt, giọng khàn đi vì lo lắng. “Giả sử có cái hang ở bên dưới kia, chén Thánh thì được cất giấu ở đó và chúng tìm thấy nó thì sao nhỉ!”

Ý nghĩ ấy làm chúng chờ cả người, và cả bọn nằm im phăng phắc, ba cái đầu cùng mong cho chiếc thuyền biển đi xa. Tiếng động cơ của *Phu Nhân Mary* kêu to hơn khi nó lướt qua phần cuối mũi đất ở ngay phía dưới chỗ bọn trẻ nằm.

“Bọn chúng đang làm gì thế?” Simon sốt ruột hỏi.

“Em không nhìn thấy, bị đá chắn mất rồi.” Barney thất vọng vắn vẹo người.

Tiếng động cơ của con thuyền rộn cả không gian. Nhưng con thuyền không dừng lại. Trong khi ba đứa nín thở lắng nghe thì nó nhỏ dần, chạy xa ra phía ngoài khơi.

“Bây giờ thì em lại nhìn thấy chúng rồi, có một cái khe khác... Gã vẫn đang nhìn về phía bờ biển bằng ống nhòm. Em không nghĩ là gã thấy gì đâu, trông có vẻ vẫn đang tìm kiếm... bây giờ chúng đã đi qua khúc quanh rồi.” Barney lặn người sang bên và ngồi dậy. “Nếu đúng là chúng đang tìm cái hang thì làm sao chúng lại biết để mà tìm nhỉ?”

“Chúng *không thể* biết được, chúng chưa nhìn thấy tấm bản đồ mà,” Jane đau khổ nói. “Chúng không thể nào biết được. Thậm chí dù ông cha xứ có về phe với chúng và chúng biết đường bản đồ mà em vẽ nguêch ngoạc trong cuốn sách thì cũng chẳng đưa lại một đầu mối nào cả. Em không vẽ bất kỳ dấu hiệu đầu mối nào trong đó.”

“Nhưng nếu chúng không biết ở đâu thì tại sao chúng lại tìm đến đúng chỗ được nhỉ?”

“Anh nghĩ,” Simon nói có vẻ chắc chắn, “đây chỉ là một phần trong lộ trình thường ngày của chúng. Nghĩa là, vì chúng không biết tìm chỗ nào nên chúng tìm tất cả các chỗ. Ông Merry đã nói điều gì đó đại loại như vậy trong ngày đầu tiên chúng ta bàn bạc. Cũng giống như kiểu

chúng lục lọi căn nhà ấy - chỉ là hú họa thôi, chẳng theo phương án nào cả. Có lẽ chúng đã nghĩ về một cái hang nào đó, rất mơ hồ thôi, nên chúng sục sạo khắp cả bờ biển để xem ngộ nhờ có tìm được cái hang nào không. Không chỉ khu vực này đâu, mà suốt cả dải bờ biển. Chúng không *thực sự biết* có một cái hang như vậy."

"Nhưng mình thì biết là có. Mà nếu có hang, sao chúng lại không nhìn thấy nhỉ?"

"Có khi chúng nhìn thấy rồi đấy," Barney rầu rĩ nói.

"Ồ không, chúng không nhìn thấy đâu. Nếu có thì chúng đã dừng lại rồi. Và chúng cũng sẽ không tiếp tục đi tìm như em đã bảo đâu. Em bảo thế phải không?" Jane nhìn Barney lo lắng.

"À vâng - em thấy gã Withers vẫn nheo mắt nhìn qua cặp kính cho đến tận khi chúng đi khuất mà."

"Đấy, thấy chưa."

"Có thể còn có một khả năng khác," Simon miễn cưỡng nói. Nó dừng lại.

"Cái gì cơ?"

"Mình nghe được tiếng biển. Như vậy miệng hang có thể bị bịt kín. Nó có thể ngằm dưới nước. Chính vì thế chúng mới không nhìn thấy. Anh nhớ đã từng đọc đâu đó rằng ở Cornwall có rất nhiều hang động ngằm dưới nước. Có thể khi người Cornwall đó giấu chén Thánh thì cái hang chưa chìm, nhưng có lẽ sau chín trăm năm đất liền đã bị lún xuống."

"Thế thì tốt rồi," Barney nói. "Chúng sẽ không bao giờ tìm ra được."

Simon nhìn nó và nhướn mày, "Cả bọn mình cũng thế."

Barney trố mắt. "Ơ ơ. Chắc chắn là bọn mình có thể tìm được chứ. Anh lặn giỏi phết còn gì."

"Không dễ thế đâu. Anh cũng lặn được, nhưng anh không phải là cá."

"Em nghĩ có khi toàn bộ hang đã bị ngập dưới nước rồi," Jane nói chậm rãi. "Và chén Thánh cũng ở dưới nước luôn nên đã bị ăn mòn dần giống như xác tàu đắm."

"Và bám đầy hàu," Simon chêm vào.

"Không thể thế được. Chắc là không phải thế đâu. Ông ấy nói là trên biển khơi thì chắc là nó *phải ở trên biển khơi* chứ."

"Bọn mình sẽ phải tìm ra thôi. Ông Merry sẽ biết."

Tất cả bỗng sững sờ nhìn nhau.

"Ông Gummerly! Em quên bég mất ông rồi."

"Ông đâu nhỉ?"

"Mình đã ở trên đây lâu lắm rồi. Ông chắc là thức dậy hàng giờ rồi ấy chứ."

"Barney, chính xác là em đã bảo bà Palk nói gì với ông nào?"

“Em bảo bà ấy nói là chúng mình đi dạo với Rufus và ông sẽ biết chúng mình đi đâu. Bà ấy nhìn em hơi là lạ, nhưng rồi bà ấy nói sẽ nhắc lại. Em đã cố gắng làm ra vẻ đùa cợt,” Barney đáp, vẻ rất nghiêm trọng.

“Hy vọng không có gì xảy ra với ông cả,” Jane lo lắng nói.

“Đừng lo. Anh đoán bây giờ ông vẫn đang ngáy trên giường.” Simon nói. Nó nhìn đồng hồ. “Bây giờ đã là mười một giờ rưỡi. Đi xuống thật nhanh trước khi chiếc thuyền buồm quay lại. Lần sau có thể bọn mình sẽ không may mắn thế này đâu - nếu chúng không mở động cơ thì bọn mình sẽ không nghe thấy được. Anh đang nghĩ tại sao vừa rồi chúng lại không chạy bằng buồm nhỉ, gió to lắm mà.” Nó cau mày.

“Thôi, nghĩ làm gì,” Barney nói. “Mình đi tìm ông Gumerly đi. Vòng trở lại lối đằng sau ấy, thằng nhóc ấy có thể vẫn đang theo dõi ở lối cửa trước.”

“Không, mình phải đi lối cửa trước, ông Gumerly có thể đi lối đó. Anh cảm giác là mình không còn nhiều thời gian đâu. Đành phải liều để cho bọn chúng bắt gặp thôi. Đi nào.”

CHƯƠNG 11

Nhưng ngay khi chúng vừa đi xuống và nhìn thấy quang cảnh bến cảng thì chúng thấy ngay là không có chuyện đi qua mà không bị ai nhìn thấy hay bắt gặp.

Những con đường xung quanh bến cảng chật ních người; các ngư dân và các chủ hiệu trong trang phục ngày Chủ nhật, các bà vợ trong những bộ cánh mùa hè đẹp nhất và vô số khách du lịch đang tươi cười hơn hở, đông hơn bọn trẻ đã từng thấy ở Trewissick từ trước tới giờ. Mọi con thuyền đang lắc lư ngang mặt kè đá khi thủy triều lên cao được buộc dờn sang một bên, để trống một vùng nước rộng hình chữ nhật khuôn trong dây phao màu trắng đang khẽ nhấp nhô bập bênh. Khi đi xuống phía cuối con đường chúng nghe thấy tiếng nổ phụt của khẩu súng hiệu lệnh, và sáu thân hình nâu bóng lao mình xuống nước rồi bắt đầu quẫy đạp trong đám nước trắng xóa bắn lên tung tóe qua làn đua quây sẵn. Đám đông bắt đầu reo hò.

“Chắc đây là cuối hội thi bơi rồi,” Jane hào hứng nói, hòa mình vào không khí lễ hội hóa trang ở bên dưới. “Xuống xem một lát đi.”

“Trời ạ,” Simon chán nản kêu lên. “Bọn mình đang có một sứ mạng mà. Mình phải đi tìm Ông Merry trước đã rồi muốn làm gì thì làm.”

Nhưng không có ai ra trả lời chuông cửa ở Ngõ nhà Xám, trong lúc bọn trẻ đứng trên bậc cửa ra vào với từng tốp du khách ăn mặc xuềnh xoàng huyên náo lên lên xuống xuống đòi qua trước mặt chúng. Và khi Simon đi vòng ra phía sau, lấy chiếc chìa khóa ở chỗ bí mật trên giá để đồ rồi mở khóa cửa, chúng đi vào thì thấy ngôi nhà trống trơn.

Giường của Ông Merry sắp gọn gàng, nhưng chẳng có dấu hiệu gì, trong phòng ông cũng như khắp trong nhà, cho chúng biết ông đã đi đâu. Bà Palk cũng chẳng thấy đâu cả. Có ba đĩa cá thu nguội và salat được đậy kín trên bàn ăn, phần để bọn trẻ ăn trưa. Nhưng tất cả chỉ có thế. Cả ngôi nhà sạch như lau như li, tĩnh mịch, ngăn nắp - và trống trải.

“Không biết ông có thể đi đâu đây? Còn bà Palk thì ở đâu nhỉ?”

“Ồ, đơn giản thôi. Chắc là bà ấy ra ngoài xem thi bơi với mọi người rồi. Em biết bà ấy đã thèm thường chờ đợi ngày hội hóa trang này như thế nào rồi đấy.”

“Vậy chúng mình đi tìm bà ấy đi. Chắc là bà ấy biết Ông Merry đang ở đâu.”

“Em bảo này,” Barney nói. “Hai anh chị xuống bến cảng đi, còn em sẽ chạy lên đỉnh đồi để xem ông có lên đó hay không. Em có thể nhìn thấy nếu ông đang trèo lên mũi đất, lên được đó mất khá lâu đấy.”

Simon nghĩ trong giây lát. “Được rồi, nghe cũng có vẻ hợp lý đấy. Nhưng vì Chúa, nếu thấy chiếc du thuyền quay lại thì đừng có để cho nó nhìn thấy. Sau đó chạy xuống đây càng nhanh càng tốt nhé, anh không muốn cả bọn tan tác ra đâu. Anh chị sẽ đi xuống kè đá, điểm xuất phát của hội thi bơi ấy.”

“Đồng ý.” Barney rảo bước, rồi lại quay đầu lại. “Này, anh định làm gì với bản viết cổ ấy? Nếu không tìm thấy ông và bọn mình vẫn phải tự lực cánh sinh, thì anh có nghĩ bọn mình cứ cầm nó theo như thế là an toàn không?”

“Còn an toàn hơn để nó lại bất kỳ đâu nhiều,” Simon khẳng định, nhìn xuống cái ống đựng kính viễn vọng trong tay. “Anh sẽ giữ nó thật chặt dù có bất cứ gì xảy ra.”

“Thế thì được rồi,” Barney vui vẻ nói. “Miễn là anh đừng có đánh rơi nó xuống nước ở dưới bến cảng thôi. Chào nhé. Em sẽ không đi lâu đâu.”

“Em thấy mừng là nó có vẻ rất thích chí với tất cả những chuyện này,” Jane nhận xét khi cánh cửa ra vào đằng trước đóng rầm lại. “Em ước gì em cũng thích được như nó. Cứ như có ai đó đang rình rập ở mọi ngõ ngách chực nhảy xổ vào bọn mình vậy. Em chỉ cảm thấy an toàn khi nào chui vào giường thôi.”

“Thôi vui lên nào,” Simon an ủi. “Em vẫn còn bị ám ảnh vì vụ tối hôm trước đấy mà. Lúc đó anh cũng sợ chết khiếp, nhưng bây giờ thấy hết rồi. Cố gắng quên đi.”

“Nói thế thì dễ lắm,” Jane tội nghiệp nói vẻ rầu rĩ, “nhưng bây giờ tự dưng ai cũng hóa ra người xấu hết, mà chẳng có vẻ gì là chúng mình biết được đó là thể lực xấu kiểu gì nữa. Tại sao tất cả bọn chúng cứ muốn đoạt bằng được bản viết cổ ấy vậy?”

“Ờ...” - Simon nhăn trán, cố gắng nhớ lại những gì Ông Merry đã nói trong buổi đầu tiên - “chính là chúng muốn có cái chén Thánh, phải không? Bởi vì nó tượng trưng cho một thứ gì đó, như thế nào đó. Và chính vì thế ông Gummer cũng muốn tìm được nó. Giống như hai thể lực đánh nhau trong lịch sử ấy. Em không bao giờ biết chính xác thực ra là họ chiến đấu với nhau vì cái gì, mà chỉ là bên này muốn tiêu diệt bên kia thôi.”

“Đôi khi Ông Merry giống như một đội quân, tất cả trong một con người. Những lúc mà ông trở nên rất kỳ quặc và xa cách khiến mình cảm thấy như ông không hoàn toàn ở đó ấy.”

“Đấy, em hiểu rồi đấy. Phe bên kia cũng vậy thôi. Bọn chúng kiểu như một đội quân xấu xa vậy. Tối hôm qua ở chỗ mấy cột đá, trước cả khi phát hiện ra bọn chúng đang ở đó thì bọn mình đã linh cảm thấy sự xấu xa rồi.”

“Đúng thế,” Jane nhiệt thành tán đồng. “Ôi trời ơi. Em sẽ cảm thấy an toàn hơn nhiều nếu mình biết được Ông Merry đang ở đâu.”

“Mình sẽ biết ngay khi tìm thấy bà Palk thôi. Mau lên, Jane.” Simon vung về vỗ nhẹ vào vai em gái. “Đi thôi, mình xuống bến cảng nào. Cứ thế này thì Barney sẽ tới đó trước mình mất.”

Jane gật đầu, cảm thấy dễ chịu hơn. “À mà - chiều nay bố mẹ sẽ quay về đấy. Anh có nghĩ là mình nên để lại lời nhắn gì đó không?”

“Không, mình sẽ về nhà sớm hơn bố mẹ nhiều.”

Chúng ra khỏi Ngôi nhà Xám, trả lại cho nó vẻ tĩnh mịch, rồi theo triền dốc đi xuống bến cảng. Những đứa trẻ không quen đang chạy nhảy nô đùa khắp xung quanh, phớt lờ những ông bố bà mẹ đang lo lắng gọi chúng; và quầy hàng nhỏ vắng lặng thường ngày vẫn bán kem trên kệ đá giờ được trang hoàng đầy cờ hoa và tranh quảng cáo rực rỡ màu sắc, người vào mua tấp nập.

Simon và Jane len lỏi trên con đường dọc theo bến cảng, xuyên qua những đám đông đang thả bộ, đến khu vực dành riêng cho hội thi bơi. Nhưng chúng có cảm giác như đang phải chèo thuyền ngược dòng vậy; mọi người đều đang đi ngược chiều hai đứa, nên khi chúng đến được tới nơi thì tất cả đã kết thúc. Chỉ còn vài cô bé, cậu bé đang lườn lách qua đám đông trong bộ đồ

bơi ướt nhep, và những dây phao nổi dập dềnh trên mặt nước trống trơn, chứng tỏ rằng vừa có một hội thi bơi tại đây.

Một trong những người vừa thi bơi vọt qua cạnh Simon, và khi liếc nhìn lên thân hình rám nâu ướt nước ấy thì nó nhận ra bộ mặt dưới lớp tóc đen thẳng đuồn ướt lướt thướt. Đó chính là thằng Bill.

Mồm thằng nhóc há hốc ra, nó khựng lại trong tư thế sẵn sàng chiến đấu; nhưng chỉ một thoáng sau, thay đổi ý định, nó quắc mắt lên rồi bỏ đi, chạy chân trần xuyên qua đám đông về kè đá phía trước.

“Này, Jane! Jane ơi!” Simon vội vàng gọi to. Jane đang ở trước anh trai mấy bước chân và không để ý thấy thằng Bill.

Một giọng nói trầm trầm vang lên bên tai Simon, “Chú bạn của cháu vừa thua cuộc đấy. Tâm trạng *ló* đang không được ổn lắm đâu. Nhà ‘Oovers toàn thể cả.”

Simon ngó quanh, và trông thấy bộ mặt nâu sạm nhăn nheo đang tươi cười của ông đánh cá chúng đã gặp trong ngày đầu tiên chúng va chạm với thằng Bill.

“Xin chào bác Penhallow,” nó lên tiếng, bụng nghĩ câu chào ấy nghe thật lạc lõng biết bao. “Thế nó vừa tham gia hội thi bơi đấy ạ?”

“Ờ, đúng thế, cuộc đua để giành chức vô địch. *Ló* vẫn cư xử tồi tệ như mọi khi, thua chỉ vì về sau đứա thắng cuộc một vài yard *lên* quay lưng lại ngay khi thằng bé kia đi đến bắt tay để cảm ơn *ló* vì một cuộc đua tài ra trò.” Ông cười tủm tỉm. “Người chiến thắng là thằng út nhà bác.”

“Con bác ấy ạ?” Jane ngạc nhiên, em đã quay lại khi nghe thấy tiếng gọi của Simon.

Em nhìn vào khuôn mặt dãi dầu sương gió của ông Penhallow; ông trông quá già để có một đứа con còn trẻ trong độ tuổi tham dự cuộc thi bơi.

“Đúng đấy,” ông già đánh cá điềm đạm trả lời. “Một thiếu *liên* cứng cỏi. Bây giờ *ló* mười sáu rồi đấy, ở trong lực lượng Thương Thuyền và hiện đang nghỉ phép.”

“Bác này,” Simon nói, bị ấn tượng mạnh. “Bác nghĩ là cháu có thể tham gia đội Thương Thuyền khi cháu đủ mười sáu tuổi không?”

“Cháu phải đợi thêm chút *lữa* đã,” ông Penhallow nói, nháy mắt cười với nó. “Cuộc sống trên biển là vất vả lắm.”

“Barney nói là nó muốn trở thành ngư dân như bác bây giờ đấy,” Jane chen vào. “Và có chiếc thuyền lớn như chiếc *Thạch Nam Trắng* nữa.”

Ông Penhallow bật cười. “Thằng bé sẽ chẳng bao lâu đâu mà bỏ ý định đó thôi. *Lếu ló* lớn hơn chút *lữa* bác sẽ đưa *ló* ra biển với bọn bác một đêm, rồi sau *ló* sẽ đổi ý ngay tắp lự thôi.”

“Bác có đi biển tối nay không ạ?”

“Không. Tối nay phải nghỉ ngơi chứ.”

Bỗng nhiên Jane cảm thấy một bên giày ướt ướt, em cúi xuống và phát hiện ra mình đang giẫm vào một vũng nước. Em vội vàng bước sang bên. “Chắc tại những người thi bơi này vẩy nước khắp nơi. Suốt dọc bờ biển đầy những vũng nước thế này.”

“Không phải chỉ do người đi bơi đâu, cháu yêu ạ,” ông Penhallow nói. “Còn là do thủy triều *lửa* đấy. Sáng *lay* thủy triều đã lên đến tận trên kia - tháng *lày* những con *lước* triều có vẻ cao hơn bình thường.”

“Ồ đúng rồi,” Simon nói. “Nhìn kia - có mấy mẩu rong biển ở sát trong cùng lối đi kia kia. Chắc là thủy triều đã dạt lên tận chỗ bức tường. Nó có thường lên cao thế này không ạ?”

“Chỉ thỉnh thoảng thôi. Một hay hai lần mỗi *lăm* - thường tháng Ba và tháng Chín. Những cơn thủy triều lớn vào giữa tháng Tám như thế *lày* là rất lạ. Bác nghĩ là do mấy cơn gió mạnh *lày*.”

“Thế thì nó sẽ rút ra bao xa ạ?” Jane hỏi, bị cuốn hút vào câu chuyện.

“Ồ, khá xa đấy. Khi thủy triều xuống thấp bên cảng *lày* trông chẳng ra gì đâu, nhưng trong những cơn thủy triều lớn nhất trông *lò* còn tệ hơn nhiều. Đây bùn đất và rong biển lưu cữu hôi hám bình thường không nhìn thấy. Các cháu hãy đợi đến khoảng *lăm* giờ chiều *lay*. Nhưng mà, bác dám cược là lúc đó các cháu vẫn đang xem lễ hội như những người khác thôi.”

“Cháu đoán vậy,” Simon lơ đãng trả lời. Nó đang suy nghĩ rất lung; dường như những lời nói của ông già đánh cá đã làm lóe lên trong đầu nó một ý gì đó. “Bác Penhallow này,” nó nói, cố tỏ ra thật thản nhiên, “cứ cho là người ta xem thủy triều xuống thấp như vậy thì ngoài bến cảng sẽ lộ ra nhiều mỏm đá hơn bình thường phải không ạ?”

“Ờ, nhiều lắm,” lão ngư trả lời. “Người ta còn bảo là có thể đi bộ suốt một vòng từ cảng Trewissick tới vùng Dodman, mà chỗ đó cách Mũi Kemare những hai ba cái vịnh cơ đấy. Nhưng đấy chỉ là chuyện kể - bác dám chắc đám đá đó sẽ lộ ra, phải cái thủy triều sẽ lại dâng lên trước cả khi ta được *lửa* đường tới đó.”

Jane chỉ nghe nửa vời câu chuyện, giờ đột nhiên cất tiếng hỏi: “Bác Penhallow à, chúng cháu đang đi tìm bà Palk, bà ấy là quản gia của nhà cháu. Bác có biết bà ấy không ạ?”

“Biết Molly Palk không ấy hử?” ông Penhallow vừa cười tủm tỉm vừa nói. “Bác phải *lói* là có. Một cô gái rất dễ thương, trước là thế - giờ cũng vẫn thế, nhưng sau khi lão Jim Palk tội nghiệp qua đời thì bà ấy đâm ra hơi bủn xỉn. Thế *lào* bà ấy cũng kiểm soát của cha mẹ các cháu đến từng xu lẻ, bác tin chắc là vậy. Bà Moll già ấy sẵn sàng làm bất cứ chuyện gì để kiếm thêm một vài đồng bẻng. À, bây giờ bác mới chợt nhớ, bà ta chính là cô của thằng Bill bạn các cháu đấy.”

“Bà Palk ấy ạ?” Jane kinh ngạc. “Thằng bé lỗ mãng đó ạ?”

“À,” ông Penhallow bình thản nói. “Hai bên gia đình đó chẳng liên quan gì đến nhau mấy, cứ là nhớ cho. Thậm chí hầu hết dân Trewissick đã quên biến họ là họ hàng với nhau *lửa* kia. Đừng lại nghĩ là bà Moll muốn người ta biết chuyện ấy chứ.”

“Cháu nghĩ là Ông Merry đã kể một lần rồi,” Simon nói. “Vậy mà cháu quên khuấy đi mất. Ông kể rằng Bill là con trai người anh không-tốt của bà Palk.”

Jane nói về suy tư: “Không biết liệu... À thôi, bây giờ thì chẳng quan trọng gì nữa. Bác có trông thấy bà ấy ở đâu quanh đây không ạ?”

“*Lào*, để bác xem, bác có gặp bà ấy một lúc. À ờ, ở trên kè đá phía trước kia ấy. Bà ấy hóa trang để dự lễ hội, trên đầu cắm món gì kỳ cục lắm, hình như đi giúp đám diễu hành thì phải. Bác nghĩ các cháu vẫn sẽ thấy bà ấy ở trên đó, *trừ phi* bà ấy tạt đi đâu ăn tối.”

Bây giờ đám đông xung quanh chúng đã thưa thớt dần, đi lại loanh quanh chứ không tụ tập ở

kề đá phía trước nữa, điểm đây đó những nhóm nhạc công trong bộ đồng phục màu xanh sáng, nắm chặt những nhạc cụ xoắn lớn màu bạc và đội những chiếc mũ lưới trai xanh chật cứng. Simon và Jane nhìn chăm chú ra bến cảng, nhưng chúng ở quá xa nên không thể phân biệt khuôn mặt của từng người.

“Thôi, bác phải đi tìm thằng Walter nhà bác đây. Ló chắc đang mừng quỳnh lên đấy. Cho bác gửi lời hỏi thăm đến chàng đánh cá nhỏ của chúng ta nhé!” Ông Penhallow lập cập bước đi dọc theo lề đá, tùm tùm cười một mình. Jane, từ nãy vẫn ngờ ngợ trông ông có vẻ gì đó khang khác, giờ mới nhận ra rằng thay vì chiếc áo len xanh và đôi ủng cao đến bắp đùi như lệ thường, hôm nay ông đóng hộp cứng ngắc trong bộ comlê đen và đôi giày kêu ken két.

“Em không nghĩ là bác ấy nên nói như thế về bà Palk đâu,” em nói vẻ lo ngại.

“Ai mà biết được, nhớ đâu lại quan trọng thì sao,” Simon nói. “Mà này, bây giờ thì mình sẽ làm gì đây? Bọn mình phải kiếm bằng được bà Palk để biết Ông Merry đã đi đâu. Nhưng bác Penhallow nói rằng đã nhìn thấy bà ấy ở phía bên kia bến cảng, mà mình lại hẹn với Barney là gặp nhau ở đây.”

“Không biết Barney đang ở đâu nhỉ? Chắc đến giờ thì nó phải có đủ thời gian để lên đến cuối đường và quay trở lại đây rồi chứ. Này, hay anh đi xem bà Palk có ở kia không nhé, còn em sẽ đợi ở đây cho đến khi Barney về.”

Simon gãi tai. “Anh cũng chẳng biết nữa, anh không thích bọn mình cứ tách nhau ra như thế tí nào. Bọn mình chẳng tìm thấy Ông Merry, đến giờ bọn mình cũng chẳng thấy Barney, và nếu lúc này anh và em lại mỗi người một ngả thì sẽ chẳng ai gặp được ai nữa cả. Bất cứ ai trong bọn mình cũng có thể bị bắt mà những người kia không hề biết gì. Anh nghĩ là bọn mình phải đi cùng với nhau thôi.”

“Thôi được rồi,” Jane nói. “Mình sẽ đợi ở đây thêm một lúc nữa. Về lại góc lề đá đằng trước kia đi, mình có thể đón đầu nó ở đó. Đó là đường duy nhất xuống đây, kiểu gì nó cũng phải đi qua đường đó.”

Khi chúng quay lại thì gặp ban nhạc Trewissick đang xếp hàng đi lên bến cảng, đám đông vây xung quanh họ nhún nhảy, lắc lư còn đám trẻ con thì phấn khởi chạy ra chạy vào phía ngoài rìa. Một hay hai hình dáng kỳ lạ nổi bật lên giữa những chiếc sơ mi trắng và những bộ váy mùa hè; cao lớn, màu sắc sặc sỡ, tô điểm những dải ruy-băng và lá, với mấy cái đầu giả khổng lồ kỳ quái gắn trên vai.

“Chắc họ là một phần trong đám diễu hành của lễ hội hóa trang.”

“Anh nghĩ bây giờ mới đang bắt đầu đây này. Nghe xem, tiếng động gì mà khủng khiếp quá đi mất.”

Ban nhạc vừa bắt đầu một giai điệu ngập ngừng lạnh lạnh, rồi dần dần ăn nhịp thành một bản hành khúc quen thuộc.

“Ôi, thôi nào, có tệ đến thế đâu,” Jane nói. “Em nghĩ là họ quen đánh cá hơn là thổi kèn trompet. Dù sao thì nghe cũng vui đấy chứ. Em thấy thích.”

“Hừm. Ngồi lên bức tường chỗ góc này đi, bọn mình có thể tóm được Barney khi nó đi qua đây.” Simon băng qua đường và ngóng lên đồi. “Anh chẳng thấy bóng dáng nó đâu cả. Mà ở đây đông người quá nên cũng chẳng nhìn rõ được.”

“Thôi,” Jane dướn người trèo lên tường, nhả mặt khi bức tường đá xù xì cào vào lớp da ở sau

khoeo chân em. “Mình cứ đợi vậy. Này, anh nghe mà xem, nhạc bắt đầu to hơn rồi đấy.”

“Nhạc với chả nhẽo!” Simon lẩm bẩm.

“Ờ, thì thật mà... Ôi, xem kìa, đoàn diễu hành bắt đầu đi rồi! Họ đang đi về lối này đấy!”

“Anh tưởng bà Palk bảo rằng họ sẽ diễu hành thẳng lên trên đồi chứ nhỉ.”

“Có lẽ họ đi lên từ góc này của bến cảng chứ không phải từ bên kia. Hoặc có lẽ họ đi vòng quanh làng trước... nhìn kìa, tất cả bọn họ đều hóa trang hết đấy. Họ đang chơi chính bản nhạc mà sáng nay bà Palk cứ hát ngheu ngao ấy, bản *Vũ Điệu Hoa*.”

“Ít ra thì mình cũng có một chỗ ngồi xem rất tốt.” Simon nhảy lên ngồi cạnh em gái.

Đám đông đi dọc theo kè đá từ từ tiến lại gần chúng. Bọn trẻ con chạy nhảy loăng quăng trước ban nhạc đang phùng mang trợn mắt thổi kèn, mặt đỏ phùng phùng. Theo sau họ, từng đám du khách vui vẻ len lách qua một dãy những hình dáng nhún nhảy kỳ lạ mà chúng đã nhìn thấy từ phía bên kia bến cảng, những cái đầu to tướng lắc lư, nhảy lò cò một vũ điệu nhại hài hước và chậm chạp, rồi những hình dáng khác, mặc đồ hóa trang và đeo mặt nạ, len lỏi chen ra rồi lại chui vào trong đám đông. Thỉnh thoảng họ đột kích vào giữa đám những người đang đứng xem, túm lấy tay các cô gái xinh đẹp, giả đồ đánh nhẹ mấy bà già bằng những chiếc đũa thần quần ruy-băng làm các bà kêu ré lên, dẫn du khách và dân làng cùng nắm tay và dàn hàng nhảy với họ suốt bề ngang con đường. “Pom... pom... di-pom-pom-po...” tiếng nhạc vang lên oang oang trong tai bọn trẻ khi chúng ngồi trên bức tường, còn đám đông như một cơn lũ cuộn xoáy xung quanh chúng ở góc đường, tràn ngập ở cả hai hướng lên xuống.

Jane đang cười rạng rỡ thích thú vì được ở tít trên cao thế này, bỗng nhìn chằm chằm qua đám đông. Em chỉ tay rồi hét vào tai Simon điều gì đó.

Simon không nghe thấy gì ngoài tiếng nhạc ầm ĩ vẫn đang liên tục gõ xung quanh nó đến nỗi làm bức tường dường như rung lên. “Cái gì?” nó hét lại hỏi.

Jane cúi đầu sát hơn vào tai nó. “Bà Palk đấy! Anh nhìn xem! Ở ngay chỗ kia kìa, có đám lông chim trên đầu, ngay phía sau người đàn ông mặc toàn lá ấy. Nhanh lên, lại túm lấy bà ấy đi!” Và trước khi Simon kịp ngăn lại thì em đã trượt xuống dưới bức tường và chạy tới sát rìa đám đông.

Simon nhảy xuống theo và tóm được tay em gái vừa kịp lúc cô bé chực nhao người vào đám đông giữa hai hàng người đang tươi cười nhảy nhót. “Jane, không phải lúc này!” Nhưng chính nó cũng bị đám đông nhảy nhót cuốn theo đến vài yard trước khi kịp kéo cô bé ra một chỗ trống. Chúng bị đẩy sát vào bức tường ở tít tận phía xa của con đường, xa hẳn khỏi bến cảng, vây chặt xung quanh là đám người đang đứng xem vũ điệu diễu hành của lễ hội hóa trang.

Và chính vì thế mà chúng đã không nhìn thấy Barney lúc đó đang luồn lách đi xuống đồi qua Ngôi nhà Xám, len lỏi giữa rừng chân người để vòng qua góc tường, chẳng thèm để ý gì đến đám diễu hành; chạy hết tốc lực dọc theo kè đá đằng trong đến nơi chúng đã hẹn gặp nhau.

CHƯƠNG 12

Phải mất một lúc lâu Barney mới đi hết con đường xuống dưới dốc qua ngôi nhà. Trên mũi đất chẳng thấy bóng dáng Ông Merry đâu cả. Trên đường, từng nhóm những người đi rải rác cản đường nó đến phát bực, và ba lần nó đã phải đứng ra bên lề để nhường đường khi một chiếc xe rầm rầm chạy lên con dốc hẹp. Barney nôn nóng luồn lách, len lỏi, Rufus bám theo sát gót.

Được nửa đường xuống đồi, nó nghe thấy tiếng nhạc vang lên từ bên kia bến cảng, và qua biển đầu người nó thoáng thấy đoàn diễu hành nhảy nhót đang tiến lên dọc theo kè đá. Luồn ngón tay vào vòng cổ của Rufus, nó len qua đám đông càng lúc càng chật ních để sang bên lề rồi bắt đầu phóng hết tốc lực xuống đồi, lao qua mọi khe hở trông thấy được như một con tôm trong ao.

Nhưng khi nó đến được góc bến cảng thì đám diễu hành đã ở ngay trước mặt, khiến nó chẳng nhìn thấy gì ngoài một bức tường dày đặc chân cẳng và lưng không sao qua nổi. Nó luồn qua phía sau họ, tiếng nhạc âm ỉ náo loạn dội thẳng vào tai, cho đến khi cuối cùng nó thoát được ra khỏi đám đông và lên trên kè đá. Thở phào một cái, nó thả cái vòng cổ của Rufus ra và chạy theo con chó đến cái góc vắng nơi nó đã hẹn gặp Jane và Simon.

Chẳng thấy ai ở đó.

Barney cuống cuống đưa mắt nhìn quanh. Nó chẳng thấy cái gì có thể cho nó một dấu vết dù mong manh nhất để biết anh chị mình đã đi về hướng nào. Rồi tự đấu lý với bản thân, nó quyết rằng cả hai nhất định đã phát hiện ra bà Palk. Bà ấy vốn rất hào hứng với cái ý tưởng lễ hội hóa trang và mấy trò nhảy múa này mà; nên chắc chắn thể nào bà ấy cũng ở trong đám diễu hành. Mà nhiệm vụ của Simon và Jane chính là phải đi tìm bà Palk, cũng như nhiệm vụ của nó là đi trinh sát mũi đất trên kia. Cả hai chắc đã đi đuổi theo bà ấy rồi, vì thừa biết thể nào nó chả đoán ra chúng đã đi đâu.

Hết sức hài lòng, Barney lên đường đi tìm lễ hội hóa trang. Nó bám theo đuôi đám đông lúc ấy vẫn đang dật dờ đi lên đường cái. Ngay cả ở dưới bến cảng kín đáo, gió vẫn đang thổi vào từ ngoài biển, nhưng thỉnh thoảng gió lại lặng giây lát, và Barney nghe được một đoạn nhạc như trên người thoáng qua những mái nhà, vọng đến từ đâu đó trong làng. “Pom... pom... di-pom-pom-pom...” Khắp xung quanh nó, mọi người đang thơ thẩn đi lại, vẫn vờ hỏi chuyện... “Họ đi đâu rồi nhỉ?” ... “Chúng ta có thể gặp họ ở bãi đất” ... “Nhưng họ đã nhảy múa suốt mấy con phố đến hàng tiếng đồng hồ rồi còn gì” ... “Ồi, thôi đi.”

Không thèm đếm xỉa đến đám người, Barney rẽ xuống một lối ngoặt nhỏ bên đường, Rufus vẫn kiên nhẫn chạy theo sát gót. Nó thả bộ hết ngõ ngoằn ngoèo này sang ngõ ngoằn ngoèo khác, men theo những lối đi hẹp nơi mái ngói acđoa gần như chạm xuống đầu, qua những cánh cửa ra vào chạm trổ tinh xảo với nắm đấm cửa bằng đồng bắt ánh nắng vàng rực lên; xuyên qua những con hẻm rải sỏi nơi cửa ra vào không mở ra vỉa hè mà mở thẳng xuống đường. Mặc dù chỉ là một ngôi làng nhỏ, Trewissick chẳng khác nào một mê cung bất tận kỳ lạ gồm toàn những con đường bé xíu uốn lượn quanh co. Barney cứ luôn phải căng tai lên để theo tiếng nhạc đi qua mê cung ấy.

Nó bị rẽ nhầm một, hai lần và lạc mất tiếng nhạc. Nhưng rồi dần dần tiếng nhạc càng lúc càng to và cùng lúc nó bắt đầu nghe thấy tiếng người nói lao xao và tiếng chân bước lao xao. Nó búng ngón tay gọi Rufus, rồi co cẳng chạy, lượn vòng từ con hẻm nhỏ vắng lặng này sang con

hẻm khác. Và rồi bỗng nhiên tiếng ồn vỡ òa bên tai nó như một tiếng sấm, nó đã ra khỏi vòng luẩn quẩn của những con hẻm và hòa mình vào đám đông dưới ánh nắng chan hòa trên con đường lớn nơi đám diễu hành đang vừa đi vừa nhảy múa. “Nào nào, thằng cu tóc hoe này,” ai đó gọi nó khiến những người xung quanh quay lại nhìn và cười ầm lên.

Barney không thể nhìn thấy Simon và Jane giữa đám vũ công, mà nếu có nhìn thấy thì cũng khó có thể bắt kịp anh chị nó trong đám đông này. Nó mê mẩn ngắm nhìn những cái đầu khổng lồ đang nhấp nhô xung quanh, những thân hình bên dưới kỳ quặc sắc sỡ trong áo chên và bít tất dài màu đỏ, vàng, xanh. Đâu đâu nó cũng bắt gặp những bộ quần áo hóa trang: một người đàn ông với dáng nhảy cứng ngắc như một cái cây, hết một khối lùm lùm lật phật toàn lá xanh mướt; những tên cướp biển, những chàng thủy thủ, một gã kỵ binh nhẹ mặc bộ quần áo đỏ rực và đội một cái mũ cao ngất ngưởng. Những cô nô lệ, những anh hề, một người đàn ông trong chiếc áo choàng lụa dài màu xanh nước biển, trang điểm trông hết như một diễn viên kịch câm; một cô gái mặc đồ đen từ đầu đến chân, uốn éo như một con mèo, với một cái đầu mèo có ria mép. Những cậu bé mặc bộ quần áo xanh lá cây như Robin Hood, những cô bé có mái tóc dài vàng hoe như Alice; những tên cướp đường, những vũ công nhảy điệu morris [20], những người bán hoa, những tên lùn giữ cửa.

Chẳng giống cái gì nó từng nhìn thấy trước đây. Các vũ công uốn lượn, ra ra vào vào đám đông bên lề đường, nơi nó đang đứng, và rồi bất thành lĩnh, trước khi Barney kịp nhận ra chuyện gì, thì họ đã nhảy múa vòng tròn xung quanh nó.

Nó cảm thấy có ai đó chộp lấy tay mình và bị lôi vào giữa đám đông đang nhảy múa, giữa đám ruy-băng, lông vũ và những cái đầu trôi bồng bềnh khiến cho chân nó buộc phải bước theo những người kia.

Vừa hồn hển cười, nó vừa liếc nhìn lên. Bàn tay đi găng đen đang giữ một tay nó chính là của hình người cải trang thành con mèo, đang uốn éo trong bộ quần áo đen bó sát người với một cái đuôi đen dài ngoe nguẩy phía sau, và hàng ria mép cứng như rễ tre đâm thẳng từ cái mặt nạ trùm xuống đến má. Barney nhìn thấy hai con mắt ánh lên qua kẽ hở trên mặt nạ và hàm răng sáng lóe. Trong một thoáng, giữa đám đông những hình người vẫn đang nhảy múa xung quanh, nó nhìn thấy ngay sát mình một người đội một cái mũ gần đầy những chiếc lông vũ to tướng của dân da đỏ Anh-điêng, với khuôn mặt giống bà Palk đến giật mình. Nhưng khi nó vừa mở miệng định gọi thì con mèo đen túm lấy cả hai tay nó và xoay nó quay tít đến chóng mặt xuyên qua đám đông đặc sít người. Mọi người cúi xuống nhìn và mỉm cười mỗi khi nó xoay qua, còn Barney, quay cuồng vì tiếng nhạc và tốc độ chóng mặt và cẳng tay cẳng chân đen sì xoay tít của con mèo ngay trước mắt, cứ vừa cười vừa lảo đảo theo vòng xoay của con mèo...

... Cho đến khi nó đột ngột dừng lại vì va vào mớ áo thụng dài của một hình người ăn mặc như một viên tù trưởng Ả-rập, cũng đang nhảy múa cùng cả đám đông khiến cho mớ áo thụng kia xòe rộng và bay tung lên phần phật trong gió. Liếc mắt nhìn lên qua cái thế giới đang quay cuồng vì bản thân nó cũng chao đảo, Barney chỉ kịp nhận ra một dáng người mảnh khảnh và một bộ mặt gầy hốc hác, tối thui trước khi con mèo giơ tay túm lấy nó và đẩy thẳng vào trong nếp áo thụng trắng tinh vừa mới xòe rộng của người kia.

Chiếc áo thụng cuốn quanh nó trong khi nó còn đang loạng choạng, và vẫn cười dở, khiến xung quanh đột nhiên tối sầm lại. Rồi sau đó, nhanh đến nỗi nó không kịp cảm thấy có gì đó bất ổn, cánh tay của gã đàn ông vòng qua nó như một vòng sắt và nhấc bổng nó lên khỏi mặt đất, tay kia gã bịt mõm nó bằng những nếp gấp vải áo, rồi Barney cảm thấy nó đang bị mang đi.

Chưa kịp chống cự lại, nó đã bị cuốn đi một lúc qua đám đông và tiếng nhạc ầm ĩ. Cố đẩy mạnh vào ngực gã đàn ông nhưng chẳng ăn thua, nó thấy gã chạy thêm vài bước nữa và tiếng người nói cùng tiếng nhạc bỗng nhiên nghe nhỏ hẳn. Nó điên cuồng vùng vẫy và cảm thấy đầu ngón chân mình đá vào cẳng chân gã đàn ông. Nhưng nó lại đi xằng đan, nên không thể đá mạnh

được: gã đàn ông chỉ bật ra một tiếng chửi thề nghèn nghẹt mà không dừng lại, làm nó xóc nảy người lên thêm vài bước nữa cho đến khi Barney thấy cả người bị quăng cao lên không trung rồi rơi bịch xuống một cái ghế độn bông và nghe thấy tiếng lò xo rung lên bần bật.

Cái áo thụng rơi khỏi miệng nó. Barney la lên, và cứ thế la ầm ĩ cho đến khi một bàn tay lại bịt chặt vào mặt nó.

Một giọng nữ nói vội vàng: “Nhanh lên! Mang nó đi ngay!”

Một giọng khác nghe nhẹ như giọng con gái, nhưng là giọng nam, buông cộc lốc: “Lên đi. Mày phải lái xe đấy.”

Barney bỗng nằm ngay đơ người, tất cả các giác quan của nó căng ra cảnh giác. Giọng nói thứ hai nghe có vẻ gì đó quen quen. Sống lưng nó lạnh toát. Rồi cái tay đang bịt miệng nó lỏng ra một chút qua lớp vải bông, giọng nói khi này lại vang lên nhẹ nhàng, ngay sát tai nó, “Đừng kêu la nữa, Barnabas, và đừng có động đậy, như thế thì sẽ không có ai bị đau cả.”

Và đột nhiên Barney nhận ra kẻ đeo mặt nạ đen giả trang thành con mèo và gã đàn ông đen sì trong tấm áo thụng của tù trưởng. Nó cảm thấy cái ghế khẽ rung rung khi động cơ ô tô khạc lên một tiếng rồi chuyển thành tiếng rít the thé. Rồi âm thanh ấy trầm xuống, nó cảm thấy người lắc lư và biết rằng người ta đang lái xe đưa nó đi.

Rufus lo lắng nhảy lùi lại tránh những bàn chân nhảy nhót vừa cuốn Barney vào trong đám đông. Nó ngập ngừng đưa mũi ra đánh hơi, một lần, hai lần nhưng rồi lại có một gót chân xuất hiện vô tình đá phải nó, khiến nó phải tránh đi.

Khi đã ra xa đủ độ an toàn, nó sủa văng lên, rất to. Nhưng tiếng sủa của nó ngay lập tức chìm ngấm trong tiếng nhạc oang oang và đủ thứ tiếng ồn ào, ầm ĩ của đám đông. Hốt hoảng vì những âm thanh náo loạn ấy đột ngột ngập tràn thế giới nhỏ bé của mình, nó cụp tai bẹt sát vào đầu; cái đuôi cũng cụp xuống giữa hai chân, và trưng ra phần tròn trắng con mắt.

Nó lùi xa hơn nữa khỏi thứ âm thanh ầm ĩ đó, rồi khắp khối ở góc phố đợi Barney quay lại. Nhưng chẳng thấy bóng dáng cậu bé đâu. Rufus bồn chồn cựa quậy.

Thế rồi khi ban nhạc tiến thẳng về phía đối diện, vừa đi vừa thổi, gõ, đập cách đó chỉ vài yard, làm rung chuyển từng góc ngách trên phố bằng những âm thanh hết bỗng lại trầm nghe thật khủng khiếp đối với đôi tai một con chó như nó, thì bỗng nhiên Rufus không chịu nổi nữa.

Nó từ bỏ mọi hy vọng về Barney và quay lưng lại đám rước vũ hội hóa trang ồn ào, lững thững đi xuống con hẻm, với chỏm đuôi quét lệt quét trên đường, còn thì mũi hạ sát xuống đất để đánh hơi đường về nhà.

Simon và Jane gặp lại nhau ở góc bến cảng, giờ đã yên tĩnh trở lại dưới ánh nắng chiều vàng óng.

“Em đã quay lại chỗ bọn mình hẹn gặp rồi. Không thấy nó.”

“Anh đã tìm rất kỹ trong nhà rồi. Nó cũng không có ở đó.”

“Anh có nghĩ là nó đi theo bà Palk không?”

“Anh đã bảo bao nhiêu lần rồi, người mà em nhìn thấy không thể là bà Palk được.”

“Tại sao lại không chứ. Giá lúc ấy anh không giữ em lại thì em đã tóm được bà ấy rồi.”

“Làm sao mà gặp được Barney ở đây nếu mà...” Simon bắt đầu lên giọng.

“Thôi được rồi, được rồi. Nhưng mà mình có gặp được nó đâu.”

“Nếu thế thì nó chưa từ mũi đất đi xuống rồi.”

Mặt Jane bỗng biến sắc. “Ôi Chúa ơi. Hay là nó đã gặp rắc rối gì ở trên đó rồi.”

“Không, không đâu, đừng có vội lo khi chưa cần thiết. Rất có thể là cuối cùng thì nó đã tìm thấy Ông Merry và hai người vẫn còn ở trên đó.”

“Thế thì chúng mình đi thôi, lên xem thế nào.”

Chiếc xe lắc lư rồi gầm gừ như một sinh vật sống. Barney bị cuốn gói nằm như một cái bọc trong chiếc áo thun mà gã Withers đã cởi tuột khỏi vai khi gã thả nó xuống xe. Nó chắc rằng đó chính là một tấm ga trải giường; mùi hương phả vào mũi nó giống hệt mùi ga gối vừa được giặt sạch ở nhà. Nhưng nó không phải đang ở nhà. Nó nằm bầm giập dữ trong miệng, và đá vào thành xe.

“Nào, nào,” gã Withers nói. Gã nắm lấy chân Barney, ném trở lại ghế ngồi chẳng lấy gì làm nhẹ nhàng cho lắm, cùng lúc đó kéo tấm ga ra khỏi mặt nó. “Chú nghĩ bây giờ chúng ta có thể cho cháu ra khỏi tấm ga được rồi đấy, Barnabas ạ.”

Barney chớp chớp mắt, bị lóa vì ánh sáng đột ngột. Trước khi nó có thể mở mắt ra và nhìn rõ con đường thì chiếc xe cua rít qua một chỗ trống giữa một bức tường cao, rồi giảm tốc độ, bánh xe nghiêng lạo xạo trên lớp sỏi, dọc theo một lối đi trồng cây hai bên.

“Gần đến nơi rồi,” gã Withers điềm tĩnh nói.

Barney quay đầu nhìn gã trùng trùng. Nó vẫn hầu như chưa thể nhận ra khuôn mặt gã Withers dưới lớp phấn nâu sạm đã biến gã thành người Ả-rập; đôi mắt và hàm răng trắng nhợt ánh lên giả tạo, và dưới lớp hóa trang, gã đàn ông lộ vẻ lãnh đạm và tự mãn, gần như là kiêu ngạo.

“Chúng ta đang ở đâu? Ông đưa tôi đi đâu đây?”

“Cháu không biết sao? À quên, không biết” - cái đầu đen gật gù ra vẻ hiểu biết - “tất nhiên là cháu không biết rồi. Cháu sẽ biết ngay bây giờ thôi, Barnabas ạ.”

“Ông muốn gì?” Barney hỏi.

“Muốn gì ư? Chẳng muốn gì cả, cậu bé yêu quý ạ. Chúng ta chỉ muốn đưa cháu đi một vòng, để gặp một người bạn của chúng ta thôi. Chú nghĩ là hai người sẽ rất hợp nhau đấy.”

Qua hàng cây, Barney nhìn thấy họ đang đi đến gần một ngôi nhà. Nó nhìn xuống tấm ga vẫn đang cuốn quanh người và vắn vẹo để thò hai tay ra. Gã Withers quay phắt lại.

“Bỏ cái thứ ngu ngốc này ra khỏi người tôi ngay. Thật là ngớ ngẩn.”

“Chỉ là một trò đùa nhỏ thôi mà,” gã Withers nói. “Khiếu hài hước của cháu đâu mất rồi hả Barnabas? Chú tưởng là cháu thấy dễ chịu đấy chứ.”

Gã vươn người sang và bắt đầu kéo tấm ga đi trong khi chiếc xe dừng lại trước cánh cửa đã tróc sơn của một ngôi nhà lớn, trông như bị bỏ hoang. “Cháu sẽ phải nhảy ra thôi, nếu cháu có thể làm được. Chú không thể tháo hẳn nó ra ở trong này được.” Gã nói thoải mái, nhẹ nhàng, không có vẻ gì dọa nạt, và khi Barney nghi ngờ ngược lên nhìn gã, hàm răng trắng lại sáng ánh lên thành một nụ cười.

Cô gái trườn ra khỏi ghế lái xe, di chuyển như một con rắn trong bộ đồ đen bó sát người, và quay lại mở cửa xe phía Barney. Cô ta giúp nó ra, xoay tròn người nó để kéo tấm ga đi. Barney lảo đảo, chân tay cứng đờ vì bị chuột rút đến nỗi nó gần như không đi nổi.

Polly Withers bật cười. Đầu cô ta nom vẫn rất kỳ dị trong chiếc mặt nạ mèo đen ôm sát, che hết khuôn mặt chỉ trừ mắt và miệng. “Cô xin lỗi Barney nhé,” cô ta nói vẻ ân cần. “Cô chú đã hơi quá tay một chút, phải không? Cô thấy cháu nhảy rất cừ đấy. Lúc dừng lại cô còn thấy hơi tiếc nữa. Nhưng thôi, không sao, giờ chúng ta đi vào uống trà, hy vọng là cháu không thấy giờ còn hơi sớm.”

“Tôi còn chưa ăn trưa,” Barney chợt nhớ ra, nói chẳng ăn nhập vào đâu.

“Ờ, nếu thế thì chúng ta phải kiếm cái gì đó cho cháu ăn thôi. Trời ạ, chưa được ăn trưa à? Và là do lỗi của cô chú cả. Norman, anh rung chuông gọi đi, chúng ta phải cho chú bé tội nghiệp này ăn đi chứ.”

Gã Withers tặc lưỡi ái ngại cho nó rồi đi qua mũi xe đến ấn vào chiếc chuông bên cạnh cánh cửa lớn. Gã ta vẫn mặc toàn đồ trắng, một bộ quần áo bằng vải flanen đơn giản, nhưng không còn cái áo thụng Arập nữa. Hai cánh tay để trần của gã cũng bôi lớp phấn nâu sẫm giống màu trên mặt.

Barney, chậm chậm theo sau gã với cánh tay cô gái đặt nhẹ trên vai, hoang mang không hiểu nổi sự thân tình này là như thế nào. Nó bắt đầu phân vân không biết có phải mình đã hiểu nhầm mọi việc hay không. Có lẽ tất cả những việc này suy cho cùng chỉ là một trò đùa, một phần trong không khí vui vẻ của lễ hội hóa trang mà thôi. Có thể anh em nhà Withers thực ra cũng chỉ là những người hoàn toàn bình thường... Thực ra họ cũng chưa bao giờ làm điều gì chứng tỏ rõ ràng rằng họ là người của phe địch... có lẽ là nó, Simon và Jane đã hiểu lầm...

Lúc sau nó nghe thấy tiếng bước chân vang lên nhẹ nhàng trong nhà, dần dần nghe rõ hơn khi nó lại gần, rồi cánh cửa mở ra. Đầu tiên, nó không nhìn ra ai trong cái quần jeans đen bó chặt và áo sơ mi xanh ấy. Rồi nó nhận ra đó là thằng Bill Hoover, thằng đã đuổi theo Simon để cướp tấm bản đồ. Trong phút chốc, nó nhớ lại hình ảnh trên Mũi Kemare hôm đó, vẻ mặt hau hâu của cô Withers khi cô ta nhìn vào tấm bản đồ, và nó hiểu ra rằng chúng đã không nhầm.

Cái mặt sưng sứa, ảm đạm của Bill rạng rỡ hẳn lên khi nó nhìn thấy Barney, và nó nhe răng cười với cô Withers.

“Cô tóm được *ló* rồi à?” nó hỏi.

Gã Withers ngắt lời nhanh như chớp, bước tới và gần như đẩy thằng Bill bật ra. “Bill đấy à,” gã nói với cái giọng mượt như nhung, “cô chú đã đưa được anh bạn trẻ này đến đây thăm chúng ta. Chú không nghĩ là có ai phiền lòng đâu. Tất cả chúng ta đều muốn có cái gì đó để ăn, cháu chạy đi xem liệu có kiếm được cái gì thật nhanh không?”

“Phiền lòng á?” thằng Bill hỏi lại. “Tôi nghĩ là không.” Nó lại nhìn Barney, vẫn kiêu cưỡi nhàn nhõ và hau háu ấy, rồi quay đi và biến mất ở phía cuối hành lang dài hun hút, thò đầu vào một cánh cửa ngỏ gọi ai đó lúc nó đi qua.

“Barney, vào đi cháu,” cô gái nói. Cô ta nhẹ nhàng đẩy nó vào trong và đóng cửa lại. Barney nhìn lối đi dài, trống trải xung quanh, nhìn những vết ẩm mốc trên giấy dán tường phai màu; và nó cảm thấy mình thật là bé nhỏ và cô độc. Nó nghe thấy một giọng trầm trầm vang lên đâu đó trong ngôi nhà: “Withers đấy à?”

Gã Withers này giờ vẫn đứng nhìn Barney dò xét với một nụ cười nửa miệng, nghe thấy thế giật mình và đưa tay lên cổ áo nửa như vô thức. “Đến đây,” gã đáp cộc lốc. Gã nắm lấy tay Barney và dẫn nó đi dọc theo hành lang, tiếng bước chân cả hai vang vọng trên mặt sàn gỗ không trải thảm, đến cửa một căn phòng ở tí phía cuối hành lang.

Đó là một căn phòng rộng, tối om so với cái nắng chói chang bên ngoài. Trên một bức tường trống rất nhiều cửa sổ cao tí, chạy thẳng từ sàn nhà lên đến trần, với đám rèm nhung dài nhờ nhuốc đang kéo ra một nửa, và luồng ánh sáng len qua giữa kẽ rèm rớt xuống một cái bàn viết vuông to đứng đặt chính giữa phòng, trên đó chất đầy giấy tờ và sách báo. Trong phòng hình như không có người. Thế rồi Barney giật thót mình khi nhìn thấy một người đàn ông cao lớn di chuyển trong khoảng tối nơi ngoài vùng ánh sáng mặt trời.

“A,” cái giọng trầm trầm cất lên, “Ta thấy là anh đã mang được chú chàng bé nhất về đây. Thằng cu tóc hoe. Ta thích thú được làm quen với cậu ta lắm đây. Rất hân hạnh được gặp cậu, Barnabas.”

Ông ta chìa tay ra và Barney sửng sốt nắm lấy. Giọng nói nghe không hề khó chịu chút nào, còn có vẻ khá tử tế là đằng khác.

“Rất hân hạnh,” nó nói yếu ớt.

Nó ngược nhìn lên gã đàn ông cao lớn, nhưng trong cảnh tranh tối tranh sáng, nó chỉ lờ mờ thấy một đôi mắt sâu hoắm dưới hàng lông mày rậm tối và một bộ mặt râu ria nhẵn nhụi. Cái gấu mịn mượt của chiếc áo lụa lướt qua tay nó.

“Tôi đang chuẩn bị uống một ly nước mát đây, Barnabas ạ,” gã đàn ông nói với vẻ lịch thiệp như thể đang nói chuyện với ai đó hơn tuổi gã vậy. “Cậu sẽ uống cùng tôi chứ?” Gã phẩy tay về phía bóng tối và Barney nhìn thấy ánh bạc lấp lánh trên một chiếc bàn thấp phủ vải trắng đặt bên bàn viết.

“Cậu bé vẫn chưa ăn gì, thưa ngài,” giọng cô Withers cất lên từ phía sau Barney, khẽ khàng và cung kính đến ngạc nhiên. “Chúng con nghĩ có thể Bill sẽ kiếm được thứ gì đó...” Giọng cô ta lặng đi. Gã đàn ông nhìn lên phía cô ta, và lâu bầu.

“Được rồi, được rồi. Polly, vì Chúa cô hãy đi thay đồ bình thường đi. Trông cô chẳng ra làm sao cả. Bây giờ không cần phải mặc mấy thứ đồ kỳ quái đó nữa, giờ cô không còn ở lễ hội hóa trang nữa rồi.” Gã nói hết sức gay gắt, và Barney kinh ngạc thấy cô Withers trả lời gã thật ngoan ngoãn.

“Vâng, thưa ngài, tất nhiên rồi ạ...” Cô ta lùi ra ngoài lối đi, nhẹ nhàng và hoang dại trong bộ đồ da mèo đen.

“Vào đi cậu bé, và ngồi xuống đây.” Gã lại đổi giọng nhẹ nhàng, và Barney chậm chạp bước vào phòng, ngồi xuống một chiếc ghế dựa. Chiếc ghế kêu lên rằng rắc những tiếng giòn tan của đồ làm bằng cây liễu gai, và đột nhiên nó cảm thấy như trước kia nó đã từng đến đây rồi. Nó liếc

nhìn quanh, ngắm những bức tường tối tăm và những giá sách cao chất ngất chạm đến trần, trong khi mắt quen dần với ánh sáng mờ mờ trong phòng. Có một điều gì đó... nhưng nó không thể định hình ra được. Có lẽ là căn phòng làm nó hơi nhớ đến Ngôi nhà Xám.

Dường như đọc được suy nghĩ của nó, gã đàn ông nói: “Tôi nghe nói cậu đang đi nghỉ ở Ngôi nhà Xám, phía trên bến cảng.”

Barney đáp lại, ngạc nhiên vì sự can đảm của chính mình, “Ngôi nhà ấy hình như hay ho lắm thì phải. Đường như ai cũng chỉ nói với chúng tôi về nó.”

Gã đàn ông cúi người về phía trước, tay đặt lên mép bàn. “Ồ, thật sao?” Cái giọng trầm của gã hơi cao lên một chút vì háo hức. “Còn ai khác cũng hỏi cậu về nó chẳng?”

“Ồi, chẳng có ai đáng nhắc đến cả,” Barney vội vàng trả lời. “Dù sao, đó cũng là một ngôi nhà dễ chịu. Ông sống ở đây sao, ông...?”

“Tên tôi là Hastings,” gã đàn ông to lớn trả lời, và khi nghe thấy cái tên, Barney một lần nữa thấy lóe lên cảm giác gì đó quen quen, nhưng rồi lại biến mất ngay lập tức. “Đúng thế, tôi ở đây. Đây là nhà của tôi. Cậu có thích không, Barnabas?”

“Thực ra, trông nó khá giống Ngôi nhà Xám,” Barney nói.

Gã đàn ông lại quay về phía nó. “Thật à? Tại sao cậu lại nói vậy?”

“À, ờ...” Barney mở đầu; nhưng lúc đó cánh cửa lại mở ra và thằng Bill đi vào mang theo một cái khay to tướng trên để một bình sữa lớn, mấy chai bia, vài cái ly và một đĩa đựng đầy bánh sandwich. Nó đi ngang qua căn phòng đến nơi gã đàn ông to lớn đang đứng rồi đặt cái khay xuống bàn; vẻ sợ sệt, chỉ đến vừa đủ tầm, cứ như là nó hãi quá không dám đến gần hơn vậy. “Cô Withers *lói* kiểm cái gì đó để ăn, thưa ngài,” nó nói khi đã đi ra đến cửa, giọng vẫn thô lỗ như thế. Gã đàn ông chẳng nói chẳng rằng chỉ xua nó đi.

Mấy cái bánh sandwich làm Barney sực nhớ ra từ bữa sáng đến giờ đã kha khá thời gian trôi qua, và nó cảm thấy phần chần chừ hơn. Nó ngồi dựa lưng vào cái ghế cứ kêu cọt kẹt mãi không thôi rồi liếc nhìn xung quanh. Mọi chuyện lẽ ra đã có thể tệ hơn thế này nhiều, nó nghĩ thầm. Gã Hastings bí ẩn dường như không có ý muốn làm hại nó, và nó bắt đầu thưởng thức cảnh tượng đám kẻ địch khúm núm, sợ sệt trước gã đàn ông kia. Nó lấy một cái bánh sandwich trên chiếc đĩa đang được chìa ra cho nó rồi cắn một miếng ngon lành. Bánh mì mới thật mềm, phết dầu bơ và ở giữa là một miếng thịt gì đó ướp thật là ngon. Nó bắt đầu cảm thấy càng dễ chịu hơn.

Gã Withers lặng lẽ băng qua phòng đến gần bàn để rót cho nó một ly sữa rồi mở mấy chai bia. Gã đàn ông cao lớn có tên là Hastings ngồi xuống chiếc ghế cạnh bàn và khe khẽ đung đưa qua lại, tư lự nhìn Barney dăm dăm từ dưới cặp lông mày rậm rạp. Gã dịu dàng nói một cách bình thản như đang chuyện gẫu, “Nó được chôn dưới Ngôi nhà Xám à, Barnabas, hay dưới một trong những cột đá?”

Đang uống dở một ngụm sữa, Barney bị bất ngờ sặc lên. Nó sờ soạng lần tìm cái bàn và đặt cộp ly sữa xuống, rồi nhào người ra trước, ho sặc sụa và phun phì phì. Gã Withers bước rất nhẹ nhàng đến bên vỗ vỗ vào lưng nó. “Trời ơi, Barnabas,” gã nựng nịu, “cháu bị sặc à?”

Đang cố vắt óc nghĩ nên Barney giả vờ tiếp tục ho mãi một lúc lâu hơn cần thiết. Khi ngẩng lên, theo bản năng nó liền giả bộ ngây thơ. “Cháu xin lỗi, do cháu nghẹt thở,” nó nói. “Ông vừa nói gì phải không ạ?”

“Tôi nghĩ là cậu nghe rất rõ tôi vừa nói gì,” gã Hastings nói. Gã lại đứng lên, cái dáng cao lớn lừng lững nuốt chửng Barney trong chiếc ghế thấp, rồi bước về phía cửa sổ, ly bia vẫn cầm trong tay. Lần đầu tiên ánh sáng chiếu rõ khuôn mặt gã, và khi nhìn theo, Barney cảm thấy một thoáng rung mình bất ổn trước cặp lông mày luôn luôn cau lại và những nếp nhăn hiểm độc chạy dài xuống khóe miệng. Đó là một khuôn mặt kiên quyết, xa xăm, có nét gì đó giống như Ông Merry của nó, nhưng vẻ lạnh lùng ghê sợ ẩn giấu đằng sau thì lại hoàn toàn không giống Ông Merry một chút nào. Barney thấy mình tha thiết thầm ước giá như có ai đó nói cho Ông Merry biết được nó đang ở đâu.

Gã Hastings giơ cao ly bia về phía cửa sổ. Ánh mặt trời chiếu xuyên qua cái ly trong vắt và sáng sủa vàng. “Một ly bia hoàn toàn tầm thường,” gã nói vu vơ, “cho đến khi người ta đưa nó ra ánh sáng. Thế là nó trở nên trong suốt, người ta có thể nhìn xuyên qua được...” Gã quay ngoắt về phía Barney và lại in một cái bóng đen sì đầy hăm dọa trên khung cửa sổ. “... Trong suốt như tất cả những việc mà lũ nhãi ranh bọn mi đã làm, suốt mấy ngày vừa qua. Mi có biết là chúng ta đã thấy được hết hay không? Mi tưởng là chúng ta không theo dõi ư?”

“Tôi không hiểu ông đang nói gì,” Barney nói.

“Mi có thể là một thằng lỏi ngu ngốc,” gã Hastings nói tiếp, “nhưng ta không nghĩ là mi ngu đến mức đó đâu... nghe đây. Chúng ta biết là chính mi đã tìm ra tấm bản đồ, và rằng với sự giúp đỡ của ông già quý hóa của bọn mi, Giáo Sư Lyon” - nói đến những từ ấy, cái mồm gã méo đi cứ như thể ăn phải cái gì khó chịu lắm vậy - “bọn mi đã cố lần theo dấu vết đến nơi mà nó chỉ. Chúng ta biết bọn mi đã đến rất gần điểm chốt cùng của dấu vết rồi. Và, Barnabas thân mến ă, vì chúng ta không thể liệu lĩnh để bọn mi đến đích, nên cuối cùng đã quyết định kéo một mẻ lưới và đánh một dấu chấm hết cho cuộc săn lùng nho nhỏ của bọn mi. Vì thế nên mi mới có mặt ở đây.”

Barney lạnh toát người trước vẻ hăm dọa trong giọng nói trầm trầm lạnh lẽo ấy. Miệng nó khô khốc. Nó vội lấy ly sữa, rồi uống một hơi dài. “Tôi xin lỗi,” nó nói, chớp chớp cặp mắt đang mở to sau miệng ly và liếm chỗ sữa đang bám ở môi trên. “Tôi không hiểu ý ông nói gì. Tôi có thể ăn một miếng sandwich nữa được không?”

Sau lưng, nó nghe thấy tiếng gã Withers hít vào đánh hức một cái, và trong khoảnh khắc, một giọng lí nhí trong đầu nó reo lên mừng chiến thắng. Nhưng nó vẫn lo lắng quan sát cái dáng cao lớn lừng lững bên cạnh cửa sổ. Trong phút chốc dường như cái dáng ấy càng to lớn hơn, trông càng lù lù ghê sợ hơn. Và rồi gã đột ngột di chuyển, quay trở lại hòa vào trong bóng tối nhờ nhờ của căn phòng.

“Đưa cho nó thêm một miếng sandwich nữa,” gã Hastings nói. “Sau đó thì anh có thể đi, Withers ă. Anh biết anh phải làm gì rồi đấy. Chúng ta không còn nhiều thời gian nữa. Khi nào ta rung chuông thì hãy quay lại.”

Gã Withers, khuôn mặt đánh phấn đen gần như không nhìn rõ trong bóng tối chạng vạng, đẩy đĩa bánh lại phía Barney. Gã khúm núm, “Dạ vâng, thưa ngài,” cúi chào thật nhanh rồi đi ra khỏi phòng.

Barney lấy một miếng sandwich nữa, cảm thấy định mệnh đã an bài rồi, nên dù cho chuyện gì xảy ra đi nữa thì nó cũng phải ăn cái đã. “Tại sao tất cả bọn họ lại gọi ông là ‘ngài’?” nó tò mò hỏi.

Gã đàn ông cao lớn đi đến và ngồi xuống cạnh bàn, nghịch nghịch một chiếc bút chì giữa những ngón tay. “Thế cậu sẽ gọi ai là ‘ngài’?”

“Ờ, thực ra là chẳng có ai cả. Chỉ có mỗi các thầy ở trường thôi.”

“Có lẽ tôi cũng là thầy [\[21\]](#) của họ,” gã Hastings đáp.

“Nhưng họ có ở trong trường học đâu.”

“Tôi nghĩ là cậu sẽ không hiểu, Barnabas ạ. Thực ra có rất rất nhiều điều cậu không hiểu. Tôi không biết ông của cậu đã nhồi vào đầu cậu những gì. Ông ta chắc đã nói với cậu rằng chúng tôi là kẻ xấu, là kẻ nguy hiểm, và rằng ông ta là người tốt?”

Barney chớp mắt nhìn gã và cắn thêm một miếng bánh nữa.

Gã Hastings cười nham hiểm. “À, nhưng tất nhiên là cậu không biết tôi đang nói gì rồi. Cậu không có một chút ý niệm gì hết.” Sự mỉa mai hiển hiện trong giọng nói trầm đục của gã khiến Barney nhăn mũi. “Ờ, chúng ta quên ý đó đi nhé, chỉ một lúc thôi, và giả vờ, chỉ giả vờ thôi, là cậu có hiểu những gì tôi nói. Tôi nghĩ là người ta đã dụ cho cậu tin rằng những người bạn của tôi và tôi là những kẻ xấu xa bậc nhất. Rằng chúng tôi muốn theo đầu mối trên tấm bản đồ vì chúng tôi có thể làm những điều tệ hại với cái vật mà chúng tôi tìm ra. Cậu chẳng được nghe gì khác ngoài những lời của ông mình, và có lẽ lại thêm một hai điều kỳ cục gì đó mà có thể Polly và Norman Withers đã làm nữa.”

Giọng nói của gã giảm dần cho đến khi nghe nhẹ nhàng và êm mượt như lụa. “Nhưng cứ nghĩ mà xem, Barnabas ạ, nghĩ về những việc kỳ lạ mà ông của cậu đã làm ấy. Bỗng dưng xuất hiện chẳng biết từ đâu và rồi lại biến mất... hôm nay ông ta lại biến mất rồi phải không? Ồ không, tất nhiên là cậu không thể trả lời tôi rồi, vì chúng ta chỉ giả vờ là cậu hiểu những gì tôi đang nói thôi mà. Nhưng đây không phải là lần đầu tiên ông ta bất thần biến mất như vậy, tôi nghĩ thế, và đây cũng sẽ không phải là lần cuối cùng.”

Gã nhìn chăm chăm vào Barney, đôi mắt đen thấu suốt và không hề chớp dưới gờ lông mày nhô ra. Barney ăn miếng sandwich chậm lại một chút, chính nó cũng không sao dứt nổi mắt khỏi gã. “Còn về việc chúng tôi là kẻ xấu xa thì... nào, Barnabas, tôi có đánh cậu như một kẻ xấu không? Tôi đã làm gì hại cậu chưa? Cậu đang ngồi đó, ăn và uống thỏa thích, rõ ràng trông chẳng có gì đáng lo. Cậu có sợ tôi không?”

“Ông đã bắt cóc tôi,” Barney nói thẳng thừng.

“Thôi nào, đó chỉ là một trò đùa của Polly thôi mà. Tôi muốn nói chuyện với cậu, vậy thôi.”

Gã Hasting ngồi lại vào ghế và dang rộng cánh tay, đầu ngón tay vừa chạm đến mép bàn. “Nào, cậu bé, bây giờ tôi sẽ thỏa thuận với cậu. Tôi sẽ nói cho cậu biết thực ra chuyện gì nằm sau tất cả những điều đã xảy ra trong mấy ngày gần đây, còn cậu thì sẽ thôi giả vờ như chưa từng nhìn thấy tấm bản đồ bao giờ nữa.”

Không đợi cho Barney nói gì, gã lại tiếp tục. “Quả thực là chúng tôi đang săn tìm cùng một thứ như ông của cậu, cả mấy người bạn của tôi và tôi. Nhưng dù cho ông ta có thêu dệt cho cậu chuyện gì về chúng tôi đi chăng nữa thì, thật lòng mà nói, chúng toàn là vớ vẩn cả. Ông của cậu là một học giả, một học giả xuất sắc. Không ai phủ nhận điều đó, và có lẽ tôi còn biết rõ hơn cậu. Vấn đề là chính bản thân ông ta cũng biết vậy và nghĩ về nó quá nhiều.”

“Ý ông muốn nói gì?” Barney tức giận hỏi.

“Khi một người nổi tiếng vì là một học giả vĩ đại, ông ta sẽ muốn mãi mãi được nổi tiếng. Cậu tìm ra bản viết cổ đó, cậu và anh chị của cậu, và khi cậu kể cho ông ta nghe thì ông ta nhận ra ngay, cũng như cậu đã không nhận ra, là nó quan trọng đến mức nào. Khi ông ta nhìn thấy nó, ông ta càng trở nên chắc chắn hơn. Barnabas này, tôi là người quản lý, nghĩa là giám đốc, của

một trong những viện bảo tàng quan trọng nhất trên thế giới. Từ rất lâu rồi, tôi đã sẵn tìm bản viết cổ mà cậu đã tìm ra, và đặc biệt là cái mà nó chỉ dẫn tới. Cả hai thứ đó đều rất quan trọng đối với những người nghiên cứu những thứ như vậy, và chúng có thể làm thay đổi mọi kiến thức hiện có trên đời. Và ông của cậu biết chúng tôi đang sẵn tìm chúng.

“Nhưng khi cậu tìm ra bản viết cổ, ông ta thấy mình có cơ hội để thành công trong cuộc săn lùng này. Càng nghĩ thế, ông ta càng thấy đó là một ý tưởng hấp dẫn hơn. Ông ta vẫn luôn luôn là người nổi tiếng vì biết rất nhiều về những sự kiện lịch sử có liên hệ đến những vật này. Nếu ông ta là người tìm ra chúng, ông ta có thể biết nhiều hơn bất kỳ ai khác trên thế giới. Người ta có thể ca ngợi rằng Giáo Sư Lyon thật là vĩ đại, ông biết nhiều làm sao và không thể tìm được ai khác như ông...”

“Biết nhiều là *bao nhiêu*?” Barney ngắt lời.

“Cậu sẽ không hiểu hết các chi tiết đâu,” gã Hastings trả lời ngắn gọn. Rồi giọng gã lại hạ thấp xuống nghe trầm trầm đầy thuyết phục. “Cậu có thấy không, Barnabas? Ông của cậu chỉ lo cho sự nổi tiếng của ông ta thôi. Có giây phút nào cậu nghĩ rằng khi kết thúc cuộc săn tìm thì mấy đứa trẻ các cậu sẽ được về vang gì hay không? Tất cả sẽ chỉ dồn vào ông ta thôi... Trong khi đó, tôi và viện bảo tàng của tôi, và cả những nhân viên của tôi, tin rằng mọi kiến thức phải được chia sẻ và rằng không một ai có quyền giữ chúng cho riêng mình. Và nếu cậu định giúp chúng tôi, chúng tôi sẽ chăm lo làm sao để anh chị em cậu sẽ nhận được mọi sự khen ngợi mà các cậu có quyền được hưởng. Toàn thế giới phải biết được những gì mà cậu đã làm.”

Bất chấp cố gắng của bản thân, Barney quên phắt miếng bánh sandwich và ly sữa. Nó ngồi đó lắng nghe, trong lòng bối rối; cố gắng hiểu xem đâu là sự thật. Đúng vậy, Ông Merry thường rất kỳ lạ, chẳng giống những người khác chút nào; nhưng dù sao chẳng nữa...

Nó nói, chậm rãi và lúng túng, “Ờ, tôi không biết, tất cả những điều đó nghe chẳng giống Ông Merry gì cả. Chắc chắn là ông không làm điều gì như thế chứ?”

“Nhưng tôi bảo đảm với cậu...” Gã Hastings đứng bật dậy và bắt đầu đi đi lại lại từ bàn ra cửa rồi lại từ cửa vào bàn. Dường như gã không còn ngồi yên được nữa. “Có rất nhiều người ta biết rõ, thường là những người giỏi và nổi tiếng cả, vẫn có thể làm những điều khuất tất. Tôi rất hiểu là cậu có thể ngạc nhiên, và bị sốc. Nhưng đó là sự thật, Barnabas ạ, và nó đơn giản hơn rất nhiều những gì mà người ta vẫn dụ dỗ để cậu tin vào.”

Barney nói: “Như thế nghĩa là chúng tôi nên đưa tấm bản đồ cho ông, và để cho ông tìm ra cái...” Vừa kịp lúc nó ghì lại từ “chép Thánh”. Trong suốt cuộc nói chuyện vừa rồi, không hề có câu nào đã động đến tấm bản đồ sẽ dẫn tới cái gì. Có lẽ bọn chúng biết ít hơn là chúng nói ngoài miệng. Có lẽ đó chính là một trong những điều bọn chúng muốn bày để nó nói ra.

Gã Hastings ngừng lại một giây. “Cái gì?” gã hỏi.

“Ờ, và để cho ông tìm ra cái mà nó dẫn đến.”

Barney lại cầm ly sữa lên uống về trầm ngâm. “Vì sau đó ông sẽ để cái đó trong viện bảo tàng của ông và mọi người ai cũng có thể biết về nó.”

Gã Hastings gật đầu nghiêm nghị. “Cậu hiểu rồi đấy, Barnabas. Mọi kiến thức đều thiêng liêng, nhưng không nên giữ chúng trong bí mật. Tôi nghĩ là cậu đã hiểu rồi. Đó chính là điều cậu nên làm - điều *chúng ta* nên làm - nhân danh những hiểu biết của loài người.”

Barney nhìn vào ly sữa, khẽ lắc cho sữa xoay tròn trong ly. “Nhưng đó không phải là điều mà Ông Merry đang làm hay sao?”

“Không, không!” Gã Hastings sốt ruột xoay gót chân quay phắt lại, rồi rải những bước dài qua qua lại lại trong phòng. “Dù ông ta đang làm gì đi chăng nữa thì ông ta cũng chỉ làm với danh nghĩa của Giáo Sư Lyon, chỉ có thể thôi. Nếu không thì ông ta còn làm nhân danh cái gì khác được đây?”

Sau này Barney vẫn không hiểu cái gì đã đặt những lời ấy vào đầu nó; nó nói trước cả khi kịp nghĩ, cứ như có ai đó nói nhờ qua mồm nó vậy. Nó nghe thấy tiếng mình vang lên đồng đặc, “Nhân danh vua Arthur, và nhân danh thế giới xưa kia trước khi thế lực đen tối kéo tới.”

Hình người cao lớn, đen ngòm ấy đứng sững lại, hoàn toàn bất động, cái lưng vẫn còn đang xoay dở. Trong một khắc căn phòng im lặng như tờ. Cứ như thể Barney đã nhấn vào một cái nút khiến cho một trận tuyết lở có thể đổ ngay xuống bất kỳ lúc nào vậy. Nó ngồi bất động và gần như nín thở trên ghế. Rồi rất chậm rãi, hình người ấy quay lại. Barney nuốt nước bọt đánh ực một cái, và thấy tóc gáy dựng ngược lên. Gã Hastings đã đi đến góc phòng tối nhất, gần cửa ra vào, và khuôn mặt gã lặn vào trong bóng tối. Nhưng dường như gã càng hiện ra to lớn hơn và đáng sợ hơn bao giờ hết, và khi gã cất tiếng, có một nốt rung khác lạ trong cái giọng trầm khiến Barney cứng đờ người vì khiếp sợ.

“Mi sẽ thấy, Barnabas Drew ạ,” giọng nói ấy thì thào, “rằng thế lực đen tối sẽ luôn luôn kéo tới và sẽ luôn luôn chiến thắng.”

Barney lặng thinh. Nó có cảm giác như nó đã quên mất cách nói, và giọng nó đã vĩnh viễn tắt ngấm cùng với những lời cuối cùng nó vừa mới thốt ra.

Gã Hastings không rời mắt khỏi nó. Gã với tay sang bên và giật mạnh hai lần vào sợi dây thả từ trên trần xuống ngay cạnh cửa. Chỉ vài giây sau cánh cửa bật mở và gã Withers lặng lẽ lặn vào trong phòng. Gã đã rửa sạch lớp phấn nâu trên mặt và cánh tay.

“Mọi thứ đã sẵn sàng chưa?” giọng nói trầm trầm vang lên.

“Đã xong rồi, thưa ngài,” gã Withers khúm núm nói giọng rin rít. “Xe đã đậu ở cửa bên rồi ạ. Con bé đã thay đồ. Nó sẽ lại cầm lái.”

“Anh sẽ đi cùng cô ấy. Ta sẽ cùng thằng bé đi theo trong cái xe kín. Bill đã chuẩn bị xong chưa?”

“Máy đã nổ rồi ạ...”

“Các ông đưa tôi đi đâu?” Giọng Barney vói lên đầy hoảng hốt và sợ hãi, nó nhảy xuống khỏi ghế. Nhưng nó không thể chạy ra khỏi căn phòng, qua cái bóng cao lớn vẫn đang chầm chầm nhìn nó.

“Mi sẽ đi cùng bọn ta ra biển,” giọng nói vang lên sau đôi mắt tối đen không chớp. “Mi không được gây ra rắc rối gì và mi sẽ làm theo những gì ta bảo. Và khi nào chúng ta ra đến biển, Barnabas thân mến, thì mi sẽ nói cho chúng ta biết về tấm bản đồ của mi và chỉ cho chúng ta biết nó dẫn đến đâu.”

CHƯƠNG 13

Ngôi nhà Xám vẫn tĩnh mịch và trống không như trước khi chúng đi. “Barney!” Simon hét vọng lên thang gác. “Barney?” Tiếng nó ngập ngừng nhỏ dần đi.

“Nó không thể ở trong nhà được,” Jane nói. “Chìa khóa vẫn ở chỗ giấu mọi khi. Ôi anh Simon, chuyện gì xảy ra với nó rồi?” Em lo lắng quay lại cánh cửa trước đang để ngỏ và chăm chú nhìn xuống dưới.

Simon quay lại, đi qua lối sảnh tối ra đứng dưới khoảng nắng cùng em gái. “Chắc là nó không tìm thấy chúng mình ở dưới bến cảng.”

“Nhưng nếu thế thì sau đó thì nó phải quay về đây rồi chứ? Bây giờ chẳng còn ma nào ở dưới đó cả, tất cả đã đi theo đám diễu hành. Chẳng Bill thô lỗ ấy vừa đi ngang qua chúng ta... anh có nghĩ là...”

“Không,” Simon vội vàng nói. “Dẫu sao Barney đã có con Rufus đi cùng cơ mà. Nó sẽ không gặp phải chuyện gì nghiêm trọng đâu. Em đợi xem, nó sẽ quay về ngay thôi. Anh chắc là nó đã tìm thấy Ông Merry và đang đi tìm bọn mình.”

Nó đang quay nhìn vào trong ngôi nhà thì Jane đột ngột hét lên mừng rỡ: “Nhìn kìa! Anh nói đúng rồi!”

Rufus đang phóng lên đồi về phía chúng, một cái bóng đỏ lanh lệ lướt nhanh trên con đường màu xám. Nhưng chúng thấy không có ai theo sau nó. Jane gọi, và Rufus ngoảnh mồm lên, chạy nhanh hơn, lên mấy bậc thang, luồn qua chân chúng và vào trong nhà. Rồi nó đứng đối diện chúng, cái lưỡi dài như dải ruy-băng thè lè lủng lẳng. Nhưng đuôi nó cụp xuống, và nó cũng không nhảy căng lên, sủa văng một cách vui vẻ giống như mọi bận nó trở về nhà.

“Không thấy bóng dáng Barney đâu cả.” Jane chậm chạp bước qua bậc cửa đi vào nhà. Em cúi xuống nhìn Rufus. “Có chuyện gì vậy? Chuyện gì đã xảy ra?”

Con chó chẳng để ý gì đến cô bé. Nó đứng đó bần thần, cặp mắt trống rỗng. Thậm chí khi bọn trẻ cho nó uống nước và dắt nó vào căn phòng trông ra bến cảng, nó vẫn chẳng biểu lộ dấu hiệu gì chứng tỏ nó biết mình đang ở nhà. Cứ như thể nó đang nghĩ về một chuyện gì hoàn toàn khác.

“Anh đoán là tại trời nóng quá,” Simon nói. Giọng nó nghe chẳng lấy gì làm chắc chắn. “Thôi vậy, mình chẳng thể làm gì ngoài đợi tiếp. Dù sao chiếc thuyền buồm vẫn còn đậu bên dưới bến cảng mà.”

“Điều đó chẳng có ý nghĩa gì cả,” Jane khổ sở nói.

“Không, như thế có nghĩa là...” Nhưng Simon chẳng có cơ hội nào để giải thích. Jane đã lo lắng nắm chặt lấy cánh tay nó. Nó thấy em gái đang nhìn chăm chăm vào con Rufus.

Mãi sau này chúng vẫn không thể giải thích rõ ràng sự việc xảy ra lúc đó. Cứ như thể Rufus đang nằm đó lắng nghe một cái gì đó, và cuối cùng cũng bắt được âm thanh nó đang mong đợi; mặc dù bọn trẻ biết rằng khi đó chúng chẳng nghe thấy cái gì hết cả. Nó ngẩng đầu lên, hai mắt

mở to đến nỗi lộ cả tròng trắng, và từ từ đứng dậy giống như một ông già hơn là một con chó. Tai nó vểnh lên, mõm ngoe cao, chĩa thẳng về phía cái gì đó mà bọn trẻ chẳng thể nhìn thấy. Nó bắt đầu bước đi, chậm rãi và kiên quyết, về phía cửa ra vào.

Như bị thôi miên, Simon và Jane đi theo. Rufus đi ra ngoài sảnh cho tới khi đến tận cửa trước, và đứng đó chờ đợi. Nó không quay đầu. Nó chỉ đứng đó, thân mình cứng đờ, nhìn thẳng về phía cửa ra vào, cứ như là chắc chắn bọn trẻ biết nó muốn chúng phải làm gì.

Simon chìa tay ra, lo lắng liếc nhìn xuống cái lưng dài đỏ mướt của con chó, và mở cửa; và chúng cứ đứng ở trên bậc thềm ngơ ngác nhìn con Rufus oai phong băng thẳng qua đường với dáng tự tin không-có-tuổi. Khi sang đến bên kia đường, nó nhẹ nhàng nhảy phắt lên đứng thẳng thân mình trên bức tường ngăn cách con đường với một bờ dốc đứng có lẽ gần hai mươi mét xuống tận bến cảng. Có vẻ như nó đang nhìn ra phía biển.

“Nó không định nhảy qua đấy chứ?” Jane giật thót mình lo lắng, nhưng bỗng nhiên giọng em lại hạ xuống trầm thì.

Và rồi chúng nghe thấy thứ âm thanh mà sau này chúng không bao giờ quên được.

Barney lờ mờ nhận thấy mình bị đem ra khỏi ngôi nhà lớn hoang vắng rồi đưa đi trên một chiếc xe hơi; và bây giờ nó đang đi bộ với một toán người, với tiếng biển rì rào đâu đó khá gần. Nhưng nó không biết chắc là bọn chúng có bao nhiêu người, hay chúng đang đưa nó đi đâu. Kể từ lúc ở trong căn phòng tắm tối khi cặp mắt sâu hoắm rực lửa ấy nhìn trùng trùng vào mặt nó, nó chẳng còn ý thức được gì nữa ngoài việc phục tùng những điều mà chúng bảo nó phải làm. Nó không còn ý nghĩ nào của riêng mình nữa; đó là một cảm giác thư thái kỳ lạ, cứ như là nó đang mơ màng nửa thức nửa ngủ. Không còn chuyện cãi lại nữa. Không còn kháng cự nữa. Nó chỉ biết rằng cái dáng người đen đen cao lớn đang bước đi bên cạnh nó, đội một chiếc mũ vành rộng màu đen, là ông chủ của nó.

Ông chủ... hôm nay ai khác cũng đã dùng từ này ấy nhỉ?

“Lại đây, Barnabas,” giọng nói trầm trầm như thôi miên vang lên phía trên nó. “Chúng ta phải nhanh lên. Thủy triều đang rút rồi, chúng ta phải đến được chỗ cái thuyền.”

Đến du thuyền, Barney mơ màng tự nhủ, mình sẽ đi ra biển... chính là nó đã ngửi thấy mùi biển, mùi nước mặn đang vỗ ò oàm bên bờ cảng Trewissick.

Xa xa, cứ như từ trên rất cao vọng xuống, nó nghe thấy tiếng nói cấp bách của Polly Withers: “Từ con đường cạnh ngôi nhà trên đó thì ai cũng có thể trông thấy chúng ta. Họ sẽ trông thấy chúng ta mất, tôi biết là họ sẽ thấy mà...”

“Polly,” giọng nói trầm trầm chậm rãi vang lên, “ta là người hiểu rõ hơn hết. Nếu bà bạn người Cornwall của chúng ta làm tốt nhiệm vụ thì sẽ chẳng có ai ở đó cả. Và nếu hai đứa trẻ kia có thoát được đi chẳng nữa... thì, liệu chúng có phải là đối thủ của ta không?”

Gã Withers ở đâu đó bật cười, nghe nhẹ nhàng mà đầy nham hiểm.

Barney tiếp tục bước đi như một cái máy. Không khí ẩm áp và ẩm ướt; nó có thể cảm thấy ánh nắng gay gắt đang chiếu thẳng vào mặt. Nó đã nghe bọn người kia nói chuyện suốt từ khi rời ngôi nhà, nhưng tất cả những thứ chúng nói với nhau dường như chẳng có một chút ý nghĩa nào với nó nữa. Nó không hề sợ hãi; nó đã quên mất cả Simon và Jane. Có vẻ như phần hồn của nó đã thoát ra khỏi phần xác và đang dõi theo những gì xảy ra với một thoáng tò mò thích thú

trong lúc thân thể vẫn bước đi, mà chẳng có cảm giác gì hết cả.

Và rồi, như tiếng bật bất chợt của dây cung, âm thanh đó vang lên.

Thoảng trong khoảng không bên trên đầu chúng, một con chó tru lên: một tiếng hú dài kỳ lạ quá đổi bất ngờ và thảm thiết đến nỗi trong giây lát tất cả đều đứng chết trân. Âm thanh đó chậm chậm vang vọng khắp bốn cạnh, một thứ âm thanh rền rĩ, hoang dại, lạnh lẽo như chứa đựng mọi lời cảnh báo và mọi nỗi kinh hoàng từng có ở trên đời. Ngay cả gã Hastings cũng đứng lạng lạng nghe, người dờ dẩn.

Và thằng nhóc Barney lúc này đang ở ngoài Barney, bay lơ lửng vô tư trên không trung, cảm thấy tiếng hú đó đã đánh thức nó dậy bằng một cú choáng váng tốt độ. Nó nhìn lên, và thấy Rufus đang đứng trên cao, tấm thân đỏ in trên nền trời, với tiếng rền rĩ vẫn đang dai ẳng trong cổ họng. Và đột nhiên Barney biết nó đang ở đâu, và hiểu rằng nó phải chạy trốn.

Nó xoay ngoắt lại, cúi vội né hai cánh tay không kịp chộp lấy nó nữa, và chạy dọc theo cầu cảng về phía con đường. Ngọn đồi vắng hoe, đoàn diễu hành của lễ hội hóa trang đã cuốn hút hết đám đông, và nó đã cách xa bốn người ngờ ngác ở chỗ kè đá kia tới hai mươi lăm yard trước khi chúng có thể bắt đầu đuổi bắt. Nó nghe thấy những tiếng quát tháo và tiếng bước chân huỳnh huých phía đằng sau, bèn lao người chạy thật nhanh lên đồi về phía Ngôi nhà Xám.

Simon và Jane đứng trên bậc thềm kinh ngạc nhìn xuống. Đầu tiên thì bất chợt nghe tiếng hú ớn người của Rufus; rồi bây giờ thành linh lại đến Barney, cùng với bốn bóng người đáng sợ đang đuổi theo sát gót. Theo bản năng chúng chạy vội xuống thềm về phía thằng em, và rồi sợ hãi quay phắt lại trước tiếng động tột hại nhất. Đằng sau chúng, cánh cửa ra vào của Ngôi nhà Xám vừa đóng sầm lại; còn chìa khóa thì vẫn ở bên trong.

Barney lao đảo chạy lại phía chúng, còn Rufus từ trên tường nhảy vọt xuống. Jane sợ hãi nói: “Trốn đường nào đây?”

Simon cuống cuống chạy lại cánh cửa gỗ lớn chỗ bức tường; đây là lối đi nách của Ngôi nhà Xám và bình thường vẫn bị đóng kín. Nó đẩy mạnh cái then cửa, tìm đập thành thành. Sự mừng rỡ như con sóng tràn ngập khắp người nó khi cánh cửa bật mở, và nó đẩy toang cửa ra. “Nhanh lên!” nó hét.

Bốn bóng người đang cầm cổ đuổi theo sát gót Barney giờ chỉ còn cách có vài bước. Jane và Barney chạy vọt vào bên trong cánh cửa, cùng với cái bóng đỏ của con Rufus bên chân chúng. Bức tường dường như rung lên bần bật khi Simon đóng cánh cửa đánh sầm và nhanh chóng cài ba chiếc then sắt lớn lại. Chúng chạy lên lối đi nhỏ hẹp và lạnh lẽo giữa chái Ngôi nhà Xám với ngôi nhà bên cạnh, rồi dừng lại ở cuối lối đi. Bên ngoài, tiếng bước chân dừng khựng trước cánh cửa. Chúng trông thấy then cửa lắc lư khi ai đó phía bên kia cố gắng đẩy ra. Chiếc then kêu lách cách giận dữ, và có một tiếng đấm mạnh vào cửa. Thế rồi tất cả lại im lìm.

“Giả sử chúng trèo qua tường thì sao?” Jane sợ hãi thì thầm.

“Chúng không trèo được đâu,” Simon cũng thì thầm. “Tường cao lắm.”

“Nhỡ đâu chúng phá vỡ cửa!”

“Những then đó cực kỳ chắc chắn. Mà làm thế thì mọi người sẽ trông thấy và nghi ngờ... Nghe mà xem. Chúng đã bỏ đi rồi.”

Cả bọn căng tai lắng nghe. Chẳng có tiếng động nào từ phía cánh cửa ở đầu bên kia lối đi. Rufus ngược nhìn chúng như dò hỏi và rên ư ử, mũi thở phì phì về than vãn.

“Chúng đang làm gì thế? Chắc là chúng sắp giở trò gì đó...”

“Nhanh lên!” Simon cả quyết. “Mình phải chạy khỏi nhà trước khi chúng kịp có thời gian vòng ra phía sau. Chúng sẽ nhanh chóng bao vây ngôi nhà đấy.”

Trong lúc hoảng hốt chúng chạy vào mảnh vườn nhỏ sau nhà, và băng qua lớp cỏ cao ngang gối tới chỗ hàng rào. Rufus tón tác quanh chúng một cách vui vẻ, nhảy lên liếm mặt Barney. Con vật dường như đã quên mất sự thôi thúc huyền bí đã khiến nó phát ra tiếng hú lê thê tuyệt vọng kia, và bây giờ nó lại làm như tất cả chỉ là một trò chơi to lớn.

“Hy vọng là con chó sẽ giữ yên lặng,” Jane lo lắng nói.

Simon nhìn chằm chằm qua kẽ hở của hàng rào.

“Nó sẽ yên lặng đấy,” Barney nói. Nó cúi người xuống và khum một tay nhẹ nhàng ôm lấy chiếc mõm đồ dài của con Rufus, thì thầm âu yếm với con vật trong hơi thở.

Simon đứng thẳng dậy. “Bọn chúng đi hết rồi. Mình đi thôi.”

Lần lượt từng đưa một chui khỏi vườn ra ngoài con đường lượn vòng từ bến cảng đến phía sau ngôi nhà, xuôi theo rìa Mũi Kemare.

“Ôi,” Jane đột nhiên nói về đau khổ, “*giá mà* chúng mình biết được Ông Gummerly đã đi đâu nhỉ.”

Barney kinh hoàng nói, “Anh chị không tìm thấy ông à? Thế còn bà Palk thì sao?”

“Không, chẳng thấy ông đâu cả. Bọn anh đã trông thấy bà Palk, nhưng không thể nào đến chỗ bà ấy được vì đông quá. Em có trông thấy ông không? Tại sao bọn chúng lại đuổi theo em? Em đã chạy từ chỗ nào về đây? Bọn anh nghĩ chắc điều tồi tệ gì đó đã xảy ra khi con Rufus về nhà mỗi một mình, nhưng bọn anh chẳng biết đi đâu để tìm em cả.”

“Đợi một chút,” Barney nói. Con sóc thoát khỏi tình trạng mù mẫm do bị lừa mê của nó giờ đây đang chuyển thành một cảm giác hết sức cấp bách. Hàng chục thứ mà nó đã nghe thấy trong một tiếng vừa qua lao vun vút trong tâm trí; và khi bắt đầu nhận ra ý nghĩa của chúng, mỗi lúc nó lại càng cảm thấy hoảng hốt hơn.

“Simon,” nó giục giã, “chúng mình phải lấy bằng được chiếc chén Thánh. *Ngay bây giờ*. Kể cả không có Ông Merry. Không còn thời gian để tìm ông, hay là đợi, hay là làm bất cứ việc gì khác đâu. Em nghĩ là bọn chúng gần như đã tới nơi rồi. Chỉ là vẫn chưa chắc chắn thôi, nên chúng mới bắt em.”

“Việc đầu tiên là phải thoát khỏi đây cái đã.” Simon đưa mắt nhìn quanh. “Bọn chúng có thể từ phía cảng lên đây bằng bất cứ lối nào. Mình sẽ phải rời đường lớn và nấp vào trong cánh đồng đằng sau mũi đất kia. Địa thế ở đó không dốc lắm, mình sẽ nấp kín được.”

Bọn trẻ băng qua con đường và đi vào những cánh đồng dưới chân Mũi Kemare. Mặt trời trên cao vẫn tỏa ánh nắng chói chang, hầm hập tựa như một bàn tay khổng lồ đang đè chúng xuống. Nhưng giờ thì ngay cả Jane cũng chẳng mấy may lo đến việc bị say nắng nữa.

Khi bọn trẻ đến được hàng rào ở cuối cánh đồng đầu tiên thì nghe thấy có tiếng nói. Chúng vội vã bò qua hàng rào, không hề dừng để quay nhìn lại, và nằm ép người xuống đám cỏ mọc rất cao phía bên kia. Barney lo lắng đặt tay lên lưng Rufus, nhưng con chó nằm im, cái lưỡi dài màu hồng thè lê ra ngoài.

Chẳng đứa nào nhìn rõ thực sự chúng từ đâu ra, nhưng đột nhiên mấy bóng người bỗng đứng lù lù ngay trên con đường. Gã Withers, cao gầy và hơi gù, cứ đưa qua đưa lại cái đầu như một con chồn; thằng Bill trong chiếc áo sáng màu thì bước đi thận trọng nhưng hung hăng như sẵn sàng tham chiến; và cao hơn hẳn hai tên này là một dáng người cao lớn đầy hăm dọa mặc toàn đồ đen, như một vết rạch tối sẫm trong không gian chập chờn hơi nóng của một ngày hè. Trong khi theo dõi, bất chợt Simon nhớ đến cái ngày khủng khiếp khi những bước chân đầy đe dọa chạy rầm rập đuổi theo nó, suốt một con đường vắng vẻ; và nó quay đi không nhìn người đàn ông đó nữa.

“Không thấy có cô ta,” Barney rít lên. “Chắc là cô ta đang quan sát ở phía trước, đề phòng trường hợp chúng mình chạy ra phía đó.”

Ngoài đường, bọn người nọ đứng lại một chút có vẻ lưỡng lự. Thằng Bill quay lại nhìn qua cánh đồng, hướng thẳng tầm mắt về phía hàng rào. Ba đứa trẻ càng dán chặt mình sát đất hơn, gần như nín thở. Nhưng thằng Bill lại quay đi, có vẻ rất hài lòng. Gã Withers cũng nhìn qua cánh đồng và nói gì đó với nó. Thằng nhóc lắc đầu.

Cái bóng người đen sì cao lớn đứng tách ra một chút, bất động. Khó có thể nói được là gã đang nhìn về hướng nào. Đột nhiên, gã giơ tay chỉ Mũi Kemare phía ngoài biển. Hình như gã đang nói gì đó khẩn thiết lắm.

“Không biết chúng định làm gì?” Jane thầm thì. Con chuột rút đang giằng vò khổ sở bên chân phải của em và em chỉ mong sao được tiếp tục đi.

“Nếu chúng đi đến cuối mũi đất thì mình coi như xong,” Simon thì thào vẻ căng thẳng.

“Lạy Chúa, bọn chúng còn có thêm bao nhiêu tên nữa nhỉ? Gã đàn ông cao lớn kia...” Jane soi kỹ gã qua kẽ lá lay động ở hàng rào. Em không nhìn rõ mặt gã, nhưng một cảm giác ớn lạnh quen thuộc lớn dần trong tâm trí em. Thế rồi, trong khi em đang chăm chú nhìn, thì gã bỏ chiếc mũ đen rộng vành ra trong chốc lát để lấy tay lau ngang trán, và bỗng nhiên em nhận ra ngay hình dáng của cái đầu với mái tóc đen dày. Những cành cây, lá cỏ và ánh sáng mặt trời chao đảo trước mắt, em kéo vội cánh tay Simon.

“Anh Simon! Lại là tên đó! Lại là...”

“Anh biết rồi,” Simon nói. “Ngay lúc gã đi vòng quanh góc đường anh đã biết rồi. Anh tưởng là em cũng biết.”

“Gã là ông chủ của tất cả bọn chúng,” Barney thầm thì khe khẽ. “Tên gã là Hastings.”

“Đúng rồi,” Jane nói yếu ớt. “Hastings. Cha xứ.”

Barney vịn người lại một chút trong đám cỏ để nhìn chị. “Gã không phải là cha xứ.”

“Đúng mà. Chị đã gặp gã tại nhà linh mục. Ồ, em có nhớ là...”

“Đó có phải là một ngôi nhà lớn tồi tàn, mọi thứ đều lung tung bừa bãi không?” Barney nói chậm rãi. “Có một lối đi dài, và một căn phòng đầy sách đúng không?”

Đến lượt Jane ngạc nhiên nhìn em trai. “Chị nhớ là chỉ kể về đám sách, nhưng không nói về lối đi nào cả. Làm sao em lại biết...”

Barney nói, vẻ cực kỳ chắc chắn: “Em không quan tâm là chị đã nói gì, nhưng gã ta không phải

là cha xứ. Em không biết gã là ai, nhưng không phải thế. Gã không thể nào thế được. Ở gã có cái gì vô cùng hung bạo. Gã giống hệt như những gì Ông Gumerry đã kể về phe bên kia, chị có thể phần nào cảm nhận được điều đó, cứ nhìn gã mà xem. Và gã nói những điều...”

“Cúi xuống!” Simon đột ngột nhắc. Tất cả cúi ngay đầu xuống cỏ, và nằm im một lúc lâu trong khi mặt trời vẫn gay gắt chiếu trên lưng và làm cháy sém lớp da ở khoeo chân, và những lá cỏ dài và lạnh dọc rìa hàng rào cọ nhờn nhọt bên má chúng. Con Rufus nhúc nhích và khụt khịt một chút rồi lại yên lặng. Nó đã lăn ra ngủ tự bao giờ.

Một lát sau Simon lo lắng ngẩng đầu lên khỏi mặt đất một vài phân, chẳng nghe thấy gì ngoài âm thanh của một con mòng biển xa xăm ở tít cao trên bầu trời. Nó đã nhìn thấy ba bóng người lộn lại và băng qua cánh đồng và trong giây lát nó đã tưởng mình bị sập bẫy. Nhưng giờ thì ở chỗ bọn chúng vừa đứng chẳng còn ai nữa, và cả cánh đồng tĩnh mịch cũng chẳng có một bóng người.

“Chúng đi rồi!” nó hớn hở thì thầm. Barney và Jane cũng ngẩng đầu lên, từ từ và cẩn trọng.

“Nhìn kia!” Jane chống một khuỷu tay nhô người lên, còn tay kia chỉ ra phía bờ biển. Bọn chúng đang ở đó, cái bóng đen cao lớn đang rải những bước dài, hai bên gã là hai cái bóng nhỏ hơn, đang bước đi nhấp nhô dọc theo Mũi Kemare.

“Ôi!” Barney nằm lăn ra và thất vọng rên rỉ. “Mình bị chặn đường mất rồi! Bây giờ làm thế nào ra được ngoài mũi đất đây?”

Jane ngồi dậy, nhăn nhó duỗi hai chân tê cứng. Em chán nản nói: “Chỉ chẳng thấy có gì đáng để buồn bực cả. Mình chẳng thể làm gì được. Mình đã tìm ra nơi cất giấu chén Thánh, nhưng dù sao thì cũng không thể lấy được nó. Nếu có một lối đi ở dưới thì nó nằm dưới biển mất rồi, còn cái hố mà mình tìm thấy ở phía trên thì quá nhỏ, không thể chui lọt kể cả mình có dây thừng đi nữa.”

Barney kêu lên, “Nhưng chúng thì có thể. Em biết là chúng sẽ làm được. Gã đó có thể làm bất cứ thứ gì, gã có vẻ như đã sắp xếp sẵn mọi thứ trước cả khi gã biết là chúng sẽ xảy ra nữa kia. Và nếu mà chúng phát hiện được cái hố trên tảng đá...”

“Nhưng chúng không thể xuống sâu hơn mình được,” Jane nói nghe rất hợp lý. “Và chúng cũng không thể vào từ phía dưới đáy được, trừ phi chúng có đồ lặn trên du thuyền. Dẫu sao,” em nói thêm nhưng có vẻ không tự tin lắm, “mình vẫn chưa biết chắc là chén Thánh có ở dưới đó không.”

“Chắc chứ, chị biết là bọn mình đều tin thế mà!” Nỗi thất vọng sốt vó của Barney mỗi lúc một bốc lên không sao chịu nổi. “Mình phải chặn chúng lại. Kể cả không thể tự làm được gì thì bọn mình cũng phải chặn chúng lại.”

“Đừng có như thằng nhóc ngốc nghếch thế,” Jane nói, bực bội vì thất vọng. “Bọn mình sẽ chỉ có nước là để chúng đi, và tránh xa bọn chúng cho tới khi tìm thấy Ông Merry thôi. Bọn mình chẳng thể làm được việc gì cả.”

“Có điều này,” Simon nói. Giọng nó nghe nghệt đi và khá là cộc lốc, như vẫn thường thế mỗi bận nó cố để không quá phần khích. Hai đứa nhìn nó, và Jane nhướn mày về ngò vực. Simon chẳng nói chẳng rằng. Nó ngồi hai tay ôm gối, cau mày nhìn cánh đồng trước mặt.

“Ôi, anh nói tiếp đi.”

“Thủy triều.”

“Thủy triều thì sao? Ý anh là gì?”

“Thủy triều rút rồi.”

“Ồ, thế thì có gì phi thường đâu? Em cũng biết,” Barney nói, hết sức ngạc nhiên. “Ai chả thấy dưới bến cảng toàn là bùn.”

Nhưng Simon chẳng thèm nghe. “Jane, em nhớ bác Penhallow đã nói gì ở dưới bến cảng đấy. Về thủy triều xuống thấp ấy mà.”

“Ồ, vâng.” Jane bắt đầu trông có vẻ bớt buồn bã hẳn. “Vâng, đúng rồi. Nó sẽ xuống rất thấp ngày hôm nay, bác ấy bảo thế... còn nước triều... ngay dưới chân những tảng đá...”

“Mình có thể đi bộ quanh những tảng đá,” Simon nói.

“Thế thì sao?” Barney gặng hỏi.

“Nếu mình có thể đi bộ quanh những tảng đá,” Simon nói, cố sức tỏ ra kiên nhẫn, “thì mình có thể đi bộ quanh chân của Mũi Kemare.”

Jane ngắt lời, đoán được ý của thằng anh, “Và cái hang, lối đi ngầm dưới nước - lúc mình nghe thấy tiếng biển vọng lên từ dưới cái hố sáng nay, thủy triều đang rất cao. Vì vậy sóng vẫn tràn vào lối đi ngầm. Nhưng em không thấy sao, Barney - mực thủy triều đặc biệt thấp như thế này - nếu đã làm lộ ra hết cả những tảng đá ở phía dưới, thì có thể cũng sẽ để lộ ra lối đi ngầm, và mình có thể vào bên trong được.”

Cái mặt thằng Barney giờ là một tổng thể tức cười đủ mọi thứ xúc cảm; dờ dẩn chuyển thành hào hứng, rồi lại biến thành hoảng hốt. “Chúa ơi! Nhanh lên, mình xuống dưới đó thôi!” Nó nhảy bật dậy, nhưng rồi lại rên rỉ. “Nhưng không được rồi! Có một tên trong bọn chúng đang theo dõi dưới bến cảng, và ba tên khác thì đang ở trên mũi đất - làm sao mình có thể xuống đó mà không bị phát hiện đây?”

“Anh cũng đã nghĩ tới điều đó rồi,” Mặt Simon ửng hồng lên vì cảm thấy mình trở nên quan trọng. “Chỉ mới một phút trước thôi. Còn mé bên kia nữa cơ mà. Cái vịnh ở phía bên kia mũi đất, chỗ mình đến tắm ấy. Từ đây bọn mình có thể đi xuyên qua cánh đồng tới đó mà chúng không nhìn thấy được, trừ phi chúng lên tận chỗ những cột đá nhìn xuống hướng đó. Nếu chúng nhìn xuống thì bọn mình đi toi, nhưng đó là cách duy nhất mà anh nghĩ ra được.”

“Chúng sẽ không thấy đâu,” Jane nói đầy tự tin. “Chúng sẽ không ngờ rằng chúng mình sẽ đi xuống đó. Chúng sẽ tiếp tục mai phục ở mạn bến cảng.”

“Thôi nào, bọn mình phải nhanh lên. Nhanh hết cỡ vào. Anh nghĩ thủy triều vẫn còn rút khi mình vượt qua bến cảng, nhưng nó có thể đổi chiều bất cứ lúc nào. Ước gì mình biết được chính xác lúc nào thủy triều lên.”

Barney, cùng với con Rufus vừa tỉnh dậy và lại đang nhảy nhót xung quanh, đã đi xa được mấy mét qua cánh đồng. Đột nhiên nó dừng khựng, nom có vẻ lo lắng, và từ từ quay lại. “Nhưng còn Ông Merry. Bây giờ ông sẽ không thể tìm thấy bọn mình. Ông sẽ lo chết đi được.”

“Ông có thèm quan tâm gì đến chuyện làm bọn mình lo chết đi được khi biến mất sáng hôm nay đâu,” Simon nói cộc lốc.

“Ồ, nhưng dù sao thì...”

"Này," Simon nói, "anh là lớn nhất, nên anh chịu trách nhiệm ở đây. Bọn mình chỉ có thể hoặc là đi tìm Ông Gummerly, hoặc là đi tìm chén Thánh, Barney, không có đủ thời gian cho cả hai việc đâu. Và anh quyết định mình sẽ đi tìm chén Thánh."

"Chị cũng đồng ý," Jane ủng hộ.

"Thôi được rồi," Barney nói, và nó tiếp tục lội qua cánh đồng, trong thâm tâm lén lút cảm thấy nhẹ nhõm vì có ông anh ra lệnh để mà chấp hành. Nó thấy ngày hôm ấy mình phải làm người anh hùng đơn độc có vẻ đã đủ cho hàng mấy năm liền rồi - đến nỗi những mơ ước thầm kín của nó về những chàng hiệp sĩ đơn thương độc mã trong bộ áo giáp bạc sẽ không bao giờ còn giống y như trước nữa.

Cả ba đều nóng bức và thở không ra hơi khi chúng đến được bãi biển chỗ vịnh kế tiếp tính từ Trewissick, ở phía bên kia Mũi Kemare. Nhưng chúng nhẹ nhõm cả người khi trông thấy thủy triều rõ ràng là vẫn chưa lên trở lại.

Biển dường như ở xa hàng dặm, cách cả một vùng mênh mang cát trắng lấp lánh ánh bạc không hằn dấu chân dưới ánh mặt trời, và khi bọn trẻ hăm hở nhìn dọc sườn mũi đất chúng có thể thấy các tảng đá dưới chân mũi đất đã lộ ra. Trước kia thì những con sóng lúc nào cũng dội vào vách đá, ngay cả khi thủy triều thấp nhất.

Chân của chúng ngập trong lớp cát khô mềm mại ngay đầu bãi. Barney ngồi phịch xuống và bắt đầu nói một bên xằng đan ra. "Chờ một phút, em muốn cởi dép ra đây."

"Ồ thôi đi," Simon sốt ruột bảo, "chỉ tổ em sẽ lại phải xỏ nó vào khi tới chỗ những tảng đá đấy."

"Em không biết, thế nào thì em vẫn cứ cởi ra đây. Với cả em mệt lắm rồi."

Simon cần nhàn, và bực tức gõ gõ hộp kính viễn vọng vào đầu gối. Hơn bao giờ hết nó càng quyết tâm mang theo tấm bản đồ ở bất cứ nơi nào chúng đến, và cái hộp bây giờ nóng rực và ẩm ướt trong lòng bàn tay nó.

Jane ngồi xuống trên cát bên cạnh Barney. "Thôi mà, anh Simon, chỉ nghỉ năm phút thôi. Không sao đâu, mà em cũng thấy nóng lắm."

Cũng không hoàn toàn miễn cưỡng, Simon để mặc cho đầu gối mình nhượng bộ, khụy xuống nằm ngửa trên mặt cát. Ánh mặt trời chói chang chiếu vào mắt nó, và nó vội vàng lật người lại. "Chao ôi, thật là một ngày kinh khủng. Anh chỉ muốn đi bơi một cái thôi." Nó thêm khát nhìn ra biển; nhưng ngay lập tức mắt nó lại quay về những tảng đá.

"Thậm chí còn có nhiều đá lộ ra hơn là anh tưởng. Nhìn kia, đi bộ dưới chân vách đá lúc này sẽ dễ như bỡn. Một số chỗ thì nom hơi lợi, những chỗ thủy triều rút vẫn còn để lại nước ấy, nhưng mình vẫn đi qua đó được dễ ợt."

"Vì thế anh cũng sẽ phải cởi dép ra thôi," Barney nói vẻ đắc thắng. Nó quàng đôi xằng đan vòng quanh cổ bằng chiếc quai da và sung sướng ngo ngoáy những ngón chân trong cát, ngược nhìn những con mòng biển đang lượn tròn và cất lên tiếng kêu yếu ớt bên trên bãi biển. Bỗng nó khựng người lại. "Nghe kia."

"Anh cũng nghe thấy," Simon nói, tò mò ngược nhìn lên. "Buồn cười thật, nghe như tiếng con chim cú đó vậy."

“Đúng là tiếng chim cú thật,” Barney nói, nhìn chăm chú lên sườn mũi đất cao vút. “Nó vọng đến từ phía đằng kia. Em tưởng là cú chỉ kêu vào ban đêm thôi.”

“Đúng thế. Và nếu chim cú mà bay ra ngoài vào ban ngày thì chúng sẽ bị những con chim khác tấn công, vì cú ăn thịt con của bọn chim kia. Anh đã học được điều đó ở trường.”

“Ờ, nhưng đám mòng biển chẳng có vẻ để ý gì hết,” Barney nói tiếp. Nó ngược nhìn lên những đốm đen đang biếng nhác liệng đi liệng lại trên bầu trời. Rồi nó đưa mắt nhìn quanh bãi biển. “Này, con Rufus đâu rồi nhỉ?”

“Ờ, nó ở quanh đâu đó thôi. Nó vừa ở đây mà.”

“Không, không có.” Barney đứng bật dậy. “Rufus! Rufus!” Nó huýt sáo, tiếng huýt dài cao dần về cuối mà con chó luôn đáp lại. Chúng nghe có tiếng chó sủa sau lưng, và khi nhìn lên trên bãi biển về phía cánh đồng thoải thoải thì thấy Rufus đang đứng bên bờ cỏ, quay đuôi về phía biển nhưng đầu thì ngoái lại nhìn chúng.

Barney huýt sáo lần nữa, và vỗ nhẹ vào đầu gối. Con chó vẫn không động đậy.

“Nó làm sao thế nhỉ?”

“Nó trông có vẻ hoảng sợ. Hay là nó bị thương?”

“Em hy vọng là không.” Barney chạy lên bãi biển và tóm lấy cái vòng cổ của Rufus, vuốt ve cổ con chó. Con chó liếm liếm bàn tay nó. “Đi nào, chó ngoan!” Barney nhẹ nhàng nựng. “Đi nào. Không có chuyện gì đâu. Đi nào, Rufus.” Nó khẽ kéo chiếc vòng cổ, quay lại phía Simon và Jane. Nhưng Rufus không chịu nhúc nhích. Con chó kêu gừ gừ, càng cố gắng lùi xa khỏi bãi biển; tai vểnh lên vẻ không thoải mái, và khi Barney sốt ruột kéo mạnh hơn thì nó quay đầu lại và gầm gừ như cảnh cáo.

Ngạc nhiên, Barney nói lỏng tay ra. Nó vừa làm thế thì con chó bỗng giật mạnh một cái như thể vừa nghe thấy tiếng gì đó, lại gầm gừ, và vùng khỏi tay của nó rồi lao vút đi qua đám cỏ. Barney gọi, nhưng con chó tiếp tục chạy không dừng lại, đầu cúi xuống, đuôi cụp giữa hai chân, vừa chạy vừa nhảy cẫng lên thành một đường thẳng tắp cho tới khi biến mất sau khúc quanh của mũi đất.

Barney từ từ quay lại chỗ bãi biển. “Mọi người có trông thấy không? Chắc chắn cái gì đó đã làm nó hoảng sợ - em cuộc rằng nó sẽ chạy một mạch về nhà.”

“Có lẽ chính là do con cú đó,” Simon nói

“Em nghĩ có lẽ vậy... này, nghe xem, lại nữa đấy!” Barney nhìn lên. “*Đúng* là nó đang ở trên đỉnh mũi đất.”

Lần này tất cả chúng đều nghe thấy; cái tiếng rền rĩ khàn khàn nhẹ nhàng vọng xuống: “U... u... u...”

Khi nghe thấy tiếng đó, Jane cảm thấy mọi bản năng cảnh giác của em bỗng thềm thì tận sâu trong tâm trí. Trong một thoáng, em chẳng hiểu ra sao nữa. Em lo lắng ngược nhìn Mũi Kemare đồ sộ lù lù trước mắt và đỉnh của những cột đá in rõ trên nền trời.

“Con chim ngu ngốc,” Simon lơ đãng nói, lại nằm ngửa ra lần nữa. “Cứ tưởng bây giờ là ban đêm chắc. Xéo về ngủ đi.”

Cứ như là có cái gì đó nổ bùng trong đầu, Jane bật nhớ ra. “Simon, nhanh lên! Không phải là chim đâu. Không phải là tiếng cú đâu. Chính là bọn chúng đấy!”

Hai đứa kia tròn tròn mắt nhìn em.

Jane đứng bật dậy, quên phứt cái nóng của mặt trời và cát trong cơn hốt hoảng bất ngờ. “Mọi người có nhớ không? - đêm hôm nọ ấy, trên đỉnh mũi đất, chỗ những cột đá. Bọn mình đã nghe thấy tiếng cú kêu, và vì thế nên Ông Gumerry mới đi kiểm tra, bởi vì ông đã nghĩ ngay tiếng cú đó nghe không bình thường. Và đó không phải là lũ cú, đó chính là bọn địch. Ô nhanh lên, có lẽ chúng đã phát hiện ra chúng ta! Có lẽ đó chính là tín hiệu của một kẻ trong bọn chúng báo cho những tên kia biết là mình đang ở đây!”

Simon đứng vụt dậy trước khi em gái kịp nói hết câu. “Đi nào, Barney. Nhanh lên!”

Tránh xa cái trống trải trơ trọi của bãi biển, bọn trẻ lao về phía sườn mũi đất lởm chởm đá, cát lao xạo dưới chân trong khi chúng chạy. Đôi dép của Barney nảy bình bịch trên ngực nó. Jane đánh rơi mất cả cái ruy-băng buộc túm tóc đuôi ngựa, và mái tóc em xõa xuống, cứ cọ vào gáy nhồn nhột. Simon chạy, tay ôm chặt cái hộp kính viễn vọng một cách dứt khoát cứ như thể đó là cây gậy của một vận động viên chạy tiếp sức. Bọn trẻ chạy thẳng về phía vách đá, dừng lại bên dưới cao độ xám lừng lững ấy, lo sợ ngó lại sườn dốc cỏ nổi bật đằng sau bãi biển. Nhưng không thấy có bóng dáng kẻ nào đuổi theo chúng, và chúng chẳng nghe thấy tiếng cú kêu nữa.

“Xét cho cùng có thể là bọn chúng vẫn chưa nhìn thấy mình.”

“Em cược rằng chúng không thể thực sự nhìn thấy bãi biển này từ bất cứ chỗ nào trên đỉnh của mũi đất.”

“Được rồi, dù sao mình cũng vẫn phải nhanh lên. Đi thôi, nếu không thủy triều sẽ tràn vào và đến nơi trước mình mất.”

Bọn trẻ vẫn tiếp tục chạy trên cát, dọc theo sườn vách đá, về phía cuối mũi đất và biển. Rồi chúng đến được chỗ những tảng đá, và bắt đầu leo lên.

Vượt qua những tảng đá đó quả là một kỳ công. Thoạt tiên đá khô ráo và khá nhẵn nhụi, nên chúng leo từ mỏm đá xám lởm chởm này sang mỏm đá khác một cách dễ dàng, men theo nhiều vũng nhỏ nơi cỏ chân ngỗng vươn xúc tu tựa những bông hoa tua tủa giữa thảm rong biển, và đàn tôm trong veo lia qua lia lại. Nhưng chẳng mấy chốc bọn trẻ đã đến chỗ những tảng đá chỉ lộ ra mỗi khi thủy triều thấp nhất. Những mảng lớn rong biển bám đầy trên đó, lấp lánh, vẫn còn ướt nháng dưới ánh mặt trời; thứ rêu nâu trơn tuột, kêu lép nhép dưới chân chúng, thỉnh thoảng lại tự rụng bong ra khiến chúng bị trượt xuống một vũng nước.

Chúng đến một hồ nước dài còn đọng kẹt giữa những tảng đá. Vẫn nhất quyết đi chân không, Barney lê bước theo sau cách hai đứa lớn một đoạn. Chúng đứng đợi ở mép nước trong khi thằng em rón rén dò dẫm tới gần. “Ồi!” nó giẫm phải một cái vỏ ốc và kêu lên.

“Đi dép vào đi,” Jane nói như van nài. “Nó có ướt cũng chẳng sao đâu, dép của bọn chị cũng ướt sũng cả rồi. Em có thể giẫm vào cái gì đó trong vũng nước và nó sẽ cứa đứt chân em cho mà xem.”

Barney trả lời, tỏ ra ngoan ngoãn một cách đáng ngạc nhiên do đã bị vấp đến ba ngón chân, “Được thôi.” Nó ngồi chồm chồm trên một tảng đá nhô ra ngoài và gỡ đôi dép từ trên cổ xuống. “Đi dép vào để lội nước nghe thật ngớ ngẩn, chứ không phải là cởi dép ra đấy.”

“Mày còn gọi thể này là lội nước cơ đấy” Simon mỉa mai. “Ở đây có thể còn sót lại đủ thứ cá ăn thịt dưới biển sâu đang đói ngấu đói nghiêng. Ông Penhallow bảo là chỉ ra khỏi mũi đất một tí thì biển đã sâu lắm rồi.” Nó nhìn chăm chú búi rong biển nâu nâu nổi lênh phênh trong vũng nước. “Ồ, được rồi, đi nào.”

Chúng lội lồm bồm qua đám rong, đi thật sát chân vách đá, lo sợ vịn tay vào đá để giữ thăng bằng. Simon, đi hàng đầu, thận trọng đưa một lên chân dò dẫm, khua khoảng nước làm rong biển quẩn vào chân vừa lạnh vừa nhóp nhép. Đáy vũng nước có vẻ khá bằng phẳng, nên nó tự tin đi tiếp, với hai đứa em theo sau. Thế rồi đột nhiên bàn chân dò đường bị hẫng một cái, và chưa kịp đổ người lại đằng sau thì nó đã bị tuột xuống nước ngập tới thắt lưng. Jane, đi cuối cùng, kêu thét lên khi em nhìn thấy anh trai trượt ngã. Barney chìa một tay về phía Simon, lúc này bỗng thành ra thấp hơn cả nó.

“Không sao đâu mà,” Simon nói, ngạc nhiên hơn là bị xây xát gì. Sau cảm giác choáng váng lúc ban đầu, nó thấy làn nước mát lạnh trên đôi chân cháy nắng của mình thật dễ chịu. Nó cẩn thận lần lần về phía trước, và sau một vài bước lại thấy đá chạm vào đầu gối nó dưới làn nước của cái vũng. Nó đu người lên, đập nước bắn tung tóe như một con cá bị mắc cạn, sau vài phút thì mực nước chỉ còn tới mắt cá chân.

“Đó là vùng đáy lồm ngằm dưới nước. Nó sẽ dốc lên đến chân vách đá. Cẩn thận nhé, Barney. Đưa chân ra trước dò xa hơn một chút, xem xem có chỗ nào để bước không. Có thể sẽ có cái gì đấy nhô lên, như bậc đá ấy. Anh bị ngã trước khi kịp dò thử. Nếu không thấy gì em chỉ việc đi theo lối anh đi. Có điều là chậm chậm thôi.”

Barney cẩn thận chọc chọc một chân xuống nước và xuống thảm rong biển rung rinh, nhưng thậm chí cách xa vách đá nó cũng chỉ thấy gờ cạnh của mỏm đá ngằm, và xa hơn nữa thì chẳng thấy gì. “Em chẳng dò thấy cái gì để bước lên cả.”

“Thế thì em phải lội xuống. Từ từ hạ người xuống.”

“Chẳng thà bọn mình bơi đến đó từ đầu còn hơn,” Barney lo lắng nói. Nó khom người, hai tay chạm đáy cho đến khi ngồi hẳn xuống nước, hai chân buông thõng trên kẽ nứt không nhìn thấy, và thả người tuột xuống.

Nước đã gần như ngập quá bả vai thì nó mới thấy bàn chân chạm vào đá cứng; nó đã quên khuấy mất Simon cao hơn nó đến thế nào. Nó lội qua và Simon kéo nó vào chỗ nước nông. Cái quần soóc của Barney, thâm sì và ướt sũng, dính bết vào bắp đùi nó, nên nó phải cúi xuống gờ những lá rong biển đã kịp quẩn chằng chịt quanh chân. Gần như tức thì nó cảm thấy cái nóng bức của mặt trời bắt đầu hong khô da, để lại trên da một lớp muối ram ráp. Jane làm theo y như vậy, và chúng cùng nhau lội qua nốt quãng nước nông cuối cùng tới chỗ những tảng đá lồi ra khô ráo giữa đám rong rêu màu nâu.

“Giá mà mình biết rõ về thủy triều,” Simon lo lắng nói với Jane. Barney đã hăng hái vượt lên, hết trượt lại tuột qua những tảng đá phía trước chúng.

Jane ngóng ra phía biển. Sóng biển hiền hòa vỗ vào những rìa đá tảng cách xa vài thước, chừa lại một lối mòn tự nhiên vòng quanh chân vách đá.

“Chắc chắn là chưa lên đâu. Thậm chí còn rút nữa là đằng khác. Em thấy chưa đáng lo mà, chúng ta chắc là sắp đến nơi rồi.”

“Ờ, nhưng phải để mắt đấy nhé. Anh lo chính là về cái đoạn nước sâu vừa rồi đấy. Khi nào nước lên thì sẽ tràn vào cái vũng sâu đó đầu tiên, và chả cần đầy ngập thì mình cũng không thể quay về lối cũ được rồi. Nó sẽ ngập quá đầu Barney trong nháy mắt.”

Mặt Jane tái mét, nhìn về phía đứa em trai đang bò lồm ngồm bằng cả tay và đầu gối. “Ôi anh Simon. Anh có nghĩ là mình nên để nó lại không?”

Simon nhe răng cười. “Anh cũng muốn được thấy em thử xem sao đấy. Đừng lo, nó sẽ ổn thôi. Miễn là mình theo dõi thủy triều là được.”

Ngoái lại đằng sau, Jane bỗng nhiên nhận ra chúng đã đi xa biết chừng nào. Bây giờ chúng đang đứng trên những tảng đá ở đầu chót của mũi đất. Những âm thanh lao xao xa lắc của đất liền không còn vọng đến từ đằng bãi biển, và chẳng có gì khác ngoài tiếng rì rào hiền hòa của biển. Cứ như là chúng đã tách hẳn ra khỏi đất liền vậy.

Rồi Barney hớn hở reo lên. “Này nhìn xem! Nhanh lên! Lại đây! Em tìm thấy rồi!”

Nó đang đứng sát vách đá, phía trước vài thước, gần như bị một tảng đá che khuất. Chúng thấy nó đang chỉ bề mặt của vách đá. Ngay lập tức hai đứa quên khuấy thủy triều, chúng nhảy lên, băng qua các vũng nước và đá về phía Barney, tảo biển lớp lớp dưới chân chúng như súng liên thanh.

“Không to lắm,” nó hô lên trong khi chúng tiến lại. Simon và Jane chỉ trông thấy kẽ nứt sâu hoắm trong tảng đá khi chúng đến thật gần. Trông chẳng giống cái hang mà chúng đã mừng tượng trong đầu. Hẹp và có hình tam giác, kẽ nứt chỉ cao vừa đủ cho Barney có thể đứng thẳng người ở bên trong, còn phần chúng thì tất nhiên là sẽ phải lom khom mà đi vào. Những tảng đá xù xì chất đồng xung quanh lối vào, và nước nhỏ tong tong từ trên nóc hang mọc đầy rêu xanh ẩm ướt. Chúng không thể nhìn sâu được vào bên trong.

Jane hỏi vẻ nghi ngờ, “Em có chắc chắn chính là đây không?”

“Tất nhiên là nó rồi,” Barney nói một cách cả quyết. “Không thể có nhiều hơn một cái được.”

“Tại sao lại không chứ?”

“Anh cũng nghĩ thế,” Simon nói, “nhưng anh nghĩ đây đúng là cái hang đó đấy. Nhìn lên trên xem - mình có thể lờ mờ nhìn thấy ngay cái tam giác màu xanh trên đỉnh vách đá nơi cỏ mọc trùm bên trên những tảng đá. Mình chắc chắn đang đứng tương đối thẳng hàng với chỗ cái hố ấy lộ ra.”

Jane ngược lên, rồi lại vội vàng nhìn xuống, sững sốt trước chiều cao đáng kinh ngạc của vách đá, cứ như thành linh sừng sững trên đầu chúng. “Em cũng cho là thế.”

Barney chăm chú nhòm cái hang tối om. “Thực ra nó không phải là một cái hang, mà chỉ là một cái hốc, giống như ở trên đỉnh. Ủi,” - nó khịt mũi vẻ ghê ghê - “toàn mùi rong biển và muối. Hai bên thành thì ẩm ướt, đầy rêu xanh lè và nước nhỏ tong tong. May là bọn mình cũng đã ướt hết cả rồi.”

“Em không thích cái hang này tí nào,” Jane đột nhiên lên tiếng, nhìn trân trân lối vào đen ngòm quá nhỏ so với vách đá rộng lớn.

“Em nói em không thích nó nghĩa là thế nào?”

“Nó làm em sồn cả gai ốc. Bọn mình không thể vào trong đó được.”

“Ý em là em không thể chứ gì,” Simon nói. “Em sẽ phải canh chừng đề phòng trường hợp thủy triều lên. Nhưng anh thì có thể vào.”

“Thế còn em thì sao?” Barney phần nộ hỏi. “Chính em đã tìm thấy nó cơ mà.”

“Em *muốn* vào thật à?” Jane kinh hoàng hỏi.

“Với cái chén Thánh trong đó á? Ai mà lại không muốn cơ chứ? Tốt hơn là em thử xem sao,” nó cố gắng thuyết phục Simon, “em là đứa nhỏ nhất, và lối đi thì quá hẹp. Anh có thể sẽ bị mắc kẹt, và không bao giờ chui ra ngoài được nữa.”

“Ôi đừng nói thế,” Jane kêu lên.

“Nếu em vào được thì anh sẽ vào theo em,” Simon nói.

“Ô kê,” Barney vui vẻ đồng ý. Nó đã cảm thấy nhẹ nhõm không lời nào tả xiết suốt từ lúc thấy mình thoát khỏi bàn tay của gã Hastings nham hiểm đến nỗi không còn cái gì khác, so với điều đó, có vẻ còn đáng sợ nữa. “Nhưng giá mà bọn mình mang theo một cái đèn pin.” Nó nhìn sầm soi vào trong hang đá. Chỉ cách cửa hang một vài bước chân, bên trong đã tối đen và chẳng nhìn thấy gì.

“Giá mà mình mang theo một đoạn dây thừng nhỉ,” Jane buồn bã nói. “Để nhỡ hai anh em bị mắc ở trong đó thật thì em có thể kéo ra.”

Simon cho tay vào túi quần ngó lên trời, và bắt đầu bình thản huýt sáo. Hai đứa kia trở mắt nhìn nó.

“Thế nào?”

“Anh làm sao vậy?”

“Cũng may mà trong gia đình mình còn có người thông thái,” Simon nói.

“Ai? *Anh* á?”

“Anh không hiểu bọn mày sẽ làm gì nếu không có anh.”

“Ồ thôi đi,” Jane sốt ruột nói, “anh không có dây thừng hay đèn pin, nên đừng giả vờ là anh có nữa.”

“Anh gần như là có đấy.” Simon thọc tay vào túi quần soóc. “Em biết cái lúc bọn mình lục túi tìm xem có dây thừng không, sáng nay ấy, và chỉ tìm được mỗi cuộn chỉ của em, thế là anh nghĩ bọn mình cần phải chuẩn bị cẩn thận hơn để đề phòng. Nên khi quay lại nhà anh đã chộp lấy mấy sợi dây câu của bố. Bố không cầm tất cả đi.” Nó lôi từ trong túi ra một búi cuộn chặt thứ dây cước mảnh màu nâu. “Cái này dai không kém gì dây chảo.”

“Em chưa bao giờ nghĩ đến điều đó,” Jane nói, tỏ vẻ ngơ ngác.

“Anh cũng vẫn còn mẫu nến cũ đấy. Nhưng anh cá là em lại chẳng mang theo diêm đâu.”

Jane rên lên. “Không, em không mang. Nó ở trong túi đồ của em, và em đã để nó ở nhà rồi. Dở thật.”

“Anh cũng đoán thế mà.” Simon nói, rồi với một cú vung tay đầy tự mãn của một nhà ảo thuật, nó lôi trong túi quần ra một hộp diêm và mẫu nến. Nhưng rồi mặt nó xịu xuống. “Trời ạ, chúng ướt hết rồi. Chắc là chúng bị ướt lúc anh trượt ngã xuống cái hố sâu đây. Bấc nến ướt rồi, sẽ

chẳng bắt lửa được nữa. Nhưng diêm thì vẫn còn tốt.”

“Chúng sẽ cháy thôi.” Barney động viên, “Hết sảy. Thôi nhanh lên.”

Simon lấy cái hộp kính viễn vọng vẫn kẹp dưới cánh tay và đưa nó cho Jane. “Em nên làm nhiệm vụ giữ tấm bản đồ này đi, Jane. Nếu anh đánh rơi nó trong đó mình sẽ chẳng bao giờ tìm thấy nữa đâu.”

Nó nhìn ra biển một lần nữa. Những tảng đá nơi chúng đang đứng ở đây thậm chí càng giống một con đê kè hơn, trải rộng ra gần như nối với mặt nước thành một mặt phẳng. Chỉ có duy nhất một mô đá xám nhô ra đơn độc cạnh lối vào hang.

Nước vẫn tiếp tục vỗ nhẹ vào đá cách chúng sáu bảy thước, không ra xa hơn cũng chẳng tiến lại gần hơn kể từ khi chúng bắt đầu rời bãi biển. Simon phân vân lo lắng không biết khoảng bao lâu nữa thủy triều sẽ dâng lên. “Anh đoán bọn mình còn khoảng nửa tiếng nữa,” nó chậm rãi nói. “Sau đó mình sẽ phải nhanh chóng quay lại trước khi thủy triều kịp dâng đến chỗ này. Lại đây, Barney, và đứng yên.”

Nó tìm được một đầu của cuộn dây câu và buộc cẩn thận quanh eo của Barney. “Nếu em đi trước thì anh sẽ giữ sợi dây đằng sau em.”

“Có cần phải cho nó vào không?” Jane nói.

Barney quay lại lườm chị.

“Ờ, anh cũng chẳng muốn thế,” Simon nói, “nhưng nó nói đúng, cái hang này rất hẹp và có lẽ nó là người duy nhất có thể vào được bên trong. Không sao đâu mà, anh sẽ không để nó lạc mất đâu. Đây!” Nó đưa cho Jane cuộn dây. “Đừng để bị chùng.”

“Mà cũng đừng để bị căng quá,” Barney nói, bắt đầu đi vào, “nếu không chị sẽ cắt em ra làm đôi mất.”

Jane liếc nhìn đồng hồ. “Bây giờ là gần năm giờ. Khi nào hai anh em ở trong đó được mười phút thì chị sẽ kéo dây hai lần để nhắc nhé.”

“*Mười phút!*” Barney bĩu môi. “Bọn em có thể phải đi hàng dặm cơ đấy.”

“Hai anh em có thể chết ngạt mất,” Jane tội nghiệp nói.

“Đó là một ý kiến hay đấy,” Simon nói nhanh, liếc nhìn khuôn mặt em gái. “Em kéo hai lần, và nếu anh kéo lại hai lần, có nghĩa là bọn anh vẫn ổn nhưng bọn anh đang ở trong đó. Nếu anh kéo ba lần, có nghĩa là bọn anh đang trở ra.”

“Và nếu em kéo ba lần có nghĩa là hai người phải ra ngay, bởi vì thủy triều đang lên.”

“Tốt. Và bốn lần kéo từ một trong hai đầu thì có nghĩa là dấu hiệu nguy hiểm - mà,” Simon vội vàng nói thêm, “không phải là sẽ cần thiết đâu đấy nhé.”

“Được rồi,” Jane nói. “Ôi trời ời. Hai anh em đừng đi lâu quá đấy.”

“Ờ, nhưng bọn anh sẽ phải đi chậm. Đừng có lo quá, sẽ không có chuyện gì đâu.” Simon vỗ nhẹ vào lưng em gái, và theo sau Barney lúc này đang hào hứng căng người ra với sợi dây quấn quanh bụng như chú chó kéo sợi xích, đưa một tay lên vẫy một cái và biến vào trong cửa hang tối om.

CHƯƠNG 14

Barney chớp chớp mắt nhìn vào bóng tối. Khi mắt nó đã quen với việc không còn ánh sáng mặt trời thì những vật mờ mờ trong bóng tối mới dần hiện rõ ra. Nó nhận thấy ánh sáng từ lối cửa hang chiếu vào bên trong sâu hơn chúng tưởng; và ít nhất trong vài thước đầu tiên nó có thể nhìn thấy những thân rong biển xanh nhờ nhờ phủ đầy nhầy bên vách và trên nóc hang, cả ánh sáng lấp lánh của một dòng nước nông, tĩnh lặng bên dưới.

Nó thận trọng bước về phía trước, một tay giơ lên chạm vào nóc hang, tay kia dang ra chạm vào một bên vách. Nhẹ nhẹ và đều đặn, nó có thể cảm thấy Simon đang đi phía sau kéo sợi dây buộc ngang thắt lưng nó. Rõ mồn một trong không gian yên lặng khép kín của cái hang, nó có thể nghe được tiếng chân của hai đứa lội bì bõm và tiếng thở của anh trai.

“Đi cẩn thận nhé,” Simon nói từ phía sau. Thằng anh nói rất khẽ, gần như thì thào, vậy mà cái hang vẫn dội lại giọng nó thành một tiếng ì ầm vang dậy khắp cả không gian bao quanh chúng.

“Em đang cẩn thận đây thôi.”

“Em có thể bị va u đầu đấy.”

“Anh cũng có thể bị va u đầu. Coi chừng cái nhũ đá, nó sa xuống thấp đấy. Đặt tay lên nóc hang, anh sẽ sờ thấy đường.”

“Anh biết rồi,” Simon nói vẻ sốt ruột. Cổ nó phải cúi xuống rất khó chịu; vì cao hơn Barney nên nó cứ phải khom người suốt để tránh khỏi đập đầu vào đá nhầy nhụa bên trên. Thỉnh thoảng một giọt nước to lạnh lại nhỏ vào bên trong cổ áo sơ mi của nó.

“Lạnh quá nhỉ?”

“Lạnh phát cóng.” Chiếc quần soóc dính bết vào đùi Barney nhớp nháp, và nó cảm thấy hơi lạnh luồn qua áo. Mỗi lúc nó lại càng cảm thấy khó nhìn được những thứ xung quanh hơn, và chẳng mấy chốc nó phải lo lắng dừng lại, cảm thấy bóng tối vây tới gần như thể đang bưng lấy hai mắt. Lăn mò lên trên, ngón tay nó không còn sờ được đến nóc hang nữa. Bên trên đầu, nóc hang đã vươn cao quá tầm với của nó, và nó chỉ nắm được không khí.

“Chờ một chút, anh Simon.” Giọng của nó dội lại từ mọi phía nghe rờn rợn. “Em nghĩ là nóc hang chỗ này cao hơn. Nhưng giờ em không nhìn thấy gì cả. Anh vẫn có diêm đấy chứ?”

Simon lần theo cái dây để tới chỗ Barney đang đứng. Nó chạm được vào vai thằng em, và Barney cảm thấy yên tâm hơn hẳn trước cảm giác tiếp xúc này, thậm chí còn hơn là nó dám tự thừa nhận với chính mình nữa.

“Đừng có động đấy. Anh sẽ buông cái dây ra một lúc đấy.”

Simon mò mẫm trong túi tìm diêm, rồi mở bao diêm ra, sờ các cạnh cẩn thận để biết chắc là mình mở đúng chiều.

Hai que diêm đầu chỉ bùng bình kêu kèn kẹt trên vỏ mặc cho nó ra sức quẹt, và chẳng que nào bắt lửa. Que diêm thứ ba cháy nhưng lại bị gãy luôn, làm bỏng ngón tay Simon đến nỗi nó

kêu lên một tiếng và đánh rơi que diêm trước khi chúng kịp chớp chớp mắt cho hết lóa vì ánh lửa bất ngờ. Có tiếng xèo xèo nhỏ nhỏ khi que diêm rơi xuống vũng nước quanh chân chúng.

“Nhanh lên,” Barney nói.

“Anh đang nhanh hết cỡ đây... a, được rồi.”

Que diêm thứ tư khô, bắt lửa và bập bùng cháy. Simon khum tay che ngọn lửa. “Lạ nhỉ, chắc là ở đâu có gió lùa rồi. Nhưng anh không cảm thấy gì cả.”

“Vậy mà que diêm lại cảm thấy. Tốt rồi, như thế có nghĩa là sẽ có lối ra ở đầu đằng kia. Thế thì đây đúng là cái hang cần tìm.”

Bàn tay Simon che ngọn lửa nhỏ chói mắt, và Barney vội vã nhìn xung quanh trong ánh sáng chập chờn. Bóng của chúng nhảy nhót trên vách hang, to đùng và nom thật kỳ quái. Barney nhìn lên, và thận trọng bước vài bước lên phía trước. “Giờ cao lên nào... này, ở đây nóc hang cao hơn, anh có thể đứng thẳng được đấy.”

Simon thận trọng bước đến chỗ em trai, trong lúc vẫn cong người bên trên que diêm, rồi duỗi thẳng lưng ra và thở phào một hơi nhẹ nhõm. Nhưng rồi que diêm cháy đến ngón tay nó, và nó thả vội xuống. Ngay lập tức bóng tối bao trùm lên hai đứa như một tấm chăn.

“Đứng yên nhé, anh sẽ châm que khác.”

“Thôi, chờ một chút, mình không cần phải lãng phí đâu. Em có nhìn thấy một đoạn phía trước lúc lửa chưa tắt, vì thế mình có thể đi hết đoạn đó rồi anh hãy châm que khác.”

Barney nhắm mắt lại. Không hiểu sao, mặc dù mở thì cái hang vẫn tối như vậy, nó thấy nhắm mắt lại cho nó cái cảm giác an toàn hơn. Ngón tay vẫn lần theo vách đá trơn tuột, nó bước hai, ba bước lên trước. Simon bước theo, một tay đặt lên vai em trai, mắt nhìn chòng chọc vào bóng tối nhưng chẳng thấy gì, như thể có một tấm màn đen dày đặc che rủ ngay trước mặt.

Chúng cứ tiếp tục vào hang như vậy trong một khoảng thời gian dường như vô tận. Cứ chốc chốc Simon lại đánh một que diêm, và chúng bước tiếp trong lúc cái nguồn sáng mờ mờ còn cháy và vài bước nữa theo trí nhớ sau khi diêm tắt phụt. Một lần chúng thử thả mồi nện, nhưng nó chỉ kêu xèo xèo bướng bỉnh, thế nên Simon lại nhét nó vào túi.

Không khí phả vào mặt chúng lành lạnh, nhưng trong lành. Mặc dù xung quanh chúng toàn mùi muối và rong biển, như thể đang ở dưới biển, chúng thấy không khó thở lắm. Sự tĩnh lặng, cũng như bóng tối, dường như đặc quánh, chỉ bị phá vỡ bởi chính tiếng bước chân của chúng, và tiếng vang thánh thót của những giọt nước từ trên nóc hang thỉnh thoảng rơi tòm xuống.

Trong lúc Simon đang đứng im và loay hoay với bao diêm thì Barney cảm thấy sợi dây quanh bụng mình giật mạnh siết vào người; một, hai lần. “Hai lần kéo. Chắc là chị Jane đấy. Mười phút. Trời đất, em cứ tưởng mình đã ở đây đến hàng tiếng đồng hồ rồi.”

“Anh sẽ làm hiệu lại,” Simon nói. Nó đánh một que diêm và nhìn thấy sợi dây mảnh đang căng lên trong ánh lửa. Nắm chặt sợi dây, nó cũng giật hai cái chậm và đều về phía tín hiệu kia.

“Nghĩ đến chị Jane ở đầu đằng kia cứ là lạ thế nào ấy,” Barney nói.

“Không biết còn bao nhiêu nữa?”

“Ôi! - Anh có nghĩ mình sắp bị hết dây không? Dây có dài không?”

“Khá dài đấy,” Simon đáp, cổ ra vẻ lạc quan hơn là nó cảm thấy trong lòng. “Mình đi chậm quá. Ui!” Que diêm cháy đến ngón tay, và nó vội vàng buông ra.

Không thấy có tiếng xèo xèo khi que diêm rơi xuống. Khi hai đứa mò mẫm đi tiếp Simon chợt nhận ra là nó đang cố lắng nghe âm thanh ấy.

“Dừng lại một lát, Barney.” Nó đi đi chân dưới đất và nhìn xuống. “Nền hang không còn ướt nữa.”

“Dép của em vẫn còn kêu lép nhép mà,” Barney nói.

“Đấy là nước ở bên trong giày, chứ không phải bên ngoài đâu, đồ ngốc ạ.” Giọng Simon vang âm lên trong hang, và nó lại vội vàng hạ xuống thành khe thì thào, gần như sợ rằng âm thanh đó sẽ làm sập cả nóc hang trên đầu chúng.

“Vách hang ở đây cũng không còn lầy nhầy nữa,” Barney đột nhiên nói. “Là đá khô. Thực ra đã khô được một đoạn rồi, chỉ tại em không nhận ra thôi.”

Một que diêm nữa sáng bùng lên khi Simon châm vào que diêm gần cháy hết trên tay. Nó đưa ngọn lửa lại gần vách đá. Hai đứa nhìn thấy lớp đá granite xám tro trụi, đôi chỗ nổi lên những vân đá sáng trắng, và không còn chút rong biển nào. Khi Barney cúi người xuống để sờ, nó thấy mặt đất phủ toàn bụi cát.

“Chắc là mình đang đi lên đồi.”

“Biển chắc không thể ăn sâu được đến đây đâu.”

“Nhưng mình nghe thấy tiếng biển ầm ầm từ trên miệng hố mà, sáng nay ấy. Liệu như thế có nghĩa là mình đã đi qua miệng khe núi rồi không?” Barney ngửa cổ nhìn lên nóc hang.

“Anh không nghĩ thế,” Simon nói vẻ không chắc chắn. “Tiếng biển có thể vọng xa cả đoạn đường dài. Nay, nhìn phía trước nhanh đi, diêm sắp tắt rồi.”

Barney nhìn về phía trước và thấy cái khung cảnh giờ-đã-trở-nên-quen-thuộc mà mãi về sau nó vẫn không thể nào quên: những vách hang hẹp chạy ngoằn ngoèo vào bóng tối với bao nhiêu hình bóng đang nhảy nhót, như kẹp chặt chúng trong gọng kìm tù túng không mấy thân thiện. Và vào đúng giây phút bóng tối lại chực bao phủ lấy chúng, nó mơ hồ cảm thấy màn đen trước mặt gần hơn khi này.

Nó ngập ngừng đi lên phía trước, nhưng linh tính mách bảo nó dừng lại. Nó quờ tay ra trước khoảng không im lặng. Bàn tay đập vào đá cứng chỉ cách mặt nó khoảng vài inch. “Simon! Đường cụt rồi.”

“Cái gì?” Giọng Simon vang lên vẻ nghi ngờ và thất vọng. Nó đã đánh vật với những que diêm; giờ thì nó sờ thấy đáy hộp, và nhận ra là mình không còn nhiều nữa.

Trong ánh sáng chớp chờn, khó có thể phân biệt được những cái bóng với bóng tối dày đặc, nhưng chúng đã kịp nhìn thấy cái hang vẫn chưa đến tận cùng. Thay vì thế, lòng hang thay đổi, ngay trước mặt chúng, thành một lối đi hẹp hơn ở xa xa: nhỏ và cao, với một tảng đá cuội nằm kẹt giữa hai bên vách phía trên nền đất chừng một mét. Trên đầu chúng, cao quá tầm với, khe hang hẹp mở rộng ra cho đến nóc: nhưng chẳng có cách nào để trèo lên đó cả. Tảng đá đã chặn lối lên.

“Chúng mình sẽ chẳng bao giờ qua được chỗ kia,” Simon tuyệt vọng nói. “Chắc là đá đã rơi xuống sau khi ông người Cornwall đó đi qua.”

Barney nhìn xuống cái khe hở tối om đáng sợ còn lại ở bên dưới khe đá, lồm chồm toàn đá và đầy đe dọa sau bóng lửa bập bùng, và nuốt nước bọt. Nó bắt đầu ước gì hai anh em được quay trở lại chỗ có ánh sáng mặt trời.

Sau đó nó nghĩ về chén Thánh, rồi đến vẻ mặt của gã Hastings. “Em có thể chui qua bên dưới, nếu em bò.”

“Không,” Simon phản đối ngay lập tức. “Nguy hiểm lắm.”

“Nhưng bây giờ mình cũng không thể quay trở lại,” Barney lấy lại tự tin khi nó bắt đầu tranh luận. “Mình đã đến tận đây rồi, có thể mình chỉ còn cách chén Thánh có mấy bước thôi. Em sẽ ra ngay nếu lối đi quá chật. Ôi thôi nào, Simon, để em thử đi.”

Que diêm phụt tắt.

“Mình không còn nhiều nữa,” Simon nói trong bóng tối. “Sắp hết rồi. Mình phải thắp mẩu nến đó lên không thì sẽ bị tắc ở đây. Em đang ở đâu?”

Lần theo sợi dây về phía Barney, Simon cầm lấy tay em trai và đặt bao diêm vào đó. Rồi nó sờ túi tìm mẩu nến, lau cái bắc vào áo hy vọng có thể làm nó khô hơn. “Nào, bật một que diêm lên.”

Có một tiếng động đàng sau chúng trong bóng tối, giống như tiếng đá rơi; một tiếng kèn kẹt, lạch cạch, và rồi lại im lặng.

“Cái gì thế nhỉ?”

Hai đứa lo lắng nghe ngóng, nhưng chỉ nghe thấy tiếng tim chúng bồng dưng đập thành thịch. Barney đánh một que diêm, tay run rẩy. Quanh chúng, cái hang lại tràn ngập ánh sáng, duy chỉ có bóng tối xúm xít ở phía tiếng động như đang chế giễu.

“Chẳng có gì cả đâu,” cuối cùng Simon nói. “Chắc là một tảng đá mình đã cọ vào nên long ra. Đây.” Nó đưa mẩu nến lên trước ngọn lửa. Que diêm tiếp tục cháy nhưng mẩu nến vẫn chỉ kêu xèo xèo như lần trước. Chúng thử thêm lần nữa, cố nín thở, và lần này thì cái bắc bắt lửa, một ngọn lửa dài màu vàng tỏa đầy khói.

“Cầm lấy,” Barney nói vẻ quyết tâm. “Em sẽ đi vào trong đó.” Nó đưa cho Simon những que diêm cuối cùng và cầm lấy mẩu nến. “Anh nhìn mà xem,” nó nói, lấy tay che ngọn lửa đầy khói khỏi gió. “Thực ra lối này cũng không thấp lắm. Em có thể bò được.”

Simon nhìn theo lối đi bé xíu ấy đầy lo lắng. “Ờ... vì Chúa, cẩn thận đấy nhé. Và nhớ kéo sợi dây nếu em bị mắc kẹt, anh sẽ giữ dây đấy.”

Barney khuyu tay và đầu gối bò vào trong cái khe tối om bên dưới tảng đá kẹt, giữ khư khư mẩu nến đang cháy lập lòe chực tắt phía trước mặt. Gió lúc này hình như mạnh hơn. Từ phía chạm đầu cũng thấy đá, đến nỗi nó phải cúi đầu xuống và thu khuyu tay vào, và trong một thoáng nó gần như phát hoảng lên vì cái cảm giác bị mắc kẹt.

Nhưng nỗi lo sợ chưa kịp lớn lên, thì những cái bóng đang lù lù ở quanh một điểm sáng bỗng thay đổi hình dạng, và nó ngẩng đầu lên mà không cộc phải đá. Nó bò thêm chút nữa, mặt hang cứng và đầy sạn dưới đầu gối nó; và nó thấy mình không những có thể đứng dậy mà cái hang

cũng rộng hơn nhiều. Quầng sáng hắt ra từ ngọn lửa mà nó vẫn gìn giữ cẩn thận thậm chí còn không chiếu đến được hai bên vách hang.

“Em có ổn không?” Cái giọng lo lắng của Simon vọng đến nghèn nghẹt qua khe đá đằng sau nó.

Barney cúi xuống. “Ổn cả, bây giờ hang lại rộng rồi, chắc là một lối vào... em sẽ đi tiếp.”

Nó cảm thấy sợi dây ở bụng bị kéo chặt khi Simon giật dây trả lời và nó lại chậm chậm đi tiếp qua hang. Bóng tối mở ra đằng trước nó trong quầng sáng nhỏ từ mẩu nến, đang cháy rụi và nhỏ sập nóng xuống móng tay nó. Khi nó ngoảnh lại nhìn qua vai thì không còn nhìn thấy lối vừa đi qua nữa.

“Xin chào,” Barney nói thử trong bóng tối. Giọng nó thì thầm dôi trở lại nghe vừa kỳ quái vừa đáng sợ: không trầm trầm, vang dôi khắp chung quanh như ở đoạn hang hẹp tựa đường hầm chúng vừa đi qua, mà thì thảo xa xăm và cao vút trong không gian. Barney đi vòng quanh, nhòm vào bóng tối một cách vô ích. Nơi nó đang đứng chắc phải rộng bằng cả cái nhà - thế nhưng nó vẫn ở sâu dưới lòng Mũi Kemare.

Nó đứng lại, phân vân. Ngọn nến đang tàn, mềm nhũn trong tay. Ý nghĩ về gã đàn ông cao lớn mặc đồ đen trong ngôi nhà trống không lạ kỳ của gã bỗng trở lại, và cùng với ý nghĩ ấy là mọi mối đe dọa vây quanh bọn người đang đuổi theo chúng, bọn địch, những kẻ sẵn sàng liều mạng hòng ngăn chúng đến gần chén Thánh.

Barney rùng mình vì hoảng sợ và cái lạnh bất thành linh. Cứ như thế bọn người nọ đang ở xung quanh nó trong bóng tối căm lạng, độc ác và vô hình, buộc nó phải quay lại. Tai nó ù lên, ngay cả trong khoảng không mênh mông của cái hang nó vẫn cảm thấy cái gì đó đang bóp nghẹt nó, một mực đòi đuổi nó đi. Người là ai mà dám xâm phạm nơi đây, giọng nói dường như thì thầm; một thằng nhóc, thò mũi vào chuyện quá ư ngoài tầm hiểu biết, vốn đã ngủ yên không hề bị quấy phá suốt bao nhiêu năm nay? Đi ngay đi, hãy quay lại nơi mà người được bình an, để cho những cổ vật này yên...

Nhưng rồi Barney nghĩ tới Ông Merry, tới cuộc tìm kiếm bí mật của ông mà chúng đang tiếp bước. Nó nghĩ tới tất cả những điều ông đã nói, ngay từ khi mới bắt đầu cuộc tìm kiếm, về trận chiến đấu bất phân thắng bại. Và mặc dù chẳng thấy gì ngoài bóng tối, và tấm màn đen đặc bao quanh quầng sáng vàng vọt bé nhỏ đơn độc, nó chợt thấy hiện ra rõ mồn một hình ảnh hiệp sĩ Bedwin, người đã khởi đầu tất cả khi ông từ phía Đông tháo chạy đến Cornwall. Ông đứng trong tâm trí Barney, trong bộ giáp trụ, bảo vệ niềm hy vọng cuối cùng của vua Arthur, và cũng bị rượt đuổi bởi những thế lực giờ đây đang bám theo chúng.

Và Barney nhớ lại câu chuyện rằng Bedwin được chôn cất trên Mũi Kemare, có thể thẳng ngay phía trên hang chỗ nó đang đứng, và nó không còn sợ nữa. Giờ đây đã có sự an ủi bao quanh nó trong bóng tối, bên cạnh nỗi sợ hãi.

Thế là Barney không quay lại. Nó tiếp tục đi, tay che ngọn lửa nhỏ đang tắt dần, bước vào cái bóng tối cứ trả lại tiếng bước chân của chính nó thành những tiếng vọng xì xào. Và rồi, ngay trên đầu, nó nhận thấy một âm thanh kỳ lạ hơn bất cứ âm thanh nào nó đã từng nghe được.

Âm thanh ấy dường như đến từ cõi hư vô, ngoài khoảng không, một tiếng âm âm kỳ bí, khàn khàn, rất yếu ớt và xa xôi, nhưng vẫn vang khắp lòng hang: lúc trầm, lúc bổng, tựa như tiếng gió xào xạc trên các cành cây và đường dây điện thoại. Khi ý nghĩ ấy thoáng vụt qua tâm trí Barney, nó liền giơ mẩu nến lên và nhìn thấy nóc hang phía trên đầu mình mở ra thành một thứ ống thông khói, cao mãi cao mãi cho đến lút tầm mắt. Trong một thoáng nó nghĩ là mình đã nhìn thấy một điểm sáng chiếu xuống, nhưng vì ánh sáng của ngọn nến lóa ngay trước mắt nên nó cũng chẳng thể nào dám chắc. Rồi nó nhận ra âm thanh mà nó nghe được chính là tiếng

gió, mãi tíu bên trên, thổi xuống qua miệng hố chỗ tảng đá mà mấy anh em phát hiện ra hồi sáng. Tiếng ù ù ở dưới hang này chính là tiếng gió thổi trên Mũi Kemare.

Gần như tình cờ, khi đang mãi ngẩng lên nhìn, nó trông thấy cái gờ đá. Cái gờ đá ấy nhô ra từ một bên vách ống thông khối ở cuối hang; một thứ ụ đá bên dưới một cái hốc, hao hao cái kệ thiên tạo, vừa đúng tầm với của nó. Bên trong đó, nó thấy ánh nền lấp lánh phản chiếu lại một hình thù gì đó không phải là một phần của khối đá.

Không cả dám thở, nó với lên và thấy tay mình chạm vào bề mặt một vật gì đó vừa nhẵn vừa cong. Dưới móng tay nó, vật ấy phát ra tiếng kêu của kim loại. Nó chớp lấy vật đó và đem xuống, chớp chớp mắt vì bụi bốc lên từ bệ đá. Đó là một cái chén, nặng trĩu và hình thù kì lạ; từ dưới chân đế dày phình ra thành hình cái chuông dài, giống hệt như những cái chén có chân nó thấy vẽ trong mấy quyển sách về vua Arthur. Nó bần khoăn tự hỏi làm thế nào mà những họa sĩ kia biết được. Nó hầu như không sao tin được rằng, rốt cuộc, đây lại chính là chén Thánh.

Cái chén kim loại lạnh ngắt trong tay nó, đầy bụi và rất bẩn, nhưng bên dưới lớp bụi vẫn lờ mờ hiện ra ánh vàng lấp lánh. Trên bệ đá không còn cái gì nữa.

Đột nhiên ngọn nến rung rinh. Sáp nến rơi xuống mềm và ẩm, Barney sợ hãi đoán rằng ngọn nến sẽ chỉ còn cháy trong vài giây nữa rồi thì nó sẽ chỉ còn lại một mình trong bóng tối. Nó rời bệ đá trở lại hướng mà lúc nãy nó bò vào, và nhận ra rằng nếu không có cái dây quấn quanh bụng thì nó sẽ bị mất phương hướng đến độ nào. Khoảng không rộng lớn của lòng hang trải ra khắp chung quanh nó vào bóng tối dày đặc; chỉ có sợi dây này, thẳng và mảnh, là mạch lối cho nó đi.

Nó bước về phía đó; sợi dây chùng xuống đất rồi lại căng ra. Simon chắc là đang kéo. Barney một tay ôm chặt chén Thánh vào người, tay kia nâng ngọn nến giờ đã cháy gần hết lên. Con phần khích xua tan hết nỗi sợ hãi trong lòng. “Anh Simon!” nó gọi to. “Em tìm thấy đây rồi!”

Không có tiếng trả lời ngoài giọng nó, thì thầm dội lại trong cái hang trống trơn. “Thấy đây rồi... thấy đây rồi...” ... hàng chục giọng, giọng nào cũng là của nó, vang lên tứ phía.

Và ngọn nến rung rinh, rồi tắt lịm.

Sợi dây căng ra khi Barney nắm vào và chậm chậm bước theo. “Anh Simon đấy à?” nó lo ngại hỏi. Vẫn không có tiếng trả lời. Trong chốc lát, trông đầu nó hiện ra một hình ảnh ghê rợn rằng Simon đang bị khống chế và bất lực. Còn ở bên kia lối đi hẹp kẹt trong đá là dáng người cao cao đầy nhạo báng của gã Hasting, đang cầm sợi dây như thể vờn một con cá đã mắc câu, và chờ đợi...

Cổ họng Barney bỗng dưng khô khốc. Trong bóng tối, nó ôm cái chén Thánh chặt hơn, trông ngực đập thình thịch. Rồi nó nghe thấy giọng Simon, khe khẽ trong bóng tối phía trước mặt, và hơi nghèn nghẹt.

“Barney!... Barney đấy à?”

Barney đưa tay ra và sờ thấy tảng đá nơi phần nóc tự dưng sa xuống thành khúc hẹp của lòng hang. “Em đây... Simon, em tìm thấy rồi, em đã lấy được chén Thánh rồi!”

Nhưng nó chỉ nghe thấy tiếng giục nghèn nghẹt từ phía bên kia, “Ra ngoài, nhanh lên.”

Barney bò bằng tay và đầu gối, lại nhìn mặt mỗi khi đập vào cạnh đá sắc. Nó cẩn thận bò vào đúng cái khe chia hai ngã của hang, đôi lúc lại va đầu vào trần đá thấp lổm chổm trong bóng tối.

Nó giữ cho cái chén Thánh thẳng đứng ngay trước mặt, nhưng cái chén chạm vào vách đá và, trước vẻ kinh ngạc của nó, phát ra một thanh âm ngân dài trong trẻo và du dương như một tiếng chuông.

Nó nhìn thấy một quầng sáng mờ mờ hiện ra ở đầu kia của khe đá và rồi một que diêm sáng rực tựa ngôi sao, và Simon đang vừa khom người thật thấp vừa kéo dây bằng bên tay còn rỗi. Bóng tối làm mất thăng anh to ra, tối sẫm và có vẻ hết sức hốt hoảng. Nó nhìn không chớp lúc Barney bò ra, quên hết thấy tất cả khi thấy chiếc chén cao cao.

Simon từ bấy đến giờ đâm mỗi lúc một thêm lo lắng, và duy nhất có cái cảm giác Barney vẫn đang di chuyển ở đầu bên kia là còn ngăn được nó tự mình chui qua cái ngách bé xíu ấy. Nó đã đứng một mình trong bóng tối, căng tai ra nghe từng tiếng động, mong được thấy ánh sáng nhưng vẫn tự bắt mình phải để dành sáu que diêm lại cho chuyển trở ra. Thời gian chờ đợi ấy mới lâu làm sao.

Nó cầm lấy cái chén từ tay Barney. “Chẳng hiểu sao, anh lại tưởng nó phải có hình thù khác cơ... Cái gì ở bên trong thế này?”

“Ở đâu?”

“Nhìn này...” Simon sờ soạng bên trong cái chén và lôi ra một thứ thoát nhìn trông giống một cái que ngắn, để lâu năm nên đã đen sạm lại gần bằng cái chén Thánh. Người ta đã nhét nó vào giữa hai lớp thành chén và lúc này Barney vội quá nên không nhìn thấy.

“Nó rất nặng. Anh nghĩ nó được làm bằng chì.”

“Cái gì thế?”

“Hao hao cái ống. Giống cái vỏ ống nhòm, nhưng nhỏ hơn nhiều. Mà hình như không vặn ra được. Có thể chỉ khớp vào với nhau thế thôi.” Simon kéo thử cái ống và chợt thấy một đầu bung ra như cái nắp: và cuộn tròn ở bên trong là một thứ hết sức quen thuộc.

“Là một bản viết cổ nữa!”

“Thì ra đó chính là điều ông ta định ám chỉ khi nói...” Simon đột nhiên ngừng lại. Nó đã cầm một đầu của cuộn giấy định kéo ra khỏi cái ống, nhưng mép giấy lập tức vỡ vụn ra dưới tay nó chạm vào. Vội vàng thận trọng nó rút tay lại, và cũng đúng lúc đó chợt nhớ ra vì sao nó lại lo lắng gọi Barney ra ngoài như thế.

“Bọn mình không được chạm vào nó, nó quá cũ rồi. Barney này, bọn mình phải ra khỏi đây càng nhanh càng tốt. Jane đã giật dây ba cái trước lúc em quay ra đây. Chắc là thủy triều đang lên rồi. Nếu bọn mình không thoát ra nhanh thì sẽ bị chặn đường mất.”

Khi Simon và Barney biến vào trong miệng hang, Jane liền ngồi dựa vào một cột đá lẻ loi trên mũi đất, giữa những thảm rong biển ẩm ướt và một dải bờ đá granite phẳng lì màu xanh xám lượn vòng quanh vách đá. Em kẹp cái hộp kính viễn vọng thật cẩn thận dưới cánh tay. Mặc dù em luôn đi cùng với Simon khi anh trai mang cái hộp, nhưng cứ nghĩ đến bản viết cổ bên trong em lại thấy một cảm giác bồn chồn kỳ lạ rằng mình đang gánh vác một trách nhiệm nặng nề.

Em thả dần sợi dây câu mảnh từ cuộn dây quấn chặt trong tay ra. Lực kéo không đều, có vẻ như bên trong hang đá hai anh em cứ chốc chốc đi lên vài bước rồi lại dừng lại. Em phải rất tập

trung để giữ cho sợi dây không quá căng hay quá chùng đến mức rơi xuống đất.

Trời rất nóng. Mặt trời chiếu như đổ lửa xuống những vách đá xám cao vút và em cảm thấy cái nóng râm ran như kiến đốt trên da. Thậm chí cả tảng đá em dựa lưng vào cũng bị nung nóng dưới ánh mặt trời, và em có thể cảm thấy hơi ấm của nó qua lưng áo. Đằng sau em, nước biển rì rào vỗ vào mép những tảng đá bị lộ ra. Không còn một âm thanh nào khác ở bất kỳ đâu, dưới chân mũi đất hiu quạnh này với mặt biển lan tỏa ra mọi hướng, và nếu không có sợi dây đang rung rinh trong tay thì Jane hẳn đã tưởng rằng mình là người duy nhất trên thế giới. Đất liền, và Ngôi nhà Xám, dường như ở rất xa.

Em nghĩ miên man không biết bố mẹ đã từ Penzance trở về chưa và họ sẽ nghĩ gì khi thấy ngôi nhà trống không, chẳng có lấy một dấu hiệu cho thấy người nào đã đi đâu.

Em nghĩ về ba bóng người mà mấy anh em đã nhìn thấy sải bước trên Mũi Kemare, dẫn đầu là gã Hastings đáng sợ, đen sì một màu và chân cẳng dài ngoằng như một con bọ hung khổng lồ. Theo bản năng, em nhìn lên vách đá. Nhưng không một âm thanh, không một chuyển động, chỉ có dải bờ đá xám ngả bóng lên em như hăm dọa, và chớp cỏ xanh ở trên mũi đất, bên trên chỗ em ngồi chùng sáu chục mét.

Rồi Ông Merry lại theo những ý nghĩ ấy len vào tâm trí em. Ông đang ở đâu nhỉ? Lần này không biết ông đi đâu? Gần cuối cuộc tìm kiếm rồi mà chuyện gì lại có thể quan trọng tới mức khiến ông phải đi? Không lúc nào Jane nghĩ là ông có thể bị hại, hay bị kẻ địch bắt đi cả. Em nhớ rất rõ vẻ tự tin tuyệt đối khi Ông Merry nhắc bóng em lên trong vòng tay vào cái đêm hôm trước trên mũi đất. “Chúng không dám đuổi theo nếu ông ở đây...”

“Cháu ước gì giờ này ông ở đây,” Jane nói, hơi to, có run run một chút, bất chấp hơi nóng hầm hập. Em không thấy yên tâm khi nghĩ đến Simon và Barney trông bóng tối, nơi bất cứ thứ gì cũng có thể đang rình rập, hai đứa có thể bị lạc đường và không bao giờ ra được, nóc hang có thể sập xuống...

Ông Merry đáng nhẽ đã có thể đảm bảo rằng sẽ không xảy ra chuyện gì như vậy.

Jane nhìn đồng hồ. Bây giờ đã là năm giờ mười hai phút rồi, mà cái dây trong tay em vẫn đang thả ra chậm rê rê và giật cục vào trong hang. Em giật hai cái thật mạnh. Sau một lúc chờ, em thấy cái dây giật hai lần thay cho câu trả lời; nhưng rất khẽ. Sợi dây đã tỏ ra được hai phần ba; em ước gì mình đã đo sợi dây trong lúc thả nó ra. Thời gian trôi qua thật lê thê; sợi dây vẫn cứ chạy tuốt khỏi tay em, di chuyển vào hang tối với tốc độ còn chậm hơn lúc này. Mặt trời chói chang bất động trên bầu trời xanh không một gợn mây, và một cơn gió nhẹ từ đâu thổi đến làm tung đuôi tóc dài buông xõa của Jane.

Em vẫn dựa lưng vào đá và để cho các giác quan của mình lang thang; cảm nhận cái nóng của mặt trời trên da, ngửi mùi biển trên đá ướt và rong biển, lắng nghe tiếng sóng biển ì oạp êm ái. Rồi trong lúc đang lơ mơ như ngái ngủ ấy, chỉ còn ngón tay là hoạt động, em chợt sừng sốt nhận ra rằng tiếng nhịp sóng biển đã đổi.

Em bật dậy và chạy vòng trở lại. Em kinh hoàng nhìn thấy những đám rong gần biển nhất giờ đây đang dập dềnh theo con sóng lúc trước còn chưa thấy ở đó. Sóng biển đang vỗ vào chỗ lúc trước vẫn là triều đá; tới gần chỗ mình ngồi hơn lúc trước, em tự nhủ. Thủy triều đang lên.

Jane bắt đầu thấy hoảng trong lòng. Vài vòng dây cuối cùng bây giờ đã lỏng ra trong tay em: hai anh em hẳn đã chui vào hang được một đoạn quá xa rồi. Em nắm sợi dây thật chắc, cuộn phần dây chùng vào tay và đi ra ngay phía trước cửa hang tối om, rồi giật thật mạnh một, hai, ba cái.

Không thấy gì cả. Em chờ đợi, lắng nghe tiếng ì oàm đều đều của những con sóng đang trườn

lên. Đúng lúc những giọt nước mắt hoảng sợ bắt đầu dâng lên cay sè trong mắt thì em thấy tín hiệu trả lời; ba cái giắt nhẹ của sợi dây trong tay. Gần như ngay tức thì sức căng của sợi dây giảm đi, và sợi dây lại bắt đầu chùng hẫ xuống. Jane thở phào nhẹ nhõm. Sợi dây di chuyển về phía em khi em kéo; ban đầu thì chậm, sau đó dễ dàng hơn, nhanh hơn lúc em thả dây ra. Rồi cuối cùng, Simon và Barney, mắt chớp lia lịa đằng sau hai bàn tay giơ lên che ánh mặt trời, loạng choạng bước ra khỏi miệng hang hẹp.

“Chào,” Simon ngo ngẩn nói, nghe có vẻ còn choáng váng. Diêm đã hết từ năm phút trước khi chúng ra được khỏi hang, và đoạn cuối của đường ra là cả một hành trình ác mộng trong bóng tối đen như hắc ín, dò dẫm bước đi và chỉ tin tưởng bám theo sợi dây để biết đoạn đường phía trước không có gì trở ngại. Nó đã bắt Barney để nó đi trước. Suốt dọc đường nó luôn có cảm giác rằng chỉ một bước nữa thôi là nó có thể đâm vào đá, hay phải mặt đối mặt với Thứ Gì Đó không tên trong bóng tối, và nó sẽ chẳng ngạc nhiên nếu khi chúng chui ra thì tóc nó đã thành bạc trắng.

Jane nhìn Simon, hơi nhoén miệng cười gượng gạo và lặp lại y hệt, “Chào.”

“Nhìn này!” Barney nói và giơ cái chén Thánh lên.

Jane cảm thấy nụ cười của mình rộng hân ra vì sung sướng. “Thế là bọn mình đã thắng chúng rồi! Bọn mình đã có nó rồi! Trời, giá mà Ông Gummery ở đây nhỉ.”

“Em nghĩ nó làm bằng vàng đấy.” Barney cọ cọ vào lớp kim loại. Ở ngoài nắng, chén Thánh kém vẻ thần diệu hơn hẳn so với khi ở trong bóng tối bí ẩn của cái hang; nhưng một ánh vàng lấp lánh vẫn ẩn hiện đâu đó sau lớp bụi. “Ở trên bề mặt cũng có họa tiết gì đó nữa,” nó nói. “Nhưng mình không thể nhìn rõ nếu không lau sạch.”

“Nó cổ quá nhỉ.”

“Nhưng nó *có ý nghĩa* gì chứ? Ý em nói là mọi người đi tìm kiếm nó như điên, bởi vì nó có thể cho biết điều gì đó, nhưng khi nhìn thấy nó rồi thì có vẻ như nó chẳng nói lên được điều gì cho ai hết cả. Trừ phi cái họa tiết trên này là một loại mật mã gì đó.”

“Bản viết cổ,” Simon nhắc.

“Ôi trời ời, phải rồi.” Barney rút cái ống bằng chì nhỏ và nặng ra khỏi chén Thánh và đưa Jane xem cái bản viết cổ ở bên trong. “Nó được lên vào trong chén. Chắc là nó viết tiếp cái phần bản viết cổ của bọn mình còn bỏ dở. Em dám cá là nó rất quan trọng. Em dám cá là nó giải thích mọi thứ. Nhưng mà chưa kịp nhìn qua thì nó đã bực ra rồi.” Nó cẩn thận đóng nắp cái ống lại.

“Chúng ta phải mang nó về nhà an toàn,” Simon nói. “Anh đang nghĩ liệu có chỗ nào không... chờ một chút.” Nó cầm lấy cái hộp kính viễn vọng ở dưới cánh tay Jane và xoáy mở ra. Bản viết cổ quen thuộc của chúng nằm vừa như in ở nửa dưới của cái hộp.

Simon cầm lấy cái ống bằng chì màu đen và cẩn thận thả nó vào giữa bản viết cổ ở bên trong hộp kính viễn vọng. “Rồi. Có khăn mùi soa đấy không, Jane?”

Jane lấy chiếc khăn mùi soa từ túi áo ra. “Để làm gì?”

“Thế này này,” Simon nói, vừa nhét chiếc khăn tay thành một cuộn chặt sâu bên trong đầu trên của bản viết cổ. “Nó sẽ giữ cho cái ống mới khỏi bị xóc. Mình sẽ phải chạy nếu muốn ra khỏi chỗ này trước khi thủy triều đuổi kịp, mà như thế cái ống sẽ bị quăng quật rất nhiều.”

Lập tức Jane và Barney cùng quay nhìn ra biển. Và gần như cùng một lúc cả hai đứa đều há hốc

miệng vì kinh ngạc, kèm theo là một tiếng hức của nỗi kinh hoàng bị bóp nghẹt. Simon đang mãi cúi đầu để vắn hai nửa của cái hộp kính viễn vọng vào với nhau, bèn vội vã ngẩng đầu lên. Những con sóng cuộn rong biển đi giờ chỉ còn cách chỗ chúng đứng chưa đầy hai mét. Nhưng đó vẫn chưa phải là vấn đề. Jane và Barney, đứng sững như trời trồng, đang nhìn ra xa phía ngoài khơi.

Trong một thoáng, một móm đá nhô ra che khuất tầm mắt của Simon. Nhưng rồi nó cũng nhìn thấy hình nét cao cao đường bệ của du thuyền *Phu Nhân Mary*, buồm căng hết cỡ, đang vòng qua đuôi mũi đất tiến về phía chúng. Rồi nó cũng thấy cả dáng người mặc đồ đen cao lớn đang đứng trước mũi tàu, một tay giơ lên, chỉ chỗ.

“Nhanh lên, nào!” Simon tóm lấy Barney và Jane trong khi hai đứa hầy còn đứng ngây người ra vì kinh hoàng, rồi đẩy hai đứa đi lên trước.

Chúng nhảy lên và trượt qua những tảng đá phủ đầy rêu, xa khỏi cái hang và con thuyền buồm đang rượt đuổi. Barney vừa chạy vừa nắm chặt chén Thánh trong tay, hai cánh tay dang ra để giữ thăng bằng, còn Simon thì dứt khoát ôm chặt cái hộp bên trong đựng hai bản viết cổ vào ngực. Nó ngoái nhìn qua vai lại đằng sau và thấy cánh buồm lớn màu trắng trên chiếc du thuyền đang hạ xuống boong, và một chiếc xuồng nhỏ được thả xuống mạn.

Barney trượt và ngã, suýt nữa thì kéo cả hai đứa kia cùng ngã nhào theo. Mặc dù ngã, cái chén Thánh vẫn không rời tay nó, nhưng lại đập vào một tảng đá kèm theo tiếng ngân thánh thót như chuông hết lúc trước. Tiếng ngân át cả tiếng chân bọn trẻ lội bì bõm vội vã.

Nó cố gắng đứng dậy, bặm chặt môi vì nước biển mặn ngấm vào chỗ đầu gối bị xước xót quá, rồi cả ba lại vội chạy. Bây giờ thì chúng phải lội bì bõm qua nước suốt cả quãng đường. Sóng đã lớn hơn, và đánh tràn qua cả những tảng đá theo mỗi nhịp thủy triều dâng. Nước giấu kín những vũng và hố bằng từng mảng rong biển nâu trôi nổi dập dềnh, che lấp những tảng đá trần trụi bằng cuộn nước xoáy chẳng mấy chốc sẽ trở thành một dòng chảy đủ mạnh để cuốn phăng những đôi chân đang cuống cuống đến tuyệt vọng kia.

Barney lại bị trượt và ngã xuống nước đánh oạch.

“Để chị cầm cho.”

“Không!”

Barney loay hoay tìm chỗ đặt chân, trong khi Jane nắm cánh tay còn rồi của nó kéo dậy, và cơn ác mộng điên cuồng vì bị rượt đuổi đẩy chúng chạy nhanh hơn, ngoằn ngoèo những bước nhảy rối loạn cụt đường qua các tảng đá đang bị sóng đánh tới tấp. Simon lại ngoái nhìn. Hai người trên chiếc xuồng nhỏ đang chèo rất nhanh rời chiếc du thuyền hướng về phía chúng. Nó nghe thấy tiếng động cơ du thuyền khởi động.

“Nhanh lên, nào!” nó thở hổn hển. “Mình vẫn còn kịp!” Chúng mau chân hơn, suýt nữa thì ngã, chỉ còn đứng vững được nhờ tốc độ của chính chúng. Vẫn chưa thấy bóng dáng bãi biển xung quanh mũi đất, mà chỉ thấy một bên là biển còn bên kia là vách đá dựng đứng như một bức tường thành. Và trước mắt chúng, đang chìm dần vào thủy triều, là con đường dài tít tắp toàn đá và rêu.

“Đứng lại!” một giọng trầm vang lên đằng sau chúng. “Quay lại! Lũ trẻ ranh ngu ngốc kia, lại đây!”

“Chúng sẽ không bắt kịp bọn mình đâu,” Simon vừa thở vừa nói, tay đỡ Barney khi nó suýt ngã lần thứ ba và dựng phắt nó đứng thẳng dậy. Jane ở bên cạnh cũng đang cố lấy hơi từng bước,

nhưng vẫn vừa chạy vừa vấp một cách cuống cuống tuyệt vọng tương tự. Rồi quanh mũi đất trước mặt lũ trẻ hiện ra một thứ khiến mọi hy vọng của chúng tiêu tan chẳng khác nào đá rơi xuống lòng biển.

Đó là một chiếc xuồng khác, khá dềnh dàng, đang rẽ sóng tiến về phía chúng như một chiếc xà lan. Thằng Bill ngồi cạnh cổ động cơ gắn bên ngoài đang nổ bình bịch ở phía đuôi, còn trước mặt nó gã Withers đang hăm hở nhào về phía trước, mái tóc đen dài của gã bay trong gió. Gã nhìn thấy ba đứa và hét lên đắc thắng, và chúng thấy một nụ cười không mấy dễ chịu nở trên khuôn mặt lầm lì của thằng Bill khi nó hướng mũi xuồng về phía những tảng đá trên đường chạy của bọn trẻ.

Ba đứa khựng lại, kinh hãi.

“Đường nào bây giờ?”

“Bọn chúng sẽ chặn đường mình!”

“Nhưng mình không thể quay lại được. Nhìn xem! Bọn kia sắp cập bờ rồi.”

Thấy móm nước đã ngập nghé sượt quanh chân, bọn trẻ cuống cuống nhìn trước ngó sau. Trước mặt chúng chưa đầy mười thước, chiếc xuồng có gã Withers đứng cười độc ác đang tiến tới chặn đường, còn đằng sau chúng, chiếc xuồng nhỏ kia thì đang bập bênh ngay gần rìa đá. Chúng đã bị sập bẫy một cách gọn gàng.

“Lại đây nào!” cái giọng trầm lại vang lên gọi chúng. “Bọn mi không chạy thoát được đâu. Lại đây!”

Gã Hastings đang đứng trên chiếc thuyền nhỏ, dáng người cao lớn đen sì, một tay vung vẩy chỉ về phía chúng. Với hai chân giăng ra để giữ thăng bằng, người lắc lư theo nhịp trời thụt của chiếc xuồng trên sóng, gã nom như thể đang cười sóng biển vậy.

“Barnabas!” Tiếng gọi trầm hẳn xuống, thành một giọng đều đều thoi miên. “Barnabas, lại đây!”

Jane nắm chặt lấy tay Barney. “Đừng có lại gần!”

“Không sợ đâu.” Barney sợ, nhưng không bị mê hoặc mù mị đến nỗi nghe theo lời gã như lần trước. “Anh Simon, mình làm gì bây giờ?”

Simon nhìn trừng trừng lên vách đá, bắn khoản nghĩ ngợi trong một khoảng khắc hốt hoảng xem liệu chúng có thể leo lên đấy trốn thoát được không. Nhưng mặt đá granite dựng đứng vươn thẳng lên cao, rất cao bên trên đầu chúng, không thể nào trèo lên nổi. Chúng sẽ chẳng thể tìm được một chỗ đặt chân ở đó dù chỉ là để trèo lên cao khỏi tầm với thôi, và chúng sẽ ngã xuống từ đời nào đời nào trước khi trèo lên tới đỉnh.

“Barnabas,” cái giọng đó lại cất lên, nhẹ nhàng nhưng xảo quyết. “Chúng ta biết cái gì ở trong tay cháu. Và cả trong tay cháu nữa, Simon ạ. Đứng rồi, Simon, đặc biệt là cháu.”

Simon và Barney theo bản năng đều khép chặt bàn tay trên bản viết cổ và chén Thánh.

“Chúng không phải của các cháu.” Lại giọng nói đó cất lên, nhưng nghe dữ dằn hơn. “Các cháu không có quyền gì với chúng. Chúng cần quay trở về đúng chỗ của chúng.”

Gã Hastings đang chăm chú dõi theo chúng, đứng sẵn sàng trên xuồng đợi đúng lúc sóng dâng

lên thì nhảy sang chỗ mấy tảng đá. Duy có mấy đám rong biển dập dềnh cứ che lấp gờ đá là còn khiến gã chần chừ. Bên bánh lái, ả Polly Withers đang gắng sức điều khiển chiếc xuồng nhỏ trong sóng biển liên tục dâng cao.

Barney đột nhiên hét to: “Ông không thể có chúng được. Chúng cũng chẳng phải của ông. Tại sao ông lại muốn chúng cơ chứ? Ông làm gì có viện bảo tàng nào, tôi không tin tất cả những gì ông đã nói.”

Gã Hastings bật cười khế. Âm thanh vang vọng nghe thật kì quái và lạnh xương sống, át cả tiếng biển ì ầm.

“Các ông sẽ không bao giờ thắng hoàn toàn đâu,” Simon nói giọng thách thức. “Không bao giờ.”

“Lần này chúng ta sẽ thắng,” một giọng nhẹ hơn vang lên đằng sau. Mấy đứa trẻ quay lại. Đó là gã Withers. Cổ động cơ gắn bên ngoài đã tắt hẳn, và thằng Bill đang dùng mái chèo dò dẫm giữa những tảng đá đưa chiếc xuồng kia tiến lại gần chúng hơn.

Ba đứa đứng xích lại gần nhau, lưng quay về phía vách đá, cố hết sức lúi thật xa, nhưng từ hai phía hai chiếc xuồng ngày càng trườn lại gần chúng hơn. *Phu Nhân Mary* đang chạy chậm chậm dọc theo mũi đất. Chúng loáng thoáng nghe thấy tiếng động cơ chạy rền, mặc dù không thấy ai trên thuyền.

“Giá mà bọn mình có một chiếc thuyền,” Jane nói trong cơn tuyệt vọng.

“Mình không bơi được hay sao?”

“Bơi đi đâu nào?”

“Mình phải làm được *cái gì đó* chứ!” Giọng Barney vống lên cuống quýt.

“Các cháu sẽ chẳng làm được gì đâu.” Cái giọng hờn hợt và nhạo báng của gã Withers vọng qua mấy tảng đá đến tai chúng. Gã đang đứng trên mũi còn xuồng lắc lư, chỉ còn cách chúng chưa đầy năm thước. “Đưa bản viết cổ cho chúng ta. Đưa nó cho chúng ta và chúng ta sẽ đưa các cháu về an toàn. Thủy triều đang dâng lên nhanh lắm. Các cháu phải đưa nó cho chúng ta.”

“Nếu chúng tôi không đưa thì sao?” Simon buống bình hét to.

“Nhìn biển mà xem, Simon. Bây giờ các cháu không thể quay trở lại bằng đường cũ được nữa. Nhìn thủy triều mà xem. Các cháu hết đường rồi. Các cháu không thể thoát ra được trừ phi đến chỗ chúng ta.”

“Gã nói đúng đấy,” Jane thì thầm. “Nhìn kia!” Em đưa tay lên chỉ. Xa xa phía ghềnh đá nước biển đã dâng đến chân vách đá.

“Thuyền của cháu đâu, Simon?” cái giọng giễu cợt lại cất lên.

“Mình sẽ phải đầu hàng mất thôi,” Simon nói, giọng hạ xuống đầy tức tối.

“Cứ từ từ Simon. Chúng tao có thể đợi. *Chúng tao* còn vô khối thời gian.”

Chúng nghe thấy tiếng thằng Bill cười hềnh hếch ở trên xuồng.

“Bọn chúng tóm được mình rồi.”

“Ồi nghĩ đi - *nghĩ đi* - mình không thể đầu hàng bây giờ được.”

“Nghĩ tới Ông Merry ấy.”

“Thật tiếc là ngay từ đầu bọn mình lại đi nghĩ tới ông,” Simon chua chát nói. “Chẳng ích gì đâu, anh sẽ tuyên bố là bọn mình đầu hàng.”

“*Không!*” Barney vội nói, và trước khi mọi người kịp hiểu chuyện gì đang xảy ra thì nó đã chộp lấy cái hộp đựng bản viết cổ từ tay Simon và bì bõm lội qua những tảng đá ướt để ra sát mép nước. Một bên tay nó giơ cao cái hộp, bên kia là chén Thánh, và giận dữ nhìn gã Hastings. “Nếu ông không đưa chúng tôi lên thuyền và để chúng tôi cầm những thứ này về nhà thì tôi sẽ ném chúng xuống biển.”

“Barney!” Jane kêu lên. Nhưng Simon giữ em lại, chăm chú lắng nghe.

Gã Hastings vẫn không động đậy. Gã đứng nhìn cái dáng bé nhỏ giận dữ của Barney với vẻ kiêu ngạo cực kì bình tĩnh, và khi gã lên tiếng thì cái giọng trầm của gã trở nên lạnh lẽo hơn bất kì giọng nói nào chúng đã từng nghe. “Nếu cháu làm thế, Barnabas, ta sẽ để mặc cho cháu và anh chị cháu chết đuối.”

Chúng không hề nghi ngờ chút nào là gã đang nói thật. Nhưng Barney đã bị một nỗi căm phẫn vô bờ xâm chiếm, và nó kiên quyết sẽ không đời nào tin bất cứ điều gì gã Hastings nói nữa. Chỉ cần tin một lần thôi, nó biết mình sẽ lại bị bỏ bùa mê ngay.

“Tôi sẽ ném, tôi sẽ ném đấy! Nếu ông không hứa, tôi sẽ ném!” Barney giơ chén Thánh trong tay phải lên cao hơn và gập tay định ném xuống. Simon và Jane há hốc mồm.

Cả thế gian dường như ngưng lại, tập trung xung quanh gã đàn ông cao lớn bận đồ đen và chú bé nhỏ con: ý chí kẻ nọ đối chọi kẻ kia, mà Barney chỉ thoát được cái nhìn chòng chọc như thôi miên đang chĩa thẳng vào mắt nó nhờ cơn cuồng nộ trong lòng. Thế rồi mặt gã Hastings méo xệch đi, và gã hét lên một tiếng ghèn ghệt. “Withers!”

Kể từ lúc đó, đối với bọn trẻ, cả thế gian dường như đảo lộn, và mọi chuyện xảy ra chẳng còn hiểu là nguyên do gì nữa.

Từ hai phía, Norman Withers và gã Hastings xông vào Barney. Simon hét lên “Barney, *dừng!*” và lao về phía em trai để giữ chặt lấy cánh tay đang giơ lên của nó. Gã Withers, ở gần hơn, nhảy một bước thật lực từ xuống lên mồm đá, làm cái xuống chao đảo như điên và thằng Bill phải hoảng hồn ghì lấy bánh lái. Nhưng khi cái chân nhảy của gã hạ xuống chỗ đáng nhẽ phải là mồm đá thì chúng thấy vẻ độc ác trên mặt gã bỗng biến thành sợ hãi, gã vung tay loạn xạ và chìm ngấm dưới nước.

Gã đã nhảy xuống trúng cái vũng khuất giữa những tảng đá; cái hố mà biển rút đi để lại khoảng nước sâu, và bây giờ thủy triều lên càng khiến cho ngập sâu thêm. Jane co ro dựa vào vách đá, lạnh cả người kinh hoàng khi nhận ra rằng chúng cầm chắc đã lao đầu vào cái hố đó nếu chỉ chạy tiếp khoảng một thước nữa thôi.

Withers đã nổi lên mặt nước, ho sặc sụa và phun phì phì, Barney thì chần chừ, tay vẫn giơ cao chén Thánh trên đầu. Gã Hastings cũng vừa nhảy sang mồm đá mà không bị trượt, giờ đang tiến những bước dài về phía Barney, đôi lông mày rậm thành một đường dữ tợn vắt ngang mặt và cặp môi nhếch lên trong bộ điệu nhe răng mà không cười đến là khủng khiếp. Simon tuyệt vọng nhao tới, bị đường lia của cánh tay dài gạt mạnh sang bên; nhưng trong lúc ngã xuống nó kịp nắm được cẳng chân của gã đàn ông và làm gã đổ huych cả người xuống mặt đá ướt trơn trượt.

Mặc dù cao lớn, gã Hastings vẫn di chuyển hết như một con lươn. Thoáng một cái gã đã đứng dậy được, một bàn tay to tướng nắm lấy cánh tay Simon, và bằng một động vừa tác nhanh vừa hiểm độc, bẻ quặt cánh tay ấy ra sau rồi giật mạnh lên đến nỗi nó phải kêu lên vì đau đớn. À Withers ở trên xuồng cười nhạt. Từ đầu ả ta vẫn chưa động dậy. Jane nghe thấy tiếng cười và cảm thấy ghét cô ả làm sao, nhưng vẫn đứng chết trân trước ánh nhìn độc ác hoay hoáy như quỷ dữ trên khuôn mặt đang nhìn xuống em. Cứ như thể một thứ gì đó kì quái đang ẩn sau cặp mắt của gã Hastings, thứ gì đó không có tính người; làm tràn ngập trong em một cảm giác sợ hãi kinh khủng hơn bất cứ cảm giác gì trước nay em từng có.

“Đặt nó xuống, Barnabas,” gã Hastings vừa nói vừa thở hổn hển. “Đặt bản viết cổ xuống, nếu không tao sẽ bẻ gãy tay anh mày.” Simon ngo quảy trong tay gã và đá đá ra sau, nhưng rồi phải thở hắt ra và buông người mềm nhũn khi cánh tay bị giật cao hơn và cơn đau nhói xuyên qua người như thể nước đang sôi sùng sục trong huyết quản nó vậy. Nhưng Barney, mặt méo đi vì lo sợ, chưa kịp hành động gì thì một tiếng kêu thất thanh đã vang lên từ phía chiếc du thuyền. Một giọng khàn khàn hét lên, hốt hoảng cảnh báo, “*Ông chủ!*”

Đúng lúc đó chúng nghe thấy một tiếng động khác, to hơn tiếng máy nổ đều đều của chiếc du thuyền đang đứng đợi: tiếng ro ro mỗi lúc một to và gần hơn. Đột nhiên ở khúc quanh của mũi đất, chúng nhìn thấy những bọt nước trắng xóa tung lên trước mũi một chiếc thuyền cao tốc đang chạy từ Trewissick đến. Nó lướt nhanh khủng khiếp, vòng qua mé ngoài của chiếc du thuyền, và tiến đến chỗ chúng đang đứng. Và thoáng nhìn qua đám bọt, chúng thấy dáng một người duy nhất mà chúng biết cũng cao như gã Hastings, bên trên là mái tóc bạc phơ bù xù quen thuộc đang bay trong gió.

Jane kêu lên mừng rỡ. “Ông Gumerri đây!”

Gã Hastings gầm gừ rồi đột ngột thả tay Simon ra, tuyệt vọng nhao về phía Barney lúc bấy giờ vẫn đang đứng phân vân bên mép nước. Barney nhìn thấy gã và kịp thời ngả người chui thụp qua dưới bàn tay gã.

Thằng Bill, đang ở trên xuồng, liền lao tới chỗ động cơ và nổ máy rồ lên; rồi nhảy xuống, bị trượt trên đá nhưng vẫn đứng vững được. To mập và đầy đe dọa bên cạnh cái dáng cao lừng lững của gã Hastings, nó đối mặt với chúng, hơi thu mình lấy đà. Như các vũ công trong điệu minuet, cả hai tiến về phía trước, dò dẫm từng bước giữa các tảng đá hiểm trở để tìm chỗ đặt chân, và ba đứa trẻ lùi lại sát vách đá.

Chiếc thuyền cao tốc gầm lên giữa đám bọt tung trắng xóa. Trong giây lát nó đã đến bên mũi đất. Tiếng động cơ chuyển sang nhịp trầm rầm rập và con thuyền chậm rãi tiến vào gần hơn. Sợ hãi nhìn qua vai thằng Bill đang tiến lại gần, Jane thấy Ông Merry đứng hiên ngang, bên cạnh là dáng áo len xanh của ông Penhallow đang khom mình bên bánh lái.

Quên hết thảy vì quá mừng rỡ, em lao về phía gờ đá, làm thằng Bill giật mình đến nỗi vồ hụt và mất thăng bằng xô vào gã Hastings. Gã giận dữ gầm gừ với thằng nhóc và cố vớ tay lần cuối về phía Barney lúc này đang đứng ép sát vào vách đá, nhìn trừng trừng một cách bất lực, hai tay buông thõng xuống rã rời.

Nhưng Simon, cố thu hết sức lực còn lại, chộp lấy chén Thánh và cái hộp kính viễn vọng dài dài từ tay em trai, và, vuột ra khỏi tầm với, vòng tránh gã ra mãi ngoài bờ sóng.

Nó hét lên giục giã, “Ông Gumerri!” Khi ông quay người lại, nó giơ tay lên và lấy hết sức ném cái chén về phía chiếc thuyền cao tốc, rồi lo sợ theo dõi xem liệu nó có bay được qua khoảng trống hay không. Ở chỗ bánh lái, ông Penhallow cố giữ cho con thuyền khỏi tròng trành. Chiếc chén kỳ lạ hình chuông quay tít trong không trung, lóe ánh vàng dưới nắng, Ông Merry bèn thò

một tay ra bên sườn như một cầu thủ bắt bóng cricket và tóm được nó đúng lúc nó đang bay vòng xuống mặt nước.

“Cẩn thận!” Barney hét. Gã Hastings xoay về phía Simon đúng lúc nó thu tay lại dợm ném bản viết cổ theo cái chén Thánh, vừa nhanh như cắt vọt sang bên thoát khỏi tầm với của gã. Nó ném: nhưng cái hộp vừa bay khỏi tay thì gã Withers người ướt sũng đứng dậy trên chiếc xuồng, bất thành lĩnh vung mái chèo lên trong nỗ lực vung về hòng chặn cái hộp lại.

Jane thét lên.

Mái chèo đập vào cái hộp đang bay giữa chừng. Gã Withers kêu lên một tiếng đặc thảng. Nhưng tiếng kêu nghen lại trong họng gã thành nỗi kinh hoàng, khi cái hộp dài kèn càng ấy xoay tròn đập vào mái chèo theo lực ném của Simon và bung ra trong không trung. Hai nửa cái hộp văng ra cách xa con thuyền, lả tả những bản viết cổ quen thuộc mà chúng đã sẫm soi không biết bao nhiêu lần: chúng thấy cái ống nhỏ bằng chì lấy ở trong hang rơi ra ngoài đánh tồm một cái như một hòn đá vào lòng biển; và gần như cùng lúc hai nửa của cái hộp kính viển vông, cùng với mảnh giấy da rách toạt, rơi xuống nước và mất hút. Những mẩu vụn của mảnh giấy da không nổi, mà chìm ngay, cứ như thể chúng đã tan rữa ra. Chẳng còn lại gì nữa trừ chiếc khăn tay của Jane, đang lẻ loi trôi bồng bềnh trên mặt nước.

Và rồi mấy đứa trẻ máu như ngừng chảy, đông cứng lại trong người, khi một âm thanh hoang dại như tiếng hú của một con vật vang vọng khắp mặt biển. Đó là lần hú dài thứ hai mà chúng nghe thấy trong ngày hôm đó, nhưng lần này không giống với lần trước. Gã Hastings ngửa đầu ra sau như một con chó và bật lên tiếng rống rất to vì đau đớn, sợ hãi và giận dữ. Từ chỗ rìa đá, gã nhảy hai bước dài rồi lao ùm xuống làn nước gợn sóng, nơi cái hộp vừa chìm xuống.

Bọn trẻ nhìn chằm chằm ánh nắng đang nhảy múa trên mặt nước vừa khép lại bên trên đầu gã, nhưng ngoài tiếng động cơ đều đều và tiếng biển ỉ ầm thì không còn âm thanh gì nữa cả. Rồi chúng chợt thấy chiếc du thuyền chuyển động và ả Withers được kéo lên boong, để lại cái xuồng bập bênh bên dưới.

Thằng Bill cũng đứng im như bọn trẻ, há hốc mồm nhìn mặt biển lúc này đang chuyển sang màu vàng óng dưới ánh nắng cuối ngày. Rồi gã Withers quát nó, vừa loạng choạng lao đến chỗ động cơ gắn bên ngoài trên chiếc xuồng còn lại, và khi chiếc xuồng bắt đầu phóng đi thì thằng bé nhảy vọt lên boong.

Bọn trẻ vẫn đứng nhìn. Không ai động đây kể cả trên boong chiếc thuyền cao tốc, lúc nó dạt về phía bờ đá theo con nước dềnh lên. Chiếc xuồng kia chạy ra ngoài khơi, kêu vo vo như một con ong đang giận dữ, rồi bên cạnh đó chúng thấy một cái đầu đen nhô lên khỏi mặt nước, và nghe thấy tiếng thở phì phò cố lấy lại hơi. Chiếc xuồng chạy chậm lại, sau đó gã đàn ông và thằng bé kéo tấm thân đen sì cao nghêu kia lên boong. Trong tay gã không có gì cả.

Gã Hastings nằm ở cuối xuồng, ngạt thở và hỗn hển cố lấy lại hơi, nhưng khi chúng nhìn theo thì gã ngẩng đầu lên, mái tóc đen ướt mềm vắt qua trán như tấm mặt nạ. Gã giơ tay ra cho Withers kéo dậy. Mặt méo đi vì giận dữ và căm thù, gã nhìn lại Ông Merry.

Ông Merry đứng trên chiếc thuyền cao tốc, một tay đặt lên kính chắn gió còn tay kia cầm chén Thánh, mặt trời đằng sau ông sáng rực trên mái tóc bạc trắng. Ông vươn người lên cao lớn và thẳng đứng oai phong đến nỗi mà trong một giây phút kỳ lạ, nom ông y như một sinh vật vĩ đại của biển và đá. Và ông nói qua mặt nước, bằng giọng sang sảng dội lại từ vách đá, những câu từ bằng ngôn ngữ gì đó mà bọn trẻ không hiểu nổi, nhưng với một âm điệu khiến cho chúng chợt thấy run rẩy.

Thân hình tối sẫm trên chiếc xuồng kia dường như chùn lại khi nghe thấy những âm thanh đó,

vẻ nạt nộ và đầy quyền uy của gã ngay lập tức biến đi đâu hết. Đột nhiên trông gã thật lồ bịch với bộ đồ đen ướt dính sát người, và có vẻ bé nhỏ hơn hẳn trước đây. Cả ba tên trên xuồng đều co rúm người lại, không động đậy hay nói năng gì cả, trong lúc chiếc xuồng tiến về phía chiếc du thuyền.

Bọn trẻ bây giờ mới cử động lại được. “Trời ạ!” Barney thì thầm. “Ông ấy nói gì vậy?”

“Anh không biết.”

“May là mình không hiểu đấy,” Jane chậm rãi nói.

Chúng nhìn theo bóng ba tên trèo lên chiếc du thuyền, và gần như ngay lập tức tiếng động cơ nổ to hơn và cái thân dài trắng lóa của *Phu Nhân Mary* lướt đi. Chiếc xuồng máy động cơ gắn ngoài bị kéo lê theo sau nom trơ trọi, còn chiếc kia bị bỏ lại, vẫn trôi dập dềnh trống không trên sóng.

Chiếc du thuyền hướng ra phía vịnh, qua cảng Trewissick và xuôi theo đường bờ biển, cho đến khi chỉ còn là một chấm trắng nhỏ trên mặt biển dát nắng vàng. Đến khi bọn trẻ trèo lên trên chiếc thuyền cao tốc và nhìn trở lại, thì nó đã khuất hẳn.

PHẦN KẾT

Tiếng vỗ tay vang vọng suốt mấy dãy cột bóng loáng trong gian trưng bày dài thăm thẳm của viện bảo tàng, và Simon, mặt ửng hồng, lách qua đám đông những học giả và những nhà nghiên cứu lỗi lạc đang mỉm cười trang trọng, để trở về chỗ Jane và Barney. Đám đông bắt đầu đi đi lại lại, và tiếng rì rầm nổi lên xung quanh bọn trẻ.

Một chàng trai mắt sáng rực, tay cầm cuốn sổ bỗng hiện ra bên cạnh bọn trẻ. “Một bài diễn văn rất hay, Simon à, cho phép anh được khen như thế. Còn đây là Jane và Barnabas phải không?”

Simon chớp chớp mắt nhìn anh ta, rồi gật đầu.

“Anh là người của Hiệp hội Báo chí,” chàng trai nhanh miệng giới thiệu. “Anh có thể được biết ông giám đốc viện bảo tàng đã đưa em tấm séc trị giá bao nhiêu không?”

Simon nhìn xuống chiếc phong bì nó đang cầm, run run thò ngón tay xuống dưới nắp phong bì rồi xé ra. Nó lấy tờ séc được gấp gọn ghẽ ở bên trong ra, chăm chú nhìn một lúc rồi chẳng nói chẳng rằng đưa sang cho Jane.

Jane nhìn tấm séc, nuốt nước bọt đánh ực một cái. “Séc viết một trăm bảng.”

“*Trời ơi!*” Barney kêu lên.

“Tuyệt chưa,” chàng trai vui vẻ nói. “Chúc mừng các em. Nào, thế các em định làm gì với số tiền này?”

Cả ba đưa ngơ ngác nhìn chàng trai.

“Em cũng chẳng biết nữa,” cuối cùng thì Simon trả lời.

“Nào, nào,” chàng trai vẫn cố gọi. “Các em phải có ý tưởng nào đó chứ. Thường thì các em vẫn mong ước mua được thứ gì nhất?”

Bọn trẻ nhìn nhau cầu cứu.

“Chàng trai trẻ ơi,” giọng trầm trầm của Ông Merry cất lên từ phía sau họ, “nếu bỗng nhiên anh được cho một trăm bảng thì anh sẽ mua cái gì?”

Mặt chàng phóng viên bỗng ngẩn ra. “Dạ, dạ - à - tôi...”

“Chính thế đấy,” Ông Merry nói. “Anh không biết. Những đứa trẻ này cũng không biết đâu. Thôi chào nhé.”

“Thêm một câu nữa thôi ạ,” chàng trai không chút bối rối vẫn cố níu kéo, tay anh ta tốc ký rất nhanh mấy chữ ngoằn ngoèo vào cuốn sổ. “Chính xác là các em đang làm gì khi các em bỗng nhiên tìm ra nó?”

“Ý anh là chiếc chén Thánh chứ gì,” Barney nói.

“Ờ, đúng vậy, đây là em muốn gọi nó như vậy, phải không?” chàng trai hỏi vẻ coi thường.

Barney giận dữ trừng mắt nhìn anh ta.

“Chúng em chỉ tình cờ đi thám hiểm một cái hang thôi,” Simon vội trả lời. “Và bọn em phát hiện ra nó trên một gò đá.”

“Có tin đồn một vài người khác cũng đã săn lùng nó phải không?”

“Toàn chuyện vớ vẩn,” Ông Merry trả lời giọng dứt khoát. “Thôi nào, chàng trai, anh hãy đi phỏng vấn ông giám đốc viện bảo tàng ấy, ở ngay kia kia. Ông ấy biết hết mọi chuyện đấy. Ba đứa trẻ này đã có quá đủ chuyện phấn khích trong ngày hôm nay rồi.”

Chàng trai há miệng định nói thêm điều gì đó nữa, rồi nhìn Ông Merry và lại ngậm miệng lại. Anh ta toét miệng cười cầu hòa rồi biến mất vào đám đông, còn Ông Merry thì dẫn bọn trẻ đến một góc vắng đằng sau một cây cột.

“Thế đấy,” ông nói, “ngày mai các cháu sẽ thấy hình mình đăng trên tất cả các tờ báo, tạp chí và hàng năm sau các quý ông đầy học thức đăng kia vẫn sẽ viết về các cháu trong những cuốn sách của họ, và các cháu vừa nhận được một trăm bảng từ một trong những viện bảo tàng nổi tiếng nhất trên thế giới. Và ông phải nói rằng các cháu rất xứng đáng với tất cả những phần thưởng đó.”

“Ông Gumerri ời,” Simon nói vẻ nghi ngại. “Cháu biết là chẳng có ích lợi gì khi kể cho mọi người biết câu chuyện thật đằng sau việc tìm được chén Thánh, nhưng ít nhất thì chúng ta cũng nên cảnh báo cho mọi người biết về gã Hastings, thế có phải tốt hơn không? Ý cháu là, gã đã lợi dụng bà Palk và thằng Bill khiến họ trở thành người xấu, và không có ai ngăn cản gã đi khắp nơi và lại làm như thế với tất cả mọi người.”

“Gã đã đi rồi,” Ông Merry nói. Hai người đàn ông đeo kính dày cộp trông như một đôi cú mèo đi ngang qua, kính cản cúi gập người chào ông, và ông lơ đãng gật đầu chào lại.

“Cháu biết, nhưng nhớ gã quay lại thì sao.”

Ông Merry nhìn về phía cuối gian trưng bày dài thăm thẳm, qua biển đầu người nhấp nhô và cái vẻ khép kín quen thuộc lại trở lại trên gương mặt. “Khi gã quay trở lại,” ông nói, “thì gã sẽ không còn là Hastings nữa.”

“Thế hóa ra tên gã không phải là Hastings hả ông?” Simon tò mò hỏi.

“Ông đã gặp gã dưới nhiều cái tên khác nhau,” Ông Merry nói, “ở nhiều thời điểm khác nhau.”

Jane buồn bã đi di một chân trên nền đá cẩm thạch trơn bóng. “Thật là tồi tệ khi một cha xứ lại xấu xa đến thế.”

“Gã chắc đã lừa bịp tất cả các giám mục và những người khác để họ tưởng rằng gã tốt lắm đấy,” Simon tiếp lời. “Giống như gã đã lừa tất cả mọi người ở Trewissick.”

“Không phải thế đâu,” Ông Merry nói.

Simon trở mắt nhìn ông. “Nhưng gã chắc phải... ý cháu là, chắc họ đã được nghe gã giảng đạo vào các Chủ nhật hàng tuần.”

“Chẳng ai được nghe gã giảng đạo vào những ngày Chủ nhật cả. Ông còn nghĩ có khi gã chưa

tùng gặp bất kỳ một giám mục nào trong đời nữa kia.”

Bây giờ thì cả ba đều nhìn ông chăm chăm với vẻ sững sốt kinh ngạc đến nỗi hai bên khóe miệng ông nhếch lên, giật giật như muốn phì cười. “Rất đơn giản thôi. Đó chính là cái mà người ta gọi là sức mạnh của sự ám thị. Ngài Hastings của chúng ta không phải là cha xứ vùng Trewissick, mà cũng chẳng có quan hệ gì với cha xứ. Ông có quen cha xứ thật chút ít, ông ấy cũng cao nhưng hơi gầy và khoảng bảy mươi tuổi rồi... tên ông ấy là Smith.”

“Nhưng gã Hastings sống trong nhà cha xứ mà,” Barney nói.

“Nơi đó đã từng là nhà cha xứ. Bây giờ người ta để cho ai muốn đến thuê cũng được... mấy năm trước, hội đồng giáo xứ đã quyết định rằng ngôi nhà đó quá lớn cho cha Smith ở một mình, giống như một hạt đậu trong cả một quả đậu, nên họ dành cho cha một ngôi nhà nhỏ ở phía bên kia nhà thờ.”

“Và khi cháu đi tìm cha,” Jane chậm rãi nói, cố gắng nhớ lại, “cháu đã không hỏi ai xem cha sống ở đâu, cháu chỉ hỏi một ông cụ sống gần nhà thờ rằng đó có phải là nhà cha xứ không, và ông ta chỉ nói một câu đúng thế... cháu nhớ ông già ấy khá là cau có... Ông Merry ơi, ông biết không, cháu nghĩ là thực ra thì gã Hastings không hề nói với cháu gã là cha xứ, tự cháu nghĩ đương nhiên là như vậy khi nghe gã nói gã thế chỗ cha Hawes-Mellor ở đó. Nhưng chắc gã phải biết là cháu tưởng như vậy chứ.”

“Tất nhiên rồi. Gã sẽ không làm cho cháu tỉnh ngộ chừng nào gã chưa phát hiện ra cháu đang đi tìm cái gì. Gã biết rất rõ cháu là ai.”

“Thật thế ạ?”

“Ngay từ khi gã mở cánh cửa ra vào.”

“Ôi,” Jane khẽ kêu. Em nhớ lại lúc đó và thấy lạnh người. “Ôi trời ơi.”

“Thế là từ đó tất cả chúng ta cứ nghĩ gã là cha xứ,” Simon nói, “và mỗi khi chúng ta nói chuyện với ai về gã, như với ông Penhallow chẳng hạn, là mọi người lại tưởng chúng ta đang nói đến cha xứ thật... nhưng ông Gumerry, ông không biết sao?”

Ông Merry bật cười. “Không. Ông cũng nghĩ như mọi người. Suốt một thời gian, thực ra là cho đến phút cuối cùng, ông vẫn còn ấp ủ trong lòng mối nghi ngờ khủng khiếp là tại sao cha Smith hiền lành, đáng thương lại có thể như vậy.”

Barney bắt ngờ lên tiếng: “Nhưng nếu như trước đây ông đã từng chống lại gã Hastings thì chắc chắn ông không thể nhầm gã với ai khác được chứ?”

“Gã ta thay đổi liên tục,” Ông Merry lơ đãng nói, cố tình quay đi nơi khác. “Chẳng ai biết trông gã sẽ ra sao...”

Có một âm hưởng dứt khoát trong giọng nói của ông ngăn cản mọi câu hỏi thêm nữa; và bọn trẻ biết rõ sẽ luôn là như thế mỗi khi chúng định hỏi thêm về thể lực thù địch bí ẩn trong những ngày chúng ở Trewissick. Đó là một trong những điều về thế giới đầy huyền bí của Ông Merry, và mặc dù chúng đã mắc mứu rất sâu vào thế giới ấy, chúng biết ông sẽ giữ kín mọi bí mật của mình như ông vẫn thường làm.

Simon nhìn xuống tấm séc trong tay. “Chúng cháu đã tìm ra chén Thánh,” nó nói. “Và tất cả mọi người dường như vô cùng phấn khích vì chuyện đó. Nhưng chính bản thân cái chén lại chẳng được tích sự gì, phải không ạ? Người Cornwall ấy đã viết nếu ai tìm được nó và có được

những lời hướng dẫn khác của ông ta, trên một bản viết cổ thứ hai mà chúng tathậm chí chẳng có một tí cơ hội nào để đọc qua, thì người ấy có thể hiểu được những gì viết trên chiếc chén Thánh và hiểu được tất cả mọi bí mật liên quan. Nhưng chúng ta sẽ chẳng bao giờ biết được vì cả hai bản viết cổ đều ở dưới đáy biển rồi.”

Barney rầu rĩ nói, “Thế thì, thật ra là bọn mình đã thất bại.”

Ông Merry không nói gì, và khi bọn trẻ ngược lên nhìn ông trong tiếng rì rầm của đám đông xung quanh, chúng cảm thấy ông sừng sững bên trên chúng, cao lớn và im phăng phắc, chẳng khác nào cái cột đá mà ông đang đứng cạnh.

“Thất bại ư?” ông nói, và mỉm cười. “Ồ không đâu. Các cháu nghĩ thế thật sao? Các cháu không hề thất bại. Cuộc săn lùng chén Thánh là một trận chiến, nó cũng diễn ra khốc liệt như bất kỳ một trận chiến nào khác. Và các cháu đã chiến thắng, cả ba cháu. Thế lực đứng đằng sau người đàn ông tự xưng là Hastings ấy đã gần như giành được chiến thắng, và chiến thắng ấy sẽ có nghĩa là gì, giả sử như bí mật về chén Thánh rơi vào tay chúng, thì chẳng ai dám nghĩ đến. Nhưng nhờ các cháu mà điều bí mật sống còn chúng theo đuổi mãi ấy vẫn được giữ an toàn, có lẽ sẽ suốt cả mấy trăm năm như thời xa xưa vậy. An toàn, chứ không phải là bị tiêu hủy, Simon ạ. Bản viết cổ đầu tiên, tấm bản đồ của các cháu, chắc chắn sẽ tan rữa ngay trong nước biển. Nhưng nó cũng không còn tác dụng gì cho ai nữa, một khi nó đã dẫn các cháu đến với bản viết cổ thứ hai và cái chén Thánh. Điều này có thể làm cho các vị đồng nghiệp của ông càng thêm phấn khích” - ông liếc nhìn quanh gian phòng và khẽ cười - “nhưng không sao. Vấn đề là bản viết cổ thứ hai, dưới đáy biển, đã được khóa chặt trong hộp - chắc chắn sẽ chịu được nước biển vĩnh viễn nếu bằng chì. Vì thế, điều bí mật cuối cùng vẫn được an toàn, và giấu kín. Được giấu kín trong lòng vịnh Trewissick đến nỗi bọn chúng sẽ chẳng bao giờ có thể bắt đầu một cuộc tìm kiếm lâu dài mà chúng ta lại không biết được và ngăn cản chúng. Chúng đã đánh mất cơ hội.”

“Cả chúng ta cũng thế,” Simon cay đắng nói, lại nhìn thấy hình ảnh chưa hề rời khỏi đầu nó từ bấy đến nay. Nó nhớ lại cái hộp kính viền vàng bằng đồng sáng lấp lánh, bên trong giấu cả hai bản viết cổ quý giá, bày ra khỏi bàn tay chơi vơi của nó, và rồi, khi chỉ còn cách tầm tay của Ông Merry một vài thước thì chạm phải mái chèo đang giờ ra, nảy bật lên, vỡ tung, nhận chìm những gì bên trong xuống lòng biển mãi mãi .

“Không, chúng ta chưa mất cơ hội đâu,” Jane bất ngờ cất tiếng. Cô bé cũng đang nhớ lại giây phút đó, và em tưởng như mình không còn đứng trên sàn đá cẩm thạch mát lạnh của viện bảo tàng rộng lớn này nữa, mà đang ở trên Mũi Kemare trong tâm trạng phấn khích và dưới ánh nắng như thiêu như đốt. “Chúng ta biết nó ở đâu. Em đã đứng ngay bên cạnh điểm duy nhất có thể đánh dấu nơi đó - chính là cái vũng nước sâu giữa các tảng đá. Em đứng ngay trên rìa và nhìn thấy cái hộp chì ấy rơi thẳng xuống nước trước mặt em. Vì thế chúng mình vẫn biết phải tìm ở đâu nếu có dịp quay lại.”

Trong thoáng chốc, Ông Merry trông thật sự lo lắng. “Ông không biết việc này. Như vậy thì những kẻ khác cũng sẽ nhận ra được như vậy, và chúng sẽ có thể đến thẳng nơi đó, lặn xuống tìm bản viết cổ rồi mang đi mất trước khi bất kỳ ai khác kịp có thời gian tìm hiểu ra là nó đang ở đó.”

“Không, chúng không thể biết được đâu,” Jane sốt sắng kêu lên, mặt ửng hồng. “Đó là điều hay nhất, ông Gumerry ạ. Ông hiểu không, ban đầu bọn cháu chỉ nhận ra là có vũng nước đó vì bọn cháu đi qua đó đúng lúc thủy triều xuống thấp nhất. Khi chúng cháu quay trở lại bờ biển thì nước đã lại che mất đi rồi. Gã Withers ngã xuống đó nhưng gã không biết gì cả. Thế nên khi nào thủy triều lại xuống thấp như ngày hôm đó thì chúng ta có thể tìm cái vũng và cả bản viết cổ thứ hai. Nhưng bọn địch kia thì không làm như vậy được, vì chúng chẳng hay biết gì về cái vũng đó cả.”

“Mình quay lại chứ?” Simon sốt sắng hỏi. “Ông Gumerly ơ, mình có thể quay lại và nhờ ai đó lặn xuống vớt nó lên được không?”

“Có thể, một ngày nào đó,” Ông Merry nói; và ông chưa kịp nói gì thêm thì một nhóm người từ đám đông đang rì rầm chuyện trò xung quanh họ quay về phía ông: “A, Giáo Sư Lyon đây rồi! Ông có thể bớt chút thời gian và cho phép tôi giới thiệu với ông với Tiến Sĩ Theodore Reisenstatz...”

“Tôi là một môn đệ hết sức trung thành của ông,” người đàn ông nhỏ thó với chòm râu nhọn nói với Ông Merry khi bắt tay ông. “Merriman Lyon là một cái tên rất được kính trọng ở đất nước chúng tôi...”

“Đi thôi,” Simon hạ giọng thì thầm; rồi bọn trẻ lách ra để đứng bên rìa đám đông trong khi những đỉnh đầu hói và những chòm râu bạc vẫn đang huyền thuyên bàn luận đầy vẻ trang nghiêm. Chúng nhìn qua sàn nhà sáng lung linh đến chỗ cái tủ kính nằm đơn độc, nơi chén Thánh đứng như một vì sao vàng rực.

Barney nhìn miên man khoảng trống trước mặt như thể vừa ra khỏi một giấc thôi miên.

“Tĩnh lại đi nào,” Jane vui vẻ nói.

Barney chậm rãi, “Đó là tên thật của ông à?”

“Tên của ai?”

“Ông Merry ấy - người ta gọi ông ấy là Merriman?”

“Ờ, tất nhiên rồi - Merry là tên gọi tắt mà.”

“Em không biết,” Barney nói. “Em vẫn tưởng Merry là biệt hiệu của ông. Merriman Lyon...”

“Tên lạ nhỉ?” Simon nói, không để ý. “Đi thôi, đến xem lại chiếc chén Thánh đi. Anh muốn lại xem họ viết gì về chúng ta.”

Nó đi vòng qua đám đông cùng với Jane; nhưng Barney vẫn đứng chôn chân tại chỗ. “Merriman Lyon,” nó khẽ nói thầm với chính mình. “Merry Lyon... Merlion[22]... Merlin[23]...”

Nó nhìn qua phòng đến chỗ cái đầu bạc của Ông Merry vượt cao hẳn lên trên những người khác; hơi nghiêng nghiêng trong khi ông lắng nghe ai đó nói. Khuôn mặt sam nậu đầy góc cạnh của ông giờ trông lại càng giống một bức điêu khắc rất, rất cổ xưa, với đôi mắt sâu thẳm rợp bóng và đầy bí ẩn bên trên chiếc mũi dữ dằn.

“Không,” Barney nói to rồi lắc đầu. “Không thể như thế được.” Nhưng trước khi đi theo Simon và Jane, nó vẫn ngoái lại nhìn, lòng đầy phân vân. Và Ông Merry, dường như nhận thấy cái nhìn của nó, quay đầu lại và nhìn thẳng vào khuôn mặt nó một lúc, qua cả đám đông; hơi thoáng mỉm cười, rồi lại quay đi.

Trong khắp gian trưng bày rộng lớn, bên trên sàn đá sáng bóng, là những dãy tủ kính giống hệt nhau, hết dãy này đến dãy khác, kéo dài suốt căn phòng nào lộ, nào bình, dao găm, đồng xu, rồi đến những miếng vụn kỳ quái đồng thối, da và gỗ, tất tật bị nhốt cầm lạng bên trong như đám bướm bị ghim ghim chặt lại. Tủ kính bày chén Thánh cao vượt hẳn lên; một hộp kính cao ở nơi trang trọng nhất của gian trưng bày lớn, bên trong không gì khác ngoài chiếc chén sáng bóng, đã được lau rửa sạch sẽ để lộ màu vàng rực rỡ, đặt đỉnh đặc trên một cái bệ đen to nặng.

Một miếng bạc tinh xảo đặt bên dưới với dòng chạm khắc:

“Cốc đựng rượu lễ bằng vàng, tác phẩm của nghệ nhân vô danh xứ Celt, phỏng đoán có từ thế kỷ thứ sáu. Tìm thấy tại Trewissick, phía Nam Cornwall, do Simon, Jane và Barnabas Drew trao tặng.”

Bọn trẻ đi vòng quanh tủ kính, ngắm nghía cái chén. Thành chén uốn lượn và chạm trổ đã được lau rửa hết sức tỉ mỉ; và bây giờ khi vàng ròng sạch mọi bụi bẩn lưu cữu qua hàng bao nhiêu thế kỷ trong hang đá dưới Mũi Kemare, thì từng đường nét chạm trổ hiện ra rõ mồn một.

Chúng thấy những nét chạm trổ ấy được chia thành năm ô, và bốn trong số năm ô đó có chạm hình những người đàn ông đang giao chiến: vung gươm giáo, cúi rạp mình sau những chiếc khiên, không có áo giáp mà chỉ mặc những chiếc áo thụng kỳ lạ dài đến trên đầu gối. Họ đội mũ sắt trên đầu, nhưng những chiếc mũ này, sụp xuống che hết cả đằng sau gáy, chẳng hề giống hình thù gì bọn trẻ từng nhìn thấy. Giữa những hình người đó, xen kẽ như trên một tấm thảm thêu, là những dòng chữ chạm sít vào nhau. Ô cuối cùng, ô thứ năm, lại chỉ toàn chữ, cũng gần nhau sát sạt giống như những dòng chữ màu đen loằng ngoằng trên bản viết cổ. Nhưng bọn trẻ biết rằng không một ai, từ Ông Merry cho đến các chuyên gia của viện bảo tàng, có thể hiểu được.

Chúng nghe thấy ở đằng sau có hai người đàn ông đứng trong đám đông đang nhìn xuống tủ kính và bắt đầu cuộc tranh luận sôi nổi.

“... rất đặc biệt. Tất nhiên tầm quan trọng của những dòng chữ khắc trên kia khó mà có thể ước tính được. Tôi thấy rõ ràng đây là loại chữ Run - lạ thật, trong bối cảnh của đế chế La Mã cổ đại như vậy...”

“Nhưng ông bạn đáng kính của tôi ời,” Giọng nói của người đàn ông thứ hai nghe to và vui vẻ; Barney ngoái nhìn lại phía sau, thấy ông ta có khuôn mặt đỏ hồng hào và nom to lớn lừng lững bên cạnh người bạn đồng hành nhỏ thó mắt đeo kính. “Nhấn mạnh đến sự hiện diện của chữ Run ở đây chắc chắn hàm ý rằng có sự liên quan tới ngôn ngữ Saxon, mà vật này lại có cốt lõi ở chính vùng Celt. Chính xác là La Mã-Celtic, nhưng nếu cân nhắc những chứng cứ của thời vua Arthur thì...”

“Thời vua Arthur ấy à?” người thứ nhất hỏi lại bằng giọng mũi vẻ không tin tưởng lắm. “Tôi cần có bằng chứng rõ ràng hơn những giả định tưởng tượng mà Giáo Sư Lyon đã đưa ra. Tôi cho là Loomis sẽ còn rất nhiều nghi ngờ... nhưng dù sao cũng là một phát hiện khác thường, rất khác thường...”

Họ bỏ đi vào trong đám đông.

“Thế nghĩa là cái quái gì nhỉ?” Jane hỏi.

“Ông ta không tin đó là về vua Arthur sao?” Barney tức tối nhìn theo người đàn ông nhỏ thó. Lúc đó, chúng lại nghe thấy tiếng một nhóm khác đang vừa nói vừa đi ngang qua tủ trưng bày.

“Rõ ràng là tất cả các lý thuyết giờ sẽ phải thay đổi lại; nó đã rọi một luồng ánh sáng mới mẻ lên toàn bộ những tác phẩm về thời vua Arthur.” Giọng nói cũng đầy vẻ nghiêm trang như những giọng nói khác nhưng nghe trẻ trung hơn; và rồi cũng giọng ấy cất tiếng cười khùng khục. “Khổ thân Battersby - bao nhiêu những lời khoác lác của ông ta về những thứ tương tự như thế ở vùng Scandinavia, bây giờ thì ở đây lại phát hiện ra những bằng chứng cổ xưa nhất kể từ thời Nennius về vua Arthur của người Celtic - một vị vua có thật...”

“Anh biết không, tờ *The Times* nhờ tôi viết một bài đấy,” một giọng trầm hơn nói.

“Ồ, thế à, thế anh đã viết chưa? Giật gân đấy, phải không? - ‘một phát hiện làm rung chuyển giới học thuật Anh quốc...’”

“Không phải thế đâu,” giọng trầm hơn đáp. “Đây rõ ràng là đồ thật, và rõ ràng nó cung cấp manh mối về nhân dạng của vua Arthur. Vì thế không thể khen quá lời. Tôi chỉ thấy tiếc về cái ô cuối cùng thôi.”

“Vâng, những dòng chữ khắc đầy bí ẩn. Một dạng mật mã, tôi nghĩ thế. Chắc là vậy rồi. Những ký tự tiếng Anh cổ kỳ lạ này, chữ Run, ông già Battersby khẳng định như vậy, nghe thật là ngớ ngẩn, tôi thì cho rằng đã từng có chìa khóa để giải mã. Nhưng tất nhiên là đã bị mất từ lâu nên chúng ta sẽ chẳng bao giờ biết được...”

Những giọng nói ấy cũng đi xa dần.

“Ờ, nghe thế còn dễ chịu hơn,” Simon nói.

“Tất cả bọn họ đều coi đây là một dạng di vật,” Jane buồn bã nói. “Em nhớ chính ông Gumerly đã nói rằng ý nghĩa thực sự của nó có lẽ sẽ chẳng bao giờ ai được biết trừ phi phe bên kia có được nó, và lúc đó thì đã quá muộn rồi.”

“Bây giờ thì bọn xấu có thể đến mà xem bao nhiêu tùy thích,” Simon nói, “nhưng nó sẽ chẳng nói được cho chúng điều gì nếu như không có bản viết cổ. Anh cho rằng đó chính là chìa khóa để giải mật mã trong cột thứ năm, là điều mà người đàn ông vừa rồi đã nói đến.”

Jane thở dài. “Và nó cũng chẳng nói được với chúng ta điều gì. Vì thế chúng ta sẽ chẳng bao giờ biết được sự thật về vua Arthur, về, về... bản viết cổ gọi tên nhà vua là gì ấy nhỉ?.. về Pendragon.”

“Đúng vậy. Chúng ta chẳng thể biết được chính xác nhà vua là người như thế nào hay chuyện gì đã xảy ra với ngài.”

“Chúng ta sẽ chẳng thể biết được bí mật của nhà vua là gì, điều ông Gumerly vẫn nói đến còn bọn kẻ xấu kia thì khao khát tìm ra bằng được ấy.”

“Chúng ta sẽ chẳng biết được những điều kỳ quặc khác đã được ghi trên bản viết cổ - rằng đến một ngày nào đó Pendragon sẽ quay trở lại.”

Barney, từ nãy vẫn lắng nghe hai đứa, giờ lại nhìn vào những dòng chữ bí ẩn khắc trên bề mặt sáng bóng của chiếc chén Thánh. Rồi nó ngẩng đầu lên nhìn qua căn phòng về phía cái dáng cao lớn của Ông Merry, ngắm mái đầu bạc, vào bộ mặt nghiêm nghị đầy bí ẩn của ông.

“Em nghĩ là chúng ta sẽ biết được,” nó nói chậm rãi, “một ngày nào đó.”

HẾT

[1] Một dặm Anh bằng 1.609 km (đường bộ).

[2] Merry trong tiếng Anh nghĩa là “vui vẻ”.

[3] Cây nữ lang là một loại cây nhỏ, có hoa màu hồng hoặc trắng.

[4] Một loại tàu chiến nhỏ và chạy rất nhanh.

[5] Bàn đặc biệt để cái chậu và cái gáo, đặt trong phòng ngủ, để rửa ráy; nhất là xưa kia, trong những nhà không có nước máy ở phòng tắm hoặc phòng ngủ.

[6] Yard là đơn vị đo độ dài của Anh. 1 yard = 0.914m.

[7] Inch là đơn vị đo độ dài của Anh. 1 inch = 2.54cm.

[8] Một loại bánh tẩm rượu và nước đường.

[9] Áo bằng vải trắng một lớp dầu để chống thấm nước.

[10] Ý nói cuốn sách được trình bày bằng chữ Gô tích, một kiểu chữ cổ của châu Âu.

[11] Tiếng Anh sơ kỳ tồn tại từ thế kỷ 12 đến cuối thế kỷ 13.

[12] Chén Thánh theo truyền thuyết là chén của Đức Chúa Jesus dùng trong tiệc Biệt ly.

[13] Tên đầy đủ của vua Arthur là: Arthur Uther Pendragon.

[14] Trong nguyên bản là từ “map” (bản đồ) và “gap” (lỗ hổng). Tác giả chơi chữ bằng hai từ phát âm gần giống nhau.

[15] Một bệ đá rất cao, trên đặt tượng đô đốc Nelson, tọa lạc tại quảng trường Trafalgar ở trung tâm London.

[16] Người Anh thường bắt chéo hai ngón tay để cầu nguyện cho điều gì đó xảy ra như họ mong muốn.

[17] Loại cây bụi có hoa hình giống như chiếc chuông nhỏ, thường có màu đỏ, trắng hoặc hồng.

[18] Hai danh họa lớn người Ý thời kỳ Phục Hưng.

[19] Một farthing bằng 1/4 penny (tiền xu của Anh).

[20] Điệu múa vui nhộn dân gian của Anh, trong đó các vũ công ăn mặc quần áo của các nhân vật trong truyền thuyết về Robin Hood.

[21] Tác giả chơi chữ, dùng từ “master” vừa có nghĩa là “thầy giáo” (câu của Barney) vừa có nghĩa là “ông chủ” (câu của Hastings).

[22] Merlion theo truyền thuyết là con vật đầu sư tử, đuôi cá.

[23] Merlin là một trong những nhân vật li kỳ nhất của văn học xứ Wales và truyền thuyết về vua Arthur: một người đàn ông bí ẩn và có phép thuật kỳ diệu. Tương truyền ông là phù thủy trong truyền thuyết, cũng là cố vấn của vua Arthur. Có rất nhiều mâu thuẫn và tranh cãi xung quanh cuộc đời nhân vật này.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>
Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :
Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>
Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>